

NGÔ VĂN PHÚ

Truyện  
**DANH NHÂN  
VIỆT NAM**

TRUYỀN LỊCH SỬ

Thời Trần-Lê

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

NGÔ VĂN PHÚ

Truyện  
**DANH NHÂN  
VIỆT NAM**

TRUYỀN LỊCH SỬ

Thời Trần - Lê

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

NGÔ VĂN PHÚ

TRUYÊN  
Danh nhân  
Việt Nam

---

\* Thời Trần - Lê

(Truyện lịch sử)

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

# THỜI Điền

# Đêm giáng sinh của những con chữ

Nguyễn Thuyên ngồi trước một bản mẫu chữ ông tự viết để chọn lấy đủ hai mươi tám chữ trong một bài thơ Nôm. Những con chữ lần lượt hiện ra. Ông viết:

## Xuân

*Hoa nở, lộc hừng. Xuân lại xuân,  
Cỏ cây mơn mớn đón đông quân.  
Bướm ong bay rộn. Trời đang ấm  
Mừng mảnh trăng Xuân, sáng bội phần...*

Ông chọn chữ Nho và viết. Trong hai mươi tám chữ thì những chữ hoa, lộc, xuân, đông quân, bội phần, cứ dùng nguyên chữ Hán là được. Còn hai mươi một chữ kia, ông phải tự xoay xoả lấy, mượn chữ Hán để đặt thành chữ Nam. Chữ lại chữ đang thì từ Hán có âm ấy, tội gì không dùng. Lại (支), đương (當). Ông viết. Đương đọc là đang. Ông reo lên. Chữ *ấm* từ Hán cũng có! Chẳng khó khăn gì! Nhưng còn từ *cỏ* thì sao?

Cỏ là nghĩa của chữ *thảo*. Lấy *thảo* để đọc *cỏ* không được. Phải có một chữ gợi âm... *Cỏ*... *Cỏ*. Nguyễn Thuyên à lên... *Cỏ* là chữ *thảo* bên chữ *cổ*. Ông lần ra dần. Ông viết chữ *cỏ thảo* bên *cổ* (草古). Còn chữ *cây*?

- À, phải rồi. *Mộc* bên từ *cai*. *Mộc* là ý *cai* là âm.

Nguyễn Thuyên viết: *Cây* (木移)

Ông lại tự hỏi mình. Còn trăng thì thế nào đây?

- Đây rồi. *Nguyệt bên lãng là trăng!* ( 朧 )

Cuối cùng, ông đã viết đủ được cả hai mươi tám chữ của bài thơ. Chưa bao giờ ông vui thế. Ông gọi người hầu đem giấy tốt, mực Tàu, ghi lại bài thơ và cẩn thận để riêng vào trong tráp. Đêm ấy, ông ngủ được một giấc thật ngon lành.

Nguyễn Thuyên bị ám ảnh mãi về việc tạo sao cho được một thứ chữ riêng cho nước mình mà không phải mượn dùng đến chữ Hán. Ông say mê tìm tòi thêm lấp ghép nhiều chữ khác. Mỗi ngày ông đặt cho mình lấp được những từ thường dùng đến những cỏ cây, muông thú. Từ trang nhả trong cung cấm đến những lời ăn tiếng nói của dân chúng trong tổ ấm, trong quán rượu. Vị học sĩ ra ngoài nhiều, làm việc đầy hào hứng. Đêm đến, ông lại lấp từ ghép chữ, rồi cẩn thận chép vào một cuốn sách riêng, mà ông tự đề là "*Quốc âm văn tự*". Mấy bữa sau ông lại tự bóc cái tờ bìa ấy và bảo: Sao ta không lấy chữ ta mà lại phải mượn chữ Hán để đề tên sách. Ông nghĩ ra được một từ *chữ*... Chữ gồm hai chữ *tự* ( 字 ). Hay lắm! Vậy là tên sách sẽ là chữ Nam. Ông viết: *Chữ Nam* ( 字南 ) Ông khoái lắm. Chọn trong thư pháp, lối viết cứng cỏi vừa chân vừa đá thảo, ông dùng bút lớn ghi. Ông lại đề thêm dòng lạc khoản ở bên: *Thái học sinh Nguyễn Thuyên soạn...*

Một bận, ông thấy gió nồm lên. Ông làm bài thơ tức cảnh:

### Gió nồm

*Ra tết hây hây gặp gió nồm*

*Cỏ loang mặt đất. Lúa xanh om.*

*Người hoà tươi tốt. Cảnh hoà lạ,*

*Biếc một ngàn xa. Biếc núi non.*

Ông gọi gia đồng, gửi thiệp mời đến vài ba vị học sĩ nữa đến uống rượu. Trong cuộc rượu, ông khoe với bạn:

- Các bác ạ, Nguyễn Thuyên này muốn đúc lại chữ thiên hạ đấy.

Trần Ngự sử nói:

- Sao, bác nói gì vậy? Có phải bác định làm một loại thơ chỉ mình mình hiểu thôi không. Thơ thì phải thế chứ. Nhất tợ thiên kim mà!

Nguyễn Thuyên chỉ mỉm mỉm cười. Phạm đại phu nói:

- Tôi thấy Nguyễn tiên sinh dạo này ít làm thơ chữ Hán mà chỉ hay làm thơ tiếng nước mình. Tôi có đọc tập *Phi sa giản kim* của bác Nguyễn. Nhiều bài thú vị lắm.

Trần Ngự sử trách:

- Vậy mà bác coi đẽ không bằng Phạm đại phu rồi!

Nguyễn Thuyên nói:

- Đâu phải thế. Bởi Trần Ngự sử vốn nghiêm khắc. Ở cung đình có thể khuyên Vua, đàn hạch các quan. Trên chiếu thư bình câu nào, bẻ câu nào, không ai cãi nổi, bởi vậy Thuyên này, được bài nào thật ưng mới dám đọc cho quan bác nghe. Để tạ lỗi với bác, đẽ xin đọc bài *Gió nồm*!

Nguyễn cao giọng ngâm bài thơ vừa viết cho họ Phạm và họ Trần nghe. Nghe xong, Trần Ngự sử nói:

- Bài "*Gió nồm*" của bác thanh thoát, ấm cúng. Lời mộc mà không thô. Ý giản mà thâm hậu. Nhưng chữ nghĩa có khó hiểu gì đâu mà bác Nguyễn gọi là đúc chữ nhỉ?

Nguyễn nói:

- Tôi đúc chữ cho nước nhà, chứ có phải cho thơ đâu.

Nói đoạn liền đem ý đồ tạo chữ Nôm cho họ Trần và họ Phạm nghe. Họ Phạm hỏi:

- Đúc chữ cho nước nhà! Việc lớn thật! Nhưng liệu triều đình có tán thưởng không?

Nguyễn nói:

- Đường còn dài lắm! Làm sao đẽ dám mạo muội. Phải chuẩn bị cho thật kỹ đã, từ đó mới làm tờ tấu lên Hoàng thượng được.

Phạm đại phu nói:

- Tôi nghe văn tự phải có qui củ, phải làm cho mọi tiếng nước ta thành chữ cả. Vậy Nguyễn huynh đã tìm ra lề luật gì chưa?

Nguyễn Thuyên cầm cuốn sách "*Chữ Nam*" lên và nói:

- Tất cả mọi tìm tòi của đệ đều nằm trong tập sách nhỏ này.

Rồi ông trình bày: Tiếng Nôm gồm các lệ luật như sau:

- Những tiếng Nôm giống như tiếng Hán thì dùng tiếng Hán. Chẳng hạn: Dân ( 民 ), phương Nam ( 方南 ) phương Bắc ( 方北 ).

Trần Ngự sử gật gù:

- Thông minh lắm. Phương Nam, phương Bắc. Đó chỉ là cách đảo của chữ Hán Nam phương, Bắc phương đó. Hay lắm! Quả là tiếng Nam khác tiếng Bắc. Đảo lại là tiếng của ta, chữ của ta. Dùng nguyên, là từ Hán, lối nói kiểu Hán. Trời ơi, tôi là người chỉ nghe truyền lại mà đã xúc cảm nhường này rồi huống chi người nghĩ ra điều ấy!

Lời khen của Trần Ngự sử khiến Nguyễn Thuyên rơm rớm nước mắt. Ông trình bày tiếp:

- Những chữ Hán gần với âm Việt, do nghĩa không xa nên dùng đọc theo âm Việt. Có thể đọc là côi trong con côi, con cút. Cục đọc là cuộc. Trong đó chữ Kỷ cũng có thể đọc luôn là ghé!

Phạm đại phu nói:

- Thì cũng phải như thế.

- Những chữ Hán đồng âm với tiếng Việt thì dùng luôn để đọc thành tiếng Việt. Những tiếng na ná tiếng Việt cũng được dùng như loại này.

Trần Ngự sử:

- Xin cho ví dụ!



- Như chữ một là mất, đọc tiếng ta một là một, số đếm! Chữ lang, từ Hán nghĩa là chàng, nhưng dùng trong ta là lang trong lang thang hoặc sang trong sang đồ, sang ngang đều phải tận dụng.

Phạm đại phu nói:

- Như vậy là phải dựa vào nghĩa câu, một từ Hán có thể đọc thành hai âm khác nhau sang từ Việt.

- Đúng thế.

Phạm đại phu bần khoãn:

- Như thế hơi khó đối với người ít chữ và những người vụng đoán.

Trần Ngự sử nói:

- Thế mới gọi là mò mẫm ban đầu. Tôi vốn khe khắt nhưng chấp nhận cho huynh. Xin nghe tiếp!

- Loại thứ tư này mới khó. Đó là những tiếng không ở gốc chữ Hán mà cũng chẳng đồng âm với chữ Hán nào ví dụ như chữ nói, chữ trời, chữ đến! Loại này phải dựa vào kết cấu nửa nghĩa nửa âm.

Phạm đại phu giục:

- Huynh nói luôn các chữ vừa dẫn xem.

Trần Ngự sử đã nghĩ ra, đỡ lời hộ Nguyễn Thuyên. Ông cầm ngay bút, đúng mực, viết ngay trên trang giấy trắng. Chữ đến gồm chữ Chí (nghĩa là đến) còn âm là chữ điển. Đến: ( 至典 ). Chữ nói thì một phần là khẩu (miệng) còn âm kia là nội. Nói ( 口内 ).

Ông vừa viết vừa đọc. Nhưng đến chữ trời thì ông ngừng tay hỏi Nguyễn Thuyên:

- Chữ trời ra làm sao. Một bên là chữ Thiên nghĩa là Trời. Còn một bên là chữ gì nữa!

Nguyễn Thuyên gợi:

- Thì bác tự nghĩ đi. Chữ nghĩa như bác thiếu gì!

Trần Ngự sử báo:

- Theo nguyên tắc trên thì chữ Thiên bên chữ lời đọc là trời cũng được chứ gì. Thiên là nghĩa còn lời là âm!

Phạm đại phu nói:

- Không được, riêng chữ này không được!

Trần Ngự sử cãi:

- Thì nó vẫn đúng như nguyên tắc đề ra đấy chứ, một bên nghĩa, một bên âm!

- Không được ông ơi! Trời phải là hơn thiên lời chứ. Ông ghép chữ thiên với chữ lời để đọc trời thì trời kiện cho ông đấy!

Cả Nguyễn Thuyên và Trần Ngự sử đã nghĩ ra, liền phá lên cười. Trần Ngự sử bị vặn mắt cả hăm hở, liền rút bút xuống, tựa lưng vào gối, nói với Nguyễn Thuyên:

- Bác Phạm vặn có lý lắm. Chữ Trời đành phải cạy đến Nguyễn huynh thôi!

- Tôi nghĩ ra rồi. Để khỏi lời thôi chữ Trời ta dùng nghĩa cả hai Thiên thượng thì là Trời chứ còn gì nữa.

Trần Ngự sử lại vùng dậy nói:

- Hay lắm Thiên thượng là Trời. Nhưng viết ngang nhau không đẹp, phải cho chữ Thiên cưỡi lên chữ thượng như thế là Trời còn quái gì nữa.

Cả ba đều cười vang trong thư phòng!

Cả tối hôm ấy, ba ông thi nhau để ra những con chữ. Ông Trần tìm được trên ba trăm, ông Phạm được hơn hai trăm. Ông Nguyễn bối tìm trước đã được ngót một nghìn chữ nay chỉ tìm được hai trăm hai mươi chữ. Riêng các chữ của ông Phạm và ông Trần, nhiều chữ tìm ra, ông Nguyễn đã tìm trước rồi, chỉ còn lại một phần ba, một phần tư là chữ mới!

Gần đến nửa đêm, ông Phạm nói với ông Trần:

- Thôi, chúng ta biếu bác Nguyễn những từ kiếm được bữa nay để cho vào cuốn tiếng Nam của Nguyễn.

Nguyễn Thuyên nói:

- Tôi cứ xin ghi rõ phần những con chữ này được sinh ra từ hai ông thân sinh là họ Phạm và họ Trần!

Phạm cãi:

- Nhưng bác mới là bố đẻ chính cống. Chúng tôi chỉ là bố nuôi thôi.

Nguyễn kẹp mấy tờ giấy vào cuốn "*Chữ Nam*". Chợt Trần Ngự sử bảo:

- Này, huynh ạ, đệ mới nảy ra một ý. *Chữ Nam*. Nam vẫn là tiếng Hán. Sao ta không phiên luôn ra một thứ tiếng. Ông bà ta gọi gió đông nam là gió nồm, thì chữ Nam có thể gọi là chữ Nôm hoặc chữ Nôm được chứ!

Phạm đại phu nói:

- Ủ phải đấy. Và lại Nam thì có bao nhiêu nước ở phương Nam. Nhưng nếu gọi là chữ Nôm mới thật là tiếng gốc của nước mình đấy.

Nguyễn Thuyên nghĩ ra ngay:

- Vậy tên cuốn sách này phải đọc là Chữ Nôm chứ không phải là *Chữ Nam*. Mà Nôm thì khó gì, thêm một chữ *khẩu* bên chữ *nam* thôi mà!

Rồi tiện mực còn sánh. Ông cầm bút đại tự viết luôn một chữ *khẩu* bên cạnh.

\*

Khi được ban truyền ra, rất nhiều người tán thưởng. Người ta thi nhau làm thơ bằng chữ Nôm. Người ta chép tập *Phi sa giản kim* của Nguyễn Thuyên và truyền nhau đọc những bài thơ Nôm ở trang

ấy. Một bữa, Nguyễn Thuyên nhận được một tấm thiệp giờ ra thấy bốn câu thơ:

### **Gửi người đẽ ra chữ Nôm**

*Lời hay ý đẹp tí cao sang!*

*Bới cát xem ra đã rõ vàng!*

*Thơ đã Nôm rồi. Tên lại chữ!*

*Giản kim sao chẳng nói tìm vàng!*

Học trò lớp sau họ Nguyễn kính đề!

Nguyễn Thuyên cầm tờ thiệp giật mình. Ông vội chừa tên tập thơ là *Bới cát tìm vàng*. Song ông vẫn ghi phụ từ Hán ở dưới là *Phi sa giản kim...*

\*

Vùng Ngã Ba Hạc thời đó, rất nhiều cá sấu! Bữa ấy Trần Nhân Tông đi thị sát miền Tam Đái, có triệu Hình bộ thượng thư Nguyễn Thuyên tới.

Vua đi khắp ba cửa sông lớn, lại đi cả vào những khe lạch dẫn vào những bãi lầy bị phù sa bồi chựa hết. Vua đang coi kỹ các chỗ có thể phục quân thủy, nếu như giặc Nguyên lại một lần nữa mò sang thì có chỗ giấu quân.

Chợt có tiếng kêu thét lên:

- Cá sấu! Cá sấu!

Quả nhiên, trước mặt một đám cá sấu có tới năm sáu con thấy thuyền Ngự vừa ra động sóng, chúng từ bờ đất hong nắng cũng tuồn xuống nước. Và chúng lừ đừ bơi theo thuyền Vua. Bữa ấy, đi coi quân tập trận nên Trần Nhân Tông không đi thuyền lâu mà lại đáp thuyền chiến hạng nhẹ. Đàn cá sấu vẫn đuổi theo. Viên đô úy có vẻ hoảng hốt. Song Đức vua vẻ mặt vẫn thản nhiên. Quan Hình bộ thượng thư cũng bình tĩnh không tỏ chút lo ngại. Trần Nhân Tông nói:

- Ta nghe xưa Hàn Dũ bên Tàu thấy cá sấu, làm văn vút xuống nước cá liền chạy. Bây giờ ông thử làm xem cá sấu Ngã Ba Hạc có chạy hay không?

Ông vâng lệnh soạn văn ngay. Một lúc trình lên Ngài ngự.

### Văn tế cá sấu

*Đất có thổ công, Sông có Hà Bá*

*Thuyền Vua đi qua, Gặp bầy cá lạ*

*Hắn chẳng phải Thủy Tinh đòi vợ Sơn Tinh*

*Đâu phải đám Thạch Bàn định giăng bẫy đá!*

*Đất nào cũng đất Đít vua*

*Giang sơn thuộc về mình chủ...*

*Vùng vẫy giữa dòng phải chẳng mừng gặp long nhan,*

*Ngang dọc xếp hàng hẳn đến vái chào chân chúa.*

*Ngạc ngư! Ngạc ngư!*

*Là loài có nghĩa!*

*Lạy rồi sao chẳng tháo lui*

*Đít vua đang bận việc quân*

*Sao dại ngăn đường tuần thú.*

*Lui ngay!*

*Khâm Thủ!*

Nguyễn Thuyên đọc to giữa dòng rồi cầm nắm hương to, hoa lên, lửa cháy bùng, đốt bài văn tế, vút cả hương và tờ giấy cháy xuống nước... Đám cá sấu thấy cảnh lạ liền quây mạnh rồi ngoan ngoãn xuôi trở về ngã ba không ngược theo thuyền Ngự nữa.

Cá sấu đã đi xa. Trần Nhân Tông cười hỏi:

- Sao ông không làm văn bằng chữ Hán mà lại làm bằng văn Nôm.

Phạm đại phu ngồi bên, thấy Vua vui liền tâu:

- Cá nước mình, thì phải dùng tiếng nước mình đuổi cá thì cá mới chạy. Và lại, văn cá sấu của Hàn Dũ vốn bằng chữ Hán, vì Dũ là người triều Đường. Còn Nguyễn Thuyên đặt ra được chữ Nôm, dùng chữ Nôm là phải lắm!

Vua ban thưởng cho Nguyễn Thuyên và tiếp tục ra lệnh cho thuyền Ngự tiến về phía trước.

1997

## Vị tướng đất mai vàng

Trang Hoàng Mai, vốn là thái ấp của Bào Nghĩa Vương Trần Bình Trọng. Trần Khát Chân là dòng dõi của Bào Nghĩa Vương, thừa kế, lập trang ấp ngày càng hưng thịnh. Dân làng no đủ, lại có nghề nấu rượu. Khát Chân dẫu dòng dõi công thần, nhưng mê say đạo Phật, thường giao du với các vị hoà thượng ở các chùa lớn bàn kinh, giảng đạo. Vốn dòng dõi tướng, Trần Khát Chân vẫn không quên thao lược, nghĩ rằng, nếu giỏi thì những lúc triều đình cần quân các vương hầu, mình cũng không phải xấu hổ với các nơi khác. Khát Chân cũng là người học rộng: binh thư, phép dụng binh đều xem hết... Những năm gần đây, kinh thành luôn biến động, khi Dương Nhật Lễ tiến ngôi mất kinh thành, Thượng hoàng Nghệ Tôn phải chạy ra tận Hưng Hoá. Sau đó trong úng, ngoài đánh mới lấy lại ngôi báu. Duệ Tông chết trận, rồi Phế Đế uơ hèn, triều đình thân ngoại tộc là Lê Quý Ly, quân Chế Bồng Nga ngày lại càng kiệt hiệt. Chúng đem cả quân thủy bộ vào sát tận kinh thành thăm dò sức quân ta. Khát Chân chọn tướng luyện quân, chờ triều đình gọi đến. Năm Canh Thân, Chế Bồng Nga cất đại quân thủy bộ từ Chiêm Thành tiến đánh Đại Việt, luồn vào sát kinh thành rồi lại rút quân về. Triều đình phải đem kho tiền lên tận Lạng Sơn cất giấu.

Chế Bồng Nga vẫn cho là Đại Việt còn nhiều châu báu, của quý, mà triều chính thì liễn trong mấy năm vừa qua thay đến mấy Vua, nhân thế mà càng có ý chiếm đánh Đại Việt.

Năm Kỷ Ty, Quang Thái thứ hai, khoảng tháng 10, quân Chiêm Thành đem quân vào cướp phá Thanh Hoá. Triều đình sai Lê

Quý Ly đem quân chống giữ. Giặc cho chặn nước trữ lại ở thượng lưu. Quý Ly thì cho quân đóng cọc ngăn thuyền giặc vào sâu... Giặc đến đánh mấy lần đều không được. Quý Ly càng tin ở kế phòng thủ. Lần cuối giặc giả đánh rồi giả cách lui rút chạy. Quý Ly cho nhổ cọc, gióng quân thủy đuổi theo. Chế Bồng Nga phá đập chắn nước, thủy bộ kết hợp, tung voi vào trận. Quân Việt ngược dòng không tiến được, một bộ phận đuổi theo thuyền giặc thì bị giặc từ các sông nhánh chia cắt ra mà đánh... Quý Ly thua to, chỉ huy quân Thánh Dực là Nguyễn Chí bị giặc bắt sống, bảy mươi tướng đều chết trận... Thế trận tan nát...

Quân Chiêm ăn mừng thắng trận rồi nhổ trại tiến về Thăng Long.

Lê Quý Ly vào xin Thượng hoàng (Nghệ Tông) đi đánh giặc, không được. Triều đình chưa biết chọn ai làm tướng. Có người tiến cử Nguyễn Đa Phương. Thượng hoàng nói:

- Người ấy là phó tướng vừa thất bại ở Thanh Hoá cùng Lê Quý Ly, nay giao cho cầm quân không có lợi.

Thượng hoàng nói với quan Hoàng môn thị lang:

- Gọi các vương hầu xung quanh thành Thăng Long cho ta!

Quan Hoàng môn tuân lệnh. Nhận được chiếu chỉ vào châu Thượng hoàng, Trần Khát Chân đến chơi với hoà thượng Trí Hoà, trụ trì ở chùa Bạch Mai! Sư thấy Khát Chân đến, đùa và nói:

- Hoàng phái tìm Bạch phái có điều chi vậy?

Trần Khát Chân cũng đùa lại:

- Đã gọi là Mai thì Bạch lại đẹp hơn Hoàng. Mà, mô Phật, giá như nhà sư mà ăn thịt chó thì rõ là nhất Bạch nhị Hoàng rồi!

- A di đà Phật! Sớm mai đã lộng ngôn rồi! Chẳng hay Khát Chân đến tìm ta là hỏi về Tâm thế nào đây.

Khát Chân cũng chẳng phải vừa, liền cười nói:

- Hoá ra nhà sư vẫn không quên được chuyện thế sự!



Trí Hoà cầm tay Khát Chân nói:

- Nước thịnh thì chùa đẹp, tượng được tô, sư được tĩnh tâm mà say đạo. Nước mất, sinh linh lầm than, dù có đi tu cũng phải ghé vai lo cùng vận nước chứ.

Khát Chân nói:

- Giặc Chế Bồng Nga mang quân từ Chiêm Thành sang. Lê Quý Ly đã nướng mất mấy đạo quân và bảy mươi viên tướng. Thượng hoàng Nghệ Tông hợp vương hầu, tôi muốn xin cầm quân liều chết với giặc, đạo hữu xem thế nào!

Trí Hoà nhìn bạn rồi nói:

- Ông tai Phật, nhưng mặt tướng, trốn làm sao được trọng trách. Nên xin triều đình mà cầm quân đi. Ta xem tướng ông lúc này, ứng với mấy câu thơ đây:

*Hảo tai, mỹ ngọc tàng ngoan thạch*

*Chân mỹ, liên hoa xuất thủy thì*

*Tâm thành phù thế chân thường kiến*

*Vạn pháp tung hoành chính biến tri*

*(Đẹp thay đá giấu ngọc lành*

*Bông sen lương ngát nở duệnh nước trong*

*Tâm thành việc lớn ắt xong*

*Trong cơn biến ắt thoát lòng dục ngang).*

Hôm sau, Trần Khát Chân lên chầu Thượng hoàng ở điện Tập Hiền. Thượng hoàng lo lắng sau khi nói rõ thế giặc đang tiến như vũ bão về kinh thành, liền hỏi:

- Quốc gia lâm nguy, lúc này triều đình mong có những vương hầu như cha ông kiệt kiệt thuở Hưng Đạo Vương, Chiêu Minh Vương, Chiêu Văn Vương... Cha ông lừng lẫy thế, con cháu chẳng lẽ để giặc Chiêm năm nào cũng vào kinh thành, làm điều bạo thiên nghịch địa thế này ư?

Thượng hoàng hỏi mấy lần không một ai đáp ứng. Điện Tập Hiền im phăng phắc, nghe rõ cả tiếng chim khuyen gọi nhau bát sấu trên những lùm hoa mẫu đơn trong vườn viện.

Trần Khát Chân trông thấy dáng Thượng hoàng ủ dột, gầy sút, thương quá, liền xuất ban, quỳ xuống tâu rằng:

- Giặc đã đến cửa ngõ kinh thành, đời đời thần được hưởng lộc triều đình, lẽ nào không đánh giặc. Hiếm vì chức nhỏ, đầu dám kham chuyện lớn. Nay các vị Vương tước, Thượng tướng quân không ai nhận cầm quân ngăn giặc thì Khát Chân xin Thượng hoàng giao quân cho thần, dầu gan nát, óc lầy, thầy bọc trong da ngựa cũng chẳng ngần ngại.

Thượng hoàng hỏi:

- Ai nói đấy, có phải đó tướng Trần Khát Chân không?

- Tâu Thượng hoàng, thần đây!

Thượng hoàng rời ngai vàng rồi chỉ vào ghế trên cùng mời ngồi:

- Khát Chân lên đây!

Khát Chân quỳ lạy tạ ơn rồi lên ngồi trên ghế. Các vương hầu khác người thẹn thùng cúi mặt xuống, lắng nghe Khát Chân định bày phương lược thế nào. Khát Chân nói:

- Thế giặc đang mạnh. Trước hết lo thủy chiến, bởi quân Chiêm dựa vào chiến thuyền là chính. Đánh nhau dưới sông thắng quân thủy, tất quân bộ cũng phải tìm đường tháo chạy. Do đó xin Thượng hoàng dốc hết quân thủy giao cho thần!

- Ai có thể làm phó tướng, chỉ huy các cánh quân cho người!

- Nguyễn Đa Phương, Phạm Khả Vĩnh đều vừa thua trận lại thấy phong tướng mới, sợ không hết lòng vào trận. Thần xin được chọn các cánh quân vương hầu trong tôn thất, ai nguyện hết lòng với đất nước thì đi trận này!

Thượng hoàng nghe theo, truyền lệnh các đạo quân thủy từ Đông Bộ Đầu tiến quân. Khi Trần Khát Chân xuống thuyền, Thượng hoàng thân đi kiệu đến đưa tiễn. Khát Chân khóc nói:

- Đứa cháu của Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng, nổi chí ông xưa, không biết công có thành không? Xin Thượng hoàng ở kinh thành giữ gìn thánh thể theo dõi thể trận, nếu có gì xảy ra mà ứng biến cho kịp thời.

Thượng hoàng Trần Phủ cũng không cầm được nước mắt, ôm vai Khát Chân mà nói:

- Dõng nào, dõng ấy... Ta tin rằng tướng quân sẽ thành công!

\*

Trần Khát Chân cho đại quân theo sông Hồng tiến thẳng về phía Thiên Trường. Thế trận của quân Chiêm bày giăng kín ở phía sông Hoàng Giang. Khát Chân cho rằng nếu đánh thẳng vào thì hai phía bờ, địch có thể dùng hoà công từ quân bộ phối hợp, bắn tên lửa vào thuyền, mặt chính của sông Hoàng Giang các thế đội sẽ liên tiếp đánh vỗ vào mặt giữa. Lại có thể phục binh ở các sông nhánh khắp lại, e bề bất lợi... Cùng lúc đó lại hay tin Trần Nguyên Diệu, em phé đế Trần Nghiễn, muốn báo thù cho anh bị Thượng hoàng giết, đã sang hàng Chế Bồng Nga. Chắc hẳn vì thế nên việc xuất quân của Khát Chân không còn giữ bí mật được nữa. Khát Chân mời các tướng đến thượng nghị, rồi cho một cánh quân lớn đóng quân trấn giữ trên sông Hồng, hư trương thanh thế. Khát Chân cho rằng, Chế Bồng Nga không chỉ nghi binh, phục binh mà y còn nhân lúc Khát Chân dốc toàn lực ra đánh, y sẽ làm như quyết chiến ở mặt chính, nhưng đem đại quân theo sông Luộc rồi từ đó vào sông Nguyệt Đức, tiến đánh kinh thành, lúc đó thủy quân của Trần Khát Chân có lui về tiếp cứu thì cũng ngược dòng khó mà kịp được.

Trần Khát Chân biến tiền quân thành hậu quân, gấp rút đưa quân thủy về sông Luộc hạ trại.

Quân Chế Bồng Nga đang thế mạnh, lại vừa vô Thiên Trường đó bộ lên bờ cướp bóc được nhiều của nả, gái đẹp. Đêm nào thuyền Ngự của Chế Bồng Nga cũng thả được sáng trưng, những vũ công Chiêm Thành được Hoàng đế mang theo. Những vũ nữ xinh đẹp được ở riêng một thuyền lâu, bên cạnh thuyền Ngự. Chế Bồng Nga yêu nhất điệu múa áp-sa-ra. Cứ mỗi đêm rảnh rỗi, Nhà vua chọn một vũ điệu độc đáo do một vũ nữ hay một cặp múa đôi, sau đó là điệu múa áp-sa-ra. Nhà vua vừa nghe nhạc, vừa nhìn vào những dáng điệu vũ nữ uyển chuyển vừa khoe được vẻ đẹp trời cho của thân thể một người đẹp tuyệt mỹ, bằng tay, bằng mắt, bằng bụng, bằng ngực, bằng bộ đùi thon thả, theo những nếp rung, những động tác thuần thực...

Lại có điệu múa chúc rượu đến tài tình, vũ nữ đội trên đầu một bình rượu, người và tay vẫn múa, mà đầu nghiêng xuống, để rượu ngon trong bình nhẹ nhẹ rơi vào trong chén của Nhà vua. Khi chén rượu vừa đầy đến miệng, vồng lên một chút rượu sánh thơm, thì mắt vũ nữ tình tứ gửi gắm đến người mình dâng rượu, chiếc bình lại trở về tư thế khác, theo thân hình thon thả đầy hấp dẫn...

Chế Bồng Nga thấy quân thủy của triều đình Đại Việt dàn trận rồi lại bỏ lui, lòng càng tin lời Trần Nguyên Diệu, kẻ quý tộc nhà Trần vừa đầu hàng là đúng! Vua Chiêm chờ tướng quân thủy của Đại Việt đánh trước sẽ diệt tan lực lượng chính rồi sẽ theo sông Luộc tiến quân về đô thành.

Đêm ấy, Nhà vua thấy quân Trần dàn quân mấy lần. Quân Chiêm khiêu chiến, họ chỉ đánh đến mép nước rồi lui quân về thủy trại. Chế Bồng Nga liền triệu Trần Nguyên Diệu đến và hỏi:

- Trần Khát Chân là người thế nào?

Diệu nói:

- Tàu Hoàng đế! Đó là một bậc quý tộc loại xoàng cả về tài lẫn đức. Chẳng qua triều đình chẳng còn ai đáng mặt, Trần Phủ mới phải dùng. Nếu nó dám xung trận thì chắc chết ở trong tay ngài thôi!

Chế Bồng Nga lại hỏi:

- Sao nó đem quân đến mà chưa thấy đánh?

Nguyên Diệu nói:

- Khát Chân nhút nhát, thấy thế lực của Hoàng đế lớn quá nên sợ không dám ra quân!

- Được, thế thì ta sẽ liệu.

Ba Lậu Kê ở bên cạnh, liền nói:

- Người nhà Trần rất giỏi quân thủy, nếu họ không đánh thì phải xem họ có quỷ kế gì không, nếu Đức vua cứ nghe lời kẻ dẫu hàng, thân e bất tiện.

Chế Bồng Nga đang đắc chí, nghe Ba Lậu Kê nói như bị giội một gáo nước lạnh, liền đập bàn nói:

- Mày chẳng qua là loại tôi tớ, ta cho hầu hạ bên mình sao lại dám vượt quyền nói láo!

Rồi sai quân sĩ nọc ra đánh năm mươi gậy, rồi bãi chức trói lên cột buồm bên cạnh. Ba Lậu Kê bị treo đến nửa đêm thấy một người bạn thân liền gọi nhờ cởi trói cho rồi trốn sang hàng quân Trần.

Chế Bồng Nga chờ mãi không thấy quân Trần ra đánh, đang sắp dàn quân đánh một trận lớn, thì quân do thám về mật tâu, các thủy trại của quân Trần đều là trại giả nghi binh cả. Đại quân của Trần Khát Chân đã rút cả về phía sông Luộc để chặn đường tiến của Chế Bồng Nga.

Chế Bồng Nga tức lắm, gọi Trần Nguyên Diệu đến, mắng một trận rồi bắt y đưa thuyền nhẹ, thân đi dò xét tình hình thủy trại của Trần Khát Chân.

Ba Lậu Kê sang hàng được Trần Khát Chân gọi ngay đến. Sau khi nhìn những vết gậy chằng chịt, Trần Khát Chân nửa tin, nửa ngờ giặc dùng khổ nhục kế.

Chợt lúc ấy nghe nói giặc đem thuyền đến thám thính. Trần Khát Chân nhờ giữ bí mật đã lập xong thế trận. Ở mặt trước, Khát

Chân cho hàng loạt thuyền đặt hàng chục giàn hoả pháo để nhằm chặn đứng những đợt tiến công của giặc. Những hoả pháo lớn đặt ở hai bên bờ sông. Những đoàn thuyền do thám vẫn đi theo đội hình tiếp ứng tiến sâu vào lòng sông. Nhưng Khát Chân lấy làm lạ, một buổi sáng có chiếc thuyền sơn màu xanh đi giữa những thuyền bình thường khác. Ở thuyền chỉ huy, Khát Chân lệnh cho phó tướng:

- Chuẩn bị hoả pháo!

Và cho đòi Ba Lậu Kê đến đứng trên đài vọng địch chỉ vào chiếc thuyền xanh của giặc và hỏi:

- Sao lại có chiếc thuyền xanh ở giữa đoàn thuyền do thám, khiêu chiến kia? Có phải đó là thuyền của vị tướng Chiêm không?

Ba Lậu Kê sững người, há hốc miệng không nói được. Trần Khát Chân nắm tóc, giạt ngược mặt Ba Lậu Kê lên hỏi:

- Sao, sao ngươi không nói.

- Dạ bẩm! Dạ bẩm... Đó là thuyền của Chế Bông Nga!

Trần Khát Chân quát hỏi lại:

- Thuyền của Chế Bông Nga! Có thật không?

Ba Lậu Kê gập gập thưa:

- Đúng là thuyền của Chế Bông Nga đó ạ! Hắn cho mình là thiên hạ vô địch lại có ngọc rết đạn bắn không trúng, nên thuyền của hắn đều sơn khác màu thuyền chiến. Cũng là để cho quân sĩ thấy trung quân, nơi chỉ huy mà ngắm theo hiệu lệnh.

Khát Chân nghĩ một lát rồi truyền lệnh:

- Mục tiêu thuyền xanh! Hoả pháo cấp tập...

Tất cả các pháo lớn pháo nhỏ đều nhè vào chiếc thuyền xanh dồn dập câu tới. Khói lửa mù mịt đạn đá văng lên rào rào. Quân Chiêm hỗn loạn quay mũi thuyền định chạy... Chế Bông Nga thấy vậy, từ trong thuyền Ngự nhảy lên mũi đình lập lại trật tự, thì một viên đạn lớn trúng ngay vào ngực, vật đổ nhào vào trong thuyền... Quân Chiêm Thành đã kinh hãi lại càng kinh hãi.

Đội khinh thủyên do thám hơn hai chục chiếc kính hồng về hoá pháo, có chiếc còn đem cả lửa chạy xuôi về thủy trại quân Chiêm. Có đứa lu loa lên hét lớn:

- Đúc vua chết trận rồi! Về thôi! Về thôi!

Phó tướng của quân Chiêm ngán không nổi.

Lòng quân trận mạc bôn ba nhiều năm đã chán nản. Phó tướng chém đến mấy tên lính do thám cũng không ngăn nổi nỗi hoảng sợ.

Khát Chân lệnh cho các đạo thủy sư Thần Vũ, Thánh Dực từ những nơi phục kích, tung quân ra đuổi đánh, lại lấy đội chiến thủyên dùng hoả pháo, cung tên tẩm dầu, bắn mạnh vào thủyên địch. Nhiều thủyên cháy, cả một khúc sông dài rực lửa. Quân ta dưỡng sức từ lâu, thế rất mạnh lại được thế thắng cổ vũ, tràn vào thủyên địch, chia cắt vây hãm và nhảy lên thủyên địch hoặc chém, bắt tướng hoặc dẫn độ thủyên của bọn đầu hàng vào một khúc sông!

Đánh từ sáng đến chiều thì thủy trại quân Chiêm hoàn toàn tan vỡ... Từ Hoàng Giang, Trần Khát Chân thu quân và khao thưởng quân sĩ... Lúc ấy gia tướng của Trần Khát Chân là Phạm Nhữ Lạc và Dương Ngang, một lúc mang hai chiếc thủ cấp vào. Trần Khát Chân nhìn xem thì ra đó là đầu Chế Bồng Nga và Trần Nguyên Diệu. Hỏi ra là khi Bồng Nga chết, Nguyên Diệu ở thế yáy hãm liền tìm cách tâng công, cắt đầu Chế Bồng Nga nhảy sang thủyên của Phạm Nhữ Lạc và Dương Ngang để nộp. Dương Ngang vốn ghét đứa phản thần, liền cầm giáo đâm cho một nhát chết tươi, cắt ngay đầu Nguyên Diệu.

Trần Khát Chân xem thủ cấp xong thờ dài, rồi truyền lệnh:

- Đấy nắp hòm thủ cấp lại để đem về trình Thượng hoàng.

Dương Ngang hỏi:

- Tướng quân sao lại thờ dài khi thấy đầu một tên cướp nước và một đứa bán nước!

Trần Khát Chân nói:

- Ta thờ dài vì buồn cho đời. Chế Bồng Nga còn thiếu gì mà đem thân xâm chiếm nước người? Trần Nguyên Diệu tội đáng chết

vì a dua theo phé để Trần Nghiễn, triều đình từng tha tội cho, lại vì hận thù mà theo giặc, để đến nỗi đầu một nơi xác một nẻo, lưu tiếng xấu muôn đời! Cái bà vinh hoa làm cho cá một vị Hoàng đế và một tước hầu, chết không kịp hối!

Phạm Nhữ Lạc nói:

- Tướng quân làm tướng mà tâm Phật nên mới có chuyện dằn vật thế!

Trần Khát Chân nói:

- Đất Mai vàng của ta gần kinh đô mà là một vùng của tiếng tụng kinh, tiếng mõ. Ta mong giác ngộ để siêu thoát, cuối cùng vẫn phải dẫn thân vào cơn lốc của binh đao!

\*

Trần Khát Chân kéo quân về kinh đô, dâng đầu Chế Bồng Nga và Trần Nguyên Diệu lên Thượng hoàng. Ngài ngự ôm lấy Trần Khát Chân mà nói:

- Thế mới biết phượng hoàng ở lẫn với đàn gà là thế! Chỉ đến khi sơn hà nguy biến mới biết tướng giỏi là ai!

Khát Chân được Vua phong làm Phụng thân nội vệ Thượng tướng quân, tước Vũ tiết Quan nội hầu...

Xong việc công, ông kiếm mười cân trà Long Tĩnh, một chiếc áo cà sa bằng gấm quý đem tặng hoà thượng Trí Hoà, lại mời hoà thượng sang đất Hoàng Mai để thưởng hoa. Đêm ấy, hai người uống rượu và bàn về kinh Phật cho đến sáng. Khát Chân cũng là bậc thông tuệ rất ngưỡng mộ thiền phái Trúc Lâm. Song ông còn muốn bắt chước đức Thái Tông và Nhân Tông làm sáng rõ thêm một số chân lý huyền vi của các đức Như Lai và Ca Diếp.

*(Xuân Đình Sử)*



# Người học trò lạ của thầy Văn Trinh

Mùa xuân nào, trường Huỳnh cũng tấp nập. Tiếng thầy Văn Trinh đã như sấm động, vang từ làng Sét đến các trấn, các lộ, đến tận ngõ ngách chân rừng, thầy là người đạo cao, đức trọng, khiêm nhường, khiêm ái. Thầy ngồi dạy học ở trường Huỳnh, không bày vẽ nghi thức, không khuyếch trương thanh thế, mà trường của thầy lúc nào cũng rất đông học trò. Nhà thầy thanh bạch, thóc lúa bỏ bịch chẳng có bao lâu. Lụa là gấm vóc càng không có... Thầy chỉ có mấy câu sách quý. Thầy đọc sách, dạy học, tối đến thường tiếp bè bạn, học trò. Chiều trà của thầy lúc nào cũng có những người bạn tâm đắc. Từ tước Vương họ Trần, dòng dõi thượng tướng Trần Quang Khải, đến bác hàng xóm, một người chuyên sống về nghề câu cá, đều ngồi chung một chiếu; không phân biệt sang hèn. Đến đây, không ai nở võ ngực mình đang giữ trọng trách nọ, phẩm tước cao, mà chỉ muốn được giải bày cùng thầy Văn Trinh những điều đang canh cánh trong lòng hoặc đàm đạo về nhân tình thế thái, cách xuất xử. Họ cùng bình phẩm một loại hoa, một loại cây, một cách thưởng mai, ngắm trăng, hoặc một vùng đất chè, có những loại chè đang được những người sành, thanh lịch chuộng.

Hôm ấy trời mưa rải rác. Làng Sét xịch mưa đường lầy lội, khách xa ngại đi lại. Thầy Chu biết thế nào người câu cá lảng giềng cũng sang chơi và chắc chắn cũng có chút quà nhỏ biếu thầy. Chẳng là bữa nay, sau khi nghỉ dài, bác ta xuất hành đi kiếm cá.

Bác có thú quen buông câu một loạt đằm từ Sét đến Mơ, lúc nào thấy giò cá lưng lửng thì đem cá vào bán chợ trưa hoặc chợ chiều, đánh một bữa cơm rượu ở một quán quen, rồi dùng đinh vác cần, quây thúng ra về.

Thầy Văn Trinh vừa ăn cơm xong thì người hàng xóm bước vào cổng:

- Lay thầy ạ!

- Không dám, chào ông!

Tiếng cười tuế toái, hồn nhiên đi gân vào tận thềm:

- Bẩm thầy, hôm nay xuất hành gặp thầy đầu ngõ, nhà cháu may cả năm. Cháu câu được mấy con sộp hoa, biếu thầy nấu bữa riêu cá!

Thầy Văn Trinh cũng cười:

- Lộc xuân của bác tôi đâu dám chối. Mọc đâu, con đem cá bác cho cất giùm thầy!

Tiếng người nhà dạ to rồi từ trong bếp ra đón quà. Ấm trà thầy Văn Trinh pha thật đặc biệt. Thầy không nói, nhưng bác hàng xóm chưa bao giờ được uống, buột miệng khen:

- Bẩm thầy, đâu có thú trà quý hoá thế này?

Thầy Văn Trinh tủm tỉm:

- Trà Vua ban đấy! Chẳng là tôi có ông học trò vừa từ trấn biên cương được vời về giữ chức mới trong triều đình đem cho... Anh ta vừa được Vua mời trao cho một chức quan ở toà Khâm Thiên Giám.

- A...

- Ông uống đi. Có thuốc ngon nữa đấy. Thuốc tỉnh Đông, trò Phạm vừa ở quê lên, đem cho...

Bác hàng xóm uống trà, hút thuốc như mọi lần, song lần này, bác không kể cho thầy Văn Trinh nghe những chuyện ngộ nghĩnh ở

đường, ở chợ, bác lượn lạt được, mà ngồi ngay ngắn nghiêm trang. Bác kéo vạt áo cho kín rồi thưa:

- Bẩm thầy, tôi thấy có việc lạ quá, trong lòng đến giờ vẫn thối thồm không yên.

- Chuyện gì vậy, bác kể tôi nghe nào!

- Bẩm thầy, trưa nay nắng quá, tôi ghé sang đằm Bàng buông câu. Đi nhiều mỏi, vả lại, sang làng lạ, còn lo thăm dò chỗ nào có cá, chỗ nào nước trong tám lạng, thế là tôi đặt giỏ, đặt cần ngồi ngắm địa thế. Gió dịu dịu. Nắng mới dễ buồn ngủ, tôi tựa lưng vào cây sung thiếp đi mất. Chợt có tiếng chào: "Chào bác, sao bác lại kiếm cá xa vậy!". Tôi nhìn lại thấy một thầy nho gương mặt tuấn tú, trán cao mắt sáng. Chưa kịp đối lời, anh ta lại cất tiếng dụ dăng: "Tôi người cùng làng với bác đây, bác không để ý đây thôi. Ấy, tôi có duyên nợ với nghề của bác đấy. Bác cứ nhớ lại mà xem".

Bác hàng xóm nhấp một ngụm trà, rút một điều thuốc, ý tứ ngả đầu ra ngoài giường, nhắm khói, rồi tiếp:

- Tôi cố vắt óc nhớ xem con cái nhà ai. Dạ bẩm thầy, làng mình học trò có nhiều đâu mà không nhớ nổi. Anh ta lại cười bảo tôi: "Bác không cần nhớ. Tôi ở cái góc làng heo hút không ai để ý đâu. Vả lại chỗ ấy là đằm nước, muối, chuột nhiều... Chỉ mong bác xin thầy Văn Trinh cho tôi nhập học trường thầy thì hay quá!" Tôi hỏi: "Cậu xin không được ư!". Anh ta đáp: "Tôi biết thầy quý bác nên tôi nhờ. Học trò của thầy đông, tôi nhà xa, đi lại không tiện như mọi người. Vả lại tôi cũng vất vả, làm nhiều công việc khác. Muốn "ăn mày" thầy ít chữ nghĩa để cho mở rộng kiến văn, tầm mắt biết nhìn xa, trông rộng. Có một lời của bác, thầy để mắt truyền dạy cũng có hơn chứ!".

Con mắt của bác đánh cá lạch hần đi:

- Bẩm thầy, người thật rõ ràng, loáng một cái, bóng nắng rợp đi, lá cây sung rơi theo trận gió, một chiếc lá rơi trúng ngay

vào lòng mây trời, tôi nhắm mắt lại, thì thầy ấy đã biến đi đằng nào mất.

Thầy Văn Trinh chăm chú nghe. Nhấp thêm một chén trà đặc, thầy nói:

- Thực và hư có nhiều lúc lẫn lộn lắm. Thực là gốc của cái hư, nhưng từ cái hư, ta lại khiến cho cái thực đẹp hơn trước.

Câu nói của thầy Văn Trinh hơi bí ẩn, song người hàng xóm rất hiểu ý thầy. Bác ta đắc ý về câu trả lời của thầy lắm. Hai người lại đôi hỏi sang những chuyện khác cho đến lúc đĩa đèn dầu lạc cạn gần hết mới thôi!

Học trò trường thầy Chu tập văn rất đông. Những buổi bình văn như một ngày hội. Thường những người học trò có giọng hay được thầy chọn ra bình. Thầy nho Phạm được bình nhiều hơn cả. Những bài thơ, bài phú, bài biểu của anh thường được thầy chọn làm mẫu, và bình. Song thầy không bao giờ khen quá lời. Không những thế thầy còn chỉ ra những chỗ sơ suất mọi người không để ý. Có những câu đọc qua ai cũng tâm đắc, nhưng khi chờ thầy chấm hoặc bình thì thầy lại chẳng hề khuyên hoặc khen những câu có sẵn trong sách vở. Được thầy phê là cao kiến hoặc công phu là những câu văn có chính kiến riêng của mình hoặc những câu thơ tự mình nghĩ ra, vượt ngoài các khuôn thước định sẵn.

Người học trò bình văn hay nhất trường là Cù Long. Anh được thầy để mắt đến ngay từ hôm đến nhập trường, tập làm văn sách. Anh bình giọng rất trong. Những lúc thầy chọn những chương sách để bàn thảo hết nghĩa lý, anh thường được gọi ra đọc cho mọi người nghe cả mạch văn, sau đó thầy mới cao giọng bình... Học trò, mỗi người một thế ngồi, tùy theo tính nết, song anh nào anh ấy cũng dán mắt, đóng tai ra mà uống lấy từng lời. Những khi kết thúc một đợt học, thầy ra bài... Học trò lĩnh đầu đề, hoặc viết ngay tại chỗ, hoặc về nhà suy ngẫm rồi nộp cho thầy chấm. Khi trả bài, cả thầy lẫn trò đều say sưa, mừng vui hoặc buồn bã, qua số bài ưu, bài

liệt<sup>1)</sup> mà thầy sẽ trả cho trò. Có những buổi thầy thở dài, không bình một bài văn nào. Thầy chỉ nói mấy câu xa xôi, đại ý, việc học thời nào cũng cần. Thời thịnh cần, lúc suy lại càng cần... Vậy mà, các trò chưa đáp lại được lòng thầy... Câu nói dịu dàng mà chấn động hết thầy lòng người. Thầy nho Phạm cúi gầm mặt xuống xấu hổ không dám nhìn lên. Nhưng cũng có buổi thầy trò say sưa, mê mải, bình thơ đến quá Ngọ chưa thôi. Anh học trò Cù Long có vẻ bện bện chi đó, nên ngoài cái giọng bình văn ra, anh không có tài gì nổi bật. Anh thường phải bình cho người mà chưa được bài văn nào, đoạn thơ nào được thầy khen. Chỉ có một lần duy nhất, thầy trích ra bốn câu này và cho rằng văn anh đã bắt đầu khởi sắc:

*Vì ba mạn mạn khởi thanh âm  
Thâm dạ thủy chi dạ cánh thâm  
Nhất dải thủy thiên song nguyệt đối  
Vạn tùng liên thảo bách huyễn quang.*

Thầy cho đám học trò giỏi dịch Nôm thử. Anh Lê dịch:

*Lăn tăn sóng gợn mặt hồ trong  
Khuya khoắt nào ai biết ngó cùng  
Một dải nước trời trăng sóng sánh  
Muôn trùng sen, cỏ, đóm dăng dăng.*

Anh Phạm dịch:

*Hồ trong sóng gợn nhẹ nhàng  
Đêm khuya ai biết, đêm càng thăm sâu  
Nước trời, trăng sáng soi nhau,  
Hàng trăm lửa đóm rọi vào cỏ, sen...*

Cù Long bình cả ba bài thơ cùng một lúc. Anh cảm động lắm. Giọng anh run run. Do đó, câu thơ càng có hồn. Trăng trời, nước,

---

<sup>1)</sup> Bài giỏi, bài kém.

máng đêm, cò, sen như cũng đầy tâm trạng. Khoa thi Thái học sinh đang ập tới, học trò anh nào cũng nô nức, riêng Cù Long, sau buổi bình thơ được mấy hôm, anh lên tạ từ thầy để xin nghỉ học. Thầy Văn Trinh gắng hỏi, anh chỉ xá dài, cúi đầu, lễ phép thưa:

- Bẩm thầy, con thụ giáo thầy suốt đời chưa thoả lòng. Hiềm một nỗi, nhà quá xa, mà công việc của con cứ ngày càng bận rộn thêm!

Rồi anh ứa nước mắt:

- Thầy dạy con biết sống, biết xả thân vì đời. Đạo học của thầy rộng như trời bể. Lời thầy dạy con thấm sâu từng ý. Con rất đau lòng vì phải tạm xa thầy, bạn. Con chỉ dám mong khi thầy cần đến con, xin thầy cứ gọi!

- Ta biết tìm anh ở đâu? - Thầy Văn Trinh hỏi.

- Dạ, thầy chỉ cần nhắc đến tên, tự con khắc tìm đến.

Anh ứa nước mắt vãi tã ra về. Thầy Văn Trinh ngạc nhiên lắm. Thầy hỏi tung tích anh qua bạn bè thân nhất của anh ở trường. Họ cho biết: Anh ít nói, không hay kể lể về gia thế. Bạn bè gắng hỏi, anh lảng sang chuyện khác. Đi về thường tất bật, chắc anh ở rất xa. Anh không xin trọ như mấy anh khác. Có người tò mò, tan học, theo hút anh xem người ở huyện nào, xã nào, thì, ra khỏi trường, anh cầm đầu đi rất nhanh. Người thường phải chạy gần mới kịp anh đi bình thường. Theo đến đám Huỳnh, nhặng ngó ngang một cái, anh đã mất hút...

Nghe nói, thầy Văn Trinh gật đầu, dăm dăm suy nghĩ. Ông ráp lại mẩu chuyện của các bác hàng xóm, buổi đầu xuân, nhớ lại mấy câu thơ, mà lời ký thác lạ của Cù Long rồi thẫm nghĩ: hay là anh ta là một thủy thần!

Thầy càng cho là mình nghĩ đúng khi liên hệ đến tên của anh ta. Cù Long! Cù Long! Có lẽ ta đoán không sai! thầy Văn Trinh biết vậy, không nói cho ai...

Băng đi rất lâu, không ai nhắc đến Cù Long nữa. Anh Phạm, anh Lê đã đậu cao, ra làm quan... Thầy Văn Trinh cũng được Vua vời ra làm Tư Nghiệp trường Quốc Tử Giám. Thầy đã thôi dạy học ở trường Huỳnh. Đức vua rất yêu thầy, thường cùng thầy đàm đạo về đạo Phật, đạo Lão, đạo Khổng suốt ngày không chán. Thịnh thoảng Vua còn mang việc hệ trọng của đất nước ra hỏi ý thầy Văn Trinh... Đức vua, có ý muốn dùng thầy vào trọng trách, song theo lệ nhà Trần, ngài muốn nghỉ. Ngài nhường ngôi cho con và ở ngôi Thái thượng hoàng. Đám cận thần của vua mới, được sung vào những chức quyền quan yếu... Thầy Chu được thăng lên chức Tế tửu, trước sau vẫn chỉ là một vị học quan. Vua Dụ Tông đang trị vì đất nước. Khác với các Vua trước, Vua ăn chơi, ưa gán những thú vui. Đám cận thần được thể càng bày nhiều trò làm cho nhiều người dân ở kinh thành bắt đầu lo lắng. Thầy thuốc họ Trần được Vua yêu, nói gì Vua cũng nghe. Chương vệ họ Bùi một kẻ trông nom việc lớn trong cung bỗng nổi tiếng là tên loè rượu.

Thầy Văn Trinh biết thế mình khó nói được gì, nên thầy chỉ còn cách ra sức truyền thụ cho lớp môn sinh trẻ những đạo lý để giữ vững nhân cách, cho dù khi biến hoặc khi thường...

Năm ấy, trời bỗng nhiên hạn rất lớn. Vụ chiêm thóc lúa thu hoạch kém xa những mùa trước. Nắng nực khác thường. Gió nóng từ đâu thổi về suốt một tháng trời. Sông cái mọi năm nước cạn đê, giữa tháng năm, bãi non, bãi già còn nổi lổm ngổm giữa dòng. Sông Nhuệ, sông Tô chỉ bằng những con lạch. Mặt trời như nguồn núi lửa phun ra những luồng cháy sáng đốt trời đất nóng rang lên. Gió tây nam thổi về hầm hập, từ mờ đất đã phả hơi nóng vào mặt, vào tay. Đồng ruộng khô, nẻ toác. Mạ khô róc như rơm. Lá chuối xém khô như bị lửa trâm, ổi, na, thị, mỗi đêm rụng hàng thúng quả dưới gốc. Lá cau, lá dừa, cháy lổm đóm, bẹ đét khô, thất ngãng trên các cổ cây. Chó lè lưỡi suốt ngày, rúc ráy nằm trong gấm giường. Lợn trâu đổ xô xuống các đầm ao, vũng bùn đầm nước chẳng thiết gì ăn. Không có nước cày cấy, thóc gạo ở các chợ tăng lên vòn vọt. Nhà

giàu được dịp găm thóc lại. Mỗi phiên chợ giá cả tăng lên gấp đôi, ba lần. Những kẻ thức giả đều lo lắng.

Vậy mà tiếng đàn sáo từ cung Trường Lạc vẫn vang ra... Thiên tai kéo dài khiến dân chúng nao núng bồn chồn. Thịnh thoảng loé lên một vài tiếng sấm xa, nhưng, dân mong mỗi mát, vẫn chẳng có hạt mưa nào. Người ta nói ở vùng trong còn có cơn lốc lửa quét qua, hơi gió nóng tựa nước sôi, làm cháy nhà, chết người. Giếng sâu nhất cũng cạn.

Cả đô thành nháo lên về chuyện đào giếng, vét sông để lấy nước tắm giặt. Ban đêm không ai nằm nổi trong nhà. Già trẻ lớn bé phải kéo nhau ra thêm, ra hiên, ra bãi cỏ, dưới lùm cây, rải chiếu ngủ chập chờn... Quạt đến rã tay cũng không hết nóng. Không cần cày, cuốc, đẩy xe, vác gạo, chỉ cần đi phố, đi chợ một lúc, mồ hôi đã đầm đìa quần áo... Nắng nóng kéo dài. Tiết lập thu giao mùa còn xa. Trời vẫn cứ nắng chang chang. Trăng đục ngầu, vầng mây đỏ lòe ma quái...

Những người làm ăn càng lo lắng. Chỉ cần kéo dài chừng một vài tuần, tiết nữa, thì vụ lúa tới không biết lấy gì mà nuôi sống nhau.

Thầy Văn Trinh vẫn đi, về, từ Quốc Tử Giám đến nhà, ngồi trong cáng cũng ném đủ cái nóng, cái nực, bụi đường, vất vả như mọi người. Tàn, lọng càng linh kinh, càng nóng. Áo triều, hốt, mũ, cân đai càng ủ thêm lửa vào người. Thầy chia xẻ nỗi lo toan về nắng hạn với mọi người.

Đêm đến, thầy cho bắc chõng dưới vườn, và ngồi hóng mát bên bờ chiếc ao nhỏ. Người làng qua lại, ai cũng nháo nhác lo lắng về cơn hạn lớn này. Gia nhân của thầy mọi ngày vui vẻ thế mà gương mặt ai cũng đăm đăm. Ai cũng canh cánh cho gia đình họ ở quê nhà.

Buổi tối hôm ấy có người huyện dưới, mới được bổ làm tri huyện, lên chào thầy. Anh ta là bạn thân của Cù Long ngày trước.



Trong lúc đôi hồi, thầy trò ôn chuyện cũ, thầy Văn Trinh bỗng nhớ đến người học trò lạ của mình. Lòng thầy mừng khắp khởi. Bởi thế, sau khi tiễn khách về, thầy Văn Trinh tắm giặt, dọn không tiếp ai nữa. Một mình thầy hướng về phía đầm Huỳnh thốt lên hai tiếng gọi rất thân thiết: Cù Long, Cù Long!

Một luồng gió mát từ đâu dội lại, và lạ chưa, phía cổng trái một dáng người thanh thoát, ăn mặc chỉnh tề, giọng nói khoan hậu đã sụp xuống vái chào:

- Lạy thầy, con đã đến...

Thầy Văn Trinh mừng quá. Ông nhìn người học trò nét na của mình xưa. Trong ánh trăng mờ đục của tháng đại hạn, nét mặt Cù Long càng thêm khắc khổ. Thầy hỏi:

- Anh và gia quyến vẫn mạnh khoẻ đấy chứ!

- Đa tạ thầy, cha mẹ anh chị em con vẫn hoà thuận, yên vui.

Thầy Văn Trinh gật đầu:

- Bây giờ anh làm gì?

- Chẳng dám giấu thầy, con được chuyên lo về việc điều hoà nước nôi cho nghề nông!

Vẻ mừng rỡ hiện ra nét mặt của thầy Văn Trinh. Thầy cầm tay anh. Cù Long nhận rõ cái nét run rẩy của ông thầy học già nua, tâm huyết:

- Con có lưu ý đến cơn hạn kéo dài mấy tháng nay không?

- Dạ con có biết!

Thầy Văn Trinh thở dài:

- Dân tình hiện đang nguy cấp. Kẻ tham lam lộng hành, nếu trời lại ra tai ách nữa thì khó bề cứu mang nổi nhau. Có cách nào giúp được không? Ta thấy con vốn cũng chuộng những điều nhân hậu.

Cù Long ngồi thờ mặt rất lâu, không nói năng gì. Chén trà thày rót đã nguội từ lúc nào. Thày gạn hỏi âu yếm:

- Việc có khó khăn lắm với con không?

Cù Long đứng dậy thưa:

- Thưa thày. Việc này vượt ra quyền hạn của con. Luật trời khác nghiệt. Song vì cứu người, con xin tuân theo lời thày, trộm phép làm thử xem sao!

Thày Văn Trinh mừng khôn xiết. Ông hơi lúng túng muốn tỏ rõ cử chỉ quý trọng hết mực của mình, và đã lường tính hết sự nguy hiểm sau câu nói ấy. Ông cắn môi, mắt chớp chớp liên hồi. Cả đời ông, ít có phút ông xao xuyến vì tình người đến như thế:

- Ta biết lòng con từ ngày con đến thụ giáo. Vì nghĩa cả mà có phải nhảy vào nước lửa, người quân tử cũng chẳng nề hà. Ta mong được gặp con sau những ngày thiên hạ mưa gió thuận hoà.

Cù Long vội vã từ giã thày, về ngay. Chén nước trà không kịp uống. Từ lúc anh đi, cơn oi bức càng tăng rõ rệt. Nhưng, nửa đêm gió đổi chiều, đất trời chuyển động. Cho đến gần sáng gió lớn đã từ phía biển tràn vào đến ngoại thành. Những giọt mưa đầu tiên rơi lộp bộp trên mái gianh, trên mái ngói, trên bờ tường. Dân chúng vui mừng đổ xô ra ngoài sân ngắm trời, hóng mưa. Cóc nhái bỗng kêu vang rộn rã. Chớp loé sáng. Rồi mưa cứ êm đềm giội xuống hết trận này sang trận khác. Mưa khắp bầu trời. Mưa thành ân nhân của muôn loài và cây cối. Mưa đầy một ngày thì tạnh hẳn.

Những cây lớn, cây sâu cành, sâu ngọn có bị gió mạnh bẻ gãy. Rừng, nơi khởi nguồn của trận mưa lớn có bị đổ nát một số cây cổ thụ, song đó quả là một trận mưa vàng, mưa bạc. Dân chúng ngửa mặt lên trời chấp tay vái tạ. Nhiều nhà còn thổi xôi, thịt gà cúng lễ các thần linh để cảm ơn trời đất.

Riêng đầm Huỳnh, sau khi mưa êm ả, thì sấm chớp nổi đùng đùng. Những tiếng sét lớn liên hồi, vang động khắp cả một vùng rộng lớn. Rồi, người đánh cá, hàng xóm của thầy Văn Trinh đem đến cho làng cái tin dữ dội đầu tiên:

- Ở đầm Huỳnh, sau trận sét, tôm cá chết rất nhiều. Trong số tôm cá đang chết nhuội trên nước, có một con giao long khá lớn, xác dạt vào bờ...

Trai gái già trẻ cho là sự lạ, đổ xô ra xem. Gia nhân thầy Văn Trinh cũng háo hức đến nhìn tận mắt... Thầy Văn Trinh vừa giảng xong buổi tập văn trên trường Giám trở về. Lòng thầy vui rộn rã, khi biết trận giông, mưa cứu người vừa đoạn, có công người học trò yêu của thầy.

Cáng vừa vào đến đầu làng đã thấy mọi người xúm xít. Thầy Văn Trinh kéo rèm, bước ra hỏi, mới rõ sự tình. Thảng thốt, vội vàng, thầy bảo quay cáng trở ngay ra đầm Huỳnh.

Xác thường luồng đã được vớt lên bờ. Mọi người bù ngùi cảm động. Đôi mắt của nó chưa nhắm được. Xác nửa rông, nửa rấn kia và đôi mắt thuần phác như muốn trăng trở lại một điều gì quan yếu. Thầy Văn Trinh đến tận nơi, cúi xuống cố nén lòng mà không kìm giữ nổi.

Hai dòng nước mắt rơi lã chã, thầy nhìn vào đôi mắt còn chưa nhắm được và thốt lên:

- Cù Long! Cù Long! Ta không ngờ cơ sự đến thế này. Nhưng được chết để cứu sống cho muôn người, con thật hơn ta đấy!

Những giọt nước mắt rơi xuống mặt thường luồng khiến mọi người đều khóc theo. Đến khi mọi người cạn khô lệ thì nhìn ra, mắt thường luồng đã khép kín tự bao giờ...

\*

Đám ma thường luồng rất lớn. Mả thường luồng được đắp rất to, có am thờ. Thầy Văn Trinh tự mình vào tế học trò, và câu

chuyện người học trò lạ của thầy Văn Trinh được truyền đi nhiều ngả...

Người ta còn nói, có những hôm thầy giảng bài, khi nghe một giọng bình văn hay, gương mặt thầy Văn Trinh đang nghiêm nghị bỗng xúc động lạ thường. Cử chỉ thầy tỏ ra bối rối. Thầy dăm dăm nhìn vào người bình văn rất lâu, có bận thầy thốt lên những tiếng nho nhỏ thân thiết lạ thường:

- Cù Long! Cù Long! Con đang ở đâu vậy?

## Quan trạng họ Đào

Đào Sư Tích làm bài xong, quay sang nhìn thấy một thầy tiến sĩ đang xem lại bài văn lần cuối cùng, tư thế rất ung dung, tự tin, thỉnh thoảng đọc được câu hay mặt mày rạng rỡ, hoặc những câu chưa chính ý, mày cau lại... Sư Tích nhìn lại đám người cùng thi Đình với mình vẫn còn mặt cắm vào bài văn, hì hục viết, liền bụng bảo dạ:

- Tranh Trạng nguyên với ta chỉ có anh chàng kia thôi!

Liền quay sang gọi:

- Trần Đình Thám, anh cũng xong bài rồi ư?

Đình Thám nhã nhặn đáp:

- Dạ, đệ đã xong rồi!

Thi Đình năm nay rất đông. Vua Trần Duệ Tông, cho mình là người thông minh xuất chúng, tự ra đề bài thi. Vua cho các quan ở Quốc Sử Quán, Đô Sát Viện, các thái học sinh (tiến sĩ), học sinh ở phủ thị thần, phủ quan tướng Nội Mật Viện đều được dự thi cả. Trước một thềm rộng đầy các quan lại, sĩ tử, đua tài văn, traten bút, không ai chịu nhường ai...

Thi xong, về nhà trọ, Đào Sư Tích hỏi:

- Trần huynh, anh cho bài văn sách hôm nay Vua ra thế nào?

Trần Đình Thám nói:

- Đề ra là: "Cổ nghị như qui giám, trung can như thiết thạch"<sup>(1)</sup>, thật là rộng. Nếu không biết bàn cho chặt, nói cho uẩn súc thì dễ lan man lắm! Huynh làm ra sao?

---

<sup>(1)</sup> Lời bàn bạc xưa như là những qui ước để noi theo. Tấn lòng trung như sắt đá...

Đào Sư Tích nói:

- Văn sách Đức vua ra là chỉ muốn bàn đến hai việc. Một là đạo, tức là phải dốc lòng, hai là thân, phải lấy lòng trung trước sau khảng khái cứng cỏi. Đệ chỉ dám bàn đến hai điều đó không dám nói gì thêm.

Trần Đình Thám lại hỏi:

- Thế bài thí sách hỏi đạo người quân tử có bốn điều, huynh trả lời thế nào?

Đào Sư Tích nói:

- Đệ trả lời ngắn lắm!

- Thì huynh cho đệ nghe xem!

- Đệ trả lời thế này: Đạo của người quân tử có bốn chữ từ đó mà thi hành bốn điều. Đó là: Cung, Kính, Nghĩa, Huệ... Lấy cung để sửa và rèn mình, lấy kính để lo tròn phận sự; lấy nghĩa để sai khiến người, lấy huệ để yên dân.

Trần Đình Thám buột miệng nói:

- Anh tranh Trạng nguyên của tôi mất rồi!

Quả nhiên khi yết bảng, Đào Sư Tích đỗ Trạng nguyên, Trần Đình Thám đỗ Thám hoa.

Vua Trần Duệ Tông cho các quan tân khoa Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa đi chơi phố đủ ba ngày. Ngựa xe võng lọng đi từ hồ Thủy Quân sang đến Tây Hồ, lại dạo hoàng thành... Dân chúng nô nức đua nhau ra xem. Trần Đình Thám xem ra vẫn ức với Đào Sư Tích và Lê Hiến Phủ, nhân sau bữa tiệc, dạo chơi vườn thượng uyển, Thám nói rằng:

- Cha tôi đặt tên cho tôi là Thám, bảo tôi rằng: Mày giết cái Thám hoa trên bảng vàng cho tao! Tôi nói: Sao lại Thám hoa, con thích đỗ Trạng kia... Đó là câu nói hăng hái của tuổi chín, mười. Bây giờ mới biết thiên hạ còn khối người hơn mình!

Đào Sư Tích nói:

- Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa, chẳng qua là phút khởi đầu thôi. Thực tài mới là quý. Cái chính của người quân tử là làm được những điều có ích cho dân, cho nước. Đồ đạc là vậy, quan trường đầy nổi truan chuyên, biết ai hơn ai...

Trần Đình Thám biết Đào Sư Tích suy nghĩ uyên bác hơn mình liền kết bạn với nhau, không rời từ bữa đó...

\*

Thời ấy, Thượng hoàng Nghệ Tông vẫn thường coi việc nước cùng Hoàng đế. Chiêm Thành năm ấy lăm le lấn đất, quấy nhiễu đất Hoá Châu. Trần Duệ Tông vừa lên ngôi, muốn đem quân đi chinh phạt, đem việc bàn trước triều đình. Lê Tích là Ngự sử trung tán dâng sớ can rằng: "Bình đao là đồ hung khí, không nên tự mình gây ra, huống chi ngày nay vừa mới dẹp được giặc Nhật Lễ ở trong nước, thế như cái nhọt lâu năm chưa khỏi, Bệ hạ không nên vì mối tức giận riêng mà dấy quân, tướng không thể cầu công danh mà đánh liều. Dù Chiêm Thành có làm điều quấy quá, cũng chỉ nên sai tướng đi đánh để nhờ trời diệt chúng, còn xa giá thân chinh thì thân nghĩ là không nên!".

Trần Duệ Tông gờ từ sớ lên để trăm quan cùng xem rồi nói:

- Lê Tích dâng thư can Trẫm, lời lẽ thống thiết, nhưng đâu biết rằng: giặc Chiêm càn rỡ, không trị ngay thì dễ sinh nhòn! Tuy rằng trong nước dẹp loạn vừa yên nhưng chẳng lẽ đại quân của ta không đánh nổi Chế Bồng Nga ư?

Vua vừa nói xong, Ngự sử đại phu là Trương Đỗ đứng ra can Vua rằng:

- Chiêm Thành chống ta, song mới quấy rối miền biên ải, tội chưa đến nổi phải chết. Song giặc ở tíu phía tây xa xôi, núi sông hiểm trở. Bệ hạ mới lên ngôi, đức tính, giáo hoá chưa thấm nhuần được đến phương xa, nên sửa sang triều chính, chấn hưng

đạo đức, văn học khiến giặc lại phải tự đến thần phục há chẳng hơn ư? Nếu giặc vẫn chưa thần phục, bấy giờ cất quân đánh cũng chưa muộn.

Trần Duệ Tông cười nói:

- Các quan Ngự sử sợ đánh trận, thì cứ ở nhà. Rồi các người xem, Quốc Sử Quán sẽ chép về ta đánh trận này như thế nào.

Đúng phía sau Trương Đỗ, Trần Đình Thám bám Đào Sư Tích rồi khẽ nói:

- Chưa đánh đã kiêu, e ra quân bất lợi.

Rồi định xuất ban can tiếp theo lời của quan Ngự sử Trương Đỗ.

Đào Sư Tích kéo áo Trần Đình Thám lại và bảo:

- Hai người can đủ rồi. Vua không nghe, can làm gì nữa.

Lúc ấy, Trần Đình Thám mới thôi.

\*

Năm Đinh Ty (1377) ngày 23 tháng giêng. Trần Duệ Tông tiến quân đến cửa Thi Nại của Chiêm Thành. Đến Cầu Đá, đóng quân tại Ý Mang. Chế Bồng Nga dựng trại ngoài thành Đồ Bàn, lập mưu, cho người sang trá hàng nói dối là Chế Bồng Nga đã chạy trốn chỉ còn thành không, nên tiến quân gấp, đừng lỡ thời cơ.

Ngày 24 tháng giêng, Vua ra lệnh tiến công. Duệ Tông mặc áo đen, cưỡi ngựa màu đá xám, cùng Ngự Câu Vương Húc mặc áo trắng, cưỡi ngựa trắng tiến vào thành. Đại tướng Đỗ Lễ cầm cương ngựa can rằng:

- Nếu giặc chịu hàng, Bệ hạ cứ đóng quân lại, cho người cầm thư mà hỏi tội để xem hư thực thế nào, rồi hãy tiến quân. Giặc Chiêm còn mạnh, Chế Bồng Nga xảo trá, ta cẩn thận vẫn hơn!

Duệ Tông nói:



- Ta đã mặc giáp cứng rồi, đã vào sâu đất giặc rồi, phải đánh cho nó tan tác, nó mới nhớ đời. Dùng binh cốt ở thần tốc, sao người lại can. Người chính là hạng đàn bà!

Rồi sai lấy áo đàn bà mặc cho Đỗ Lễ. Lễ không nói gì cứ mặc và đi theo Vua...

Quân Nam nối gót nhau như xâu cá vào thành. Tiền quân và hậu quân do địa thế hiểm trở, phía trước ham đuổi, quân sau do Đỗ Tử Bình thì thủng thảng nên hoàn toàn cách biệt. Giặc lừa vào chỗ hiểm địa xông ra đánh chặn. Đánh nhau từ sáng đến giờ tỵ thì quan quân tan vỡ. Vua bị vây trúng tên mà chết. Đỗ Lễ, Nguyễn Nạp Hoà, quan hành khiển Phạm Huỳnh Linh đều bị giặc giết cả. Ngự Vương Câu Húc bị giặc bắt sống.

Đỗ Tử Bình chỉ huy hậu quân không đến cứu, thoát chết, lui quân. Lê Quý Ly đốc quân chờ lương nghe tin Vua chết liền bỏ trốn về kinh đô trước cả Đỗ Tử Bình.

Ngày hôm ấy, kinh thành Thăng Long ban ngày mà trời sập đất thảm...

Trần Đình Thám tìm đến Đào Sư Tích nói:

- Lời anh đoán ngấm với tôi bữa trước theo thiên văn, kỳ này Thái Bạch phạm vào ngân chủ, nên thế nào lành ít dữ nhiều, nay quả là thật. Đúng là thiên cơ đã bày, khó mà tránh khỏi!

Đào Sư Tích nói:

- Lê Quý Ly và Đỗ Tử Bình, hai gã bất lương này rồi sẽ gắn kết với nhau lũng đoạn triều chính cho mà xem... Người trung thực, nghĩa khí khó mà chung sống với bọn hán!

Trần Đình Thám lặng yên không nói gì cả!

\*

Thượng hoàng sai Trần Đình Thám sang sứ nhà Minh báo việc Trần Duệ Tông chết vì nạn nước. Thám đi ròng rã hai tháng

trời đến Yên Kinh. Vua Minh cho vào châu. Thám tâu việc Duệ Tông đi tuần biên giới, gặp quan quân gây loạn đánh nhau, nhân đó là bị chết đuối, nước Nam đã lập Vua nối ngôi, xin triều đình nhà Minh sang viếng và phong cho Vua mới.

Vua nước Minh là Thái Tổ Chu Nguyên Chương, Vua thu phục đất nước từ tay nhà Nguyên, có ý muốn dòm ngó phía Nam liền nói:

- Diễn lệ Trung Hoa ky ba điều không sai sứ sang viếng, đó là, nếu Vua nước láng giềng chết vì sợ, chết đuối, chết vì thích khách dè bực... Vua nước người phạm trong ba điều ấy.

Trần Đình Thám đứng dậy, quay lại hỏi bách quan nhà Minh:

- Tôi xin hỏi các đại thần nhà Minh. Nếu Nguyên soái ra biên ải tuần thú dẹp giặc, giặc búng không nghe, cố công đánh đuối, lỡ phạm vào ba điều trên có nghị công không.

Tể tướng nhà Minh nói:

- Biên ải xa xôi, một người lính lập được một công nhỏ còn thưởng gấp ba, huống hồ một vị đại Nguyên soái.

Trần Đình Thám nhân đó, tâu rằng:

- Than ôi, một vị Hoàng đế nước láng giềng, đánh dẹp cả một đạo quân lớn ở Chiêm Thành, chết vì nước vì an nguy của cả nước láng giềng, mà không bằng một tên lính quèn ở chính quốc. Chẳng lẽ một đất nước chín châu, văn minh từ thượng cổ, nước có Thuấn, Nghiêu lại đối đãi với láng giềng như thế!

Minh Thái Tổ và quan Tể tướng im lặng bãi triều. Sau đó, cử sứ bộ sang cùng Trần Đình Thám điếu Trần Duệ Tông và phong vương cho vua mới.

Khi Thám về, Đào Sư Tích ra đón, Thám kể lại chuyện. Tích nói:

- Khi thi cử, tôi hơn anh. Bây giờ, công lao này, anh hơn tôi rồi đấy!

Trần Đình Thám khiêm nhường nói:

- Đâu dám! Đâu dám!

\*

Lê Quý Ly ngày càng lộng quyền, ý muốn lấn tới, cướp ngôi nhà Trần. Trăm quan cũng chia ra ba bè bảy mối. Đào Sư Tích buồn lắm song ông không biết than thở cùng ai.

Một bạn Quý Ly dâng lên Thượng hoàng Nghệ Tông sách *Minh Đạo*. Đào Sư Tích bầm Trần Đình Thám bảo:

- *Minh Đạo* là sách của Trình Di ngày xưa, nay soạn sách *Minh Đạo* làm gì nữa. Quý Ly thật ngạo mạn, coi các tiên nho không ra gì...

Tuy nhiên vẫn cảm về nhà đọc. Lúc này, Đào Sư Tích đã làm quan đến chức Hữu ty lang trung. Ông đọc sách *Minh Đạo* xong đưa cho Trần Đình Thám đọc. Nhân đó đến thăm Thám mà hỏi:

- Ông thấy sách *Minh Đạo* của Bình Chương quân quốc trọng sự Lê Quý Ly thế nào?

Trần Đình Thám nói:

- Ông chẳng thấy Thượng hoàng khen đó sao?

- Thượng hoàng khen chẳng qua để lấy lòng ông ta thôi. Người giỏi kinh sử như Thượng hoàng, làm gì Người chẳng biết!

- Đoàn Xuân Lôi cũng đang định dâng số bác lại mấy chỗ ngạo mạn bàn không đúng về tiên nho của Quý Ly, nhưng mới nhận ra vài chỗ, có ý bảo tôi hỏi thêm huynh.

Đào Sư Tích nói:

- Việc gì mà phải hỏi. Quý Ly phê Khổng Tử bốn việc. Đó là trong thiên Ung Dã, Nam Tử là vợ Vệ Linh Công đẹp nhưng dâm dật, mà người lại ra mắt; việc Khổng Tử hết lương ở nước Trần trong thiên Vệ Linh Công; việc Công Lan Phát Nhiều, là quan tể của họ Quý cho gọi mà Phu Tử cũng muốn đến giúp. .. Những điều ấy, trong Luận

Ngũ đã được học trò của Người chép lại mà bản đã sáng tỏ cả, ai mà chẳng biết. Quý Ly bỏ lời bàn đi để tỏ ra mình là người dám vạch ra những việc người trước chưa dám bàn đến. Lại xét đến việc Luận về Hàn Dũ, Quý Ly dám cho Hàn là bọn "nhỏ ngược", cho Chu Đôn Di, Trình Hạo, nhưng bậc đại nho đời Tống là ít tài và không sát sự việc chỉ có một văn chương là muốn cho mình tài hơn cả thánh hiền xưa... Đoàn Xuân Lôi dăng số bác lại là đúng lắm, nên làm lắm.

Trần Đình Thám đến chơi Đoàn Xuân Lôi nói thêm những ý của Đào Sư Tích. Xuân Lôi mừng lắm, liền ghi lại dăng số lên Thượng hoàng ngay. Thượng hoàng lại giao cho Quý Ly đọc.

Buổi chầu hôm sau, Quý Ly chờ Đào Sư Tích và Đoàn Xuân Lôi ở tả vu, khi tan chầu. Quý Ly tỏ ra khiêm nhường khen Đào Sư Tích và Xuân Lôi. Nhưng ít lâu sau Đoàn Xuân Lôi bị đẩy đi châu gần còn Đào Sư Tích bị giáng chức xuống Trung thị lang đồng tri thẩm hình viện sự.

Đào Sư Tích nhân đó, từ quan về làng ở ẩn.

\*

Tích biết mình về làng, Quý Ly vẫn không để cho yên, bèn chuyển sang vùng Lý Hải giáp biển. Năm ấy, nhà Minh cho người sang sách hỏi nhiều chuyện, nhiều văn thần ở triều đình không đối đáp nổi. Có người nói với Quý Ly:

- Phải tìm đến Đào Sư Tích họa may mới có thể làm cho Minh sử bớt hống hách và ngạo mạn.

Quý Ly cho người đến tìm Đào Sư Tích thì chỉ thấy vườn hoang cỏ rậm, vắng tanh không có một ai.

Có một già làng được gọi đến hỏi. Cụ nói:

- Quan Trạng của làng tôi hiện đang ngao du, bán chữ cho thiên hạ, đến họ cũng đổi rồi, biết đảng nào mà tìm.

Sứ giả triều đình thở dài mà ra về!

1997

## Dại khôn, khôn đại

Cậu bé Nguyễn Trung Ngạn, nổi tiếng thân đồng. Học đâu biết đấy. Các thầy ở làng, dạy chỉ một vài năm hết chữ. Thầy dạy vỡ lòng thì quý Ngạn nhất, yêu Ngạn nhất. Chính ông là người dẫn cậu học trò cứng này, tìm thầy để học, suốt từ quê lên phủ, rồi về tận kinh đô.

Lại cũng chính ông được gia đình nhờ cậy, đưa Nguyễn Trung Ngạn lên kinh thi. Khoa thi Đình tháng 3 năm Giáp Thìn, đời Vua Trần Anh Tông, Ngạn đỗ Hoàng giáp. Mạc Đĩnh Chi đỗ Trạng nguyên, Bùi Mộ đỗ Bảng nhãn, Trương Phóng đỗ Thám hoa. Ba người đỗ đầu được Vua ban cho cờ biển, quân hầu, ngựa quý, du ngoạn đường phố ba ngày. Đám quan Trạng ân tứ vinh quy được đi từ cửa Rồng thành Phượng, xem các phố phường, tối lại được về quán dịch. Hoàng giáp Nguyễn Trung Ngạn năm ấy mới mười sáu tuổi, nhỏ hơn các vị đỗ đầu hơn một ít, nhưng phong độ khác thường. Ngạn cũng được Đức vua lưu ở quán dịch, tuy không được ban thưởng cưỡi ngựa dạo phố phường để thiên hạ xem mặt. Ngạn không lấy thế làm buồn, lại ngồi giờ sách ra xem.

Khi ba vị Mạc, Bùi, Trương về thấy lạ hỏi:

- Quan Hoàng giáp đọc gì vậy?
- Tôi đang đọc thơ Âu Dương Tu<sup>(1)</sup>.

Mạc Đĩnh Chi hỏi:

---

<sup>(1)</sup> Một nhà thơ lớn đời Tống, Trung Quốc.

- Thơ về gì vậy?
- Thơ về rượu.
- Bài gì thế anh Nguyễn? - Bùi Mộ hỏi.
- Bài thơ làm trong mộng.
- Ngâm đi xem nào? - Trương Phóng giục.

Nguyễn Trung Ngạn cất tiếng ngâm, giọng đường hoàng, ấm áp. Ngạn ngâm luôn theo cả bài thơ đã dịch:

### Mộng trung tác

*Dạ kinh xuy dịch thiên sơn nguyệt  
 Lộ ám mê nhân bách chủng hoa,  
 Kỳ bĩ bất tri nhân hoán thế  
 Tẩu lan vô nại khách tư gia...*

### Viết trong mộng

*Đêm kinh sáo thổi, trăng nghìn núi,  
 Đường tối mê người, trăm thứ hoa.  
 Cờ xoá, hay đầu đời đã đổi,  
 Rượu ngon, thêm khổ khách xa nhà...*

Các bạn ông ồ lên khen là mãn tiệp. Bùi Mộ còn chép cả bài thơ dịch để lúc nào nhàn rồi ngâm nga. Mạc Đĩnh Chi muốn thử tài Nguyễn Trung Ngạn, cất tiếng hỏi:

- Nguyễn huynh có biết câu "Cờ xoá, hay đầu đời đã đổi" là lấy điển cố ở đâu không?

Ngạn cười:

- Quan Trọng định thử tài Ngạn này chứ gì? Đó chẳng là chuyện chép trong "Thuật đạo ký" ư?

Bùi Mộ chưa biết, thật thà hỏi:

- Tích ấy như thế nào nhỉ?

- Đó là chuyện anh chàng tiêu phu đời nhà Tấn là Vương Chát vào rừng đốn củi, thấy hai đồng tử ngồi đánh cờ, liền đến gần xem. Một trong hai cậu bé cho Chát một quả rừng giống như quả táo. Chát ăn vào không thấy đổi. Khi Chát gánh củi về nhà thì ở làng đã qua đúng một cuộc đời rồi, tức là đã được một trăm năm rồi...

- Ô, thế thì tích này cũng là tích Từ Thức thời!

Bùi Mộ nói:

- Ông này, xem ra tài cũng chẳng kém gì Mạc Trọng nguyên đâu...

\*

Năm Giáp Tý, niên hiệu Khai Thái, đời Trần Anh Tông, sứ bộ nhà Nguyên sang ban lịch và báo tin vua mới Trung Hoa lên ngôi.

Mã Hợp Mưu (Mahmud) làm chánh sứ cùng phó sứ là Dương Tông Thụy nghênh ngang gấn điện Tập Hiền vào tận cầu Tây Thấu Trì, thấy chữ *Hạ mã* ở đầu cầu cũng không thêm xuống ngựa. Quân thị vệ ngăn lại, Hợp Mưu bực mình chửi mắng om sòm. Các viên ngoại lang ở bộ Lễ ra, nhún nhường thuyết phục, Mã Hợp Mưu mang quyển lịch của Vua Nguyên khư khư trên tay, vẫn nhất định không chịu xuống ngựa.

Tin báo về Vua Anh Tông. Vua hỏi ai có thể ra bắt sứ Trung Hoa xuống ngựa được.

Lúc đó, Thị ngự sử Nguyễn Trung Ngạn đang tâu việc. Vua hỏi:

- Khanh có đi được không?

Ngạn nói:

- Có lẽ thân đi trước. Nếu không được việc, Bệ hạ hãy cử người khác giỏi hơn thân.

Vua bảo Ngạn nên đi ngay.

Ngạn không đi từ trong triều ra, mà theo cửa Nam ngoài hoàng thành, đi kiệu tối, tàn lọng rất uy nghiêm. Đến chỗ cầu Thấu

Trì, coi như không biết có sứ bộ Trung Hoa ở đây, cứ xuống kiệu, cho kiệu đặt chắn ở trước cầu, rồi định đi bộ sang.

Mã Hợp Mưu thấy Nguyễn Trung Ngạn có vẻ xem thường, rồi hỏi:

- Ông ta là ai vậy?

Một viên Ngoại lang bộ Lễ trả lời:

- Đó là quan Ngự sử rất được Vua yêu đang có lệnh vào hầu Vua...

Mã Hợp Mưu hát hàm bảo:

- Ta muốn nói chuyện với ông ấy!

Nguyễn Trung Ngạn được bẩm lại, liền sửa mũ áo, cầm quạt tiến đến trước mặt Mã Hợp Mưu. Ông hỏi:

- Ngài định nói chuyện với tôi?

- Đúng thế! Ta là sứ thần của Đại hoàng đế nhà Nguyên là Mã Hợp Mưu đây. Tại sao ta vâng lệnh Đại hoàng đế sang báo tin Vua Trung Hoa lên ngôi, mà đám người này lại dám cản ngựa?

Ngạn đáp:

- Ngài định nói chuyện với tôi, mà ngồi trên mình ngựa, như thế có gọi là lễ được không?

Mã Hợp Mưu sững người, không đáp lại nổi!

Ngạn lại hỏi:

- Tôi xem ra ngài là người thức giả, lại là chánh sứ của chính quốc, chẳng lẽ, gây chuyện cãi cọ với đám lính canh cầu Nhà vua và mấy ông quan ở bộ Lễ này là hay chăng, khi việc chính chưa hoàn thành!

Mã Hợp Mưu vẫn đực người ra, không chịu xuống ngựa.

Ngạn lại hỏi:

- Ngài làm quan chánh sứ, liệu có to bằng Thái tử Thoát Hoan, có giỏi bằng các tướng Toa Đô, Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp không?



Mã Hợp Mưu rất tức, nhưng vẫn không làm gì được. Ngạn lại nói:

- Khi trước Sài Thung sang sứ, thời này, Nguyên Thế Tổ<sup>(1)</sup> đang hùng mạnh, những muốn nuốt chửng cả nước Nam, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chúng tôi đóng giả nhà sư ra tiếp, ông ta cũng kiêu căng không biết mình đang nói chuyện với ai. Một tên lính hầu, thấy đầu Hưng Đạo Vương giả thiền sư cạo trọc, lấy dao nghịch, chích chảy máu, mà người Nam chúng tôi, bởi giữ lễ với sứ thần, Hưng Đạo đại vương vẫn điềm nhiên trò chuyện... Bởi Sài Thung không biết người, không giữ lễ, không nghiêm với người đi theo mình, nên mới xảy ra chuyện chinh chiến những năm trước, chẳng lẽ ngài chánh sứ chẳng biết sao...

Mã Hợp Mưu lúc này mới chịu xuống ngựa, nhún nhường tạ từ:

- Ta thực không phải không biết, nhưng vì trên tay ôm quà của Đại hoàng đế, sợ xuống ngựa không giữ được lễ.

Nguyễn Trung Ngạn cười vang rồi nói:

- Quà của Hoàng đế, lúc cần trao, phải đi đất mà nâng trên tay mới đúng nghi thức, chứ có ai ngồi trên mình ngựa, ngắt ngưỡng thế kia mà gọi là tôn kính được không?

Mã Hợp Mưu nghe nói giật mình, vội vái Nguyễn Trung Ngạn mà nói:

- Ngài thật là người am tường sâu sắc lễ nghĩa, Hợp Mưu này xin được bỏ lỗi cho...

Nguyễn Trung Ngạn vui vẻ, bảo mọi người, dẹp kiệu đi, rồi mời sứ thần đi trước.

Mã Hợp Mưu bảo đem ngựa trở lại quán dịch rồi sửa sang mũ áo cùng phó sứ vào.

---

<sup>(1)</sup> *Tức Hồی Tái Liệt.*

Hợp Mưu hỏi một Viên Ngoại lang bộ Lễ dẫn đường:

- Ông ấy là ai thế?

- Đó là quan Ngự sử của chúng tôi là Nguyễn Trung Ngạn. Ông ấy đỗ Hoàng giáp từ năm mười sáu tuổi đấy!

Mã Hợp Mưu hơi thẹn, nhưng lảng lạng không hỏi gì thêm. Từ đấy, đến khi trở về nước, cử chỉ hành động, nhất nhất đều khiêm nhường, ưu ái. Vua Trần Anh Tông càng quý, ban thưởng cho sứ bộ rất hậu.

\*

Mấy năm sau, do can Vua phong chức chưa xứng với tài đức một đại thần, dễ gây ra mầm lạm dụng sau này, Trần Anh Tông giáng Nguyễn Trung Ngạn xuống làm Thông phán ở châu Viêm Lãng.

Năm đó, ở Viêm Lãng xảy ra một vụ án lớn. Có hai người ở một làng nọ đào vàng, bị hai tên đầu trộm đuôi cướp giết chết. Sau đó người ta lại thấy xác của hai tên này ở đầu và cuối của một con suối.

Viên quan hàng tổng ở địa phương bắt đem lên huyện một người, kèm theo số vàng, và trong số vấn cung có ghi rõ, người này chính là kẻ đã giết hai tên lưu manh kia để đoạt lấy số vàng...

Nguyễn Trung Ngạn chính tay phải xử vụ án này khi đến nhậm chức.

Hỏi cung một buổi, quan thông phán thấy người có tội, mặt buồn rười, xem ra cũng là người có học. Khi về Nguyễn Trung Ngạn tự hỏi mình:

- Chẳng lẽ một gã thư sinh trời gà không chặt thế này mà lại giết được hai tên đầu trộm, đuôi cướp khét tiếng trong vùng...

Liên giao cho một viên lại tiếp tục hỏi cung, còn mình thì mượn một bộ quần áo buôn đến tận chỗ đào vàng hỏi han, và tìm về làng thủ phạm để tra cứu.

Một tháng sau, Nguyễn Trung Ngạn lên công đường, triệu viên chánh tổng lên hầu kiện.

Phòng xử kiện nhân chứng, người nhà thủ phạm đứng vây quanh, hồi hộp chờ đợi.

Nguyễn Trung Ngạn thăng đường.

Ông hỏi:

- Đỗ Sinh, nhà ngươi có giết người có vàng để đoạt của cải không?

Họ Đỗ trả lời:

- Thưa đại nhân, văn sinh nhà nghèo, hai vợ chồng trẻ nuôi nhau, chỉ muốn nấu sủ sôi kinh để nay mai, gặp khi Đức vua mở khoa thi, tiến theo đường khoa cử. Hôm đi vào rừng kiếm củi nuôi vợ ốm, gặp bên suối một xác chết và một túi vàng, đếm được khoảng vài chục lượng. Lòng không dám tham, về nộp cho xã trưởng. Xã trưởng nhận lại còn khen ngợi. Sau đó, thầy xã đem vàng lên nộp cho ngài chánh tổng, nhưng hai hôm sau, văn sinh bị bắt giải lên huyện, rồi bị kết án đoạt vàng hại người.

- Thế khi ngươi nộp vàng, có ai là người chứng kiến không?

- Thưa đại nhân, có người láng giềng của văn sinh đi theo. Anh ấy là bạn của văn sinh, cũng là một người tốt. Chính anh ấy bày kế cho văn sinh đã nộp vàng thì phải lấy chứng nhận làm bằng, do đó, văn sinh đã làm tờ khai nộp vàng và xã trưởng đã ký và đóng dấu vào đấy.

- Tờ giấy ấy bây giờ đâu.

- Dạ, văn sinh giao cho người bạn ấy tạm giữ, anh ấy hẹn lên kinh thành vài tháng mới về, hiện nay, anh ấy còn chưa về?

Nguyễn Trung Ngạn hỏi xã trưởng:

- Có chuyện ấy không?

Xã trưởng lăm lét nhìn chánh tổng, rồi vội thưa:

- Bẩm đại nhân... Bẩm đại nhân!

Nguyễn Trung Ngạn lại hỏi viên chánh tổng:

- Hay là người ăn chặn vàng rồi vu cho người ta cướp người lấy của. Đỗ Sinh khai vàng những hai mươi lượng sau khi đem nộp lại chỉ có mười lượng với một hung khí là con dao nhọn. Hay con dao hung khí ấy chính là định đổi từ mười lượng vàng...

Viên chánh tổng thấy quan thông phán quá nghiêm, tuy nhiên hẳn vẫn tin rằng quan không có chứng cứ nên cứ cãi liều:

- Dạ, thú phạm khai láo đấy thôi ạ!

Vừa lúc ấy có tiếng kêu ở phía ngoài, lính canh giữ lại. Một người nói rất to ở phía ngoài nói:

- Chúng cứ đây! Chúng cứ tôi cầm đây.

Nguyễn Trung Ngạn thấy ồn ào, cho người ra hỏi, rồi đưa người vừa la hét ngoài công môn vào án đường. Nguyễn Trung Ngạn nói:

- Người là ai? Sao lại dám làm ồn ào, khi bản châu đang tra xét việc quan trọng.

- Thưa đại nhân, bạn tôi bị oan, tôi phải vào cứu bạn tôi, kéo vì tôi đến chậm mà bị tội chém, thì có kiện lại cũng không lấp đầu vào cho sống được!

Nguyễn Trung Ngạn hỏi Đỗ Sinh:

- Có phải người bạn bày cho anh phải lấy giấy thị thực nhận vàng của xã trưởng không?

Người vừa đến, vội thẳng lưng lên, chấp tay nói:

- Thưa đại nhân, không những thảo dân bày kế cho anh bạn họ Đỗ lấy giấy nhận vàng làm bằng, còn bày kế nửa đêm đốt lều kêu cháy nữa!

- Có chuyện ấy không, Đỗ Sinh?

- Dạ có, anh ấy chỉ bảo vãn sinh, hai vợ chồng ở căn lều đầu núi, ngộ đêm thú dữ về, không an toàn chỉ bằng đốt đi, vào nhà anh ấy ở, trông nom hộ nhà cửa khi anh ấy đi vắng!

- Sao khi bị bắt, anh không đưa bằng chứng giao vàng ra.
- Dạ, văn sinh không có trong tay, làm sao đưa được.
- Sao không khai người giao giữ hộ.

- Dạ có khai họ cũng không tin, nhất là anh ấy buôn bán nay đây mai đó, chỉ năm thì ba tháng mới về chi bằng không khai thì hơn. Văn sinh chỉ nói rằng chứng từ bị cháy khi lều cháy rồi!

Người láng giềng của Đỗ Sinh rút từ ống tay áo ra rồi nói:

- Dạ tờ giấy bằng chứng ấy đây.

Khi nhìn thấy tờ giấy, Cá chánh tổng và Lý trưởng sợ xanh mặt. Thì ra hán tướng giấy chứng nhận thu vàng đã phi tang, nên bớt số vàng, lấy riêng cho mình, chỉ nộp lên quan một nửa. Lại vu cho Đỗ Sinh giết người lấy của thì họ Đỗ không còn cách nào chối cãi được.

Nguyễn Trung Ngạn đập bàn đáp:

- Lột áo của chánh tổng cho ta, bắt hán mặc áo phạm.

Viên chánh tổng biết tội, kêu khóc xin tha dù có phải hán hết sản nghiệp cũng vui lòng. Thì ra khi xã trưởng nộp vàng lên, y nổi máu tham, lấy luôn mười lượng rồi thét gia nhân đi bắt Đỗ Sinh giải lên quan. Khảo tra thấy Đỗ Sinh không có giấy chứng nhận, lại cháy nhà, cháy giấy, chánh tổng chắc mẩm kỳ này sẽ nuốt trôi mười lượng vàng. Xã trưởng có đến thừa hộ người thật thà nộp vàng, còn giết người hay không thì không rõ, y còn bị chánh tổng máng là ngu không biết làm việc. Vụ án chết bốn người là do hai gã đào được vàng gặp hai thằng háms lợi giết chết đoạt vàng. Sau một trong hai thằng lại hạ thủ nhau để hưởng một mình. Tên cuối vừa định thoát thì đến cửa rừng bị hổ vồ ăn thịt, dao văng ra đó. Túi vàng bị rơi cách đó vài chục bước, lấp vào cỏ. Đỗ Sinh nhặt được. Khi xuống địa phương xảy ra án mạng, Nguyễn Trung Ngạn đã hỏi kỹ, lại sai đào mả tên kẻ cướp lên xem, thì quả thi thể bị hổ ăn quá nửa, chỉ còn mấy mảnh xương thịt vút lại...

Nguyễn Trung Ngạn tha cho Đỗ Sinh, khen cho lòng thực thà, thưởng cho một lượng vàng để ăn học. Cho khám nhà chánh tổng,

quả thấy thêm mùi lạng cho vào lọ chôn ở gốc cây đào. Ngạn phát hiện được do thấy một nửa gốc đào bị héo.

Đây chánh tổng ra viễn châu, cách chức xã trưởng, vụ xử án của Nguyễn Trung Ngạn công minh, tiếng đồn về tại kinh đô. Biết Ngạn là người có tài, Trần Anh Tông lại triệu về kinh làm Thiêm tri thánh tử, sau đó lại thăng An phủ sứ Thanh Hoa.

\*

Nguyễn Trung Ngạn vâng lệnh Vua viết sử nhà Trần, rồi lại theo Thượng hoàng Anh Tông đi đánh Ai Lao có công. Lúc ấy, Anh Tông đã nhường ngôi cho Minh Tông, nên Nguyễn Trung Ngạn càng được trọng dụng.

Một hôm Thượng hoàng Anh Tông, nhớ đến việc mình đã phạt và cất nhắc Nguyễn Trung Ngạn liền cho gọi vào ban rượu quý.

Nguyễn Trung Ngạn vừa đến. Thượng hoàng đã hỏi:

- Bài thơ này có phải của khanh không?

*Giới hiện tiên sinh lạng miếu khí*

*Diệu linh dĩ hữu thôn ngư cụ*

*Niên phượng thập nhị thái học sinh*

*Tái đẳng thập lục sung đình thứ*

*Nhị thập hữu tứ nhập gián quan*

*Nhị thập hữu lục Yên kinh sứ,*

Người làm thơ khoe tài mình trước mọi người, không ngại người ta cho là kiêu căng không?

Được Thượng hoàng ban cho rượu ngon, lại biết tính Ngài ưa thẳng thắn, Nguyễn Trung Ngạn lễ phép thưa:

- Thần biết làm nhà nho phải biết khiêm cung. Nhưng cái được của mình cũng nên ghi lại cho con cháu để chúng sau này noi chí người đi trước. Thần nói rằng, mình không đến nỗi là đồ bỏ đi

của triều đình. Có chí lớn từ nhỏ, mười hai tuổi đỗ Thái học sinh, mười sáu tuổi vào thi Đình, hai mươi bốn tuổi làm quan can Vua, hai mươi sáu tuổi đi sứ sang kinh đô Trung Hoa, chỉ là những điều thần đã gắng sức đã làm được, có gì khoe khoang đâu. Chẳng lẽ hiếu học, đỗ đạt sớm, được trọng dụng sớm, chẳng là những điều không nên nói với lớp hậu sinh ư?

Thượng hoàng Anh Tông rót thêm rượu cho Ngạn rồi bảo:

- Vẫn biết những điều ấy nên nói cả, nhưng để người khác nói cho mình vẫn hơn.

Ngạn cười, không đáp. Thượng hoàng hỏi:

- Sao ngươi lại cười?

- Dạ, thần...

- Sao?

- Dạ, thần có dám nói với ai đâu, chỉ chép riêng trong cuốn *Tạp chú* dùng riêng cho mình. Song dám học trò của thần, chúng thường xem trộm để học lấy câu hay, nghĩa sách hay, thần ghi trong ấy. Chúng biết được, truyền cho nhau, rồi người ngoài biết... Do đó mà mới có lời đồn đại không đúng.

Thượng hoàng rất vui, nhưng cũng vỗ vai Ngạn, thân mật bảo:

- Dù sao thì ngươi cũng không thể gọi là người khiêm nhường rồi. Bởi ngươi bảo chỉ viết trong *Tạp chú*, một mình mình biết. Nhưng còn Lương tâm biết, quỷ thần biết. Thế là đại hay khôn?

Nguyễn Trung Ngạn nói:

- Dạ, quả như thế là đại ạ! Nhưng đại mà được ban rượu vua thì lại là khôn ạ!

Thượng hoàng cười, lại ban thêm rượu rồi bảo Nguyễn Trung Ngạn đọc thơ cho nghe.

Vua tôi uống rượu thưởng trăng đến tận khuya mới chịu về nghỉ.

*Ngày Dần, tháng Tý Năm Đinh Sửu, 1997*

# Bạc đầu vì việc nước

## 1

Quân của Tần Thành hầu Trương Phụ, Tham tướng Huỳnh Dương Bá Trăn Húc đã đánh tan quân của Quý Ly và Hán Thương. Tây Bình hầu Mộc Thạnh, Phong Thành hầu Lý Bân đem tám mươi vạn quân tràn vào đất nước. Quân Minh đi đến đâu, cướp phá, bắt người, rất tàn ác. Người Minh tiến vào Đông Đô, bắt cướp con gái, thu ngọc lụa, lấy hết lương thảo trong kho, chiêu tập bọn theo giặc làm quan, lấy dân nơi xa về ở kinh thành, chiếm đất, chiếm nhà cửa của chủ cũ. Dân chúng bức bối, căm giận, oán thán ra mặt. Quân Minh bị nhiều hào phú, lãnh chúa ở các địa phương mộ binh ngầm chống lại.

Cha con Quý Ly và các triều thần bị bắt giải về Yên Kinh...

Con của Thượng hoàng Nghệ Tông là Trần Ngỗi, đang ở Mô Độ, Trường Yên muốn khôi phục cơ nghiệp họ Trần bèn lên ngôi, lấy hiệu là Giản Định Đế. Quân Minh đem quân đến đánh tận hành dinh. Vua thua chạy, may được Trần Thiệu Cơ đem quân đến tiếp cứu, đưa Vua chạy vào Châu Hoá.

Đại tri châu Châu Hoá lúc đó là Đặng Tất. Tất trước đây là thuộc tướng của Hoàng Hối Khanh. Khanh giữ phủ Thăng Hoa. Hối Khanh cũng dựa vào Nguyễn Rỗi, nằm im nghe ngóng quân Minh đánh Quý Ly ra sao, để chờ cơ hội.

Rỗi không thích Hối Khanh và Tất quay ra theo Nguyễn Phong lúc bấy giờ đang trấn giữ lộ Thuận Hoá. Hối Khanh lui về



Hoá Châu. Tất biết Hối Khanh không phải là người có chí lớn, liền quyết tự mình lập lấy sự nghiệp.

Đặng Tất đem quân vào Thuận Hoá. Nguyễn Phong ngăn không cho vào. Tất tung quân ra đánh, giết được Phong, vào thành, vây đánh Nguyễn Rõ. Rõ thua, định quay về với Hối Khanh, nhưng lại nghe Hối Khanh đã cho người bắt mẹ và gia thuộc giết hết liền quay sang nương náu ở đất Chiêm Thành. Đặng Tất thắng được Nguyễn Rõ, lui về Hoá Châu.

Đêm ấy Tất nằm mơ đi biển gặp rồng vàng. Sáng hôm sau thấy Trần Thiệu Cơ đem binh hộ giá Giản Định Đế tới Nghệ An. Đặng Tất càng tin là mình được thần nhân báo trước gặp được người nhà Trần.

Đón quan nhà Minh vào hành dinh, Tất cho phục binh giết đi rồi đem toàn bộ quân sĩ đến Nghệ An ra mắt Giản Định Đế, rồi lại dâng con gái mình cho Vua, làm Phi. Giản Định Đế liền phong cho Đặng Tất làm Quốc công, giao cho đốc suất toàn bộ binh mã. Đại tri châu Nguyễn Cảnh Chân cũng đem quân tới phò Vua, được phong làm Đông tri khu mật viện sự, Tham mưu quân sự... Bấy giờ thanh thế của Giản Định Đế được Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân phù giúp đã rất lớn.

Để giữ yên ổn từ Nghệ An đến Hoá Châu, nhân Phạm Thế Căng, trấn giữ cửa Nhật Lệ theo giặc Minh lại tiến xưng là Duệ Vũ Đại Vương, Đặng Tất cầm quân đến đánh.

Quân của Tất vây núi An Đại, đánh thẳng vào dinh luỹ bắt Phạm Thế Căng và cháu là Phạm Đống đem về Nghệ An. Giản Định Đế sai đem chém cả!

Tháng 10, năm Mậu Tý, Quốc công Đặng Tất, điều quân các lộ Thuận Hoá, Tân Bình, Nghệ An, Diên Châu, Thanh Hoá, tiến ra đánh Đông Đô. Quân Thanh chấn động kinh thành. Dân trong thành xôn xao chờ đợi vua cũ nhà Trần...

Nhà Minh được tin sai Tổng binh Mộc Thạnh, tước Kiểm Quốc công, đem quân Vân Nam, ngày đi đêm nghỉ tức tốc sang chặn đánh.

Mộc Thạnh lập đồn lũy ở Bồ Cô. Bởi vừa mới hành quân tới, nên thành lũy đã chiến làm còn sơ sài.

Đặng Tất xin Vua nên đánh ngay, không để giặc có thì giờ củng cố phòng lũy, rảnh tay đối phó. Giản Định Đế vốn được Thượng hoàng Nghệ Tông xưa rèn dạy binh pháp, nên cũng hiểu nhiều điều, biết việc cầm quân cần nhanh chệm ra sao...

Tất thấy thủy triều lên gấp, lập thủy trại uy nghi. Mộc Thạnh, cầm quân Vân Nam, vốn ở vùng núi, cho nên quân thủy có phần chưa thật am tường. Đặng Tất cho phao lên trong quân của Mộc Thạnh rằng, quân voi của Vua Trần rất dũng mãnh, dùng toàn những người ở kinh thành và tứ trấn làm quân bộ; đất Hoan, Diễn, Ái Châu, Hoá Châu làm quân thủy, liễu thân đánh bằng được để rước Vua về kinh đô...

Quân Minh vừa sang thấy thế trận to, nhưng trước đã đánh quân Quý Ly ở sông Lô, đuổi bắt Hán Thương và Nguyễn Trừng ở vùng Trường Yên, Châu Ái nên có vẻ coi thường.

Đặng Tất quyết tiến công trước. Quân thủy, quân bộ cùng một lúc đánh giặc. Giản Định Đế tự cầm dùi, đánh trống thúc quân, quân sĩ càng hăng hái. Quân Nam mượn thủy triều lên đem chiến thuyền phá vỡ thủy trại của quân Minh trước. Binh bộ Thượng thư Lưu Tuấn, Đô ty Lữ Nghị đều bị Đặng Tất và các tướng vây hãm chém chết. Quân thủy bị hất lên bờ, cũng là lúc quân bộ bị quân Nam dôn lui vào thành, vốn cục, tiến thoái lưỡng nan. Quân Nam vốn ghét bọn quân, tướng Minh tàn ác giết hại vợ con, bắt bố người Nam về Yên Kinh, nên đánh giặc rất hăng hái. Quân Minh chống cự không nổi, máu loang đỏ mặt sông, thây chết ngổn ngang trên đất.

Kiểm Quốc công Mộc Thạnh phải lui quân về giữ thành Cổ Lộng.

Thanh thế của Giản Định Đế rất lớn.

Vua khao thưởng tướng sĩ, rồi lập tức mời Nguyễn Cảnh Chân, Đặng Tất và chủ tướng đến bàn tiếp việc quân.

Đặng Tất bấy giờ đang cạy mình cầm quân giỏi, đánh đâu được đấy nên ngủ nán một giấc mới vào chầu.

Vua và các tướng phải chờ từ giờ thìn đến giờ mùi. Giản Định Đế rất bực mình, song vẫn kiên nhẫn.

Tất bước vào trường Vua, lay, miệng vẫn còn nồng hơi rượu. Giản Định Đế chớm thấy Quốc công Đặng Tất có ý cậy quyền, nhưng Vua vẫn điềm nhiên, không nói gì.

Khi Tất đã yên vị, Giản Định Đế mới nói:

- Binh thư có nói: Giặc vỡ, nên thừa thắng xông tới! Hãy thừa thế chẻ tre vừa qua, đánh cuốn chiếu một mạch, như sét đánh không cho giặc kịp bịt tai, quân ta nên tiến đánh Đông Quan thì chắc chắn phá được chúng!

Đặng Tất bàn ngang lời Vua:

- Thần nghĩ, việc quân không thể hấp tấp được. Ta mới thắng một trận ở Bồ Cồ, quân giặc chết nhiều, nhưng binh sĩ cũng khiếm khuyết và cần phải chỉnh đốn đội ngũ rồi tiến về Đông Đô cũng chưa muộn.

Trần Thiệu Cơ nói:

- Tôi nghĩ ý của Thánh thượng rất đúng. Ta nên thừa thắng kéo về đánh Đông Quan, như vậy quân Mộc Thạnh ở Cổ Lộng bị cô lập, không cần đánh cũng tự vỡ, nếu phá được Đông Quan. Còn như lo chỉnh đốn quân ngũ, thì khi mang quân ra đây, chỉ cần lá cờ Vương triều Trần dấy lên, dân chúng tướng sĩ ảu náu các nơi đều hưởng ứng. Lấy quân trong làm nòng cốt, bổ sung thêm quân Bắc Hà, như vậy chẳng có thể đánh giặc được hay sao?

Đặng Tất vừa thắng lớn lại chỉ là viên Tri châu ở Châu Hoá, nhân thời thế mà lập công, sợ Nhà vua về Đông Quan, triều thần cũ ở Thiên Trường, Kinh Bắc, Thăng Long nhiều, xô về phù tá thì mình đâu còn làm Quốc công, chỉ huy binh sĩ được nữa, nên dùng đường không quyết.

Đặng Tất nói:

- Thần nghe binh pháp có dạy: Hơn địch mười lần thì vây diệt, hơn địch năm lần thì đánh. Mộc Thạnh dẫn năm vạn quân Vân Nam đến đây, đầu bị thua một trận lớn song quân thu thập hãy còn nhiều. Quân thủy rút về còn đủ thuyền chiến. Quân bộ lui về Cổ Lộng vẫn đủ người, ngựa, vũ khí... Ta mà đánh vào Đông Đô, Thạnh cho quân đánh tập hậu, như thế không nguy hại hay sao. Nếu thua trận ở Đông Quan thì chỉ còn cách lui về Nghệ An, Hoá Châu thôi. Chỉ bằng trụ quân ở đây, chiêu mộ người tài, binh lính. Chờ sĩ khí mạnh, quân uy lớn, kéo quân đi đánh giặc, lúc đó cũng chưa muộn.

Vua biết ý Đặng Tất đã thế, điềm tĩnh không nói gì, nhưng trong bụng có ý ngờ Tất muốn thu quyền binh vào tay mình bèn thôi không ép tiến quân nữa. Đặng Tất cho gọi Nguyễn Cảnh Chân ra, tiến quân vào Kiến Xương. Giản Định Đế thăm lại lăng mộ ở Thiên Trường rồi đóng quân ở Hoàng Giang chờ xem phía giặc động tĩnh ra sao?

Quân Đông Quan, thấy Mộc Thạnh thua, theo đường sông Nhị Hà đến cứu viện Mộc Thạnh ở Cổ Lộng rồi cùng về phòng thủ kinh thành...

Giản Định Đế vẫn hậm hực Đặng Tất không chịu nghe mình bỏ lỡ cơ hội lấy lại nước.

Lúc đó có viên quan nội thị là Nguyễn Quĩ và nho sinh là Nguyễn Mộng Trang vẫn ngày đêm lo hầu hạ và thảo văn thư cho Nhà vua, nhân lúc vắng vẻ xin mặt tấu.

Nhà vua cho vào, Nguyễn Quĩ nói:

- Đặng Tất có mưu tiếm quyền, nên sớm diệt đi.

- Người nói tiếm quyền thì phải có chứng cứ chứ!

- Nội thần nghe Tất đã cách chức Trần Thiệu Cơ và những công thần phò Vua từ Bắc vào và tự đặt chỗ cho những người thân cận mình quê vùng trong, cai quản binh sĩ. Tất lại bàn với Nguyễn Cảnh Chân, nhiều điều phạm thượng.

- Chúng bàn với nhau những gì?

- Tất cho Nguyễn Cảnh Chân chức phó chỉ huy sứ mà không tâu lên Hoàng thượng.

- Hai thằng giặc này lại định tái diễn việc Quý Ly ngày xưa ư?

Rồi mật sai Mộng Trang, Nguyễn Quỹ gọi những người tâm phúc, giao cho đoản đao phục sẵn trong nhà, rồi cho mời hai người đến bàn việc quân.

Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân không biết là Vua đã nghe bọn hầu cận, bày kế độc, liền từ thủy trại đi thuyền nhỏ đến, không đem theo quân hầu!

Khi Tất và Chân ngồi chưa yên chỗ, Vua quát hỏi Tất:

- Đặng Tất, có phải người có ý định làm vua không?

- Dạ, thần...

- Người tự tiện cách chức người này, cho chức người kia, không hỏi đến Trẫm, như thế là tội gì?

- Tâu đó chỉ là Bệ hạ nghe sàm tấu thôi. Thần đâu có dám tự ý... Chẳng qua tướng quân Nguyễn Cảnh Chân, người nhiều mưu lược, thần mới có ý định xin Bệ hạ trọng dụng thay chức cho Trần Thiệu Cơ.

Vua quát to:

- Thiệu Cơ theo Trẫm từ Mô Độ, sau lại có công đánh đuổi quân Minh đưa Trẫm vào Nghệ An, công không phải nhỏ. Người định bỏ Thiệu Cơ dùng Cảnh Chân làm vây cánh chứ gì! Ta phải giết chết những kẻ lộng quyền đi.

Nói rồi Vua nhảy xuống bốp cổ Đặng Tất ghì giữ cho đến lúc Tất tắt thở. Nguyễn Cảnh Chân nhìn vào phía trong, thấy có quân nội cung nấp chờ lệnh liền hốt hoảng bỏ chạy. Vua càng nghi Chân cùng Tất có mưu thoán nghịch, thét to:

- Giết thằng giặc ấy cho ta!

Lực sĩ vâng lệnh đuổi theo, chém chết Nguyễn Cảnh Chân!

## 2

Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị, thấy Vua vô cớ giết cha mình phải căn chặt răng, nén chịu để khỏi thốt ra những lời ai oán, thù hận.

Đặng Dung nói:

- Cha tôi và cha anh muốn dựng cờ nghĩa cứu nước mà cũng không xong. Thế mới biết lời dèm của lũ mất d...<sup>(1)</sup>, lắm lúc nguy hơn cả dối đầu trước một đạo quân lớn?

Nguyễn Cảnh Dị nói:

- Nhà vua chỉ muốn dựng lại cơ nghiệp nhà Trần. Cha chúng ta việc quân cấp bách, lại trái với ý muốn của Hoàng thượng nên sa vào chỗ chết mà vẫn không biết. Bây giờ ta biết oán ai, phò ai đây?

Đặng Dung nói:

- Nước mất thì nhà tan. Tình riêng phải nén lại. Ta đã trót dựng cờ phục hưng nhà Trần, thì lại tìm người nhà Trần mà phụ tá thôi.

Nguyễn Cảnh Dị hỏi:

- Nhà Trần, ngoài Giản Định Đế còn ai đáng mặt bây giờ!

Đặng Dung nói:

- Nhập nội thị trung thân Trần Quý Khoáng chẳng là cháu nội của Hoàng đế Nghệ Tông ư? Người ấy khiêm nhường, nhân ái, biết nhận, biết nghe, có thể phục hồi đế nghiệp nhà Trần được, không lập ông ta thì lập ai?

Dị nói:

---

<sup>(1)</sup> Chi bọn hoạn quan.

- Nhưng còn Giản Định Hoàng đế thì sao? Cự thần nhà Trần đang hướng nhiều về đó! Ta làm sao đối phó nổi với quân Minh, lại phải chia quân phòng người đâm ở phía sau được!

Đặng Dung nói:

- Chỉ sợ ta không trung vua, yêu nước được thôi! Như Chu Văn An kia, có giúp Dụ Tông đâu mà cả nước đều tôn làm bậc Á thánh.

Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị, đem toàn bộ binh mã miền trong, về Thanh Hoá đón Trần Quý Khoáng, mời mọc mãi, Quý Khoáng mới chịu nhận lên ngôi.

Vua lên ngôi ở Chi La, nơi căn cứ của Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị phong cho gia tướng là Nguyễn Súy làm thái phó, Nguyễn Chương làm Tư mã, Nguyễn Cảnh Dị làm Thái bảo, Đặng Dung làm Bình chương sự.

Giản Định Hoàng đế là chú Vua, vẫn cầm cự với quân Minh ở Ngự Thiên, không cho quân Minh đến đào lăng mộ của các tiên tổ và các Hoàng đế nhà Trần.

Quân Minh lại quyết triệt phá hết lăng miếu ở Thiên Trường. Do đó, Giản Định Đế mặc dù rất khốn quẫn vẫn nung nấu trong dân chúng, quấy rối địch. Cự thần nhà Trần và dân chúng vẫn cung cấp lương thực, vũ khí cho Nhà vua. Trần Trùng Quang thấy rất khó xử, liền triệu Nguyễn Súy, Nguyễn Cảnh Dị, Đặng Dung đến bàn việc nước!

Trần Trùng Quang nói:

- Một nước không thể có hai Vua. Giản Định Hoàng đế là chú ta, lại cùng các tiên công đánh được trận thắng lớn ở Bô Cô, lòng dân vẫn còn tín nhiệm. Còn việc giết oan đại thần, nóng lòng lấy kinh đô, thần dân đều thể tất cho được. Giờ ta làm thế nào?

Đặng Dung nói:

- Chỉ còn cách ép Giản Định Đế phải vào lại đây cùng coi việc nước thôi!

Trần Trùng Quang nói:

- Nhưng Giản Hoàng vào đây thì người lại điều hành triều chính. Đặng tướng quân và Nguyễn Thái Bảo có chịu để người sai khiến không?

Đặng Dung nói:

- Chúng tôi đã phò nhà Trần thì phải nén đau riêng lại. Vả lại, Giản Định Đế còn lấy em gái tôi, lẽ nào không nghĩ lại việc sơ suất cũ!

Trần Trùng Quang khen:

- Ta được các trung thần như các khanh phò giúp thì lo gì không đuổi được giặc Minh lấy lại được giang sơn!

Nói rồi sai Nguyễn Súy đem ba nghìn quân thủy cùng thuyền chiến đem quân ra thành Ngự Thiên. Vua thấy quân của Nguyễn Súy đến, chắc là Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị phái đi báo thù cho Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân, liền thủ thành quyết giữ - Súy cho sứ giả xin vào thành nói rõ ý tứ của Trần Trùng Quang, Giản Định Đế cũng không chịu nghe.

Nguyễn Súy liền hạ lệnh cho đánh thành Ngự Thiên. Giản Định Đế thân đốc chiến nhưng quân mỏng không chống cự nổi, chịu thua.

Nguyễn Súy vào thành, bức Vua phải vào Chi La, để Trần Trùng Quang và triều đình dự liệu.

Vua nhìn vào đám quan nội thị run như giã, tướng tá tan nát cả, ngửa mặt lên trời mà than:

- Trẫm là Ngõi đã hết thời, không làm gì được nữa, xin tổ tiên đại xá!

Nói rồi chịu xuống thuyền để Nguyễn Súy đưa đi. Hưng Khánh Thái hậu mẹ Trần Ngõi, vốn là người nhà Quý Ly và Hán Thương liền ngầm liên kết với Lê Nguyên Việt, Nguyên Đình, khởi binh ở Hát Giang đánh Trần Trùng Quang, rước Giản Định Đế về...



Gia tướng là Nguyễn Trạo biết việc ấy liền tiết lộ với Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị. Hai người tâu Vua, thân đến đánh, giết được Việt và Đinh. Thuộc hạ bị bắt, vào trước thềm vua. Trần Trùng Quang đều tha cả.

Khi trở về cũng là lúc Nguyễn Suý đưa Giản Định Đế tới. Trần Trùng Quang đổi áo hoàng bào, mặc áo thường đến. Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị xuống thuyền đón rước.

Chú cháu gặp nhau giàn giụa nước mắt. Trần Trùng Quang nói:

- Vận nước buộc cháu phải nhận ngôi. Nay chú đã đến, xin chú lại lên ngôi cũ. Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị quả là những đại thần hiếm có xin chú bỏ qua chuyện cũ cùng cháu lo việc nước khôi phục cơ nghiệp nhà Trần.

Giản Định Đế chưa kịp nói gì thì Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị quỳ lạy xin Vua lên bờ...

Biết mình giết oan Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân, mà con của họ vẫn trung thành với nhà Trần, Giản Định Đế thờ dài, nâng Dung và Dị đứng dậy nói:

- Ai cũng có lúc lầm ở đời. Mong các ông bỏ qua việc trước.

Rồi lên bờ theo Trần Trùng Quang về Chi La. Trùng Quang tôn Giản Định Đế là Thái thượng hoàng cùng Trùng Quang chiêu mộ hào kiệt.

Tổng binh nhà Minh là Mộc Thạnh sai sứ là Hoàng La đến khuyên Vua nên đầu hàng nhà Minh. Vua đón sứ ở Nỗ Giang Thanh Hoá.

Hoàng La nói:

- Hoàng đế nhà Minh muốn Nhà vua đầu hàng, chịu thần phục thì hai nước lại hoà hiếu như cũ.

Vua trả lời:

- Nhà Minh muốn Đại Việt hoà hiếu thì việc gì phải cất tám mươi vạn quân sang đây. Nếu nói là giúp nhà Trần hướng nghiệp như cũ thì cần gì phải đưa nhiều Đại tướng, văn thần sang nhiều thế. Chẳng qua là Vua các ông muốn theo cách nhà Hán, nhà Đường làm lại Đô hộ phủ ở An Nam thôi! Ta nói thật cho các người biết. Người Việt bây giờ khác xưa lắm rồi. Quân Nguyên Mông kiệt kiệt đến như thế mà còn bị đánh tan. Người Trung Hoa sao không nghĩ đến chuyện cũ.

Liên đuổi sứ giả về, cất quân đánh. Vua cầm quân tiến ra Bình Than, Thượng hoàng đi sau, đóng quân ở Hạ Hồng.

Quân ở Đông Quan cho thuyền chiến và quân bộ đến nghênh chiến, đóng ở thành cổ thủ... Hào kiệt các nơi đem quân đến hưởng ứng rất đông.

Hoàng đế nhà Minh thấy tình hình An Nam không thuận cho việc bình định liền cho tổng binh Anh Quốc công Trương Phụ đem quân sang cứu viện. Phụ đến, phái Mộc Thạnh đóng quân ở Bình Than chống cự với Vua, không cho tiến về Đông Quan, còn mình đem quân đến Hạ Hồng đánh Thượng hoàng Giản Định Đế. Giản Định chưa thấy giặc đến đã bỏ thuyền lên bờ, bỏ về vùng Thiên Quan thuộc Trường Yên. Trùng Quang sợ Thượng hoàng lại muốn lập triều đình riêng, sai Nguyễn Súy đem binh mã đuổi theo, nhưng chưa đến nơi đã được tin Trương Phụ đã vây hãm bắt được Vua và thái bảo Trần Hy Cát, đã giải ngay về Kim Lăng.

Trùng Quang giữ chặt lấy Bình Than. Đặng Dung giữ cửa Hàm Tử. Trương Phụ cho bủa quân vây hãm không cho quân tiếp viện ở Thanh-Nghệ tới, quân lính của Đặng Dung rất khốn khó, phải chia quân đi gặt lúa sớm, cung cấp cho binh lính. Phụ liền đốc quân đánh Đặng Dung. Quân Dung tan vỡ bỏ cửa Hàm Tử. Trùng Quang đóng ở Bình Than thấy Hàm Tử mất, liền đem chư tướng rút về căn cứ Chi La.

Quân Minh tràn đến đâu, cướp giết rất tàn ác. Trương Phụ thả cho binh lính hoành hành. Chúng mổ bụng lấy thai người sau khi hiếp người mẹ, gặp nơi quân Nam chống cự mãnh liệt, khi thua,

chúng giết cả tù binh lại quấn ruột vào cây, rán thịt lấy mỡ, tưới mỡ vào người trời ở cộc đốt làm đuốc sáng cho chúng nhảy múa, ăn uống... Trương Phụ và Hoàng Phúc cho đặt quan cai trị ở các phủ lộ. Nhiều bọn háo danh, ham lợi đã ra cộng tác với chúng! Năm Canh Dần (1410) Vua cùng Nguyễn Cảnh Dị lại đem quân ra Hạ Hồng, đánh một trận phục thù cho Giản Định Đế, phá tan quân Minh. Đô đốc Minh là Giang Hạo phải rút chạy. Vua tiến đánh Bình Than. Bởi quân Minh tàn ác nên các phủ hào ở địa phương lại tiếp tục nổi dậy. Đồng Mặc ở Thanh Hoá tự xưng là Lỗ Lược tướng quân, trước từng giết tướng Minh là Tả Địch, bức chết Vương Tuyên, song không phục Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị nên có ý phò Thượng hoàng Giản Định Đế. Việc đón Giản Định vào Thiên Quan chính là do Lỗ Lược sai người đi. Trương Phụ sợ các đám quân nhỏ hợp lực với Trùng Quang nên sai quân đi dẹp. Đỗ Cối, Nguyễn Hiệu ở Trường Yên, Lê Khanh ở Thanh Đàm, Lê Nhị ở Thanh Oai đều bị dẹp tan cả.

Phụ tiến đánh Đồng Mặc ở Thanh Hoá, dẹp xong đem quân vào trấn ở Diễn Châu, lại chặn đánh các quân tiếp viện của Trùng Quang. Thấy việc quân không có lợi, Nguyễn Cảnh Dị lại đưa Vua về Nghệ An.

Đất nước lại bị quân Minh đô hộ từ phía Nghệ An trở ra. Vua mấy lần sai người đến xin cầu phong nhưng người nào đến đều bị giặc Minh giết hết cả... Triều đình của Trần Trùng Quang càng bị ép vây hãm. Trương Phụ vợ vét hết gạo muối, bắt đàn ông lao dịch, tối phải ra đình ngủ trong vành đai cánh gác của quân Minh.

Vua và chủ tướng liều đánh Phụ mấy lần đều không thắng nổi. Giặc vây ép ngày càng nguy kịch.

Mùa thu, tháng 9 năm Quý Tỵ (1413) Trương Phụ đem quân Minh đột nhập kênh Sái Giã. Nguyễn Súy, Đặng Dung chống cự quyết liệt. Nguyễn Súy đóng một phía trại. Đặng Dung đóng một phía trại. Đêm ấy, Trương Phụ cho quân tập kích trại Đặng Dung. Dung biết được quỷ kế, cho quân tượng đánh lại, rồi thừa thắng

đuổi theo đến doanh trại của Phụ. Phụ bất ngờ không kịp đối phó. Dung nhảy lên thuyền Phụ, định bắt sống nhưng không nhận ra Phụ, do đó Phụ nhảy xuống thuyền khác trốn thoát...

Tháng 11 năm đó, Trương Phụ cho quân đánh vào căn cứ địa của Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị. Cả hai đều bị giặc bắt.

Khi giam trong ngục, Đặng Dung cảm khái ngâm to lên bài thơ:

*Việc nước miên man, đã khép đời,  
Đất trời trong riệu hát ngao chơi:  
Gặp thời, thầy khoá nên công để,  
Lỡ vận anh hùng hướng lệ rơi.  
Giúp chúa hằng mong giành cõi đất  
Rửa gươm sao kéo nổi sóng trời.  
Quốc thù chưa báo, đâu sao bạc?  
Bao thừa mài gươm, trăng dôi soi<sup>(1)</sup>.*

Trương Phụ được báo nghe thơ, lôi ra hành hình. Đặng Dung vươn cổ cho mà chém.

Giết Đặng Dung rồi, Trương Phụ đem Nguyễn Cảnh Dị ra hỏi:

- Đặng Dung đã chết, còn người có chịu hàng ta không?

Nguyễn Cảnh Dị nhổ vào mặt Phụ, quát lớn:

- Tao định giết mày, lỡ cơ bị mày bắt. Tao có hoá ra ma cũng về bóp cổ cho mày lè lưỡi ra!

Rồi chửi Trương Phụ luôn miệng. Phụ tức quá giết Dị đem gan Dị xào nhắm rượu...

Bữa ấy, trời sấm, đất tối, hai ba ngày mới trở lại bình thường.

1997

---

<sup>(1)</sup> Nguyên văn chữ Hán, bản dịch của tác giả

## Yan ngôn thư

Bùi Bá Kỳ đến gặp Lê Cảnh Tuân, mặt râu râu không nói. Lê Cảnh Tuân hỏi:

- Ông buồn nỗi gì vậy?

- Nước mắt, nhà tan!

Lê Cảnh Tuân nói:

- Việc lớn việc nhỏ, có chí đều thành. Chỉ sợ mình không có chí! Người có chí ắt phải có tâm. Có tâm, dù việc thành hoặc không thành, người thân, người trong thiên hạ, đều biết cả.

Bùi Bá Kỳ nói:

- Vậy, ông bảo tôi nên làm gì?

Lê Cảnh Tuân nói:

- Ông có học được chí người xưa như Dự Nhượng, hết lòng về nhà Trần không?

- Tôi thờ nhà Trần hết lòng. Tướng quân Trần Khát Chân là chủ cũ của tôi. Tôi và Hồ Quý Ly không đội trời chung, nay cha con nhà Hồ hoành hành, hiệp vua cướp ngôi vua của nhà Trần, tôi ngồi yên sao được. Ông có kế sách gì bày cho tôi nghe đi!

Lê Cảnh Tuân, người Mộ Trạch, huyện Đường An (Hải Dương), đỗ khoa thi Hương năm Xương Phù nhà Trần, rất thân với Bùi Bá Kỳ. Thấy bạn, đang lao tâm, khổ tứ muốn hưng Trần diệt Hồ Quý Ly, liền thở dài.

Bùi Bá Kỳ, đỏ mắt, nhìn Lê Cảnh Tuân trách:

- Chẳng có kế sách gì ư?

Lê Cảnh Tuân nói:

- Nhà Hồ thù tằm quyên lược, sát phạt con cháu họ Trần. Họ Trần nhu nhược, có tướng giỏi phù tá như Đặng Tất, Nguyễn Cảnh Dị không biết dùng. Trông mong ở trong nước diệt Hồ Quý Ly, Hồ Hán Thương khó lắm. Chỉ còn cách mượn tay ngoại bang thôi. Khi diệt được họ Hồ, ta lại tính các phương lược sau.

Bùi Bá Kỳ nói:

- Vậy tôi phải sang nhà Minh, xin họ đem quân sang diệt cha con Hồ Quý Ly ư?

Lê Cảnh Tuân gật đầu.

Bùi Bá Kỳ trốn sang Yên Kinh. Khi Bá Kỳ sang, Trần Thiêm Bình đã sang trước, tâu với Minh Thành Tổ xin đem quân sang trị Hồ Quý Ly. Vua Minh liền cho Bá Kỳ ở cùng trại quân với Thiêm Bình.

Khi Vua Minh hỏi cần bao nhiêu quân có thể phục quốc. Trần Thiêm Bình nói:

- Xin Hoàng đế cho chúng tôi khoảng vài ngàn quân thôi. Chẳng qua, chúng tôi mượn uy trời để dẹp loạn trong nước. Nếu đem được quân về, thì đi đến đâu, ở đó dân chúng sẽ theo, các tướng giữ đất sẽ hàng phục ngay.

Bùi Bá Kỳ kêu lên:

- Làm sao vài nghìn quân có thể đánh nổi Hồ Quý Ly. Đó chỉ là chuyện hảo huyền.

Minh Thành Tổ tức giận, mắng Kỳ một trận, rồi sai đây đến Thiêm Tây, Cam Túc.

Trần Thiêm Bình mang quân về bị đánh tan tác. Bấy giờ Vua Minh muốn nhòm ngó Đại Việt.

Năm Bính Tuất (1406) (Hồ Hán Thương, Khai Đại năm thứ tư), sai Trương Phụ cất quân sang đánh. Lại lấy Mộc Thạnh, Lý Bân

làm phó tướng và tham tướng, đánh Đại Việt. Vua Minh cho gọi Bá Kỳ về, dẫn quân Minh sang đánh Hồ Quý Ly. Cha con Quý Ly thua to, bị bắt về Yên Kinh. Bùi Bá Kỳ được Trương Phụ tâu Vua Minh ban cho chức Tham nghị.

Khi về đến Thăng Long, Bùi Bá Kỳ cho người đi tìm ngay Lê Cảnh Tuân. Lê Cảnh Tuân nhất định không chịu làm quan cho nhà Minh. Bùi Bá Kỳ phải thân đến tận nhà, đưa thư của Trương Phụ, lời lẽ rất khẩn thiết. Ông cũng không đi, chỉ trao cho người nhà Bùi Bá Kỳ một phong thư, hẹn phải giữ kín không được để cho ai biết. Bức thư được Lê Cảnh Tuân thức mấy đêm để viết, lấy tên là *Vạn ngôn thư*. Bùi Bá Kỳ, nửa đêm thắp bấc lập giờ xem, trần trở vào ra, nhấc lên, đặt xuống bức thư, không ngủ nổi. Kỳ đọc đi đọc lại có đến hàng chục lần đoạn sau đây:

*"Nhà Minh đã sắc cho các hạ<sup>(1)</sup> theo quân họ sang đánh, chờ bắt được nhà Hồ, chọn lập con cháu họ Trần, gia thêm tước để giúp nước. Thế mà nay chỉ thấy họ lập Ty Bố Chính, phong các hạ tước cao, còn nhà Trần thì chỉ cho người quét dọn miếu thờ. Vậy nếu các hạ có thể lại tâu lên, xét lời nói của các bậc quan lại, kỳ hào bày tỏ việc con cháu họ Trần chưa tuyệt, để họ tuyền chiếu khác, sắc phong cho họ Trần. Đây là thượng sách!*

*Không được thế thì các hạ xin thôi chức, chỉ xin làm viên quan coi miếu nhà Trần, đó là trung sách.*

*Còn nếu các hạ nhận chức quan cao, ăn nhiều lộc, thì là hạ sách vậy.*

*Nếu như các hạ theo thượng sách, thì tôi xin làm các vị nhân sâm, cam thảo, chỉ xác, trần bì sung vào các giỏ thuốc cho các hạ dùng. Theo trung sách thì tôi xin bưng khay chén đi lại trong miếu cũng là để các hạ sai bảo. Còn nếu theo hạ sách, thì tôi sẽ cày ruộng nơi tũn mịch, nhân hạ, để cho trọn những năm sống thừa mà thôi".*

---

<sup>(1)</sup> Tiếng gọi tôn kính với người đời thoại, tương đương như Ngài.

Bùi Bá Kỳ hiểu Lê Cảnh Tuân biết mình ham bổng lộc của kẻ thù, lại sợ mang tiếng dẫn quân Minh sang, thành kẻ công răn cản gà nhà, nên bứt rứt, ngồi đứng không yên, nhiều lúc cũng tự mình xỉ vả mình.

Người đưa thư lên xem trộm được *Vạn ngôn thư*, lòng đây cảm kích, liền sao lấy một bản, gấp khi hội họp cùng đám người nghĩa khí, liền đem ra đọc. Nghe bức thư, kẻ võ biên thì quắc mắt cau mày, còn những bậc nho nhã, người cúi mặt xuống, người rờn rờn nước mắt.

Bùi Bá Kỳ lại cho người mời Lê Cảnh Tuân về kinh đô. Lê Cảnh Tuân đã có chủ ý, liền nhận lời. Lúc khăn gói sắp lên đường, con trai quỳ xuống trước mặt, khóc mà can rằng:

- Cha lên kinh thành, lành ít dữ nhiều, chi bằng ở lại với làng quê, con cháu, làm kế hạ sách trong *Vạn ngôn thư* không hay ư!

Ông an ủi con mà nói:

- Nhà ta đời đời ăn lộc Vua Trần, cha vui thú điền viên sao được. Nước đã mất rồi, phải mong lấy lại. Cha lên đó, để xem tình hình quân Minh, và quân nghĩa nổi dậy các nơi ra sao, rồi sẽ có kế sách. Nhận lời cộng tác với quân Minh chẳng qua là tương kế, tựu kế thôi!

Người con trai nói:

- Thưa cha, cha không sợ thiên hạ dị nghị ư?

Lê Cảnh Tuân đường hoàng bảo con:

- Lòng thành của ta, khi viết ra lời là ở *Vạn ngôn thư*, rồi đây sẽ thể hiện ở việc ta làm. Nếu ta hết lòng báo quốc, dù chết cũng vinh, tiếng trung nghĩa chắc muôn đời còn ghi cùng sử sách.

Rồi lên kinh. Bùi Bá Kỳ nói với Trương Phụ và Hoàng Phúc, trao cho ông chức Giáo thụ. Khi ông về, Hoàng Phúc nói với Trương Phụ:

- Người này không ham danh lợi của cải, vừa dùng, vừa phải để mắt đấy!



Lê Cảnh Tuân biết Bá Kỳ đang trần trở, đau khổ rất nhiều. Thương bạn, Tuân không giúp gì được. Chỉ lúc nào họp mặt với đám nhà nho, hào hán, có ai trách hoặc chửi Bùi Bá Kỳ, chỉ kéo vai hoặc nắm lấy tay rồi bảo:

- Thôi nào, hãy đến đây làm chén rượu đã, ông bạn.

Rồi nhỏ to bàn chuyện cứu nước. Lê Cảnh Tuân ngầm khuyên nhiều người cơ nhỡ, cựu thân cũ của nhà Trần, đến nương tựa ở dinh Bùi Bá Kỳ. Có thư của Tuân. Kỳ đều nhận cả...

Lê Cảnh Tuân nấn ná ở kinh đô, xảy đến khi Phạm Chấn lập Trần Nguyệt Hồ xưng vua ở Bình Than, Trương Phụ sai Bùi Bá Kỳ dẫn đường đến đánh.

Khi Trương Phụ đuổi, Phạm Chấn dẫn Trần Nguyệt Hồ chạy qua núi đá để thoát ra vùng giáp biển, Bùi Bá Kỳ dẫn phục binh ra đánh nhưng chỉ giết vài chục người lính, mà hò la đuổi chứ không chủ bắt Phạm Chấn và Trần Nguyệt Hồ.

Từ đó, Trương Phụ không trao binh quyền cho Bá Kỳ nữa rồi bắt về Kim Lăng. Mấy bữa sau, Trương Phụ cho bắt nốt Lê Cảnh Tuân. Phụ quát hỏi:

- Mày có biết cái thứ chó chết này không?

- À, đó là *Vạn ngôn thư* tôi viết cho Bá Kỳ.

- Mày có bao nhiêu đầu mà dám nói những lời càn rỡ thế?

Lê Cảnh Tuân ôn tồn trả lời Trương Phụ:

- Những lời trong thư là lời gan ruột trung nghĩa, sao lại gọi là điều càn rỡ được. Chỉ có kẻ coi dân một nước văn hiến là mọi rợ, khinh thường chí khí quật cường của người Việt khi họ dám đứng ra trừ bạo, dựng cờ nghĩa, mới cho là càn rỡ thôi.

Trương Phụ muốn giết, nhưng các tướng can, liền giải Lê Cảnh Tuân về Kim Lăng.

Lúc đến Yên Kinh, Vua Minh, cho vào đối chứng cùng Bùi Bá Kỳ. Lê Cảnh Tuân thản nhiên cùng ngồi. Bá Kỳ buồn rười, ngược mắt nhìn Lê Cảnh Tuân rồi khóc.

Lê Cảnh Tuân bảo bạn:

- Tấm lòng của ông có trời đất chứng giám việc gì mà phải buồn!

Minh Thành Tổ chìa *Vạn ngôn thư* ra trước mặt Lê Cảnh Tuân rồi hỏi:

- Người khuyển Bá Kỳ mưu làm phản. Vì sao vậy?

Lê Cảnh Tuân nói:

- Người Nam phải lo giành lại nước từ tay người cướp nước của họ. Bù Bá Kỳ là người cũ của nhà Trần ắt phải vì nhà Trần, còn tôi là người được Vua Trần nước Nam cho một chút khoa bảng, dù chưa một ngày ăn lộc, nhưng tấm lòng vì nước, thì đứa trẻ con ở nước tôi cũng hăng hái, hưởng chi tôi!

Vua Minh giận lắm, giam vào ngục ở Kim Lăng.

Năm năm sau, Lê Cảnh Tuân ốm chết ở trong ngục. Khi cai ngục lần trong hành trang thấy có một bài thơ, cắn máu đầu ngón tay viết lên vạt áo trắng như sau:

### **Không có ý<sup>(1)</sup>**

*Không ý phò tài, người cũng hay,  
Động hay không động cũng do tài.  
Thân tuy già lão, lòng còn trẻ,  
Nghĩa ấy ngời ngời, chẳng bó tay.  
Xướng lĩnh treo dèo đầu xá kẻ,  
Lên ghềnh vượt thác há hung lay!  
Người Nam ai chẳng yêu thương nước,  
Sông núi kiêu hùng có kém ai.*

---

<sup>(1)</sup> Nguyên văn: Vô ý, thơ chữ Hán, người viết truyện dịch.

## Bữa tiệc đầu người

Trương Phụ hỏi Mộc Thạnh:

- Nguyễn Biểu là người như thế nào?

- Biểu là người vùng này, đỗ Thái học sinh, từng làm quan Ngự sử thời nhà Trần, nổi tiếng là người ngay thẳng, trung trực.

- Hãn theo Quý Khoáng từ bao giờ?

- Tôi không rõ lắm, điều này tướng quân phải hỏi đám mưu sĩ! Nhưng tôi cũng được biết, ở đây không riêng gì Nguyễn Biểu là người được kính nể, còn nhiều người khác nữa.

Trương Phụ cau mày, trách nhẹ:

- Ông và tôi được đấng thiên tử tin cậy, giao cầm cờ tiết đánh dẹp một vùng đất từng làm bại trận bọn Nguyên Mông kiêu hùng. Ông từ Lê Hoa kéo xuống, tôi từ Nam Quan kéo sang, đánh Hán Thương ở Bạch Hạc, ép Nguyên Trùng ở Túc Giang, hạ thành Đa Bang, tiến vào Đông Đô, vượt Thanh Hoá, đuổi sâu, bắt cha con Quý Ly ở Thâm Giang, đây chẳng là lúc chúng ta đồng tâm hiệp lực với nhau ư? Hay bây giờ, ông lại có ý nghĩ gì khác.

Mộc Thạnh điềm đạm nói:

- Tôi và tướng quân đều là những người theo Thái tổ nhà Minh từ khi chưa có giang san, lòng trung với nước, chẳng ai có quyền cật vấn ai nữa. Mọi việc quân ở đất An Nam này, tướng quân hoàn toàn liệu định, tôi là phó tướng, quân lệnh như san, đâu dám bàn ngang.

Trương Phụ biết mình hơi quá lời với viên tướng già đáng kính trọng trong số tùy tùng của ông ta mang theo này. Duỗi thẳng chân ra, nhắc thanh kiếm quý đích thân Vua Minh ban cho khi nhận chức Chinh Di đại tướng quân, lấy bàn tay vỗ vỗ vào tay ghế kê trên tấm da hổ đặt trong trường gấm, nói:

- Trận mạc có bao giờ giống nhau. Chúng ta đều là những viên dũng tướng trải dư trăm trận, chẳng lẽ lại không bình định nổi một đất mọi rợ như cái giải áo bám vào Trung Nguyên hùng vĩ của chúng ta ư!

Mộc Thạnh ngồi lặng thinh, uống trà. Phụ biết tính Thạnh, Thạnh tuy là tướng võ nhưng nghiêng về thân trọng. Thạnh không muốn hành binh theo lối bất kể ngày đêm, truy bức đến kỳ cùng của Phụ. Mưu chước của Thạnh khác Phụ. Ý Thạnh không muốn chia xẻ đại binh đi xa, mà hãy giữ lấy kỷ cương, lập lại trật tự từ Châu Ái trở ra. Khi nào nắm chắc được vùng đồng bằng sông Nhĩ Hà, tích trữ đầy lương thảo hãy cất quân đánh Châu Hoan, Châu Hoá và Châu Thuận. Nhưng Trương Phụ thì hơi sốt ruột. Thấy Thạnh lại lì ra, Phụ đành an ủi:

- Thôi ông Tây Bình hầu Mộc Thạnh này, về mặt đánh Đông dẹp Bắc, tôi hơn ông, nhưng về mặt binh thư, ông lại giỏi bài binh bố trận, thích lập kế sách. Tôi thiên về đánh, hãy cứ đánh tới, bởi có đánh tới thì mới thành công. Có khác nào như việc dập lửa, ngừng tay một chút, lửa lại bùng lên, mình lại phải dập!

Thạnh nói:

- Người Nam bướng bỉnh, gan góc, lắm mưu mẹo. Việc đánh Hán Thương dễ, bởi vì lòng người Nam vốn ghét chúng. Nhưng từ khi tướng quân chinh phục được Đông Đô, cho đắp các thành Tam Giang, Đa Bang, Cổ Lộng để kiểm chế những người giúp nhà Trần nổi dậy, lập đồn điền, bắt Giao Chỉ nộp thuế, lấy chinh chiến để nuôi quân đánh xa. Gặp phải kẻ bất khuất, đất thì lấy được, nhưng lòng người Nam coi quân ta chẳng khác gì quân Nguyên Mông cũ.

Tướng quân thiên về uy mà không thiên về đức, nặng về đánh dẹp hơn là vỗ về thực bụng. Gặp kẻ chống lại, cơn tức giận lên thì đốt trụi một làng, chôn sống hàng trăm người, bêu đầu hàng chục kẻ.... tôi e rằng chỉ khích thêm sự trả thù hơn là gây được sự khiếp hãi.

Phụ thấy nói, chặm đến công việc của mình, bực mình nạt hỏi:

- Ông cho tôi là đa sát, hữu dũng, vô mưu chăng? Nhưng tôi cảm quân chưa để cho dũng tướng của mình bị rơi đầu, hàng vạn quân bị thua thiệt trong nháy mắt, đến nỗi thân Đại tướng suýt nguy như trận Bô Cô vừa đoạn đầu! May sao, Vua tôi bọn Giản Định Đế mâu thuẫn, giết hại lẫn nhau, chứ không thì tôi dù có che chở, tội ông cũng không thể nào thoát được.

Mộc Thanh thản nhiên đáp:

- Cuộc thua trận ở Bô Cô, đó là tội lớn của tôi, tôi đâu có dám dùn đẩy cho ai đâu. Nhưng cùng đưa quân sang nước người lo việc chinh phục, thấy cái gì đúng phải nói, điều gì sai phải can gián. Tôi không hề có ý gièm báng tướng quân, mà thực lòng cũng vì công việc đánh dẹp thôi.

Trương Phụ nghe vậy mới tạm nguôi. Mộc Thanh chào Phụ rồi lui ra. Bấy giờ, viên quan hầu cận vào báo Vua Trần Trùng Quang sai sứ giả là Nguyễn Biểu từ Hoá Châu tới xin cầu hoà. Phụ cho vào.

Nguyễn Biểu vận phẩm phục Ngự sử thân của triều Trần, mũ áo, bào hốt, cân đai chỉnh tề, ung dung bước tới. Thấy Phụ vẫn ngồi duỗi chân, mặt hầm hầm nhìn thẳng vào mặt mình không chịu đứng dậy. Biểu cũng đứng lại không tiến thêm nữa. Phụ cho hai hàng quân lính, tuốt gươm trần sáng quắc, mặt đầy sát khí. Biểu không vì thế mà nhụt, lại mỉm cười nói to:

- Thế mới biết người phương Bắc sợ người phương Nam vậy!

Phụ giậm chân, vỗ án quát:

- Hàng chục vạn quân Hán Thương - Quý Ly, ta đập tan nát như dùng sào nứa cán bèo, người hiểu chưa!

- Kẻ nhát thì dẫu vạn, chứ muôn cũng có gì là nhiều. Người trí lược thì một người cũng bằng hùng binh trăm vạn!

Phụ nén giận hỏi:

- Giao Chỉ chúng bay, người trí lự được độ bao nhiêu người?

- Tôi không có thì giờ ngồi đếm họ. Chỉ biết đó là những người, từng làm cho Tô Định sồn gai ốc, Cao Biền phí cả một đời chiến tướng. Hoàng Thao, Thoát Hoan đều lưu lại tiếng như trong lịch sử. Toa Đô, Ô Mã Nhi kẻ thì làm ma không đầu, người thì làm thức ăn cho cá biển!

- Câm ngay! Đồ vô lễ!

Biểu không chịu nhún, cũng máng trả lại:

- Tướng quân bảo ta vô lễ ư! Hai bên giao tranh ta chưa phải là kẻ thua, tướng quân chưa là người thắng. Vua ta là dòng dõi đế vương ở phương Nam, dựng nghiệp, lập công, có thiên hạ là nhờ mưu lược, nhân nghĩa. Khi tướng quân giúp Thái tổ nhà Minh từ nơi lau sậy đánh lại bọn người Mông Cổ giành lại đất Trung Hoa, thì tướng quân với Vua Minh có khác nào như ta với Vua Trùng Quang hôm nay! Tướng quân cầm ấn ra ngoài biên giới lo việc lớn, phải lấy lễ đối với nước láng giềng, có đâu cứ quát lác như kẻ vũ phu. Như vậy gọi làm sao là người của đất văn hiến!

Phụ căm lắm, nhưng cũng nén giận, bày nghi lễ ra để tiếp Nguyễn Biểu. Nguyễn Biểu xử sự đúng nghi thức của sứ giả của một nước biết lễ nghĩa, khiến Phụ cũng phải ngậm phục, đành lấy lễ đáp lại.

Phụ xem thư cầu hoà của Trùng Quang, rồi truyền bỏ các thứ nghi thức, bày đồ trà tiếp Biểu.

Bấy giờ đang vào vụ hè nóng nực. Quân của Phụ đang khổ vì gió nóng. Phụ phải cắm trại ở bên sông. Quân thủy đóng kín ở một

góc sông Lam. Phụ dẫn Biểu đi xem doanh trại, rồi trở về trưởng phủ, truyền đem vài ngon đái Biểu, trong bụng nghĩ, nếu thu phục được những người như Biểu về với mình, thì cũng là một điều hay. Phụ bóc vài ăn ngon lành, nói dong vào các chuyện viễn vông, không nói gì đến việc phúc đáp lại bức thư của Vua Trùng Quang cả. Phụ khen:

- Vài phương Nam quý thật, nhất là ăn trong cơn gió lửa ở cái vùng đất quái ác này. Nghe nói què hương ông cũng gần đây đây.

Biểu thưa:

- Què tôi đất bạc, làng nghèo, chinh chiến triều đại nào cũng đến. Nhưng tướng quân xem đây, núi sông thì hùng vĩ. Hồng Lĩnh sừng sững nhìn ra bể Đông. Sông Lam nước trong xanh, long lanh như ánh mắt người! Phía trong nữa thì có sông La, Ngàn Sâu, Ngàn Phố. Rừng đầy chim hay, thú lạ. Cho nên, nếu người Hoan Châu, Diên Châu chống quân cường bạo đến cùng, cũng vì núi sông gấm vóc buộc họ phải xử sự như thế.

Phụ căm lắm, song vẫn cố giữ vẻ khoan dung. Cử chỉ trịch thượng, khinh thường của Phụ cố làm cho Biểu hiểu rằng, sứ giả của Vua Trùng Quang tính mạng đang treo trên sợi tóc. Nhưng Biểu coi Phụ như một kẻ ngang hàng, nói năng, ăn uống tự nhiên, khẩu khí đường đường một người trung thực, thẳng thắn, không thể đem uy vũ mà áp đảo được. Phụ vẫn bóc vài nói:

- Đời nhà Đường, Vua Minh Hoàng vì yêu bà quý phi họ Dương nên dùng hàng trăm con ngựa, chạy dọc hàng trăm dặm đường, đem những quả vải ở miền Hoa Nam Trung Quốc về kinh đô để dâng người đẹp. Ông đến chơi với ta, ta cũng lấy vài từ đất Hồng Châu ngược gió biển vượt nghìn trùng sóng gió đem vào đây, thế thì bảo ta không trọng sĩ phu Giao Chỉ sao được. Và lại, trong tướng của ta có quan Thượng thư Hoàng Phúc, giỏi việc võ yên trăm họ. Vua ta bởi thương các nước láng giềng còn ở trong cảnh mộng muội, thiếu thốn, muốn đem điều hay của thánh hiền xưa đến giáo hoá để cùng hưởng thái bình. Chẳng thế mà cát quân chưa

được một năm, Minh Thái Tôn đã ba lần ban ân xá đối với người Nam, cho vời những hào kiệt ra phong chức quan, lấy thợ giỏi, người có chữ nghĩa đem về Yên Kinh thăm Thượng quốc, học hỏi kiến thức, rồi lại cho về nước làm thổ quan, thổ hào! Đó chẳng là cách xử sự của đấng minh quân sao! Nhà người cần nghĩ kỹ.

Nguyễn Biểu mỉm cười đáp:

- Người Trung Quốc có câu: "Nhìn ở việc làm hơn nghe ở lời nói". Nước tôi cũng có câu: "Thương miệng, thương môi chẳng bằng cho tôi đấu gạo!". Thượng quốc phủ dụ, vỗ về, cho quan chức, đều có cả. Người được quý quốc vỗ về là ai? Đó là Phạm Thế Căng, Lương Nhữ Hốt, Trần Thiêm Bình, đều là bọn chỉ cần vài trăm mẫu đất, một vốc ngọc trai cũng có thể bán rẻ quê hương đất nước. Còn những người như Lê Cảnh Tuân thì chỉ một đoạn lục lợi ra được trong *Vạn ngôn thư* cũng bị ngấm cho người giết đi khỏi di hoạ về sau... Quân Minh vào Đông Đô, tức kinh thành của nước chúng tôi, cướp của, giết người thẳng tay; tích thóc của người Nam để đánh dẹp của người Nam; của ngon vật lạ, ngọc, vàng, châu báu chở về nước hàng nghìn xe ngựa và thuyền lớn; bắt con gái làm tì thiếp; đẩy tướng tá, quan lại thất thế bướng bỉnh không chịu khuất phục làm gia nô; thu hết tiền đồng các xứ; bắt con trai nhỏ tuổi thiến đi đem về Kim Lăng. Những việc ấy có thể gọi là thực bụng được không? Còn việc lòng tìm người ẩn dật, chọn người hay xuất chúng, thông giỏi kinh, văn, học rộng, có tài, chữ đẹp, tính giỏi, khôi ngô, dũng cảm, thì nhằm xung vào chết thay cho quân sĩ các ông, tính toán vợ vét thêm của cải mang về nước các ông, có thể gọi là việc nghĩa được không? Nho sinh nước tôi có câu: "Muốn sống vào ẩn núi rừng, muốn chết làm quan với giặc", cũng vì lẽ đó! Tôi đã nói, xin nói hết: Đến Tham nghị Giải Tấn, người đồng liêu với các ông, cũng là một viên quan tài năng không kém gì Hoàng Phúc, nhưng Tấn khác Phúc ở chỗ, không nham hiểm, xảo quyệt. Tấn chỉ dùng lời tâu thẳng nên thực bụng giúp người Nam, dựa vào nhà Trần lấy lại cơ nghiệp bị Quý Ly - Hán Thương cướp mất, khôi phục đất



nước, hoà hiếu với họ, thực tâm kết liên làm kế lâu dài, thì Vua Minh lập tức bắt tội, giam ở Cẩm Y Vệ đến ốm mà chết. Chết rồi còn ghét, không cho vợ con người ta mang nắm xương khô về bản quán để chôn. Người Minh đối với văn thân của mình còn thế, thử hỏi có phải là người nhân nghĩa không?

Phụ ngừng bóc vải, nhìn Biểu cười hỏi:

- Nhà ngươi có mấy chục đầu mà bạo miệng thế?

- Tôi chỉ có một cái thôi, nhưng chặt được cũng khó đấy!

- Sao vậy?

- Bởi vì, tướng quân chặt đầu tôi thì Vua của tôi, những tướng giỏi đầy tâm huyết của tôi như Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Di, Nguyễn Sáng không để cho tướng quân yên đầu.

Phụ giận quá, nhổ cả vải đang ăn trong mồm ra, đứng dậy lui vào trong buồng.

Biểu ở lại trạm dịch, không chút nao núng, tối đến vẫn chong đèn đọc sách, ung dung thư thái, tự coi mình là sứ giả của một nước văn hiến, quyết không làm nhục mệnh Vua. Biểu nhớ lại đêm nào, Vua Trùng Quang mặc áo vải thô, đội mũ vải, chỉ đem theo vài gia đồng đến thăm nhà Biểu như một người bạn thân thiết từ lâu, hoạn nạn có nhau. Vua cùng Biểu ngồi suốt đêm bàn bạc chuyện hưng vong, lại trao đổi thơ văn, cảm khái. Tình nghĩa quyến luyến, không bao giờ quên. Hôm sau, Vua mặc áo đại triều, vờ các bậc đại thần văn võ đến, thân trao cho Biểu nhiệm vụ đến trại giặc cầu hoà, ngoài nghĩa Vua tôi, tình cảm riêng, còn gửi gắm đến tận lời căn dặn. Biểu phục lắm, quyết đem hết tài lực để đền đáp ơn tri ngộ.

Bấy giờ trời đã về đêm, trăng đã đi ngang sườn núi Hồng Lĩnh. Tiếng sóng sông Lam vẫn theo dòng rì rào vào tận chỗ Biểu ngồi, khiến ông càng bồi hồi thương cảm nỗi long đong của Vua tôi nhà Trần và nỗi cay cực của đất nước. Ông nhắm đọc bài của Trùng Quang ban cho ông trong bữa tiệc tiễn ông đi sứ:

Mấy vản thơ cũ ngợi Hoàng Hoa,  
Trịnh trọng rày nhân vắng khúc ca.  
Chiếu phượng<sup>(1)</sup> mấy hàng tờ cận kề,  
Vó câu nghìn dặm tuyết xông pha.  
Tang hồng đã bầm lòng khi trẻ,  
Giờ quế thêm cay tính tuổi già.  
Việc nước một mai công ngõ vện,  
Gác Lân danh tiếng dỗi lân xa...

Đêm ấy, ông thao thức hết nằm lại đây, gần sáng mới chợp mắt được. Biểu chờ cả ngày hôm sau, vẫn không thấy Trương Phụ trả lời về việc Vua Trưng Quang cầu hoà. Ông cũng hơi sốt ruột. Vừa lúc ấy, viên tuỳ tướng của Phụ đến vái Biểu và mời:

- Quan Chinh Di tướng quân mời ngài đi dự tiệc.

Nguyễn Biểu lại mũ áo chỉnh tề đi. Viên tướng dẫn đến nhà khách. Quan, tướng nhà Minh cũng không có một ai. Tiêu thiêu nhã nhạc cử vài đoạn cho đúng nghi lễ. Đến cửa trạm dịch, viên tuỳ tướng cáo lui chỉ tay mời Biểu vào phòng. Biểu bước vào. Gian nhà vắng chỉ có một mâm son, một nậm rượu lớn, trên mâm sừng sững một chiếc đầu người. Biểu biết Phụ thử mình. Ông nghe biết đến vùng biển Bắc xa có một loại nhân ngư, giống cá, hình người! Phụ muốn mượn bữa cỗ này để hỏi rằng: "Muốn chết hay muốn sống đây!". Biểu chẳng nói gì cả, dâng hoàng trút hĩa, vén áo bước vào mâm cỗ, cầm bát đũa, rót rượu. Ông biết giặc nấp cả xung quanh dò xem thái độ của mình, nên ửng khẩu, đọc luôn bài thơ: "Ăn cỗ đầu người":

Ngọc thiện trăn tu đã đủ mùi,  
Gia bào thêm có cỗ đầu người.  
Nem công, chả phượng còn thua béo,  
Thịt gấu, gân lân hẳn kém tươi

---

<sup>(1)</sup> Chiếu vua trên giấy có hoa văn hình chim phượng.

*Ca lối Lộc Minh so cũng một  
Vật bày thờ thủ bội hơn mười.  
Kìa kìa ngon ngọt tày vai lợn  
Tráng sĩ như Phàn<sup>(1)</sup> tiếng để đời.*

Rồi khàng khái, uống rượu, dùng dưa xả "đầu người" ra nhắm.

Tiệc xong, viên tuỳ tướng đến đón, hỏi ông về cảm tưởng khi được đãi tiệc. Ông vỗ vai y nói:

- Nhờ ông về cảm ơn Trương tướng quân! Máy khi người Nam chúng tôi lại được ăn bữa tiệc lạ như thế. Người Bắc luộc đầu người phương Bắc cho sứ thần nước Nam chúng tôi ăn! Ha... ha... ha...!

Ông cười âm lên rất sáng khoái.

Trương Phụ hay tin, tức điên lên. Hắn định đốt lửa ném vào ông, nhưng sau lại nghĩ được quỷ kế khác. Phụ nhắn với Nguyễn Biểu: "Tôi sẽ giúp ông có thì giờ ngắm núi sông diễm lệ ở quê hương, đất nước mình". Phụ cho người chôn chiếc cọc cao hơn mặt nước vài sải tay. Chúng trời ông từ lúc thủy triều rút, phơi gió nóng, nắng lửa đêm ngày, ông vẫn không ngớt miệng kể tội ác của giặc Minh với những người qua lại ở bến thuyền và trên bộ.

Tin truyền đến chùa Yên Quốc, sư ông trụ trì ở đó vốn là người có tâm huyết nên thương cảm lắm. Tư dinh Mộc Thạnh đóng cách chùa Yên không xa. Mộc Thạnh cũng có lần đem vài quân hầu rẽ vào thăm chùa. Ông miễn cưỡng phải ra tiếp. Biết tin Trương Phụ hành hạ Nguyễn Biểu, ông khoác áo tu, đi chân đất, đến thẳng tướng phủ của Mộc Thạnh.

Mộc Thạnh cho người ra đón vào, ân cần hỏi han và truyền đem trà ngon bên chính quốc đãi. Khi Thạnh đưa chén mời, sư ông đưa tay ra cảm ơn rồi nói:

---

<sup>(1)</sup> Phàn Khoái, tướng giỏi từng phò tá Hán Vương trong bữa tiệc ở Hồng Môn và cứu được vua mình thoát chết.

- A di đà Phật, xin cảm tạ tướng quân. Trời nóng, trà thơm, nhưng bản đạo uống sao nổi, khi có người bạn đang bị trói trên sông, chờ nước dâng lên, nhận lấy cái chết!

- Ông muốn nói đến vị sứ giả mới đến tên là Nguyễn Biểu?

- Thưa, đúng thế!

- Ông ấy quả là người khảng khái. Nhưng khi trò chuyện đã làm phật ý Trương tướng quân nên không thoát khỏi con giận của ông ta!

- Ông thấy việc ấy thế nào?

- Việc của ai người ấy làm. Và lại, tôi chỉ là phó của ông Trương!

Nhà sư cười:

- Các ông có hàng chục vạn quân, truy đuổi người ta bằng đường biển, bằng đường bộ, với cái ý không cho sống! Nhưng Vua Trưng Quang và Đặng Dung không phải là người thường. Vua Trần là dòng đích, học rộng; Đặng Dung nối được chí cha xưa lại là người trí dũng. Từ vài trăm binh sĩ, ông ta lại gây được thanh thế. Vua Trưng Quang từng có trận thắng ở Bình Than, ở cửa biển Bãi Lâm, giết kẻ theo giặc gây tội ác, gần đây lại ra tận Vân Đồn đánh giặc. Người trong nước tôi nghe tin Vua là người có đức độ, nghĩ đến tình dân chúng đang lâm vào cảnh nước mất, nhà tan; con trai bảo nhau đều vào rừng sâu tụ nghĩa, đó là một sự thực. Ông chẳng thấy Đồng Mạc dấy quân ở Thanh Hoá mà các tướng của các ông như Vương Tuyên, Tả Dịch đều bị nguy. Lê Nhị ở Thanh Oai chiếm giữ Từ Liêm, giết và kể tội hai cha con tên đô ty mà dân cả vùng hả dạ, nổi theo cờ nghĩa. Lê Khang ở Thanh Đàm, Nguyễn Hiếu ở Trường Yên cũng đều là người kiệt kiệt. Nhà nho thì có Lê Cảnh Tuân, Lý Tử Tấn. Nhiều người hiện nay chỉ chờ thấy chân chúa xuất hiện là đem lòng phò giúp, số người giỏi, đều không muốn cộng tác với nhà Minh...

Mộc Thạnh vốn cũng ở đất mền mộ đạo Phật, trọng sư tăng, nên hỏi sư ông:

- Vậy cao tăng có kế gì hay chỉ giáo!

- Nước tôi là một nước văn hiến, nhân tài, hào kiệt so với quý quốc nào có thua gì! Nếu biết nghe theo ý dân, trọng điều nhân nghĩa, biết tìm dựng người hay, giúp nhà Trần lấy lại cơ đồ cũ; tập hợp được những nhà có tài kinh bang, tế thế; lấy tinh thần hoà hiếu để kết nghĩa lân bang, thì nước tôi hẳn không rồ dại gì mà gây chuyện lôi thôi với quý quốc... Còn nếu như coi chúng tôi là một lũ mọi rợ, quyết biến cả cõi Nam này thành một giải đất dưới quyền cai trị của nhà Minh, tàn sát sinh dân, vợ vét của cải, đàn áp người chống lại, ngấm triệt những nhân tài, thì tự tay các ông lại đốt thêm những đám cháy lớn xung quanh mình, hậu quả không biết làm sao mà lường được...

Mộc Thạnh, nghe nói thở dài... lắng ra chuyện khác, đàm đạo về nghĩa lý của kinh Phật; nhưng sư ông chùa Yên Quốc cáo từ ra về, trước khi nhấn nhủ lại một câu:

- Các ông nên tha sứ giả Nguyễn Biểu, chấp nhận lời cầu hoà của Vua Trưng Quang, đó là thượng sách. Người Châu Hoan, Châu Diên chúng tôi chỉ trọng sự nhân ái, cao thượng, nếu đem sự vũ phu, lấy sức mạnh đè nén thì quân quan quý quốc, lưu lại đây ngày nào sẽ nhận được sự đáp lại của dân chúng, bấy giờ hối cũng không kịp!

Nói đoạn, sư nhấc áo nhà chùa, trầm mặc, u tĩnh bước ra. Sư đi về phía cột Trương Phụ trói Nguyễn Biểu, dọc đường gặp dân chúng qua lại, người nào người nấy cũng dầm đĩa nước mắt. Nhà sư hối hả đi thêm mấy bước chân để kịp nhìn thấy người anh hùng lần cuối cùng, nhưng đó cũng là lúc thuỷ triều dâng cao, bờ sông trắng xoá, Nguyễn Biểu đã hoà vào cái màu nước biển long lanh trên sông Lam tự bao giờ!

Cảm khái, ông nước mắt chan hoà, quỳ xuống đất, chấp tay, lòng đầy ngưỡng mộ, hướng về nơi Nguyễn Biểu vừa được trời nước đón về cõi vô cùng...

Nhiều vải già trong vùng mền mộ tài, đức của sư động lòng trước tâm hồn khảng khái của Nguyễn Biểu cũng quỳ theo một dãy đến vài trăm người, họ đọc lên những câu kinh siêu sinh cho người đã khuất.

Trương Phụ định cho lính đến đàn áp, song tướng tá đều khuyên đừng chọc vào cơn giận của cả một miền đất... Phụ đành thôi...

Mới sáng hôm sau, chuông chùa Yên Quốc đã thỉnh rất sớm. Tiếng chuông ngân nga sang các chùa bên và giục các hồi chuông vọng về nơi khác. Các chuông chùa ở toàn bộ Châu Hoan cứ theo nhau và thỉnh lên giữa cái không gian mùa hè nóng bức ấy. Chuông vượt sông, vượt núi vào Châu Hoá, ra Châu Ái cùng với nguồn tin truyền theo miệng những người dân trung nghĩa về cái chết anh hùng của quân sứ giả Nguyễn Biểu, ca tụng cái dũng khi ăn bữa cỏ đầu người. Ở chùa Yên Quốc, cờ Phật, phướn Phật treo rất cao. Đàn chay lễ vật đều là hoa quả đủ mọi người đem đến cùng giàng. Thiện nam, tín nữ trẩy về chùa làm lễ dâng hương. Khói hương mù mịt quanh chùa, tiếng tụng niệm, lời rì rầm cầu nguyện trước vong linh người đã khuất, mỗi người góp một tiếng nhỏ, cũng vang lên một âm hưởng thành tín, sùng kính đến kỳ lạ.

Trương Phụ tự nhiên kinh hãi, ra lệnh cấm trại, một mặt cho mấy đạo quân đóng ở gò cao, làm thế vây lỏng, để phòng dân chúng bạo loạn.

Sư ông chùa Yên Quốc, đội mũ hoa sen, tay cầm thiền trượng, gương mặt đầy nổi sần bi thương cảm. Ông đọc to lên những câu kinh Phật nói về sự cứu khổ của cuộc thế trầm luân, rồi cao giọng ngâm vang lên bài kệ cầu siêu cho Nguyễn Biểu:

*Chói chói một vầng tuệ nhật*

*Đùn đùn mấy đoá từ vân*

*Tam giới soi hoà trên dưới*

*Thập phương trải khắp xa gần*

*Giải thoát dần dần nghiệp chướng  
Quang khai chón chón mê tân  
Trần Quốc xảy vừa mặt đạo  
Sứ hoa hồng có trung thân  
Vàng đúc lòng son một tấm  
Sắt rèn tiết cứng mười phân  
Trần kiếp vì dẫu oan khổ  
Phương hôn đến nỗi trăm luân  
Tế độ dân nhờ phổ độ  
Chân linh ngộ được phúc thân.*

Sư đọc một lần sang lần thứ hai thì nhiều người đã đọc hoà theo. Giọng hàng trăm người trên sân chùa ngân nga, ngùi ngùi, sâu lắng, khiến cho những tên tì tướng được phái đến do thám tình hình của đám làm đàn chay, cũng cúi đầu ruỗi ngựa trở ra.

Đoàn cầu siêu xong còn cầm phướn Phật, dẫn theo những vài già cao tuổi, xống áo tề chỉnh đội cầu vải trắng, tiến thẳng đến chỗ Nguyễn Biểu hoá thân. Sư chùa Yên Quốc, đội mũ hoa sen, mặc áo cà sa, dẫn đầu. Khi ông đọc lên một câu trong bài kệ cầu siêu, thì đám người lại đọc to lên theo. Những người khác đứng chặt hai dọc đường, đều thành kính chấp tay ngưỡng mộ.

Trương Phụ, Mộc Thạnh tận mắt đã thấy dân sở tại, cầu siêu cho Nguyễn Biểu, tận tai nghe lời kệ không biết nói chuyện Phật hay chuyện đời, chịu không làm gì nổi.

Đàn chay tiến hành trọn một ngày trước gươm giáo tuốt trần, quân lính dàn hàng, trước cảnh bài binh bố trận của giặc Minh.

Khi đoàn người ai về nhà nấy, thì từ ngoài biển trời sấm tối, sấm sét nổi lên đùng đùng, bão cát bay mù mịt. Mặt sông Lam sóng nổi dữ dội, khiến thủy trại của giặc Minh chồi lên đập xuống như sắp bị nuốt chửng vào trong ruột sông Lam. Trại giặc trên bộ, lều bị

tốc mái, những gian làm tạm thì bị trôi xuống sông. Giặc Minh như bị trùng phạt trong cơn lôi đình của trời đất. Một đội quân tuần liêu đang chơi voi trên cầu phao bị bão gió cuốn tạt xuống sông. Nghĩ đến đám đàn chay buổi chiều, nhiều tên lính nhà Minh, vốn đã gờm về chuyện ma thiêng nước độc, lại càng tin sự báo oán của những sinh dân chết trong cơn đánh dẹp của hung tướng Trương Phụ.

Khi trời lạnh, lá cờ soái trước tướng phủ của Chinh Di tướng quân Trương Phụ bị gãy đôi, cờ bị xé tan làm nhiều mảnh, giặc Minh càng hãi hùng tin rằng việc tiến quân đánh dẹp của Phụ ắt lành ít dữ nhiều. Nhưng chúng không dám nói.

Phụ đích thân chỉ huy tướng sĩ cùng cố thủy trại, cấm lại cờ xí, sửa sang doanh trại. Một mặt chúng gọi thổ quan đến, ra lệnh cho phải nỗ lực để mắt đến dân chúng, không được phép tụ họp đông, nếu không có lệnh của quan đô tri trong quận.

Song lòng quân chưa vì thế mà yên. Trong trại giặc, lính nhà Minh dèm dề lại vang lên lời kệ từ đình sông vọng đến:

*Chói chói một vắng tuệ nhật*

*Đùn đùn một doá từ vân...*

*Trần quốc xảy vừa mặt đạo*

*Sứ hoa bông có trung thần...*

Và từ mặt nước sông Lam, quan Ngự sử Nguyễn Biểu ngâm vang bài thơ ăn cổ đầu người. Ngài hiện ra, đi thẳng vào trại giặc đòi mạng. Sự tưởng vọng phù hợp với tiếng thét mơ ngủ kinh hoàng của Chinh Di tướng quân Trương Phụ trong trường gấm.

*Mùa xuân năm Mão (1987)*



# Nhà sư chùa Giao Thủy

Ở chùa Giao Thủy, có một chú tiểu tên là Tĩnh, chăm chỉ, hay làm, được sư cụ rất yêu. Sư cụ mất, sư bác Viên Hoà lên thay chủ trì mọi việc, cất đặt ngôi thứ lại trong chùa. Một bữa, sư gọi Tĩnh lên hỏi:

- Con là người sư cụ rất yêu, truyền cho ta phải lưu ý đến khi người mất. Ta cất đặt hết mọi công việc cho người khác, để con vẫn làm việc như một chú tiểu trong chùa. Vậy mà con không nề hà, vẫn cơm nước cho các thầy, đèn nhang hai buổi, tối đến lại lấy cảnh trám đốt lên mà học... Ta biết con là người khác hẳn mọi người.

Tĩnh cúi đầu không nói.

Hoà thượng lấy chồng sách của Tĩnh ra xem, rồi hỏi:

- Ta lục chồng sách của con, thấy bên cạnh những kinh Phật còn có rất nhiều sách khác, nào là *Kinh Thi*, *Luận Ngữ*, nào là sách thuốc của Phục Hy, Thần Nông, lại có cả những truyện sắc tình là thứ người ở chùa không nên đọc. Vậy ý tứ con thế nào?

Tĩnh biết là hoà thượng có ý quở trách, liền cúi mặt lặng lẽ như người âm thầm nhận tội.

Hoà thượng đứng dậy, vỗ vào vai Tĩnh mà nói:

- Ta cũng được nhà vương hầu đón đến dạy riêng cho một vài công tử. Ta biết con cái các vương hầu ỷ vào thế của cha ông, chẳng chịu học hành gì đâu. Họ chẳng thốt ra mồm rằng: "Quý tộc là chim ưng, thần dân là le, vịt đó sao!".

Bấy giờ Tĩnh mới dám thưa:

- Bẩm thầy, con được nhà chùa đem về nuôi dạy từ khi sáu tuổi. Mô côi cả cha lẫn mẹ, con lấy cửa Phật làm nơi nương tựa. Nhưng con ngẫm thân phận con cũng như người nghèo, chỗ nào cũng khổ cả! Con muốn...

- Con muốn học hành đỗ đạt để ra giúp đời chứ gì? Nhưng ta cho rằng con đã nhờ cửa Phật mà lớn lên. Sự cụ không sinh thành. Đạo Phật những năm gần đây, không còn được thịnh vượng như trước nữa, phải có những người thông thái, ngoài việc hiểu được nghĩa lý thâm uyên của các môn phái, còn có phong độ uy tín để khách thập phương ngưỡng mộ mà chấn hưng đạo Phật, con nghĩ thế nào?

Tĩnh biết ý thầy, nhưng mình lại có một ý nguyện khác, liền đứng yên mà không nói năng gì cả.

Hoà thượng nhìn Tĩnh, ngắm từ đầu đến chân mà thở dài, rồi thốt lên một câu kệ:

*Như người leo lên cây*

*Đang yên tự chuốc nguy*

*Nếu đừng leo cây nữa*

*Trăng gió làm được gì!*

Tĩnh chấp tay vái thầy miệng niệm:

- Nam mô A di đà Phật.

Tĩnh ham học, thông minh lắm. Sách qua mắt là thuộc. Nhưng trong vùng này sách không nhiều. Tĩnh phải hỏi dò xem nhà nào có sách thì đến mượn. Một bữa Tĩnh gặp một công tử họ Trần, xé sách để làm điều giấy, Tĩnh đi học qua, giả bộ cũng là một người biết chơi điều, liền xà vào xem các cuốn sách đó là những cuốn gì. Tĩnh ngạc nhiên thấy cậu công tử đem cả *Kinh Dịch* lẫn *Nam Hoa kinh* làm giấy thả điều.

Tĩnh vội ôm những quyển sách ấy vào ngực, rói rít xin:

- Thưa công tử, xin đừng đem những cuốn sách này dán điều. Phí lắm! Phí lắm!

Công tử trông mắt quát:

- Mày ở đâu! Tao tưởng mày cũng là đứa biết chơi điều kia mà. Nào là bàn về điều Trung Hoa, điều Cao Ly, điều Nhật Bản. Vậy mà đem giấy tốt dán điều lại làm nhặng lên như kẻ suốt ngày chỉ làm con mọt sách. Ta cần điều, chứ ta cần gì sách? Tĩnh ôn tồn nói:

- Nhà tôi có một số giấy gió đẹp, mới nguyên, tôi vừa mua về để viết Kinh, để tôi đổi cho.

- Ừ thế thì mày về đi. Nhanh lên, không hỏng hết việc của tao!

Tuệ Tĩnh về, lấy vội mớ giấy đẹp, đổi cho công tử. Việc đó không qua mắt cô em công tử, tiểu thư họ Trần, khác hẳn tính anh, rất thích đọc sách, ham học, nhiều lúc học nhiều, theo anh ra làm điều ở sân chùa để thư giãn một chút.

Cô gái thấy Tuệ Tĩnh được mấy quyển sách tỏ vẻ rất mừng rỡ, anh chàng mở một lượt xem đi, xem lại, nách phải thì kẹp chặt vài quyển khác như sợ ai đòi mất.

Cô mặc anh, giả dò theo lên chùa, gọi với theo:

- Này anh kia! Anh tên gì?

Tĩnh ngoái cổ lại. Một trang tiểu thư, dịu dàng, hương xông thơm nhẹ, thắm kín, đẹp mà đoan trang, đang tiến đến phía mình. Tĩnh chững lại, chờ tiểu thư đến và thưa:

- A di đà Phật, tiểu tôi họ Nguyễn tên là Bá Tĩnh.

- Nhà chùa tu hành, sao lại còn đọc *Tứ thư*, *Ngũ Kinh* làm gì?

- Mỗi người một chí, ai mà cấm đoán nổi ai!

- Hay lắm! Chắc là anh chỉ mượn cửa chùa để thực hiện chí lớn của mình thôi!

- A di đà Phật! Nói dối là một điều tối kỵ cho ai đã thí phát. Tôi đã được sư cụ cắt tóc nhận làm đệ tử, lòng cũng hướng về Phật Tổ Như Lai. Nhưng chữ "nhân", Phật dạy rộng vô cùng,

chẳng cứ tụng kinh mới bác ái được! Mà giúp đời được nhiều, mới gọi là bác ái!

- Hay quá! Thế thì anh định làm Quốc sư, Thượng thư hay Tế tướng!

Sợ thầy bắt được quả mắng, Tĩnh chỉ đọc lại mấy câu kệ:

*Bát nhã lòng thanh sáng*

*Trời đất mãi tươi xanh.*

*Hiếu cho tường vũ trụ,*

*Để cứu mọi sinh linh...*

Trần tiểu thư biết Nguyễn Bá Tĩnh là người có chí lớn, lại càng để ý.

\*

Gặp năm mất mùa, nhà chùa cũng phải ăn rau, ăn cháo qua ngày. Hoà thượng lại bệnh nặng, Tĩnh một mình xoay xở. Tĩnh vào núi hái thuốc, rồi quây ra chợ bán. Nhân đó có chữa cho người nghèo. Những năm ấy, người nghèo vốn đã đói, bệnh tật phát sinh càng nhiều. Thuốc Bắc nhiều tiền, làm sao mà cắt nổi một thang, đến cám còn phải ăn trừ bữa nữa là... Mà ốm thì không tân tảo để nuôi gia đình được. Tĩnh nhìn thấy những người bán củi, bán nàu, những gia nô ở các nhà quyền quý, người nào người ấy đều xanh rớt, anh thương lắm, càng tìm các cây thuốc thông thường, đọc, hỏi, nghe thêm những bài thuốc gia truyền, dân gian, để chạy chữa cho họ. Nhờ đọc sách thuốc gốc, nên Tĩnh bắt mạch, đoán bệnh khá chuẩn xác, chẳng mấy chốc mà chữa khỏi được rất nhiều người. Có người bị thương hàn nhập lý, Tĩnh cũng cứu được, tiếng tăm bởi thế lừng cả một vùng. Người chữa bệnh đến rất đông. Trước chỉ thấy người nghèo, giờ nhà giàu cũng đến. Bởi thế, Tĩnh cũng có chút quà cáp, tiền thưởng để có thể nuôi sư thầy ốm, và mua sắm thêm những dao cầu, ô thuốc, để giúp thêm người

nghèo... Hoà thượng thấy rõ ràng Tĩnh là nhà tu hành, lòng không  
tơ bộn bụi trần, nhưng cách học, cách làm khác hẳn với những nhà  
tu hành từ trước đến nay.

Một bữa Tĩnh đem thuốc đến uống, Hoà thượng nói:

- Thầy biết con lòng thanh sáng, chí lại lớn, học vấn vững  
vàng. Thầy đã truyền thụ những diệu pháp mà các sư tổ chùa Giao  
Thủy hàng giữ riêng cho tông phái. Con tiếp thụ được cả, nhưng  
con không muốn tiếp nối đường của các sư tổ... mà hướng theo cách  
cứu nhân, độ thế của con. Như thế cũng gọi là giác ngộ. Nhưng  
thầy vẫn mong con giữ chùa Giao Thủy này rồi truyền cho lớp sau.  
Con đừng bỏ chùa đi nơi khác nhé! Con có nghe lời thầy không?

Bá Tĩnh ứa nước mắt, cầm lấy tay hoà thượng:

- Con được các sư thầy chùa Giao Thủy nuôi, những việc  
con làm chính là thấm nhuần được tư tưởng uyên thâm của ngũ  
diệu đề vậy!

Hoà thượng sung sướng nhìn Tĩnh, rất đầm thắm, rồi nói:

- Y bát truyền từ đời này sang đời khác ở chùa này, con mang  
lại đây, thầy trao lại cho con.

Dừng lại một lát cho đỡ mệt, hoà thượng nói tiếp:

- Trong chùa, sư bác, các thầy sa môn còn rất nhiều, có người  
đã có chức, có pháp danh, còn con thì chưa chính thức, bởi ta còn  
có ý riêng. Bữa nay, ta ban pháp hiệu cho con là Tuệ Tĩnh và truyền  
bảo pháp lại cho con.

Nói đoạn cho gọi tất cả các sư thầy và các tiểu lại nói rõ chủ  
định của mình, rồi chỉ mấy ngày sau ngài viên tịch.

\*

Bởi chữa bệnh cứu được nhiều người Tuệ Tĩnh đã lừng danh  
khắp thiên hạ. Chùa Giao Thủy là nơi khách thập phương kéo đến  
rất đông, người xin thuốc, người chiêm ngưỡng dung nhan thầy,

người thù tài xem học vấn thầy đến đâu... Một bữa có một vị quý tộc ở gần đây bị bệnh, sai người đến triệu Tuệ Tĩnh đến chữa, lời lẽ rất ngạo mạn, Tĩnh lại đang bận trông nom cho đám con bệnh nghèo không dứt di được, người đến triệu Tuệ Tĩnh là một kẻ vô biên, hăm dọa:

- Quốc công ta là bậc giàu sang, chữa ai mà chẳng được, hưởng chi một gã lang băm chùa Giao Thủy. Người nên nhớ cái buổi xác xược hôm nay...

Nói đoạn bỏ ra về. Chỉ vài ba hôm sau, Tuệ Tĩnh được triệu lên dinh An phủ sứ ở Thiên Trường. Tĩnh chưa biết có việc gì, liền xuống thuyền đi ngay. Lên trên đó mới biết chính là nhà quý tộc họ Trần đón Tĩnh đến chữa bệnh bữa nọ truyền cho cháu phải vận vẹo về chuyện hành nghề của Tuệ Tĩnh. Vừa thấy Tuệ Tĩnh, viên An phủ sứ đã hạch hỏi:

- Ông là người tu hành, sao lại còn dính đến chuyện đời, hay là có chuyện gì kia khác?

Tuệ Tĩnh ung dung thưa:

- Đại quan nhân phủ dụ dân chúng một vùng đất bao la. Tôi là kẻ tu hành nương nhờ cửa Phật. Một đấng quyền lực bao trùm, một phía chỉ có hai tay không và chút tâm thành, sao ngài nỡ hỏi những điều thực lòng tôi không có.

- Người giáo hoạt lắm. Sao Trần Quốc công bị bệnh triệu người đến, người không thèm đến?

- Bẩm, người nghèo đến cửa tôi đều là bệnh trọng. Đại quan nhân, tôi có nghe qua bệnh tật theo người đến triệu thì là bệnh lâu ngày đã thuyên giảm, bên cạnh lại vẫn có thầy thuốc lúc nào cũng kề bên mình, nếu tôi bỏ đi năm bữa nửa tháng thì những con bệnh trọng của tôi xảy ra điều gì, tôi sẽ ân hận suốt đời.

Quan An phủ sứ nói:

- Vậy là ông coi cái đám dân nghèo hơn bậc vương giả hử! Hay là ông lại muốn xui chúng nó làm loạn?

Tuệ Tĩnh cúi mặt lặng im, vì biết đối đáp cũng chẳng ích gì. Phù đường lại vang ra tiếng quát lác:

- Từ nay ta cấm ông chữa thuốc. Ông tu hành là chỉ biết có tu hành mà thôi, hiểu chưa?

- A di đà Phật!

Tuệ Tĩnh vái chào lui ra, lòng đầy buồn bực. Khi trở về nhà, thấy vườn thuốc đã bị quân lính nhổ hết, các con bệnh bị đuổi thất tán cả... Các sư thầy, sư ni, các sa môn thấy Tuệ Tĩnh về mừng rỡ hết sức và nói:

- Làm ân mà nên oán, chi bằng giữ yên chuyện kinh kệ, thầy nên nghĩ lại.

Tuệ Tĩnh chỉ mỉm cười.

Cả vùng Giao Thủy lại đồn ầm lên chuyện Tuệ Tĩnh nộp quyển đi thi... Thái học sinh... Vua Trần đang kén nhân tài... Có người đến hỏi:

- Xưa nay, tôi nghe Huyền Quang đi thi đỗ Trạng rồi mới về làm hoà thượng và được đệ nhị tổ Pháp Loa truyền thụ đạo lý, tông chỉ của Trúc Lâm tông phái mà thành Tổ thứ ba... Ấy là người vào cuộc rồi mới đi tu, còn nay hoà thượng lại đi tu rồi lại đi thi, hay là bị bả vinh hoa quyến rũ rồi?

Tuệ Tĩnh đọc bài Kệ:

*Một mảnh trăng toả sáng*

*Lúc vắng vặc lúc thanh,*

*Lúc tròn và lúc khuyết*

*Vẫn ung dung khối hình.*

Nói rồi bỏ mặc chuyện đàm tiếu, lều chõng đi thi. Các thầy sa môn ở chùa hỏi sư định làm quan trong triều hay sao, Tuệ Tĩnh cắt chiếc khăn nhơ sinh ra, nói đùa:

- Người không thấy da đầu vẫn trọc lóc đây à!

Tuệ Tĩnh đậu tiến sĩ, được Vua Trần đặc cách mời vào yết kiến. Vua nói:

- Ta nghe ông chữa thuốc cũng giỏi, lại thông tuệ kinh bổn đạo pháp, nay đi thi lại đỗ cao, quả là người có tài. Ông có bằng lòng làm quan ngự y của ta không?

Tuệ Tĩnh nói:

- Nghề thuốc của thần phải thuần thực Trung y, nhưng rất coi trọng Nam y, Nam dược. Thứ này chữa cho dân dã thì hợp, chứ với đáng chí tôn, thần e không được mọi người tán thưởng.

Vua nói:

- Thì Trung y ông cũng giỏi kia mà. Sao ông cứ thích đi theo một con đường gai góc, trong khi lối cũ thì thênh thang rước ông lên những ngôi thứ cao. Ông cứ ở lại triều, nếu giỏi ta sẽ để ông đứng đầu các quan ngự y.

Tuệ Tĩnh thưa:

- Thần biết ơn lớn của Thánh thượng, song xin thú thật, thần trước sau vẫn là một nhà tu hành, chỉ xin Nhà vua cho phép được về chùa và hành nghề như cũ...

Nhà vua sững sốt hỏi:

- Sao, ai lại cấm người chữa thuốc cứu dân?

Tuệ Tĩnh bèn kể lại đầu đuôi. Vua thở dài nói:

- Đó là tại khanh xử sự không khéo. Thôi được, nếu khanh thích về chùa cũ thì Trẫm cũng chẳng giữ làm gì!

Nói rồi viết chiếu ban cho phép về quê chữa bệnh cho dân. Tuệ Tĩnh đập đầu tạ ơn. Khi về qua đình An phủ sứ lại vào tạ lỗi trình sắc chỉ hành nghề. Quan An phủ sứ trong bụng ghét lắm, nhưng bề ngoài vẫn nín nhịn làm vui...

Nghe thầy Tuệ Tĩnh lại được về chùa chữa bệnh như xưa, cả vùng đều hoan hỉ... Các thầy sa môn ra đón quan nghề hoà thượng



tận xa... La thay, ông nghề xưa thì vinh quý bá tử, võng lọng rợp trời, còn Tuệ Tĩnh về làng thì khi đi thế nào, lúc về vẫn phong độ như thế, chỉ khác khi đi thì khoác áo nho sinh, khi về lại nguyên hình là một hoà thượng.

Vườn thuốc chùa Giao Thủy lại càng mở rộng. Nhà tiếp khách đến tìm thầy giờ để cách xa chùa, trên mấy vạt ruộng, mà Nhà vua ân tứ cho ông nghề Tuệ Tĩnh... Tất cả những đất đai, Tuệ Tĩnh lại cho trồng thuốc. những người chịu ơn ông đều đến chăm sóc vườn thuốc cho ông... Ông sáng sáng trị bệnh cứu người, chiều ngồi trong hiên sách, đêm thì nhập thiền để suy tư thêm về đạo lý...

Người trong vùng và các thầy sa môn đến lúc đó mới hiểu thâm ý về chuyện thi cử của ông!

Đức vua rất ngạc nhiên, trong danh sách Vua nhà Minh đòi cống người có đích danh sư Tuệ Tĩnh... Vua nhớ lại vị Tiến sĩ hoà thượng nọ, liền hỏi Tể tướng:

- Ai là người mách Tuệ Tĩnh với người Trung Hoa?

Tể tướng thưa:

- Người tài thì người Tàu chuộng lắm. Gần đây, nhà Minh mới lấy lại được Trung Nguyên, rất muốn mở mang uy lực, bành trướng ra mạn nam hơn là về phía Bắc, họ cho người len lỏi khắp nơi. Nước Nam ta lại sát kê biên giới với họ, thám tử của họ làm gì chẳng biết.

Thực ra, Tuệ Tĩnh vẫn là mối tị hiềm của vị Quốc công họ Trần, mà thực ấp đang vây quanh chùa Giao Thủy, người vẫn căm ghét Tuệ Tĩnh coi số phận của đám dân đen hơn là tính mạng của mình. Quan An phủ sứ họ hàng của Trần Quốc công thì ghét Tuệ Tĩnh ở sự kiêu ngạo ngâm, bướng bỉnh bất phục tùng, qua cái chuyện thi cử, hành nghề thuốc trước mũi của ông ta... Nhân có đám khách thương từ Trung Hoa sang dò hỏi các người có tài, họ liền nhắc đến Tuệ Tĩnh. Tin ấy, khi ráp với tin các thám tử người của nhà Minh báo về, Phủ tể tướng Trung Hoa ghi luôn danh sách đòi triều cống người tài là Tuệ Tĩnh.

Một buổi chiều, Tuệ Tĩnh ở trong nhà trai đang nghiền ngẫm viết những tính dược của các thảo mộc mà ông thấy rất công hiệu, có khi hơn cả vị thuốc Bắc. Những bài thuốc đơn giản mà thành công rất lớn so với những bài thuốc theo sách thuốc của người Trung Hoa. Ông đã sưu tầm được hàng trăm bài thuốc Nam chữa các bệnh rất phổ biến cho người nghèo, như các bệnh sa dạ con, sốt chảy máu, rắn cắn, tiêu chảy, lỵ, lại cả những bài thuốc chữa cho thú vật như trâu, bò, gà đây toi, lợn ngáy cảm v.v... Ông sẽ viết một bộ sách về thuốc Nam, có tôn chỉ, y lý hẳn hoi, cả cách chữa và dùng thuốc. Những ghi chép đây trong các cuốn sách của ông đều để hoàn chỉnh bộ sách đó.

Phía ngoài bỗng có mấy người ập vào. Ông nhìn ra thì thấy có quan Trung sứ đem chiếu chỉ của Nhà vua đến, liền bày hương án ra tiếp. Viên Trung sứ truyền lệnh của Nhà vua, buộc Tuệ Tĩnh phải về ngay Thăng Long để kịp ngày cho sứ thần đưa sang nhà Minh. Trong buổi tiếp sứ giả của Nhà vua, Tuệ Tĩnh được biết ông có trong danh sách, người nhà Minh đòi đích danh như một vật cống nạp.

Chùa Giao Thủy được tin ấy từ các tiểu cho đến các vị hoà thượng, cao tăng đều bất bình. Có người nói:

- Tuệ Tĩnh là danh y của nước mình, sao lại phải đem dâng cho người khác?

Có vị khác lại nói:

- Tuệ Tĩnh là người có danh vọng đồ đạt mà còn phải tiến cống, vậy thì họ bắt gì chúng ta cũng phải nghe ư?

Tuệ Tĩnh điềm tĩnh nói:

- Việc quốc gia đại sự, tôi là gì đi nữa, thì trước hết cũng phải phục tùng. Tôi chắc việc này Đức vua và triều đình cũng cân nhắc nhiều rồi, việc bắt đắc dĩ mới phải ưng thuận.

Rồi đem tất cả những điều sở đắc của mình đã viết lại trong mấy kho sách, giao lại cho các vị cao tăng, hoà thượng, xá họ mấy vái mà nói:

- Tuệ Tĩnh tôi từ mồ côi, bán hàn, được nhà chùa nuôi nấng để thành người có chí. Tôi định đem những điều sở đắc của mình để giúp đời, đó cũng là một thứ hi xả, từ bi. Nhưng xưa nay, điều tâm đắc mấy khi được sở nguyện, công trình dang dở, nhờ chú huynh đệ nối tiếp cho. Chỉ mong mang hết từ tâm để cứu nhân độ thế. Được như thế thì ở nơi đất khách quê người, Tĩnh tôi cũng được đời phần an ủi.

Tất cả mọi người nghe Tĩnh nói đều ứa nước mắt. Dân chúng được truyền tin kéo đến đông như hội, khóc như ri ở hai bên bờ sông khi Tĩnh theo sứ giả của triều đình bước xuống thuyền.

Tĩnh cũng không cầm được nước mắt. Ông giơ tay vẫy lại những đám người nghèo khó đem lòng thành để tiễn mình. Ông tự nhủ:

- Bệnh tật người nghèo ở đâu cũng có, trừ khi bị giam cầm tù tội, chứ có điều kiện thì ở đâu mà ta không tiếp nối việc cứu dân độ thế được.

Rồi lui vào trong thuyền để tránh những phút giây cảm động không cầm lòng nổi...

Thuyền nhỏ neo. Những mái chèo đã khua sóng. Khối người vẫn kêu khóc, vẫy gọi trên bờ... Mái chùa Giao Thủy mờ dần trong sương sớm.

1994

# Trạng Hiền

Một hồi trống vang lên báo hiệu để mọi người nghiêm trang làm lễ.

Các đại thân tiến vào châu đều mang phẩm phục xếp hàng ở hai bên sân rồng. Các quan dự lễ phẩm trật thấp hơn, thì đứng ở ngoài cửa Đoan Môn.

Hồi trống thứ hai đồng dục tiếp theo. Đức vua mặc áo bào vàng tiến ra, lên ngôi trên ngai vàng giữa cung điện. Người dẫn đường đưa các tiến sĩ tiến vào đứng ở hàng cuối sân rồng tiếp sau hai hàng đại thân văn võ. Tiếng chuông đồng nổi âm vang cả cung Vua đồng dục và uy nghi. Vua chỉnh mũ xung thiên, ngồi ngay ngắn lại ở điện coi châu.

Chuông thôi đánh, quan hành lễ xướng cho các quan và các tiến sĩ lạy chào đức kim thượng. Quan Tể tướng bước ra lối châu, quỳ xuống. Quan Truyền chế tuyên đọc: "Hoàng thượng chế rằng: khoa mục mở rộng nhân tài đều tiến" rồi lui về vị trí của mình. Quan Hồng lô tự khanh tuyên tiếp: "Vận hội văn hoá rất thịnh, người tài giỏi ra giúp nước ngày càng nhiều, đáng nên chúc mừng".

- Xướng danh!

Quan Hồng lô tự khanh giọng cất vang. Mọi người đều hân hoan chờ đón, mặt rồng chột rạng rỡ. Các người dẫn và cầm bảng vàng tiến ra lối châu Vua. Quan Truyền chế đỡ lấy bảng vàng vái Vua rồi đứng chéo bên, hướng về các tiến sĩ tân khoa tuyên đọc:

- Đệ nhất giáp tiến sĩ đệ nhất danh (Trạng nguyên) Nguyễn Hiền, Thượng Nguyên huyện, Thiên Trường phủ...

Mọi người đều quay lại, ngơ ngác không thấy ai, chỉ có một cậu bé chừng mười hai tuổi, giơ hai tay lên vái vái mọi người.

Đó là Khoa Đinh Mùi, thi Thái học sinh nhà Trần thuộc niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ mười sáu, đời Vua Thái Tông. Vua Trần cho Trạng được đi dạo chơi kinh thành, rồi ra thăm vườn thượng uyển. Năm nay toàn những người trẻ đồ cao. Trạng nguyên Nguyễn Hiền mười hai tuổi. Bảng nhãn Lê Văn Hưu mười tám tuổi, người huyện Đông Sơn và Thám hoa Đặng La Ma mười bốn tuổi, người huyện Mỹ Lương. Đặng La Ma, Lê Văn Hưu đã tỏ ra người lớn. Còn Nguyễn Hiền thì vẫn giữ được tính hồn nhiên con trẻ.

Hôm sau Vua cho vào điện Cần Chánh để ra mắt. Khi Trạng nguyên dẫn đầu ba người đứng đầu năm mươi một tiến sĩ bước vào, ai cũng trầm trồ. Buổi chầu bắt đầu.

Các tân khoa đầu bảng vào bái lạy cùng các quan tung hô vạn tuế.

Vua ban lời:

- Năm nay là năm thứ mười sáu Trẫm lên ngôi báu, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình há chẳng hợp với cảnh này hay sao. Một khoa thi mở ra, sĩ tử tài cao chọn được lên tới hơn năm chục tiến sĩ đại khoa. Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa đều là những thần đồng trẻ tuổi. Trẫm rất vui, có lời ban khen đến các quan tân khoa, nhất là ba người đỗ đầu.

Nguyễn Hiền, Lê Văn Hưu, Đặng La Ma lại dập đầu tạ ơn.

Các quan lại hô vạn tuế. Vua hỏi:

- Quan Trạng, tuổi nhỏ tài cao, một lần cá vượt vũ môn đã ngồi trên bảng quế, không nhường cho ai. Chẳng hay khanh học ai mà giỏi vậy?

Trạng Hiền, quỳ xuống, thẳng thắn thưa:

- Tâu Thánh thượng thân cũng học dăm ba thầy nhưng tự học là chính. Khi thấy thầy học giảng chưa thấu nghĩa, thường tự vấn để trả lời cho thông suốt. Chỗ nào còn chưa vỡ thì lâu lâu lại lên những ngôi chùa lớn ở Thiên Trường, hoặc chùa Dương A để hỏi các vị hoà thượng uyên thâm. Thân vẫn coi các nhà sư là thầy của thân vậy!

Vua cười, quay sang hỏi Lê Văn Hưu và Đặng La Ma, hai người đều trả lời khiêm nhường và tỏ vẻ tôn sư trọng đạo.

Vua ban yến cho ngay tại thềm điện, sau đó ba người lại về quán dịch chờ thánh chỉ bổ nhiệm.

Một tháng sau, Lê Văn Hưu, Đặng La Ma đều nhận được quan chức, còn Nguyễn Hiền chờ mãi chờ mãi không thấy động tĩnh gì cả, liền cùng lão bộc bỏ về quê nhà.

Sau này Trạng mới biết, Đức vua muốn dùng nhưng lại có người can:

- Trạng Hiền trẻ quá, chưa đến tuổi thành niên, hãy cho về quê "tự học" vài năm rồi dùng cũng không muộn.

Vua ngầm thấy có lý, liền nghe theo. Nguyễn Hiền nổi tiếng thần đồng từ nhỏ, học một biết mười. Các thầy dạy chỉ vài năm là hết chữ lại phải tìm học thầy khác. Nguyễn Hiền khi đã đủ lông cánh, lấy sách ra tự học. Sách qua mắt là thuộc, lại hay nghĩ sâu nên nhớ càng lâu. Luận ngữ, Đại học, Trung dung, hỏi đâu nói đấy, rất nhanh nhẹn. Kinh Thi, Kinh Dịch thuộc hết lời bàn của Chu Hy. Trình Di và các lời bàn khác. Học hết sách Nho, xem sang đến Đạo Đức Kinh, Nam Hoa Kinh của Lão Tử và Trang Tử, đem so sánh với những điều của đạo nho, càng lĩnh hội được sự cao siêu của đạo giáo... Còn về Phật học thì lên chùa mượn hết kinh này kinh khác để xem. Điều nào chưa hiểu thì hỏi các hoà thượng ở quanh vùng. Các vị cao tăng nào tiếp Nguyễn Hiền một lần cũng đều mến phục. Có ngày đàm đạo đến khuya về tam giáo, chỉ ăn mấy đĩa xôi, vài quả chuối, say sưa đến quên về.

Khi Trọng trả lời Vua là nói rất thật lòng, không ngờ lại bị các quan cho là kiêu ngạo trước cả Hoàng thượng. Trọng lại nhỏ tuổi, nên để về quê ngâm nghĩ thêm rồi bỏ dụng cũng chưa muộn.

Nguyễn Hiền về làng, bởi đã là quan Trọng, nên hàng tổng làm nhà cho và vinh quy bái tổ. Quan Trọng dạy học, sĩ tử kéo đến rất đông. Học trò đều lớn hơn thầy, trông cảnh thật trái khoáy. Nhưng bởi Trọng tài cao, nên các học trò, có người năm mươi tuổi còn đến thụ học cũng một xưng thầy, hai xưng thầy hết sức tôn kính. Có một viên sứ Tàu, nghe tin Đại Việt có Trọng, liền tìm về xem thực hư ra sao. Đứng xem thầy giảng Kinh Dịch cho học trò lớn, trong lòng ông ta phục lắm, song muốn thử tài Trọng, liền bước vào thi lễ. Trọng sai học trò dâng nước, hỏi từ đâu đến. Sứ thần Trung Hoa giấu tung tích chỉ khiêm nhường nói:

- Tôi là một khách thương, ghé thuyền đến phủ Thiên Trường lấy hàng nghe tiếng Trọng vào ra mắt. Mới đây thấy quan Trọng giảng bài thật thấu nhẽ, thế nhưng còn mẫn tiệp về câu đối, không biết tài Trọng An Nam thế nào?

Nguyễn Hiền khiêm tốn nói:

- Mời tiên sinh cứ ra, tôi xin đối.

Sứ thần đọc:

- Nguyệt viên (trăng tròn)

Trọng đối ngay:

- Phong biển (gió dẹt)

Sứ thần ngạc nhiên hỏi:

- Gió làm sao mà dẹt được?

Trọng cười nói:

- Gió qua khe núi, há chẳng dẹt hay sao?

Sứ thần chịu là thông minh và hóm hỉnh. Ông ta lại đọc:

- Phượng minh (chim phượng kêu).

Trạng trả lời ngay tấp lự:

- Ngưu vũ (trâu múa).

Sứ thần lại vận:

- Trâu mà cũng múa được ư?

Trạng lại cười bảo:

- Sách cổ có câu: Bách thú tận vũ, nghĩa là khi có diêm lành báo người tài xuất hiện, trăm loài thú quây lại múa, trong trăm loài ấy hẳn có loài trâu chứ!

Khách cười theo, chịu là miễn tiếp.

Nguyễn Hiền rót nước trà ngon mời khách rồi nói:

- Ngài đã hỏi tôi, đồn tôi khi tôi đi. Vậy giờ xin hỏi ngài vài câu, được chăng?

- Được chứ, xin quan Trạng cứ hỏi.

- Thưa quan nhân, đúc đồng làm chuông, đẽo gỗ làm dùi, lấy dùi đánh chuông kêu boong boong, vậy thì tiếng kêu ấy từ gỗ hay từ đồng vậy!

Sứ Trung Hoa trả lời không chân chừ:

- Dùi gỗ vào đất không kêu, gõ vào chuông thì boong boong, vậy tiếng kêu ấy hẳn từ đồng đấy!

Trạng vận lại:

- Lấy dùi đánh vào đồng tiền, chẳng là đánh vào đồng đấy ư? Tại sao đồng không lên tiếng?

Sứ thần cãi:

- Đó là bởi đồng tiền đặc mà chuông thì rỗng...

Trạng chưa tha, lại hỏi:

- Thế lấy gỗ khoét rỗng làm chuông, đánh vào không ra tiếng. Vậy thì tiếng kêu đâu cứ là từ vật rỗng mà ra...

Sứ thần đỏ mặt không biết trả lời ra sao nữa. Cuối cùng ông ta bảo:



- Được rồi, Trạng đỡ khó ta, ta xin đỡ lại, Trạng giảng giùm xem sao!

- Xin ngài cứ đỡ.

Sứ thần đọc:

- Lưỡng nhật bình đầu nhật. Tứ sơn diên đảo sơn. Lưỡng vương tranh nhất quốc. Tứ khẩu tung hoành gian. Đó là chữ gì? Xin Trạng giải cho.

Trạng cười âm lên:

- Hai chữ nhật bằng đầu nhau. Bốn chữ sơn đặt nghiêng đặt ngửa. Hai vua tranh một nước. Bốn chữ khẩu ở cả bề dọc lẫn bề ngang. Đó chẳng là chữ điển hay sao!

Sứ thần Trung Hoa chịu, khi về triều, thuật chuyện với các đại thần Đại Việt, khen ngợi mãi không thôi.

Đức vua mến Trạng, lại được biết thêm chuyện sứ thần vi hành thử tài Nguyễn Hiền, liền cho Trung sứ đem chiếu chỉ mời ra làm quan ở Viện Hàn Lâm.

Trung sứ đến phủ Thiên Trường ba ngày, thuyết phục mãi, Trạng không chịu theo về triều chỉ nhờ ông ta, đem về một bản tấu, dâng lên Vua Trần:

*"Trạng nguyên khoa Đình Mùi thần Nguyễn Hiền dâng tấu lên Hoàng đế Bệ hạ xem xét: Thần nhỏ tuổi ham học, theo dõi chữ nghĩa thánh hiền. Lều chông đi thi, may mà ơn phúc được cho đỡ Trạng... Đó là nhờ ân điển của Hoàng thượng và sự chiếu cố của các ân sư. Tự nghĩ, tuổi trẻ còn nông nổi, tài năng có nhưng trải nghiệm việc đời còn thiếu, dám đầu gối ngang hàng với các bậc đại phu ở Viện Hàn Lâm. Phẩm chức Vua ban, chối từ là có tội, lại không đền đáp được ơn tri ngộ, thật lắm băn khoăn!*

*Trộm nghĩ, Đại Việt đã xuất hiện vua hiền, tôi giỏi, tôn thất đã nhiều mà các vị văn thần, Quốc sư đâu có thiếu, một Nguyễn Hiền có dự vào Viện Hàn Lâm hay không, thì công việc ngày ngày*

văn tiến triển, mà văn hoá tốt đẹp vẫn được tôn vinh... Và lại, thần đã về quê, học trò đang theo khá đông, sự truyền thụ đang lúc cần thiết không dừng được... Kính xin Hoàng đế Bệ hạ cho ở lại làng, bồi dưỡng nhân tài, để có thể đóng góp cho các khoa thi sau, những nguyên khí quốc gia, như thế vừa hợp với sở nguyện của thần mà công việc lại có ích, không bị đứt đoạn...

*Những lời thành thực, kính mong Hoàng đế Bệ hạ soi xét.*

*Thần cẩn tấu. Nguyễn Hiền"*

Vua xem xong, thở dài mà bảo:

- Ý Trạng đã thế, ta ép được sao!...

## Trở lại kinh thành

Nguyễn Chế là gia thân của Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật. Sau ngày chiến thắng quân Nguyên, ông lui về trang ấp, vui thú điền viên. Gặp ngày Tết Nguyên Tiêu, Nguyễn nhớ kinh thành, liền đem vài người hầu, lấy phẩm phục Vua ban ngày trước, đến dinh Chiêu Văn Vương để chào ngài và cũng là muốn sống ở phủ Chiêu Văn ít hôm, dạo chơi kinh đô và để thầy trò bên nhau, bỏ những ngày xa cách.

Kinh thành mới xa mấy năm, đã khác lắm, nhà cửa, lâu đài dinh thự mọc lên san sát. Chợ bến Đông Bộ Đầu, các hàng quán trong phố phường mở ra, rộ lên như nấm gặp mưa đầu mùa. Vào ngày Tết, nhân dịp Tết rằm tháng giêng, các vùng tỉnh lân cận, ngoại ô xô vào kinh thành xem hội, nên hàng quán lại càng đông đúc... Đi đâu cũng thấy tiếng đàn hát, những quán rượu đầy ắp người. Trai thanh, gái lịch, nô nức rủ nhau đi xem hội đèn, đi mua sắm.

Phong tục cũ xem ra nhiều nhà còn giữ được, nhưng các kiểu cách ăn chơi đã sớm nảy nở ở phố phường. Buổi chiều, Nguyễn gặp không biết bao nhiêu canh bạc đen đỏ ở đám chọi gà, chọi chim, chọi đế... Còn đâu là tinh thần thượng võ như cái thời đánh quân Nguyên. Đến phố nào, đám hội nào cũng thấy các trò đánh vật, cướp cầu, bắt vịt, thả pháo mà vui...

Nguyễn dùng chân xem một đám múa lân. Người sắm vai con lân, đội mũ lân, phủ trên lưng vải đỏ, múa mới khéo làm sao... Con lân lúc thì nhảy múa rất nhộn và điệu dàng trước quả cầu ngũ sắc,

lúc lại nhanh nhẹn né tránh những làn thương, làn dao loang loáng của năm võ sĩ xô nhau vào đánh nó... Tiền thưởng đã vớt vào rào vào chiếc bát đồng do một bé gái chín mười tuổi, tóc tết, chìa ra, miệng luôn mỉm cười, với cái núm đồng tiền nhỏ, xoáy sâu rất xinh sau khoé miệng.

Nguyễn như được an ủi, phấn khích tự nhủ:

- Có thể chứ! Đâu chỉ kinh thành toàn có kẻ ăn chơi!

Đang vui vẻ trà trộn đủ hạng người đi trả hộ. Nguyễn chợt thấy mấy cô gái trẻ đang sát vai bên nhau, bị một hội công tử, quần áo gấm lụa, đất tiền, giải lung, mũ đều cẩn ngọc xô đến chòng ghẹo. Các cô chạy toá ra, chỉ mong thoát thân. Còn hai cô bị ba công tử vây đến, nói năng sàm sỡ. Một tên đã xông tới ôm lấy cô mặc áo hoa đào, trẻ đẹp nhất. Một tên lấu lĩnh đã nắm được chiếc thắt lưng cô mặc áo lụa mỡ gà và lôi tuột cô áp vào người mình. Con thịnh nộ xông lên tận đỉnh đầu, tướng quân họ Nguyễn, tiến đến gạt đám vệ sĩ, dậm chân quắc mắt, tướng rách cả mi, quát:

- Bọn vô lại, người dám giở trò dâm loạn ngay ở trước phố phường này à?

Gã công tử mặt trắng, dáng thư sinh, giật mình vội thả thắt lưng cô áo lụa mỡ gà, nhưng tên công tử mặt đen, vai nở, thân hơi đậm lùn, chắc cũng là một đứa quen thói con quan lớn, gây lăm chuyện vô lối ở xóm ăn chơi này, xông đến quát:

- Mày là thằng nào mà dám đụng vào ông trẻ mày hả?

Rồi hấn cạy sức, xuống tấn, nhảy đến đá móc thẳng vào họng Nguyễn, cũng là một thứ tỏ ra uy lực của mình trước bọn bạn du đảng và đám vệ sĩ người hầu.

Nguyễn tướng quân né người, để gã đá trượt, người lộn về phía trước. Đúng lúc ấy, Nguyễn cúi xuống, lấy chân mình gạt nhẹ cái chân trụ của gã. Chỉ nghe thấy tiếng oạch và sau đó là tiếng hét rất mạnh. Tên công tử mặt đen ngã sòng xoài ngay trước mặt, đập sườn xuống gạch oàn oại không dậy nổi.

Đám vệ sĩ và quân hầu vây đến. Nguyễn tướng quân, chỉ cần nắm lấy một tên rồi cầm hai tay của nó quàng một vòng quanh mình. Đứa xông vào, thì ngã, đứa chưa xông tới thì khựng lại, trở mắt thán phục. Hai tên công tử kia thì sợ đến vãi linh hồn, vội co giò chạy. Tuy vậy, một tên còn ngoái lại dọa:

- Mi to gan thật, dám đụng đến các đại công tử. Rồi mi sẽ biết tay!

Tên công tử mặt đen cũng đã gương dậy, nhìn trước, nhìn sau, vẩy đám người hầu, lủi mất.

Mấy cô gái ríu rít cảm ơn người giải vây hoạ lớn cho mình. Người nhà của các cô cũng đến hỏi tính danh để sau này tạ ơn.

Nguyễn Chế nói:

- Giữa đường thấy chuyện lối làng, tôi phải ra tay để nhắc nhở cái bọn công tử quen thói lười nhác ăn chơi nhớ đây là kinh thành Thăng Long, vừa đánh thắng giặc Nguyên lừng lẫy...

- Xin ngài cho biết quý tính, cao danh và dinh phủ ạ!

- Có gì đâu mà phải tạ ơn. Tôi họ Nguyễn, là gia thần cũ của quan Thái sư Trần Nhật Duật.

Có mấy đứa người hầu nán lại, xem mặt kẻ phá cuộc chơi của chủ, nghe thấy Nguyễn trả lời, vội lễ lười rồi lủi mất.

\*

Nguyễn bước vào dinh của Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật. Lính thị vệ nhận ra ngay cho ông vào. Nguyễn được người hầu cận của Chiêu Văn Vương vào báo ngay. Vương đang tiếp khách, thấy viên gia thần cũ của mình tới, vội xin phép khách, ra gặp. Chủ tớ bồi hồi cảm động. Vương nói:

- Nguyễn Chế đây ư? Tướng quân có khoẻ không?

Được Vương ân cần thế, Nguyễn Chế cảm động ấp úng mãi mới thưa nói:

- Bẩm Vương, Chế tôi nhớ Vương quá, lại nghe Vương mệt, nên đến thăm. Có chút quà quê, Chế tôi đã gửi lại gia nhân.

Chiêu Văn cười hỏi:

- Có phải cá anh vũ không?

- Dạ phải!

- Ô quý quá, ta đang có khách xa, để ta bảo người làm ngay đãi khách. Nguyễn Chế ở chơi với ta vài hôm chứ. Ta lại vào với khách đây, tướng quân chờ ta nhé!

Được Thái sư yêu quý đến thế, Nguyễn Chế coi như đã thoải lòng, chẳng ước mong gì hơn nữa. Chiêu Văn Vương vẫn phong độ như xưa. Ngài là bậc hào hoa nhất nước bây giờ. Từ tuổi trẻ cho đến tuổi "cổ lai hy", phong độ vẫn phóng khoáng quý người như thế. Ngài hiện nay là bậc ông chú của Đức vua Trần Anh Tông, đứng đầu trăm quan. Nhà lúc nào tân khách cũng ra vào râm rập. Các sứ thần nước ngoài, những bậc cao tăng ẩn sĩ từ núi tới, từ miền Nam đến, miền Bắc về đều mong được Chiêu Văn tiếp một lần. Ngài hiểu nhiều thứ tiếng, từng lừng danh về thuyết phục trại chủ người Dao Trịnh Giác Mật, lại có thể ngồi hàng giờ đàm đạo không cần thông dịch với sứ nhà Nguyên. Trí tuệ của ngài vượt cả những danh thần. Lúc ấy Anh Tông muốn tôn mẹ lên một ngôi thứ mới. Vua đã nhường ngôi cho Thái tử Mạnh để làm Thái thượng hoàng chưa biết suy tôn mẹ nên gọi thế nào, hỏi Chiêu Văn. Ông nói là nên tôn là Thái hoàng thái hậu. Anh Tông cho là danh hiệu ấy thật chuẩn xác. Khi Anh Tông đánh Chiêm Thành có hai đội thuyền Vua lại hỏi nên đặt tên gì. Ngài nói nên đặt là Vũ Uy và Vũ Đức, Vua gật đầu khen là nhanh mà lại hiểu thấu đáo mục đích của người đi chinh phạt.

Đến chiều, Nguyễn Chế được Chiêu Văn Vương mời dự cùng tiệc rượu. Mâm cơm thật lạ, khiến Nguyễn Chế ngỡ ngàng: đúng những món mà Chiêu Văn Vương dùng thưở mà Nguyễn làm gia thân, như hồi đi đánh giặc Nguyên. Bàn tiệc có món rau cải ngồng

luộc chấm mắm tép; có thịt gà rang, thịt lợn luộc. Bờn đang Tết Nguyên Tiêu nên còn có một đĩa bánh chưng vuông, một khoanh cá chép kho...

Hai thầy trò dùng thứ rượu cảm mà quan phụ đạo Hưng Hoá hạ thổ đúng một trăm ngày đem biếu. Trước khi vào tiệc rượu, Nguyễn Chế đã thăm phòng văn, nơi ăn, nơi nghỉ của Vương. Ông thấy Vương vẫn không hề thay đổi gì cả. Cái thấy sự thay đổi là thư phòng đầy ắp những sách mới. Nghiên mực, nghiên son còn chưa cạn. Trang sách đang đọc còn đang mở trên bàn... Chồng sách quý văn chồng đóng ở bên, có những thẻ tre mỏng đặt làm dấu. Nguyễn Chế cảm động lắm. Hoá ra Chiêu Văn đã ngoại bảy mươi, ngày đêm vẫn cặm cụi học hành thêm không ngơi nghỉ. Trong khi đó, mình... Nguyễn hối hận thầm nhủ: mình vẫn còn lãng phí thời gian quá.

Hai thầy trò hàn huyên không dứt. Chiêu Văn hỏi:

- Tướng quân thấy kinh thành đạo này thế nào?

- Phồn thịnh gấp mười lần xưa, thừa Vương, nhưng thói ăn chơi cũng xa xỉ lắm.

Chiêu Văn thở dài:

- Biết làm thế nào? Buôn bán làm ra tiền thì phải tiêu pha, mua sắm, đãi đằng. Thói ăn chơi luôn là cái đi hoa ngấm làm hỏng người. Ta cũng rất lo về điều này! Nhưng đám con nhà quý tộc, vương tôn lại dễ hư hơn những đám con nhà dân thường. Do đó, ta đã tâu với Thượng hoàng và Đức vua, hãy họp các vương hầu, bảo phải để mắt đến đám con cháu. Đám nào chịu học thì cất nhắc, thưởng rất hậu. Đám nào hư đốn thì phạt bố mẹ từ một trăm lạng bạc trở lên..., lại xung đi công cán ở các phủ huyện xa. Con các đại thần từ tứ phẩm trở lên cũng phải tuân theo thể lệ này. Vài năm nay cũng đã đỡ...

Nguyễn Chế ngấm phục Chiêu Văn, nhìn xa trông rộng. Vương rót rượu cho Nguyễn, rồi hỏi đến việc nhà. Nguyễn Chế xấu hổ, đành thưa:

- Bẩm Vương, Chế tôi xa Vương không được dạy bảo như xưa, nên thật đáng xấu hổ.

- Tướng quân là người trung hậu. Có gì đáng phàn nàn chứ.

Nguyễn Chế thưa:

- Bẩm Vương, tôi theo Vương chiến trận đã lâu, được ban cho trang ấp nhỏ, nên vương thói hưởng thụ thái bình đóng cửa sum vầy với vợ con. Mùa thu, mùa xuân họp bạn vào núi đi săn. Hàng ngày cưỡi ngựa đi thăm đồng. Con cái vì thương nó xa mình những năm trận mạc, cũng không kèm cặp, do đó đã mười lăm, mười bảy mà đi thi trường tỉnh thôi đã bay kinh nghĩa. Về kinh thành, thấy Vương vẫn bận bịu tối ngày, buổi chầu lo việc nước, về nhà lại tiếp khách xa, bạn gần, tối lại chong đèn, thấp nến đọc sách tận gà gáy đầu hôm mới chịu nghỉ. Mỗi một ngày, một đêm đều lo lắng cho sự phồn vinh của đất nước, Chế tôi thật đắc tội với Vương khi ngắm lại mình.

Nguyễn Chế buồn hẳn, mặt trầm xuống tự nói với mình:

- Thành thị có cái đáng lo của thành thị. Những kẻ ở xa nơi đô hội lại có cái hư của kẻ mẫn nguyện, hài lòng với những gì đã có!

Chiêu Văn Vương cười ha hả rồi nói:

- Không sao! Người nhận ra điều lỗi của mình, sửa vẫn còn kịp chán... Ông hãy về cùng các đồng liêu cũ, họp nhau lại, ai mạnh văn thì mở trường văn, ai mạnh võ thì mở trường võ, đem con em mình đến, tự thay nhau mà dạy cho chúng... Chúng ta đã già rồi, phải lo đến đám con cháu. Nhà Nho đã chẳng có câu: Hữu phúc khán nhi tôn đó sao? Nghĩa là: muốn biết nhà có phúc hay không hãy nhìn vào đám con cháu của họ.

Nguyễn Chế quả thấy chủ nhân cũ vẫn luôn luôn là bậc thầy của mình. Tiệc xong, Chiêu Văn Vương gọi Nguyễn Chế vào thư phòng, chọn ra đến vài chục cuốn sách quý, bảo người hầu gói lại trong miếng vải đỏ, rồi bảo Nguyễn Chế:



- Ta tặng tướng quân những cuốn sách quý này, để dùng dạy con cháu ở quê nhà cùng con cái các bè bạn của ông. Đó là sách của Tư Mã Quang dạy cách xử thế; là những cảm nang để lo cho dân an vật thịnh; những binh thư bàn về việc quân thời chiến, thời bình; những kinh, truyện thiết yếu cho học trò tập văn trong các trường ốc để luyện tài thi cử...

Nguyễn Chế cảm động lắm, vái tạ mà nói:

- Đây mới thực là vàng ròng, là cửa gia bảo của Nguyễn Chế! Công ơn này, Chế tôi sẽ kết cỏ ngậm vành.

Chiêu Văn Vương, ôm lấy vai Nguyễn Chế nói:

- Người bao giờ không là gia thần tin yêu của ta! Việc nhà của tướng quân, cũng là điều ta phải chia lo cùng đấy chứ! Ôn huệ gì đâu!

Hôm sau, Nguyễn Chế ngược về trang ấp. Ông thấy mình như trẻ lại dăm, sáu tuổi.

2002

# Người hay đùa

Nguyễn Sĩ Cố là người tài hoa, thông lâu kinh sử, song tính tình lại ưa hài hước. Thói quen đùa cợt cửa miệng khiến những người nghiêm cẩn khó chịu. Một lần Nguyễn Trung Ngạn, tài cao, nổi tiếng kiêu căng ở kinh thành, làm thơ tự khoe mình như sau:

*Giới Hiền tiên sinh tài lang miếu  
Chí nuốt trâu từ tuổi thiếu niên  
Tuổi mười hai đậu Thái học sinh  
Mười sáu ơn Vua vào thi Đình  
Hai mươi bốn tuổi làm quan giám  
Hai mươi sáu tuổi sứ Yên Kinh*

Nguyễn Sĩ Cố cười mà bảo với mọi người xung quanh thế thì có gì là tài kia chứ. Mười hai tuổi đậu Thái học sinh thì thua Nguyễn Hiền. Mười sáu tuổi thi Đình có gì là lạ. Thi Đình đỗ Hoàng giáp thì thua Mạc Đĩnh Chi rồi. Liền làm một bài thơ nhại:

*Ông Giới Hiền có tài khoác lác  
Ăn thịt trâu nghẹn thuở lên mười  
Mười hai đi thi thò lò mũi  
Thi Đình, đội sổ dưới ba người<sup>(1)</sup>  
Quan giám suốt ngày không mở miệng<sup>(2)</sup>*

<sup>(1)</sup> Nguyễn Trung Ngạn đỗ Hoàng giáp, dưới ba người là Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa.

<sup>(2)</sup> Giám quan có nhiệm vụ can vua, mà suốt ngày không mở miệng thì là quan

*Sứ Yên Kinh đầu chỉ mình người!*

Có người mách với Nguyễn Trung Ngạn. Ngạn nói:

- Nguyễn Sĩ Cố là người thực học, chỉ tội hay bông lông, không coi gì là nghiêm túc cả. Ông ấy yêu ta mới làm thơ giễu ta đó thôi.

Nguyễn Sĩ Cố còn có bài thơ nói khoác mà các quán rượu ở khắp đất kinh kỳ cũng truyền tụng:

*Ta con ông Cống cháu ông nghề*

*"Nói thật" nào ai có chịu nghe*

*Nhảy ùm xuống biển lội thuyền lại*

*Chạy vụt lên non công cạp về*

*Sức khoẻ Hạng Vương cho nửa đấm*

*Cờ cao Đế Thích chấp đôi xe*

*Một bữa đi ngang vườn Thượng Uyển*

*Ba ngàn cung nữ thấy đều mê!*

Nhưng Nguyễn Sĩ Cố quả là người có thực học. Ông được phong chức Thiên Chương học sĩ, giảng *Ngũ kinh* cho Thái tử. Các học trò ông là Phạm Ngộ, Phạm Mại đều là những người được Vua Trần Anh Tông sủng ái. Phạm Ngộ, Phạm Mại đều hết sức trọng thầy.

Bấy giờ sau khi Nguyễn Thuyên nghĩ ra được chữ Nôm, thơ Nôm khá phổ biến. Nhiều người muốn khoe chữ nghĩa, nhân lối thơ khẩu khí thịnh hành, nên sĩ tử đua nhau làm. Nhiều ông chỉ là một thứ đồ ngỗng đi thi mấy khoa trượt cả, chạy chọt mới được chức quan thất phẩm mà thơ thì cứ như mình là kẻ có tài trị nước, an dân. Quán rượu Lộng ngôn, là nơi Nguyễn Sĩ Cố hay vi hành ra đó chơi. Một bữa chủ quán ra thơ vịnh ông táo. Ai có bài hay, thì được đãi rượu ba ngày. Một viên quan ở dinh Phủ Doãn, làm được một bài khá nhất.

## Táo quân

*Đất thiêng toàn những đấng tam khôi  
Thiên hạ quyền dùng đã lớn ngôi  
Mảng tiếng canh, khi thể cạm,  
Ra lầu gác thuở triều thời  
Ba thân<sup>(1)</sup> mừng được duyên lương lứa  
Một bữa nào khuấy nghũa chúa tôi  
Điều vạc nhiều phen phù khoẻ nước  
Bông dành chơi chới nghũa muôn đời!*

Ai cũng khen bài vịnh Táo quân này đáng đoạt giải. Chủ quán cũng rót rượu, chúc mừng người sáng tạo và tuyên bố trúng giải, thì có tiếng nói to lên ở bàn bên cạnh:

- Giải thưởng hãy để đó, chư vị nghe thơ của ta đã!

Mọi người quay nhìn lại hoá ra Thiên Chương học sĩ Nguyễn Sĩ Cố, mặc áo nho sinh đi uống rượu với đám thực khách của quán Lộng Ngôn. Chủ quán cung kính nói:

- Xin ngài đọc cho!

Nguyễn Sĩ Cố háng giọng đọc:

### Xích đầu ông

*Nhầu hoà nát, thuở nên thân  
Ngày tháng nơi này, cửa táo quân  
Mùi mẽ bát trân thường nếm  
Vạc, nổi dâu kể bao câu  
Canh, cơm nào chỉ Vua chúa  
Củi, lửa no lòng muôn dân...*

---

<sup>(1)</sup> Truyền thuyết Táo quân hai ông một bà, do đó, dậu rau có ba vị chụm lại bên nhau.

*Lo toan trước cả toàn thiên hạ*

*Mặt nhỏ mà hơn bọn loạn thần.*

Xem ra bài sau lại hay hơn bài trước. Chủ quán đang phân vân thì Nguyễn Sĩ Cố nói:

- Xin ông chủ cứ thưởng cho người làm trước, còn ta... chỉ cần thêm một vò rượu thôi.

Chủ quán vui lắm, đem rượu đến ngay. Nhờ Nguyễn Sĩ Cố đến bữa ấy mà quán Lộng Ngôn đông gấp hai lần. Những hôm có Thiên Chương học sĩ tới thì người đến sau phải ngồi chờ ngoài sảnh, chờ cho có chỗ mới được vào ăn...

Sĩ Cố cũng là người mải chơi, nhưng việc dạy học mới là cái thú của ông. Ông rất cẩn trọng khi làm thầy. Dạy Thái tử đâu phải là chuyện đùa. Vua Anh Tông đã chọn ông và Trương Hán Siêu là bậc hay chữ nhất ở triều đình. Trương là môn khách của Hưng Đạo Vương, văn tài thì có *Bạch Đằng giang phú*, *Linh tế tháp ký*, sĩ phu kinh thành ai chẳng nghiêng mình kính nể. Trương Hán Siêu cũng là người ham tài lộc, bè bạn, người kinh thành thường hay đàm tiếu. Riêng Nguyễn Sĩ Cố thì vừa trọng, vừa hay trêu chọc. Nhưng vốn là kẻ học thức, chỉ cần đối đáp đôi ba câu, đủ biết tài nhau... Vua Anh Tông là người rất quan tâm đến việc chăm dạy Thái tử. Trương Hán Siêu một mình và là đại thân được dạy Thái tử, nên cũng lo, đang muốn tìm người để tâu Vua chia sẻ gánh nặng cùng mình.

Một bữa, trong điện Tập Hiền, Trương lưu Nguyễn Sĩ Cố lại hỏi:

- Nghe nói Thiên Chương học sĩ rất chuyên tâm đến Kinh Dịch. Xin cho nghe một quẻ.

- Quan tham tri chính sự muốn nghe quẻ nào.

- Xin cho nghe quẻ mười tám.

- À, đó là quẻ "Sơn Phong Cổ". Trên là căn (núi) dưới Tốn (gió). Lời thoán như sau: "Cổ: Nguyên hanh, lợi thiệp đại xuyên.

Tiên giáp tam nhật. Hậu giáp tam nhật", nghĩa là: "Đổ nát mà làm lại thì rất tốt. Vượt qua sông lớn thì lợi. Ba ngày trước ngày giáp. Ba ngày sau ngày giáp".

Trương Hán Siêu nói:

- Xin cho nghe kỹ hơn!

Nguyễn Sĩ Cố nhấp một ngụm trà cho trơn giọng nói:

- Quê này trên là núi (cấn), dưới là gió (tốn) gió động núi, quật lại, đó là tương loạn, không yên, tất phải có công việc, ý này còn ngụ rằng: Tốn ở dưới là thuận, Cấn ở trên là ngưng chỉ. Người dưới thì thuận mà người trên thì cứ ngồi yên, hoặc người dưới một mực nhu, mà người trên một mực cương. Tốn thuộc âm mà hào trên cũng thuộc âm, cấn thuộc dương mà hào dưới cũng thuộc dương nên mới ngụ ý như vậy. Trên cương để nén dưới do đó hẳn vỡ nát, phải làm lại.

Trương Hán Siêu chịu là giảng thấu lý, gặt đầu. Nguyễn Sĩ Cố nói tiếp:

- Đổ nát mà làm lại thì rất nên, rất tốt. Phải xông pha nguy hiểm, nhưng rồi có lợi. Vì thế phải suy nghĩ, có kế hoạch trước và sau. Lời thoán mới nói thêm; tiên giáp tam nhật, hậu giáp tam nhật là thế! Đó là nói cụ thể ra. Ví dụ bắt tay vào việc là ngày Giáp, thì phải nghĩ tới ba ngày trước ngày giáp. Đó là ngày Tân, Tân đồng âm với Tân là mới! Nghĩa là mong sao, từ cũ mà sinh mới; lại phải nghĩ tới ba ngày sau là ngày Đinh, Đinh đồng âm với Đinh ninh nghĩa là nghĩ tới tương lai vậy.

Trương Hán Siêu chịu là thấu lý, lại nói:

- Xin cho nghe đôi lời quan yếu về Đại Truyện<sup>(1)</sup>.

Nguyễn Sĩ Cố:

- Đó chẳng là ý tứ gửi ở chương IV sao! Chương này có bốn lời. Lời thứ nhất nói: Kinh Dịch có đủ đạo Trời Đất, cũng coi là

---

<sup>(1)</sup> Tức là phần giải thích về các hào quẻ và ý nghĩa của Kinh Dịch.

chuẩn đích của trời đất, do đó mà chỉnh đốn sửa sang được đạo Trời Đất. Lời thứ hai nói: Thánh nhân trước khi làm Kinh Dịch, ngẩng lên mà xem Thiên Văn, cúi xuống mà xem địa lý, cho nên biết nguyên cố tối (u) và sáng (minh). Suy nguyên từ trước, trở lại về sau, nên biết cái thuyết sống chết. Tinh và khí là vật chất hoạt động, hỗn tan mà biến nên biết được tình trạng quý thân. Lời thứ ba nói: Bậc thánh nhân giống với Trời Đất, đức trí sáng suốt soi khắp vạn vật. Đạo thánh luôn hợp với đạo trung, biết quyền biến mà không buông thả. Vì lẽ trời, biết mệnh Trời cho nên không lo lắng. Yên với cảnh ngộ. Đôn đốc đức nhân, cho nên thực hành được bác ái. Lời thứ tư nói: Thánh nhân lấy sự biến hoá của trời đất làm khuôn mẫu mà không quá với đạo thường (trung), uốn nắn mà thành tựu được vạn vật, không bỏ sót vật nào, thông suốt đạo ngày đêm mà hiểu nó dù là chuyện u minh, sinh tử, quý thân. Từ đó mà hiểu được sự huyền diệu của thứ bậc chí thần là rộng lớn mà biến hoá của Dịch cũng không cùng. Bốn lời trên này chẳng là những điều quan yếu của Kinh Dịch hay sao...

Trương Hán Siêu nghe xong thấy Nguyễn Sĩ Cố hiểu rất kỹ Kinh Dịch. Lại hỏi sang các Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Thư và Kinh Xuân Thu, Nguyễn Sĩ Cố đều tường tận cả. Hai người ngồi ở điện Tập Hiền đến tối mới về.

Hôm sau, Trương Hán Siêu xin vào yết kiến Vua Anh Tông ở Ngự thư phòng và tâu để Nguyễn Sĩ Cố vào dạy *Ngũ kinh* cho Thái tử thay mình. Ông còn nói Phạm Ngộ, Phạm Mai hai người tài, đỗ rất cao, hiện cũng đang làm quan trong triều đều là học trò của Nguyễn Sĩ Cố.

Trần Anh Tông, ngồi rất lâu, ngâm nghĩ rất kỹ, rồi nói:

- Chọn thầy cho Thái tử, phải tìm được người giỏi lại mẫu mực. Ta nghe nói Nguyễn Sĩ Cố ham chơi, hay la cà ở tửu quán, bông lơn trêu chọc mọi người, lại hay cờ bạc. Có nên chọn dạy *Ngũ kinh* cho Thái tử không?

Trương Hán Siêu nói:

- Có tài hay có tật. Kia xem Nguyễn Trung Ngạn tài hơn người mà kiêu căng ra mặt. Thân đây, lăm lúc thấy lợi lộc mắt cũng tối lại. Còn như đánh bạc, thì Tể tướng Trần Khắc Chung cũng ham, cứ gì Nguyễn Sĩ Cố! Có khi Tể tướng đánh suốt hai, ba ngày thâu đêm suốt sáng, ăn thua chỉ một hai quan tiền, đánh đến nổi bỏ cả cơm chỉ húp cháo. Nhưng khi vào việc thì vẫn chững chu... Dù người tài cũng phải chằm chước cho họ, xin Bệ hạ minh xét.

Vua Anh Tông nghe lời Hán Siêu, vội vào dạy *Ngũ kinh* cho Thái tử Mạnh.

Quả nhiên, Thái tử học rất say mê hứng thú, thầy trò rất quyền luyến. Tuy vậy Trương Hán Siêu vẫn khẽ nhắc Nguyễn Sĩ Cố:

- Thái tử nay mai sẽ làm Vua. Ông là thầy, nên giữ ý một chút. Bớt rượu chè, bài bạc đi.

Nguyễn Sĩ Cố nói:

- Dạy là dạy, chơi là chơi. Chẳng lẽ là thầy cứ luôn luôn giữ về mô phạm ư! Thế là trái với lẽ thường, đời thường đấy.

Tuy nói thế, nhưng Nguyễn Sĩ Cố cũng kìm giữ, không buông thả như trước! Khi Thái tử Mạnh được Anh Tông nhường ngôi để làm Thái thượng hoàng, tức Vua Minh Tông nhà Trần, phong chức lớn cho Trần Khắc Chung làm Thiếu bảo, Trung thư môn hạ bình chương sự, Trương Hán Siêu làm Hành khiển, Đoàn Nhữ Hài làm Tham tri chính sự, Lê Duy, Phạm Ngộ đều được làm Hình quan, Trần Thì Kiến, Mạc Đĩnh Chi, Đỗ Thiên Hư, Phạm Sư Mạnh đều được trọng dụng cả, Nguyễn Sĩ Cố vẫn chỉ làm Thiên Chương đại học sĩ. Có người thắc mắc hỏi ông, ông nói:

- Người tài nhiều rồi, ta được chuyên về đạo học, điều đó chẳng hay sao.

Rồi vẫn sống thanh thản như cũ, không phàn nàn gì. Minh Tông càng trọng, thỉnh thoảng Vua vẫn đến nhà thăm thầy học.



Còn anh em Phạm Ngô, Phạm Mai dù là đại thân, nhưng gặp thầy học, đều xuống kiệu từ xa đứng bên đường vái lạy, hỏi thăm sức khoẻ thầy cũ, khi kiệu Nguyễn Sĩ Cố đi xa, mới dám lên kiệu. Tết nhất họ đều mặc áo học trò đến biếu quà xuân cho thầy và hỏi thêm nghĩa, mạch sách còn chưa hiểu. Nguyễn Sĩ Cố đều giảng rất tường tận.

Thỉnh thoảng ông lại ra ngoại thành, đến bên hồ ngồi câu suốt buổi, hoặc đến một người bạn cũ ở ẩn một làng xa, bàn về thư pháp, chữ nghĩa, tối mịt mới về...

2002

## Người viết sử đầu tiên

Lê Văn Hưu về làm môn khách Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải. Từ Thanh Hoá ra, Văn Hưu đến gõ cửa nhà Vương, được chọn ngay.

Vương đích thân mời ông vào trướng, thấy người trầm tĩnh, khoan hoà, ngài tỏ ra thâm mến ngay, vội hỏi:

- Người thạo văn hay thạo võ.

- Bẩm vương gia, học trò này chỉ quen nghiên ngẫm sách vở thánh hiền để hiểu được những vận hành của việc đời đã xảy ra, đang xảy ra và sắp xảy ra thôi.

- Kinh sử, người thuộc đến đâu rồi!

- Dạ, những gì học trò cần biết đã đọc cả!

- Tứ thư?

- Dạ, vương gia hỏi chỗ nào, xin cứ ban lời!

- Khổng Phu Tử bàn về trí ở sách nào?

- Dạ, trong sách Trung Dung, ở chương thứ sáu, chương thứ bảy và chương thứ tám.

- Chương thứ sáu nói về ai?

- Bẩm vương gia, nói về Vua Thuấn. Lời của ngài như sau: Vua Thuấn là bậc trí huệ rất rộng lớn. Ngài không hay tự cho mình là biết đủ, ưa hỏi ý kiến mọi người. Dù kẻ nói lời thiên cận Nhà vua cũng để tâm suy xét kỹ. Có ai nói điều xấu, ngài để trong lòng, không nói với ai. Ai nói điều tốt lành, hợp với ý mình, với đạo lý,

ngài tán dương quảng bá ngay. Trong loại ý kiến tốt lành này có đủ bậc cao, thấp, lớn, nhỏ, dày, mỏng. Người liệu mà gắn kết, chọn cái khoảng giữa hợp với ý dân. Đó là trung dung. Vua Thuấn đã thực thi đạo Trung dung được rộng khắp, bởi thế gọi là huệ trí!

- Còn chương thứ bảy nói gì?

- Khổng Tử bàn ở chương thứ bảy rằng: "Ai cũng xưng mình là người Trí. Rồi họ chạy ngược chạy xuôi khi Nam, khi Bắc đến nổi để thân mình vướng lưới, mắc bẫy, sập hầm, chẳng khác gì đám thú rừng bị tróc nã, không một ai, những kẻ cho mình là trí ấy, tránh khỏi! Rồi họ theo đạo Trung dung, nhưng chưa đầy tháng thì lại buông rời không theo nữa. Chương bảy này nói về những kẻ ở những tâm suy nghĩ thiên cần thì không theo đạo Trung dung được!

Chiêu Minh Vương gật đầu, hỏi thêm:

- Còn chương thứ tám?

- Chương thứ tám, Khổng Phu Tử khen Nhan Hôi là người trí. Ngài nói: "Hôi thật là người trí đấy! Hôi biết chọn đạo Trung dung mà theo. Mỗi khi được một điều tốt thì Nhan Hôi áp ủ, giữ thật bền trong lòng mình, không để mất!".

- Vậy, thầy có thể nói một câu thật gọn về đạo Trung dung được không?

- Người hiểu đạo Trung dung, là người, ở tình huống tốt, hay xấu, khoan hay gấp, đều có cách ứng xử hợp lý để sự việc có hiệu quả nhất.

Chiêu Minh Vương cho là tuổi trẻ sâu sắc, nhưng không khen, lại hỏi:

- Thầy học Kinh Dịch? Dịch là gì? Dịch là biến hoá. Vậy trong Kinh Dịch lại còn bàn về Bất dịch là thế nào?

Văn Hưu trả lời ngay:

- Bẩm, Dịch còn có một tầng nghĩa thứ hai, đó chính là Bất Dịch vậy. Tại sao thế? Đó là vì mọi vật đều biến hoá nhưng đều ở

trong vòng trật tự theo luật bất di bất dịch. Điều này Dịch gọi là luật Thường trụ, bất biến vậy. Kinh Dịch có câu: "Động tĩnh hữu thường", nghĩa là động hay tĩnh đều ở trong luật thường cả! Lại nói: "Ngôn thiên hạ chi chí động, nhi bất khả loạn giả..." nghĩa là tất cả sự vật dưới trời đều rất động (nhờ có đạo thường - NVP) mà không rối loạn.

Chiêu Minh Vương lại hỏi:

- Người có đọc Đạo Đức kinh của Lão Tử không?

Lê Văn Hưu thưa:

- Bẩm, thời này là thời tam giáo, học trò tất phải nghiền ngẫm.

- Người thích câu nào nhất?

Lê Văn Hưu suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Bẩm Vương gia, học trò thích câu này: "Thiên đắc nhất dĩ thanh. Địa đắc nhất dĩ ninh. Thần đắc nhất dĩ linh. Cốc đắc nhất dĩ doanh. Vạn vật đắc nhất dĩ sinh. Hậu vương đắc nhất dĩ thiên hạ chinh" nghĩa là: "Cái được nhất của Trời là trong. Cái được nhất của đất là yên ổn. Cái được nhất của thần là linh thiêng. Cái được nhất của hang là đầy. Cái được nhất của muôn vật là sống động, cái được nhất của Hậu vương là thiên hạ nguyên lành". Đó chẳng là điều Lão Tử gọi là Đắc Nhất ư!

Chiêu Minh Vương chịu là thông tuệ cho giữ việc văn thư, thư viện của tướng gia. Được ở trong phòng sách của Chiêu Minh Vương, Lê Văn Hưu lại ham học, có đêm đem sách về phòng, nghiền ngẫm đến tận gà gáy mới chịu tắt đèn đi ngủ.

Khoa thi Tam giáo năm Đinh Mùi 1227, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình đời Trần Thái Tông, Lê Văn Hưu đậu Bảng nhãn rồi được bổ làm pháp quan. Nhưng Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải tâu với Vua triệu Văn Hưu về triều, giữ chức học sĩ Viện Hàn Lâm. Lê Văn Hưu tìm đến tướng phủ để tạ ơn.

Bữa ấy Chiêu Minh Vương vui lắm. Đất Lưu gia, thực ấp của ông được mùa lớn. Vương rất vui, khi thấy Lê Văn Hưu đến, ông ra tận cửa đón rồi nói:

- Chào quan tân học sĩ. Vào đây, vào đây. Ta có rượu ngon, lại có thơ mới vừa làm, ông nghe nhé.

Vừa rót rượu mời, Vương vừa đọc:

### Bến dò Lưu gia<sup>(1)</sup>

*Ngất trời cây mọc, bến Lưu gia.*

*Thuyền đậu nơi từng hồ giá qua*

*Tháp cũ, đình xưa, thu ánh nước,*

*Đền hoang, mộ cổ, đá rêu mờ.*

*Thái Bình cõi đất vài ngàn dặm*

*Nhà Lý giang san, nhị bách dư...*

*Trở lại khách thơ đầu chóm bạc*

*Hoa mai tựa tuyết chiếu sông trư*

Lê Văn Hưu bình:

- Người mê mãi việc nước trở về quê hương, thấy cảnh cũ, đất xưa, ngậm ngùi nghĩ chuyện xưa nay, lại ngại thời gian thách thức. Tấm lòng sâu nặng thâm trầm chỉ biết mình tự nhủ mình!

Wương khen:

- Ông đã hiểu tận gan ruột của ta.

Chiêu Minh Vương hỏi:

- Hiện nay ông đang làm gì.

- Bẩm vương gia, học trò đang viết sử.

Chiêu Minh Vương ngạc nhiên, vội hỏi:

---

<sup>(1)</sup> Nguyên văn chữ Hán. Người viết truyện dịch.

- Việc nên làm lắm. Nước phải có sử chứ! Triều đại nào chẳng cần chép sử. Ta bận bịu vào công việc ở phủ Thái úy, chưa nghĩ đến việc này. Ông chép đến đâu rồi...

- Bẩm cũng được hết thời nội thuộc và triều Đinh và triều Lê.

- Ông đánh giá về Triệu Vũ Đế thế nào?

Lê Văn Hưu nói:

- Đất Liêu Đông không có Cơ Tử không thành phong tục mặc áo đội mũ, đất Ngô Hội không có Thái Bá thì không thể mạnh để làm vương bá. Đại Thuấn, người Đông Di mà là Vua giỏi trong Ngũ đế. Văn Vương, người Tây Di mà là bậc Vua hiền trong Tam Đại. Thế mới biết người giỏi trị nước không cứ gì đất rộng hay hẹp. Hoa hay Di, chỉ xem ở đức mà thôi. Triệu Vũ Đế, khai thác nước Việt ta, xưng đế, coi mình ngang hàng với nhà Hán. Gửi thư xưng là lão phu, là người mở đầu nghiệp đế vương cho người Việt ta, công ấy cũng to lắm vậy. Người làm Vua nước Việt sau này, nên bắt chước Vũ Đế mà giữ vững bờ cõi, đặt quận, trị nước, giao thiệp với láng giềng, theo đạo, lấy nhân giữ ngôi thì giữ được bờ cõi lâu dài, người phương Bắc cũng không gấp ghé được!

- Bàn thâu nhẽ đấy. Học sĩ hãy cho nghe về Ngô Vương Quyền!

- Triều Ngô Vương đã lấy quân mới họp của đất Việt ta mà phá được trăm vạn quân Hán của Lưu Hoàng Tháo, mở nước xưng vương lên ngôi Hoàng đế và đổi niên hiệu mà chính thống, nước Việt ta ngõ hầu đã được nối lại!

- Lê Đại Hành và Lý Thái Tổ thì sao?

- Bẩm, Lê Đại Hành giết Đinh Điền, bắt Nguyễn Bặc<sup>(1)</sup>, bắt Quân Biện, Phụng Huân<sup>(2)</sup>, dễ như lừa trẻ con như sai nô lệ, chưa

---

<sup>(1)</sup> Lão tướng của Đinh Tiên Hoàng, muốn phò tá nhà Đinh, giữ lại vương nghiệp, bị Lê Hoàn đánh bại.

<sup>(2)</sup> Tướng Tổng thua trận, bị bắt.

đây vài năm, mà bờ cõi yên tĩnh, công lao ấy nhà Hán và Đường cũng không hơn được. Vậy thì Lê Đại Hành với Lý Thái Tổ ai hơn? Về mặt dẹp loạn trong nước, đánh giặc bên ngoài, làm mạnh nước Việt ta, ra uy với người Tống thì Lý Thái Tổ công không bằng Lê Đại Hành. Nhưng, ân uy rõ rệt được mọi người tin phục suy tôn, hưởng nước lâu dài, con cháu nhờ phúc, Lý Thái Tổ biết lo tính xa hơn, Đại Hành không thể bằng Lý Thái Tổ được.

Chiêu Minh Vương mừng lắm. Ngay sáng hôm sau, lên châu, vương đã tâu lên Vua, để Lê Văn Hưu kiêm chức Giám tu Quốc Sử Viện. Năm 1272 niên hiệu Thiệu Long thứ mười lăm, đời Trần Thái Tông, Lê Văn Hưu vâng sắc chỉ soạn xong bộ *Đại Việt sử ký* chép từ Triệu Vũ Đế đến Lý Chiêu Hoàng gồm ba mươi quyển. Vua xuống chiếu khen ngợi.

Người vui nhất trong buổi châu hôm ấy, không phải Lê Văn Hưu mà chính là Tướng quốc Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải, bởi ông đã có con mắt xanh nhìn thấy rõ chân tài của một nhà chép sử để tiến cử lên Nhà vua.

# Thơ trên vách núi

## 1

Phạm Sư Mạnh thi đỗ Thái học sinh, đến chào thầy học là Chu Văn An. Thầy đang thưởng hoa ngoài vườn, gọi Mạnh đến. Sư Mạnh lúc nào ở bên thầy đều rất sung sướng, nên vội vã đến ngay. Thầy Chu có mấy cây lan vừa độ hoa, hương thơm ngát và nhẹ. Thầy nói:

- Con xem, lan đúng là một loài hoa vương giả. Lan có nhiều thứ như đông lan, kiến lan, nhưng ta thích loại lan này. Con có biết sao không?

- Thưa, xin thầy chỉ giáo.

- Đây là một loại thạch lan, ta mới tìm được trên núi Chí Linh. Hoa trắng ngân, thơm nhẹ, nhị đỏ như son! Đó chẳng là những màu sắc hợp với bạc chính nhân quân tử đó sao!

Sư Mạnh lim dim mắt, trầm ngâm để nhận lấy lời thâm thúy của thầy.

Thầy Chu lại hỏi:

- Trồng lan, con xem, công việc nào là cần nhất?

Sư Mạnh rụt rè trả lời:

- Bẩm thầy, thứ hoa thanh khiết thường khó tìm. Con nghe nói phải ngâm đậu tương, lấy đất bùn phơi cho khô trắng đem bón thì lan mới đơm hoa...

Thầy Chu gật đầu:



- Đứng, chăm cho lan, nhiều người vì quý hoa mới thận trọng công phu. Nhưng đối với lan thì việc bắt sâu cho lan là không thể thiếu, vì cây cỏ ở thâm sơn u ám bạc, tĩnh lặng. Lan là loại hương thơm, nên kỵ ướt ẩm, nếu không chăm đuổi ruồi nhặng, bắt sâu họ hàng ngày thì cây sẽ thiếu lực dân đó...

Phạm Sư Mạnh biết thầy học mượn lan để nhắc nhở mình, nên vô cùng cảm động, cung kính chấp tay thưa:

- Thưa thầy, chuyện hoa lan thầy nhắc, con luôn luôn ghi nhớ...

## 2

Phạm Sư Mạnh làm quan từ đời Vua Trần Minh Tông, rất được chú ý. Bởi ông ham học, bẩm sinh thông tuệ, thích bạn với người hơn mình để học hỏi, lại thích được đi công cán xa để trong mắt thu nhận thêm được nhiều kiến văn mới. Đến khi Trần Dụ Tông lên ngôi Vua, tháng 9, niên hiệu Thiệu Phong thứ sáu (1346) ông được phong làm Chương bạ thư kiêm Khu mật tham chính. Một hôm, Dụ Tông triệu Sư Mạnh vào hỏi:

- Chế Mỗ, người Chiêm Thành, do loạn lạc bên nước được Thượng hoàng thương tình nuôi ở kinh đô hàng chục năm. Gần đây Chế Mỗ có kể với người hầu cận của ta rằng: Chuyện cổ Chiêm Thành kể rằng, ngày xưa có ông Vua nuôi một con khỉ lớn, rất yêu quý nó, muốn cho nó biết nói. Ông ta tìm khắp trong nước, bảo người nào dạy được khỉ nói thì thưởng một vạn lạng vàng. Có người nhận dạy được. Vua Chiêm mừng lắm, sai hấn nuôi khỉ. Người ấy nói: Nuôi khỉ, riêng tiền thuốc để kích thích khỉ nói cũng đến hàng trăm lạng vàng, sau ba năm mới có kết quả. Vua nghe theo. Ý người này bịa ra chuyện này có ý, trong ba năm này, con khỉ, quốc vương và anh ta nhất định sẽ có một phải chết, nên cứ lấy vàng của quốc vương đã, mà chẳng cần đợi cho khỉ nói. Khanh thử nghĩ xem Chế Mỗ muốn mượn chuyện này xin ta điều gì?

Phạm Sư Mạnh nói:

- Tâu, đó là Chế Mỗ thấy mình ở lâu nước ta nên muốn nhắc Bệ hạ nên sớm đưa y về nước để toan tính ngôi Vua Chiêm Thành với quốc vương của anh ta!

- Việc này khanh nghĩ thế nào?

- Tâu, theo thần thì không nên. Nước Chiêm, dù vua không phải là Chế Mỗ, nhưng người đoạt ngôi đã trị vì Chiêm quốc hàng chục năm, dân tình yên tĩnh lại lo đủ tiến cống, nay đưa Chế Mỗ về thì hoá ra mình làm cho bang giao hai nước rắc rối thêm ư?

Trần Dụ Tông vẫn theo lời yêu cầu khẩn thiết của Chế Mỗ, lại được Trấn thủ Hoá Châu là Hưng Hiếu Vương tâu xin thêm, nên triều đình cùng Vua sai người cử binh đưa Chế Mỗ về nước, nhưng việc không thành. Chiêm Vương gửi thư trách, Hưng Hiếu Vương phải nhận là do mình đưa Chế Mỗ về chứ không phải triều đình. Việc đó, sau mới yên.

Năm Kỷ Hợi (1359) Phạm Sư Mạnh được làm Hành khiển Tả Ty lang trung, nhà Nguyên bên Trung Hoa gặp nạn. Chu Nguyên Chương đã lên ngôi đang đánh dữ và xưng làm Minh Thái Tổ. Trần Hữu Lượng, vốn là hậu duệ của Trần Ích Tắc (người đã theo quân Nguyên phản lại nhà Trần), vốn là quan của nhà Nguyên, nhân dịp này cũng xưng đế đổi quốc hiệu là Hán, đánh nhau với Chu Nguyên Chương. Lượng bị thua, lui giữ Vũ Xương, sai người sang xin cứu viện. Trần Dụ Tông cho mời các đại thần lại hỏi kế. Phạm Sư Mạnh tâu:

- Thần nghĩ, Trần Hữu Lượng xin ta viện binh, xét có ba điều không nên: thứ nhất, việc loạn lạc ở Trung Hoa là chuyện của chính quốc, ta không nên can thiệp. Thứ hai, quân của Chu Nguyên Chương đang được người Trung Hoa ủng hộ, nhà Nguyên có thể bị diệt, giúp cho Lượng chống Chương sẽ bất lợi sau này. Thứ ba, tiền nhân của Trần Hữu Lượng đã bị ghép vào tội phản quốc, nay giúp họ thì không phải là điều mọi người dễ đồng tình.

còn làm thơ tiễn, trong đó có câu: "Sóc mạc binh trần kim tấu thiệp, Nam triều nhân vật tổng năng văn" (Bình nhung đất Bắc nhiều tin thắng. Nhân vật triều Nam lắm bậc tài), vừa ca ngợi chiến thắng của nhà Minh, cũng nhắc để sứ giả nhà Minh rằng, nước Nam không thiếu gì người giỏi. Dư Quỳnh về tâu việc, Minh Thái Tổ rất hài lòng và việc bang giao hai nước rất hoà hiếu.

### 3

Khi Dụ Tông lên ngôi, lúc bấy giờ thầy học của Phạm Sư Mạnh là Chu Văn An dâng sớ chém bảy gian thần đang ngồi ở triều, toàn là người thân cận với Vua. Dụ Tông làm sao mà chém nổi. Thầy Chu trả lại mũ áo từ quan về Côn Sơn. Phạm Sư Mạnh tiễn thầy, khóc nói:

- Thầy đã chán triều đình bỏ về, lẽ nào con còn ham mũ cao, áo dài ư?

Thầy Chu nghiêm sắc mặt nói:

- Thầy làm việc của thầy. Con làm việc của con, sao lại giống nhau được! Chức vị con là Hành khiển, Tri khu mật viện. Ngồi Tể tướng có thể giảm bớt việc đỡ, khuếch trương việc hay của vua, sao lại về!

Phạm Sư Mạnh thưa:

- Bẩm thưa, con thấy Dụ Tông dẫu thông minh, nhưng ham chơi, thích hưởng lạc, thích bọn xu nịnh. Cứ xét việc năm Quý Mão vừa rồi, Vua cho đào hồ ở vườn ngự trong hậu cung, trong hồ xếp đá làm núi, bốn mặt đều khơi ngòi cho chảy thông, bắt đưa về các thứ tre quý, hoa thơm cỏ lạ, cho nuôi cá sấu và các thứ cá lạ, tốn rất nhiều công của. Vua lại nghe lời Trâu Canh, thông dâm với chị để mong có con nối dõi, con cũng thấy gan ruột bồn chồn...

Thầy Chu nói:

- Ta biết lòng con, nhưng nếu người tốt bỏ đi hết thì triều chính để cho bọn bất tài, tham lam nắm lấy cả ư?

Phạm Sư Mạnh khóc tiễn thầy qua sông Cái, bịn rịn khác thường. Năm ấy, Thiều Thốn làm Phòng ngự sứ Lạng Giang bị hặc tội dung túng cho em trai lộng hành ở quê nhà Thanh Hoá... Triều đình xét tội, bắt bãi quan. Lạng Giang từ ngày Thiều Thốn đến nhậm chức đánh cướp, giảm phu khuyến khích khai phá đầm hoang thành ruộng cấy, dân chúng được nhờ. Được tin Thiều Thốn mất chức, họ tụ tập nhau lại trước công đường xin ông được ở lại chăn dân. Quan Trung sứ đem việc tâu lại với Khu Mật Viện. Phạm Sư Mạnh cho gọi viên Trung sứ đến hỏi tường tận mọi việc, sáng sớm hôm sau vào chầu, dâng sớ xin Trần Dụ Tông chỉ phạt nhẹ Thiều Thốn mà không nên bãi chức, cứ để làm Phòng ngự sứ Lạng Giang.

Vua hỏi:

- Thiều Thốn giỏi đến thế ư, mà Khanh ra sức biện bác cho Thốn.

Phạm Sư Mạnh tâu:

- Thần nghĩ, thời buổi này, làm quan được như Thiều Thốn khi mất chức dân kêu khóc, khắp chốn vang lên lời dân giao: "Trời chẳng thấu oan, ông Thiều mất quan". Khi sắp lên đường về triều nhận tội, dân lại hát: "Ông Thiều phải về, lòng ta buốt tê". Người như thế hiếm lắm. Và lại, tội đàn hặc của Thiều Thốn là do em trai gây ra, phạt nhẹ là đủ!

Vua tha tội cho Thiều Thốn. Được tin ông ta ở lại, dân nhảy múa khắp thành Lạng Giang, miệng hát: "Trời đã thấu oan, ông Thiều vẫn quan"...

Viên Trung sứ trở lại truyền chiếu vua đem việc này nói với Phạm Sư Mạnh, khiến ông vui được mấy ngày...

Cuối năm, ông vâng mệnh Vua đi kinh lý vùng Yên Tử - Vân Đồn, khi về có ghé qua quê, lên núi Giáp Thạch. Lòng vẫn còn đang cảm khái trước chiến công oanh liệt của Vua tôi nhà Trần và núi sông diễm lệ, Phạm Sư Mạnh lên núi Giáp Sơn, một ngọn núi đẹp ở quê nhà, liền viết một mạch bài thơ sau:

Núi quê, công cán, trèo lên,  
Trông vời thăm thẳm dặm nghìn trời xanh  
Biển Nam hải cánh chim bằng  
Mặt trời mới dựng đã bình non Đông  
Đỉnh Yên Phụ đứng trong tâm  
Tượng Đầu chót vót núi dăng chín chiều.  
Trập trùng mây trắng Tử Tiêu  
An Kỳ Sinh hỏi, lối nào lên tiên?  
Bạch Đằng sóng vô triền miên  
Lòng vui tưởng nhớ chiến thuyền Vua Ngô  
Trùng Hưng, công đức hai Vua,  
Xoay trời, chuyển đất có thừa kế hay.  
Ngàn thuyền Phố Biển hôm nay,  
Giáp môn cờ xí tung bay rợp trời  
Biển cương yên ổn tại người  
Non sông đã sạch tanh hôi mọi loài,  
Âu ca ý đẹp lời hay  
Nhớ ghi công đức những ngày bình Nguyên<sup>(1)</sup>

Dân làng đi theo, xin được khắc thơ lên đá. Nói mãi Phạm Sư Mạnh mới chịu, bùi ngùi nói:

- Thơ này ta làm chỉ để nhắc mọi người phải luôn có trách nhiệm trước núi sông đất nước!

Khi xuống núi, thăm nhủ sẽ ghé thăm thầy học Chu Văn An ở Chí Linh, và tự thấy mình đã làm được chút gì đó, theo lời thầy dặn.

2003

---

<sup>(1)</sup> Bài thơ ca ngợi núi sông hùng vĩ ở miền Yên Tử, Vân Đồn, biên giới phía Đông Bắc, ca ngợi chiến công của Ngô Vương Quyền và hai vua Thánh Tông, Nhân Tông nhà Trần. Nguyên văn chữ Hán, người viết truyện dịch.

**THỜI**  
**Lê**

# Bóng người trong vườn thượng uyển

Lê Quốc Khí dùng bản tấu xin được vào tâu việc cơ mật. Lê Thái Tổ cho vào.

Vua xem lời tấu, cau mày hỏi:

- Việc có thật thế này chăng?

Lê Quốc Khí liến láu:

- Thân đầu dám tâu xằng. Từ ngày Bệ hạ cho xử chết Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo, tuy bề ngoài vẫn giữ tinh thần bình tĩnh, nhưng thường nói: "Ông Hãn về hưu sớm, nếu ở kinh thành, giúp Vua, thì đầu đến nổi!". Như thế thì cái ý thương tiếc kẻ phản Vua kia là có rồi. Nay Phạm Văn Xảo, biết việc Vua giáng Thái tử Tư Tề xuống làm Quận vương, vậy mà Xảo cậy là công thần được Vua yêu, dám tiếp Thái tử, nửa buổi mới thấy về, như thế thì quá lắm, coi thường cả Vua... Mâm loạn không dấy lên từ đây chăng?

Vua nhìn thẳng vào mặt Lê Quốc Khí nói:

- Khanh có thấy Phạm Văn Xảo có hành động gì kia khác không?

Lê Quốc Khí tâu:

- Phạm Văn Xảo, thường mượn tiếng là người tài trí ở kinh kỳ, khách xa, gần đến nhiều, không tính đếm nổi. Mà Xảo thường không thích những đại thần được Bệ hạ đang sủng ái như

Lê Sát, Lê Ngân... Trịnh Khả, vốn là người cùng miền với Bệ hạ, Xảo chỉ thích giao du với Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn. Lê Nhân Chú là những đại thần ở Bắc Hà thời. Xảo thân nhất với Trần Nguyên Hãn...

Lê Thái Tổ, đi đi lại lại trong phòng, ngẫm nghĩ rất lâu rồi bảo Lê Quốc Khí:

- Khanh có tâm huyết trước sự ổn định của quốc gia, thật đáng khen. Nhưng việc này không thể coi thường được, để Trẫm xem xét thêm nữa đã.

Hôm sau Vua cho vời Phạm Văn Xảo vào, hỏi:

- Ta nghe bữa trước khanh có tiếp Quận vương Tư Tề. Việc ấy có không?

Phạm Văn Xảo thưa:

- Tâu Bệ hạ, Quận vương đến thân thân ra đón, mời vào. Trộm nghĩ, chọn Thái tử là việc của Hoàng đế. Quận vương chắc chưa đủ tài đức nên mới bị giáng. Vương đang buồn đến chơi, lẽ nào thân nữ đóng cửa phủ, xem ra bất nhẫn. Quận vương ngồi rất lâu, nói rất ít về chuyện mình chỉ ôn lại những ngày hàn vi, theo Bệ hạ... Có lúc không giữ nổi, xúc động, ứa nước mắt. Thân phải khuyên nhủ mới thôi!

Lê Lợi cho là Phạm Văn Xảo không thích việc mình bỏ Tư Tề, lập Nguyễn Long lên làm Thái tử, thấy việc Lê Quốc Khí tâu là có thật, lòng hơi phật ý, song không lộ ra, chỉ bảo:

- Khanh có lòng quý người như thế thật tốt. Việc bỏ con trưởng lập con thứ là điều bất đắc dĩ. Tư Tề gần đây thể trạng kém, nhất là tinh thần sa sút, Trẫm sợ việc lớn sau này không kham nổi.

Rồi cho Phạm Văn Xảo về.

Vua nghĩ đến công lao của Xảo thời đánh giặc Minh. Xảo là người có tài thao lược. Ông từng vây thành Nghệ An, giữ vững qui củ, làm cho quân Minh trong thành phải bối rối. Khi Vua đem quân



đánh ra Đông Đô, ông cùng Lê Triện, Trịnh Khả, đem quân đi tuần dọc các lộ Quảng Oai, Quốc Oai, Thiên Hưng, Qui Hoá, Đà Giang, Tam Đái, đi đến đâu bình định được đến đấy. Xảo lại có công chặn địch tiếp vận từ phía Vân Nam. Ông đã lãnh trí đem quân đóng đồn ở tây Ninh Giang, nhằm uy hiếp Đông Đô, sau đó kéo quân lên chiếm được Tam Đái, đánh tan năm vạn quân tiếp viện của Đô ty Vân Nam là Vương An Lão đem quân xuống cứu Đông Quan... Sau đó, Vua kéo quân từ Nghệ An ra vây Đông Đô... Công lao của Phạm Văn Xảo đứng ở hàng đầu các đại thần. Đó là chưa kể những chiến công khác sau này của Phạm Văn Xảo.

Tuy nhiên, Lê Thái Tổ không thể bỏ qua lời tâu của Lê Quốc Khí. Phạm Văn Xảo không phải là kẻ tầm thường. Xảo lại từng nắm đại quân nhiều năm, tướng sĩ đều kính nể. Xảo là người có học thức, các nhân sĩ như Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Bùi Cầm Hổ đều mến phục. Tư Tế đang oán cha không cho nối ngôi. Xảo là kẻ thúc giục, sao lại tiếp Quận vương làm gì! Người biết ra, thì thà đóng cửa để lỗi với kẻ bị giáng, hơn là bị Vua quở trách, ắt hẳn là cũng coi thường Hoàng đế. Hôm sau, Vua cho gọi Lê Sát vào hỏi:

- Trẫm giết Trần Nguyên Hãn, vì hắn có tội. Xảo là bạn thân của Hãn, lại dám đến thăm mộ, Trẫm đã bỏ qua cho rồi. Kỳ này, Tư Tế đến chơi nhà hắn, hắn lại tiếp đãi để cho mọi người xì xào. Hay là hắn tưởng là hắn có công mà coi thường Trẫm. Trẫm cho gọi vào phủ dụ. Không biết tội, Xảo nói là không tiếp không được. Hắn không phủ phục xin Trẫm tha tội cho nửa câu. Trẫm chịu không nổi nữa!

Lê Sát cũng khôn ngoan. Trong bụng không ưa gì dám văn thần, võ tướng ở Đông Đô như Phạm Văn Xảo - Nguyễn Trãi, nhưng làm ra vẻ đỡ lời cho Phạm Văn Xảo:

- Xảo tự cho mình là trung thực, không vụ lợi, không sợ bị nghi ngờ, mà có những việc thiếu cân nhắc! Xin Bệ hạ bớt giận.

Lê Lợi vẫn chưa khỏi nghi hoặc, hỏi:

- Ta hỏi thật ngươi, việc Đèo Cát Hãn, trước khi về triều, có ghé qua nhà Phạm Văn Xảo phải không.

Lê Sát thưa:

- Thần cũng biết có việc ấy! Nhưng cũng là được người khác mách bảo cho thôi!

Rồi Sát cười:

- Ông ta cho mình là công trùm lên mọi người nên bất chấp mọi việc, bất kể những việc mà đáng lý phải giữ gìn.

Lê Sát ngẩng mặt nhìn thì thấy Lê Lợi trầm mặt xuống... Lê Lợi đi lại trong sân thượng uyển lâu lăm. Vua nghĩ ngợi rất nhiều. Quả là việc phế truất Tư Tề, đưa Nguyên Long lên làm Thái tử, có nhiều đại thần không chịu, nhưng không nói ra. Phạm Văn Xảo là người trước đây được Vua cho ra vào nơi tiềm ẩn, để giúp đỡ Thái tử. Biết đâu Xảo sợ đưa Nguyên Long lên thì mình sẽ không được dùng, do đó mà có thể trong lòng có ý kia khác. Vua đã tin Lê Sát, Lê Ngân, giao cho bù trừ giúp rập cho Nguyên Long, nếu sau này Nguyên Long lên ngôi, còn nhỏ, các đại thần quay lưng lại thì việc triều chính cũng không ổn. Do đó trong lòng đã có ý trừ bỏ Phạm Văn Xảo, sau khi đã giết Trần Nguyên Hãn.

Nhân có chuyện Đèo Cát Hãn, Vua cho bắt Phạm Văn Xảo hạ ngục, lại sai Lê Quốc Khí xuống xét hỏi.

Lê Quốc Khí ban đầu còn giở giọng tử tế, khuyên Phạm Văn Xảo nhận tội, hẳn sẽ tâu Vua luận công trước, có thể giảm tội cho.

Phạm Văn Xảo chỉ cười bảo hắn:

- Đất nước trong cảnh giặc Minh chà đạp, ta theo Vua mười năm mới lấy lại được giang san. Lòng dạ ta sáng như gương, có đâu lại mưu phản chống lại Vua. Ông muốn lập công thì nên thi thố tài năng ở những việc khác, đừng lấy việc gièm báng, hại người làm chỗ vịn cho đường công danh.

Lê Quốc Khí biết là không thuyết phục nổi, liền cho tra khảo rất dã man, đánh đến chết đi sống lại, Phạm Văn Xảo vẫn chỉ giữ thái độ im lặng. Lê Quốc Khí cho người nấp rình xem Phạm Văn Xảo có thổ lộ gì khi vắng người không. Một bữa khi được báo tin, mình sắp sửa bị ghép vào tội chết, Phạm Văn Xảo ngửa mặt lên trời mà than rằng:

- Bệ hạ nghe lời bọn xiểm nịnh mà giết công thần. Trần Nguyên Hãn oan là thế, trước khi ôm đá nhảy xuống sông còn kêu lên rằng: "Tôi với Vua cùng mưu cứu dân. Nay việc nghĩa lớn đã hoàn thành, Vua lại muốn giết tôi, hoàng thiên có biết, soi xét cho!". Thần cũng xin đem lời trước khi chết của Trần Nguyên Hãn kêu một lần nữa trước Bệ hạ...

Lê Quốc Khí, thu được tin này, tô vẽ thêm tội, dâng tấu lên Lê Lợi. Nhà vua bắt Phạm Văn Xảo phải chết và tịch thu hết điền sản.

Khi mang quân lên đánh Đèo Cát Hãn, Vua thu nhận những thư từ của y trao đổi với các đại thần ở triều, trong đó có thư của Phạm Văn Xảo. Xảo khuyên Đèo Cát Hãn hãy hết lòng vì nhà Lê, giữ yên một vùng đất biên cương, công lao ấy sẽ không nhỏ. Nếu làm được như thế thì lộc nước được hưởng lâu dài!

Lê Lợi biết mình đã giết oan Phạm Văn Xảo thốt lên:

- Bọn Đinh Bang Bản, Lê Quốc Khí làm hại ta rồi!

Vua ngồi một mình, tự nhiên rơi nước mắt. Tuy nhiên khi về triều, Vua cũng không lo minh oan cho Phạm Văn Xảo, Trần Nguyên Hãn, mà lờ đi, cho rằng việc đã trót lỡ rồi thì bỏ qua luôn.

Ít lâu sau, Lê Quốc Khí mắc lỗi, bị đuổi. Vua đuổi ngay chúng, còn xuống chiếu, răn bảo các quan rằng: "Lê Quốc Khí, Trình Hoàng Bá, Đinh Bang Bản... là bọn tiểu nhân xảo quyệt, lấy gièm báng làm phương tiện để có chức, có thưởng, nay đã bị đuổi, sau này, dầu muốn dùng lại, cho dù chúng có tài cũng không được

dùng nữa, mà trong thân hạ dù có kẻ mưu phản cần được tố cáo cũng không cho bọn ấy được tố cáo!".

Vua chợt nhớ đến Phạm Văn Xảo và Trần Nguyên Hãn, lòng rất buồn, nước mắt lại chảy ra. Bữa ấy, Vua bỏ cơm nguội tanh, nguội ngắt cứ dạo đi dạo lại ở vườn thượng uyển, thở trước đây thường cùng sánh vai với Phạm Văn Xảo và Trần Nguyên Hãn bàn việc nước.

*31-8-2000*

# Trăng sáng Sương Giang

## 1

Nước sông Thị Kiều đã mất hẳn hai dòng trong đục. Sấm chớp nổ đùng đùng. Trên mặt thành Xương Giang, cờ xí của quân lính vẫn cắm rất nghiêm chỉnh. Kim Dận là một tướng giữ thành có kinh nghiệm. Thành Xương Giang trừ phía cửa Tây Nam quay lưng về sông còn bốn bề đều thành cao, hào sâu. Bình Định Vương Lê Lợi, sau trận thắng lớn ở Tốt Động chỉ để một lực lượng đồn trú ở vùng đất Thanh - Nghệ, còn các quân tinh nhuệ đều đem theo ra Bắc cả. Vương Thông là một viên tướng quý quyết, biết tới, biết lui. Sau khi đốc toàn lực định chụp đánh vào lực lượng chính của những đạo quân tiền trạm, đánh thăm dò của quân nhà Lê do các tướng Lê Triện, Lê Lễ, Lê Sát, Lê Nhân Chú, Trần Nguyên Hãn ở mạn Đà Giang và Hưng Hoá, Sơn Tây không thành công, Vương Thông lui giữ Đông Quan, tạo ra thế ỷ dốc với các quân đồn trú các thành quách dọc các vùng Bắc Hà, từ Cổ Lộng, Tam Giang, cho đến tận Xương Giang, Khâu Ôn, Pha Luỹ, nhằm cố giữ lấy địa bàn quan trọng của An Nam, đợi chờ viện binh, chờ cho thế mạnh, sẽ phản kích lại quân của Lê Lợi.

Ngựa lưu tinh của Vương Thông ráo riết chạy về đại quốc để xin cầu viện. Bình Định Vương là người mười năm nằm gai nếm mật, trù liệu rất xa. Từ khi ra Bắc, một mặt Vương đặt ra kỷ luật nghiêm mật trong quân, vỗ về dân chúng, ban nhiều sắc dụ, khiếm tốn mời mọi người hiền ra giúp nước. Vua thường công kịp thời cho

tướng giỏi. Lê Lễ, Lê Triệu chết trận, Vua thương khóc không thôi. Thấy Nguyễn Xí thoát ở tay giặc ra, Vua mừng như chính con mình thoát chết. Vua trông nom tận nỗi canh, nơi ăn nằm của quân sĩ. Lều trại cẩn mật; thương tiếc từng người lính già chết trận vì hăng hái muốn lập công, cho nên Vua mới vào Đông Quan chưa đầy năm, lòng dân kinh thành đã đầy ngưỡng mộ. Thành Điều Điều vừa hạ, vùng Gia Lâm dân chúng đã nô nức đổ ra đường, tranh nhau đón mừng quân nghĩa. Trong một đợt tuyển thêm quân tự vệ, dùng cho các trận đánh lớn sắp tới, trai tráng thành đình đất Bắc, tấp nập đến ghi tên dưới cờ nghĩa.

Bấy giờ thế quân đang mạnh, phía trong Thái Phúc, tướng giữ thành Nghệ An và quân sĩ thành Diễn Châu đều bó giáo lại hàng. Vương vừa cất nhắc tướng sĩ lên những chức vụ mới để gánh vác những công việc lớn trong thời gian sắp tới. Hàn lâm viện thừa chỉ Nguyễn Trãi được thăng Triều liệt đại phu, Nhập nội hành khiển, Lại bộ thượng thư, kiêm Hành khu mật viện. Các tướng võ như Lê Sát, Lê Vấn được phong chức Tư mã, Lê Nhân Chú được thăng Tư không, sau đó ít lâu lại được cho chức Đại Tư mã, lĩnh tiền, hậu, tả, hữu bốn đạo quân kiêm Tri tân vệ chư quân sự. Vua dựng lầu quan sát ở Bồ Đề, lầu cao ngang với tháp Báo Thiên, để ngày đêm xem xét tình hình động tĩnh của tướng giặc Vương Thông trong thành Đông Quan. Vua sức cho các xứ Tam Đối, Hưng Hoá, Quy Hoá, Tuyên Quang, chở vầu về xuôi để dựng một bức thành nước phía bắc sông Nhĩ Hà.

Mười năm nằm gai nếm mật để giành lại nền tự chủ cho đất nước, chưa lúc nào Lê Lợi sung sức như lúc này. Việc quân, việc nước gần xa, Vua đều phải thân tẩm những trù liệu lớn.

Trong trường riêng ở một thôn hẻo lánh, bố trí rất khéo léo, có quân canh phòng cẩn mật, Vua thường chong đèn thức; khi thì với Nguyễn Trãi, khi thì với Lê Nhân Chú, Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo rất khuya. Có lúc vua tới năm, bảy người đàm đạo việc

quân đến tận sáng. Vua ăn uống qua loa đôi chút, nằm ngủ một giấc, lại thức dậy lo việc nước. Vợ con không mang theo một ai. Người thân cận nhất là Thái giám Lê Nguyễn thì gần đây Vua lại cử sang cùng các tướng vây thành Đông Quan rồi.

Những trận mưa hè xối xả, quân nghĩa đi lại vất vả. Lầu Bồ Đề ở ngay trên mặt đê. Thành nước dâng cao lên ngang trời trông thật uy nghi. Nước sông mùa lũ đục ngầu, sóng vắn, củi rêu, gỗ rừng xuôi về nổi lều bều. Có lúc lại thấy nổi lên những xác lính nhà Minh bị dân chúng các mạn trên phục giết, khi chúng liều lĩnh, xộc vào làng quấy nhiễu. Trận phản kích của quân Minh ở bãi Sa Đồi, phía Từ Liêm, dù quân cường tập của giặc đông và mạnh, nhưng tướng lĩnh của ta đóng chặt cửa thành chống trả quyết liệt, hết tên đạn, dùng cả mảnh nôi, chõ, chum vại để ném. Giặc dỡ nhà dân, áp đến hun thành, bấy giờ ta mới chịu lui quân, nhưng lính giặc không phá nổi đạo quân Thiên Quan. Bị bức dồn, quan ta liều chết đánh trả, chém được nhiều đầu giặc, khiến giặc phải lui. Chính mắt Vua đã nhìn thấy xác những tên lính nhà Minh còn nguyên quần áo chiến, trôi về qua lầu Bồ Đề. Không nói ra, Vua càng tin vào sức quân đang được lòng dân chúng các miền cỏ vũ, đã mạnh càng thêm mạnh. Cái chí đuổi giặc ra khỏi bờ cõi, đã là chính của muôn nhà.

Trong khu cơ mật đã tề tựu những tướng lĩnh tài giỏi. Lê Lựu từ Khâu Ôn, Lê Lý từ Xương Giang cũng được triệu về. Vua bàn phương lược những ngày tới với các tướng. Sau đó, Lê Nhân Chú, Phạm Văn Xảo tâu lên Vua về việc huy động quân thủy, quân bộ và quân ngựa. Nguyễn Trãi dâng lên Vua cách vây thành và đánh quân cứu viện... Ông tâu:

- Giặc Minh trong thành Đông Quan quả đang lâm vào thế cô. Nhưng bọn nguy quan trong thành lại lấy việc nhà Trần đối với Ô Mã Nhi ra gièm báng, còn hy vọng ở thành Xương Giang và đạo quân cứu viện. Thần nghĩ, giờ ta phải cất quân sang bờ Nam sông

Nhĩ Hà, lập thành đất, chỉ huy việc vây ép ráo riết hơn nữa, khiến Vương Thông phải cầu viện thống thiết và viện binh của Liễu Thăng nhất định phải kéo sang. Lúc đó, ta đem quân đánh bằng được thành Xương Giang; chặn ngay lại việc giữ đồn, đón quân viện của chúng khiến chúng bị hẫng. Ta đem quân phục tại Chi Lăng. Chờ cho quân Minh lọt vào vùng hiểm địa, núi đồi đầm lầy tứ phía, ta tung quân ra mà đánh ắt lập được công lớn.

Lê Sát thấy Vua không hỏi mình, có vẻ hậm hực liền cất tiếng hỏi:

- Thưa quan đại phu, thế tướng giặc không đi theo đường ấy thì sao?

Nguyễn Trãi ôn tồn nói:

- Tin mật báo cho hay, Vua Minh đã cử Liễu Thăng làm tướng, lần này cho Lý Khánh tuyển người giỏi sang theo đoàn viện binh. Trong số đó tài cán chỉ đáng để ý đến hai viên Thượng thư là Hoàng Phúc và Lý Khánh. Phúc thâm hiểm, Khánh thận trọng. Nhưng Liễu Thăng là một viên tướng cậy mình vừa có một số công trạng, đang kiêu căng. Và lại lần đầu tiên hấn sang nước Việt ta, ý khinh nhờn ắt không thể không có. Nghe đâu, trong doanh trại của hấn, hầu đẹp có đến hàng năm chục ả. Lý Khánh thẳng thắn khuyên nên tiến quân sớm, chớ mãi mê vào đám gái đẹp, liền bị Thăng cho là lo hã, đánh giá quân ta hơi cao. Với hấn, lực lượng của Vua ta chỉ là đám giặc cỏ. Về đường tiến quân, thì chỉ đường tiến về Xương Giang là nhanh, rẽ qua ngã Lục Nam, đường sẽ vòng vèo, đồi núi liên tiếp. Mà quân các làng, căm giặc đã lâu, chống trả cũng mãnh liệt. Do đó, nóng lòng giải vây cho Đông Quan, Liễu Thăng nhất định theo hướng Xương Giang mà thôi.

Lê Sát lại vặn hỏi:

- Việc đánh thành Xương Giang dùng đảng đến sáu tháng chưa xong. Đó có phải là kế hay, hay không? Bây giờ quân viện sắp sang, liệu có hạ được như ta liệu định không?



Vua hỏi ai có thể đảm nhận đánh thành Xương Giang, Nguyễn Trãi đưa mắt cho Trần Nguyên Hãn, Trần Nguyên Hãn bước ra, quỳ xuống, đặt gươm khấu đầu nói:

- Thần dẫu tài mọn, xin được nhận việc này.

Vua hỏi:

- Ta giao cho ngươi một tháng hạ nổi thành, ngươi có dám nhận không?

Trần còn đang suy tính thì Lê Sát bước ra nói:

- Nếu Tướng quân Trần Nguyên Hãn không nhận thì xin Đại vương giao cho tôi.

Vua nhìn Sát cười:

- Lúc này không phải là lúc khoe tài cán trước mọi người, mà phải đồng tâm hiệp lực mới thắng nổi giặc. Cả hai ông đem quân lên phá thành cùng Lê Lý mới được. Ta giao cho mỗi ông một đạo quân. Phương lược chung, nhất nhất phải đồng lòng mới đánh. Khi cần quyết đoán, ta giao quyền cho Trần Nguyên Hãn. Lê Sát còn có việc lớn khác ta muốn cậy nhờ. Ta điều hai ngàn hộc lương đem đến trước, sẵn cho việc quân. Các phương tiện đánh thành như mộc dỡ tên, xe phá thành, xe xung sát đều đã được ngày đêm theo mẩu đóng gấp ở các khu rừng gần Xương Giang. Quân lên thì chiến cụ đã đợi sẵn. Các tướng cần cất quân sớm.

Lê Sát, Trần Nguyên Hãn, Lê Lý vái tạ, xốc kiếm ra khỏi dinh, lên ngựa đi ngay.

Vua nói với Nguyễn Trãi, Phạm Văn Xảo và Lê Nhân Chú:

- Đánh thành là kế sách kém nhất. Đánh vào nơi giặc đã phòng bị kiên cố, phải mất mấy tháng hoặc hàng năm, chưa chắc đã hạ nổi, binh sĩ sẽ mệt mỏi chán nản. Đang khi ấy, viện binh địch lại kéo đến, ta sẽ bị đánh cả đằng trước lẫn đằng sau, sẽ lâm vào thế nguy. Chi bằng hãy nuôi sức khỏe, chứa dưỡng khí, chờ đánh viện binh. Viện binh bị phá, thì thành Đông Quan tự khắc phải hàng.

Vua lại hỏi:

- Việc chặn đánh quân Mộc Thạnh từ Vân Nam kéo sang ra sao?

Nguyễn Trãi thưa:

- Vua Minh lấy đạo quân của Liễu Thăng làm hướng chính, nếu công lớn của Thăng mà nên, thì Thạnh dù cố gắng mấy cũng là thế yếu. Do đó, Thạnh dùng đường nghe ngóng việc thành bại của quân ta và quân Liễu Thăng mới liệu bề đánh và tiến. Thạnh vốn khôn ngoan, không hấp tấp như Thăng, còn thành Tam Giang thì kế cận Đông Quan, nhưng Lưu Thanh là một kẻ thức thời. Chính Thanh đã chẳng mắng một thổ tù khi xúc phạm đến Đại vương và đoán rằng Đại vương sẽ là Hoàng đế của nước Nam đó sao? Tôi xin được đem theo một viên chỉ huy, lên dụ hàng Thanh, nếu Đại vương cho phép!

Lê Lợi rất vui. Vua nói:

- Việc này phi quân sư tất không ai làm nổi. Trong khi ông đi vắng, việc trong doanh phải nhờ đến Phạm Văn Xảo. Nhân tài đất Bắc quả lão luyện. Còn Lê Nhân Chú, ta phiên ông, lo duyệt quân thủy bộ, cho người thị sát miền Chi Lăng - Xương Giang thật kỹ. Khi quân viện của Liễu Thăng cất quân, thì quân ta cũng kịp thời phải dàn thế trận ngay.

Các tướng vâng lệnh lui ra, lo hoàn thành những việc cực kỳ cơ mật. Vua ưng dung theo Phạm Văn Xảo lên lầu Bồ Đề.

## 2

Trong thành Xương Giang không khí im lìm căng thẳng như chết. Lương thảo đã gần cạn. Kim Dận đã lên cho thị ngựa ốm để ăn thay cơm. Nước uống cũng khan hiếm. Những giếng nước có sẵn đều bị quân sĩ trung dụng. Dân chúng đành phải đi lấy nước sông

vào ban ngày, mỗi ngày mở cửa một lần theo một đường hào dục phòng vệ cẩn mật, luồn ra bờ sông. Tường thành Xương Giang xưa vốn thấp. Kim Dận cho tôn cao thêm lên. Vốn xưa chỗ này là chợ. Một bãi phẳng phiu đầy cỏ xanh. Phiên chợ, dân từ vùng núi kéo về, từ đồng bằng chở thuyền lên, chợ họp có đến hàng ngàn người. Quán rượu, quán thịt hàng dãy. Chợ ngựa, chợ trâu, bò, muối, vải, hoa hồi, thảo quả, sa nhân, cánh kiến không thiếu một thứ gì. Người Nùng mặc áo chàm, người Dao cổ mẩy tầng vòng bạc, người từ Kinh Bắc lên, nón thúng quai thao, áo lam, áo ngắn chen lấn, từ sáng đến chiều không dứt. Gạo, ngô, đậu lạc la liệt... Một tháng sáu phiên, phiên nào cũng vui, cũng đông. Tết chợ đông gấp đôi, gấp ba, phải kéo dài ra hai bên phía đê. Thứ gì cũng có. Tướng Minh là Trương Phụ sang, sợ dân họp nhau phản trắc, bèn dẹp chợ dựng thành. Mạn Tam Đái hấn cũng chủ trương như thế... Trương Phụ truyền lệnh cho đắp cao thành đất, bên trong bố trí quân sĩ, sau cho đem theo vào tùy tùng và bọn vợ con nguy quan. Từ đó, thành đông dân, có khu dân cư ở kề bên trại lính. Thương nhân hám lợi cũng xen vào mở hàng quán, tửu lầu, bán cho giặc Minh.

Từ ngày đó thành Xương Giang từ nơi buôn bán sầm uất trở thành đất dụng võ. Quân Minh tuân tiêu suốt ngày đêm trên đường. Những đám quân đánh dẹp, sớm sớm giáo mác, tên nỏ, người ngựa cất quân đi, bụi đỏ tung cao, vướng vào các cây cối, khiến cho màu xanh ngày một nhạt đi. Các làng ở gần luôn luôn xảy ra các vụ cướp vàng, cướp thóc, cưỡng hiếp. Nhiều làng bưng bình, tập hợp du binh đánh lại quân Minh, thường bị giặc đốt cháy triệt cả làng. Dân chúng già trẻ phải bồng bế nhau chạy tản sang mé Lục Nam, Lục Ngạn hoặc chạy về phía Na Dương, Mỏ Trạng đốt nương, đào củ, trồng sắn, sống cho qua ngày. Phủ lý cũ có mấy dinh thự xưa, quân Minh chiếm cả. Phường phố chỉ có kẻ nào thân giặc mới dám ở. Từ ngày Bình Định Vương cất quân, đánh Xương Giang, thì đám gia đình nguy quan đều tránh về quê, hoặc lui vào thành. Nha phủ, công đường người qua lại thưa thớt. Thành

đắp thêm tường nhỏ, có xẻ châu mai, đặt nhiều đá gỗ ở trên để đánh trả quân Nam đến phá thành.

Cuộc vây hãm Xương Giang đã vào tháng thứ sáu. Lê Lý, theo chủ trương của Vua, dùng kế vây lỏng. Khi địch tung quân ra mở đường sống để cướp bóc lương thảo, thì Lý tổ chức những lực lượng nhỏ phục sẵn, hoặc diệt chúng vào lúc chúng đang say sưa cướp bóc, hoặc trị chúng khi đem chiến lợi phẩm lê lét trên đường vào thành... Quân của Kim Dận bị tiêu hao khá nhiều, thành không đánh cũng núng... Quân Minh vừa cử thêm Lý Nhậm đem thêm một ngàn quân bảo hộ, cùng Kim Dận, mật giao, phải giữ cho thành thật vững đợi cho viện binh đến... Lý Nhậm đem quân mới lên mặt thành thay quân cũ, chất thêm những đồ phòng hoả, các chiến cụ chống phá thành. Kim Dận được Lý Nhậm đến, mừng lắm, ngày đêm bàn kế phòng chống nghiêm mật. Chỉ quân Minh mới ở trong thành và trong trại. Ngụy quan và dân binh chỉ lo việc phu phen, tu bổ cho thành trì bên trong, bên ngoài cho thật vững. Ai phao tin đồn có ảnh hưởng đến nhuệ khí của quân sĩ, hẳn đem chém đầu. Chúng cấm ngặt quân lính không được la cà đấm nhà ngụy quan. Chúng hứa nếu viện binh đến, sẽ phá hòm bạc, hòm vàng, thưởng cho kẻ liều chết chống cự lại với quân Nam và sẽ được tâu về triều đình phong tước và cấp ruộng. Bởi thế quân lính trong thành Xương Giang giữ vững được việc canh phòng. Dận xuống bếp hoả đầu cùng ăn với quân sĩ, đêm cùng Nhậm chia nhau đi đốc thúc việc điều binh, khiến tướng trên mặt thành và ở bốn cửa đông, tây, nam, bắc.

Một buổi sớm, Dận và Nhậm vừa ngủ dậy đã thấy tiếng quân Nam reo âm âm ngoài cổng thành phía Đông. Dân và Nhậm lần thang lên mặt thành, thấy phía trước một Đại tướng oai phong đang cưỡi lên mình ngựa, đốc quân đánh thành. Quân Nam dùng xe có căng da trâu để tránh tên đạn, cố ép sát mặt thành. Nhậm cho quân bắn tên vào đều bị mọc da trâu cản hết. Quân Nam tiếp áp chân thành. Những thang tre dài đã áp vào mặt thành. Tiếng reo dậy

đất... Nhậm truyền lấy đuốc tẩm nhựa thông đốt thật to, chờ cho xe thật gần thì quăng xuống. Thành ban ngày mà mù mịt khói lửa. Quân Nam dù dũng mãnh nhất rút đi nhưng nhựa thông vung vãi ra cũng làm cho quân đánh thành lúng túng. Nhậm lại thúc quân cung thủ bắn như mưa xuống vào quân Nam đang leo lên một loạt ở thang, khiến chưa một chiến binh dũng mãnh nhất nào lên nổi... Tướng Nam đốc chiến thấy đánh không được, cho lui binh...

Vài ba hôm, quân Nam lại đến đánh một lần, lần sau đông hơn lần trước. Đuốc gần nửa tháng, thì quân vây cấm lều trại suốt ngày đêm, không kéo về phía đồi phía trước nữa, khiến cho Nhậm và Dận đều phải đốc hết quân sĩ lên mặt thành phía Đông. Tinh thần quân Minh ngày càng nao núng. Một bữa quân Nam lại đánh gấp. Lần này số xe phá thành, mộc dỡ tên, xe xung sát nhiều gấp mười lần trước. Cả bốn cổng thành đều có các Đại tướng quân Nam đốc chiến. Trần Nguyên Hãn đánh mạn Bắc, Lê Lý đánh mạn Nam, Lê Sát vây ép mạn Bắc. Thế quân Nam như hùm beo. Trống thúc chiêng khua rầm trời dậy đất. Xe xung sát đã áp kỳ được vào cổng thành, đang phá khắp các nơi... Nhiều mũi tiến công đã leo hàng loạt lên thành. Dận và Nhậm chém mấy tên quân hèn nhất định bỏ chạy mới yên lòng được tướng sĩ... Phía cửa đông vừa đẩy lui được những mũi đầu tiên đặt chân lên mặt thành, thì chợt phía trong thành nhốn nháo. Từ phía nhà ngục quan, quân Nam đã đào đất xuyên qua chân thành, luồn qua một mũi vào từ phía trong đánh ra... Dận và Nhậm vừa quay lại xem sao. Họ có ý hoảng loạn. Quân đánh thành bên ngoài nhất loạt nhảy vào thành, cứ mỗi tỳ tướng đem theo năm ngũ. Mỗi ngũ trưởng chỉ huy một thang. Quân áp thành đặc kín đông như kiến cỏ. Quân bên trong đã vừa đánh vừa tiến để mở cổng thành. Dận và Nhậm biết thế đã hỏng. Cả hai đều gắng chống cự một hồi nữa rồi dùng gươm đâm vào cổ tự sát.

Các tướng bủa vây thu hồi khí giới, lương thực, niêm phong kho tàng, bắt giải tù binh và bọn ngục quan về một chỗ. Trần

Nguyên Hãn, cho một số vợ trẻ của họ có con nhỏ được ở lại trong thành, không phải đi theo gia đình về nơi bị giam. Ông lấy vải lụa, bạc vụn thưởng cho những người có công đột xuất. Quân sĩ ai cũng nức lòng. Vừa khi ấy thì Hãn được báo có mặt chiếu. Ông mời những viên tiểu tướng lui ra, chỉ giữ lại có Lê Sát, Lê Lý rồi cùng nhau lay chiếu và mở ra đọc. Chiếu rằng: "Ta biết thành Xương Giang dưới sự năng nổ của các tướng chẳng mấy chốc sẽ lấy được. Bởi thành ví như cọc mộc lâu ngày, dẫu cọc lung lay rồi cũng đổ. Nhưng lấy thành không phải mục đích, mà đánh viện binh mới là trọng trách. Ta đã sai quan Đại Tư mã Lê Nhân Chú cử đại binh lên đó, hợp sức với các tướng giỏi, quyết đánh cho quân Minh không còn một mảnh giáp... Giặc vốn khinh ta, cho là người Nam nhất, sợ oai giặc đã lâu. Coi ta là giặc cỏ nổi lên, quấy phá mười năm, nếu đại quân kéo sang là tan vỡ. Quân cứu viện lấy mau chóng làm quý, bọn Liễu Thăng, Lý Khánh càng muốn khẩn trương... Ta biết chỗ yếu của địch, lại có thể hiểm ở đoạn Xương Giang, Cần Trạm, Châu Long, Khâu Ôn, ải Litu, nếu tướng sĩ khéo ém quân, dùng tình binh, tình mã, lợi dụng thế núi thế rừng, ắt có nhiều công lớn.

Vậy phải giữ nguyên bọn giặc Minh bị bắt thật nghiêm mật, không để tin thất thủ Xương Giang của chúng lọt ra ngoài. Thành phải cấm nguyên cớ Minh, lập lại đúng kiểu canh phòng của Lý Nhâm, Kim Dận, để lừa giặc nhằm hướng Xương Giang thẳng tới, đi đúng thế trận của ta... Lương thảo của giặc chuyển vận ngay đến nơi cần thiết để dùng suốt thời kỳ đợi và đánh giặc. Đó là việc lớn. Ta giao cho Trần Nguyên Hãn, ở lại lo việc nghi binh lừa giặc ở Xương Giang. Lê Sát, Lê Lý đem các quân tình nhuệ đã đánh thành, được lựa lọc lại, cơ ngũ chỉnh tề lên Chi Lăng đợi lệnh của Đại Tư mã. Mỗi người đều có trọng trách. Việc lớn có thể thành công, bởi quân giặc tiến quân nhanh, đông và dài, ắt phải mệt. Ta lấy quân nhàn mà đánh, nhất định là thắng. Các tướng hãy hết lòng trung với nước, chớ phụ sự tin cậy của ta!"

Trần Nguyên Hãn, Lê Sát, Lê Lý nhìn nhau, vô cùng kính phục sự liệu việc như thần ở Đông Quan và bảo nhau lo gấp mọi việc.

### 3

Ngày 18 tháng 8 năm Đinh Mùi (1427), Tổng binh nhà Minh là Chinh Lỗ tướng quân, Thái tử Thái phó An Viễn hầu Liễu Thăng, Phó tướng Bảo định Bá Lương Minh cùng Đô đốc Thôi Tự, Binh bộ Thượng thư Lý Khánh, Đông bộ Thượng thư Hoàng Phúc, Thổ quan hữu bố chính sứ là Nguyễn Đức Huân đem mười vạn binh và hai vạn con ngựa đánh vào cửa ải Pha Luỹ.

Lê Nhân Chú cùng Lê Sát, Lê Lãn, Lê Liệt, Lê Thụ đem một vạn quân tinh nhuệ, năm thớt voi, ngầm phục trước ải Chi Lăng đợi giặc.

Ở Pha Luỹ, Lê Lựu thấy giặc đến, lui quân về giữ cửa quan ải Lưu. Giặc hùng hổ kéo đến đánh ải Lưu, Lê Lựu chống cự không nổi lại kéo quân chạy về Chi Lăng. Giặc cho quân đuổi theo đến Chi Lăng. Lựu lại xông ra đánh rất hăng hái. Lần này, quân Nam bày trận tử quyết đánh. Tin báo về Liễu Thăng cho rằng ở thành Xương Giang, Kim Dận và Lý Nhậm vẫn còn đang cố thủ chưa về, do đó Lê Lựu mới quyết chặn quân Thăng ở đây cho quân Nam lấy thành. Và lại, Thăng cũng chưa giao chiến với quân Nam trận nào, nên lần này mới có dịp lấy quân Minh dè bẹp bọn giặc cỏ, cho tướng sĩ biết Thăng nói trước khi cất quân là đúng. Thăng liền đem tất cả đại quân do mình thống suất hùng hổ đánh Lựu. Lựu chống đỡ không nổi, lại rút chạy về đường thẳng, hàng ngũ hơi toán loạn! Quân Minh hò reo đuổi theo... Đuổi gấp một đoạn thì thấy hai bên là đồi rừng kín bưng, bốn phía tịnh không một bóng người. Quân Nam đang chạy bỗng quay trở lại, những thớt voi từ đầu sừng sừng xông ra. Đường phía trước đã bịt kín. Hậu quân của Thăng cũng

náo loạn bởi quân Nam đã phục ở sườn núi đổ ra đánh bọc hậu. Những đơn vị kỵ binh và bộ binh với các tướng tinh nhuệ, từ những quãng rừng kín, nhất tề lao vào đánh tạt sườn vào đại quân của Liễu Thăng, như những lưỡi dao sắc, chặn con rắn khổng lồ lúc nhúc quan - lính - người - ngựa, ra làm nhiều khúc. Tiếng hô xung sát vỡ trời. Tên bay vun vút. Quân Minh bị đánh bất ngờ trở tay không kịp, mạnh ai nấy chạy. Quân Nam hò reo vang trời nhảy bổ vào giặc mà đâm chém, nỏ nức lập công. Máu tứa ra trên mặt đồng. Xác giặc mắc kẹt, trúng tên nằm la liệt ở các bãi lầy, ven đường, có tên ngã úp mặt vào bụi gai, mũi tên còn cắm giữa sống lưng, có tên mặt bị giày nát vì ngựa xéo. Một vạn đầu bị chém rụng. Tướng Liễu Thăng cũng bị trúng thương chết ngay tại trận...

Lương Minh, Thôi Tụ, Lý Khánh, Hoàng Phúc cũng bị đánh, nhưng vì chưa lọt vào vòng vây nên thoát được. Chúng lui quân hạ trại không dám tiến thêm, chờ cho sáng bạch mới liệu định. Bấy giờ, quân ta ở phía sau, khi giặc kéo qua đã trở lại đánh lấy ải Lưu. Quân Minh chỉ còn một cách tiến gáp về phía trước.

Lương Minh cho quân thám báo lên vào trại lính bắt một lính Việt và cho tra khảo, hỏi xem thành Xương Giang còn hay mất. Tên lính Việt đáp: "Thành Xương Giang vẫn nguyên cờ xí hiệu lệnh của nhà Minh. Phía ngoài vẫn có quân vây ép thách trong thành ra đánh". Minh liền đem quân sớm hôm sau tiến gáp, mong đến được Xương Giang để hội quân với Lý Nhậm và Kim Dận. Ngày hôm đó, Lê Sát, Lê Nhân Chú, cùng với cánh quân chưa dùng đến trong trận Chi Lăng của Lê Lý và Lê Văn An, lại chọn gò Mã Yên làm nơi mai phục.

Đại quân cứu viện nhà Minh được Lương Minh và Lý Khánh dẫn đi trước. Quân hậu vệ do Thôi Tụ và Hoàng Phúc chỉ huy. Mờ sáng ngày 25, giặc đã ùn ùn kéo đến gò Mã Yên. Lê Sát và Lê Nhân Chú tung các đạo quân ra đánh.

Bởi Lương Minh cho rằng Liễu Thăng hôm trước đã bị phục binh chém chết cùng một vạn quân lính ở đây rồi ắt quân Nam



không đại gì mà đón đánh ở đây nữa. Do đó quân sĩ cứ tiến gấp. Quân Minh đi qua nơi xảy ra chiến trận bữa trước, xác chết còn trưng phình ở bên đường, ruồi đậu bay vung lên như đám mây. Những xác lính Tàu bị chém, xả ở vai, lòi ruột, bị kiếm vạt mất nửa trán, khiến cho lính của Lương Minh nhìn rợn tóc gáy. Trống giục phèng la inh ỏi thì ruồi bay lên càng nhiều, thú rừng ra ăn thịt thối vội chạy quàng lên. Chính các tướng nhà Minh cũng thấy ghê rợn. Giữa lúc ấy thì pháo hiệu nổ như phá ở các đám rừng le, rừng trúc, phía sau tiếng hò reo của quân Nam rung trời chuyển đất. Các đạo tiên phong đi trước phát tung những cờ xí của Bình Định Vương Lê Lợi. Bên phải có Lê Sát và Lê Lý, bên trái có Lê Nhân Chú và Lê Văn An thúc ngựa xông ra, thế hùng dũng như hùm beo. Bảo Định Bá Lương Minh bị chém rụng đầu ngay tại trận. Thôi Tụ phải tả xung hữu đột cùng các tướng liều chết cụm lại, hết sức chống đỡ mới thoát khỏi tan rã... Quân Nam chém giết một hồi mới chịu lui quân. Thôi Tụ, Hoàng Phúc, Lý Khánh phải vượt khỏi Mã Yên, tiến gấp đến khu đất rộng rãi, hạ trại bên một làng cạnh đường. Quân lính suốt đêm canh phòng không trễ nải, chỉnh đốn hàng ngũ, bàn phương lược kỹ rồi mới tiến quân. Chúng vẫn gắng đi về phía thành Xương Giang.

Lê Nhân Chú cử Lê Văn An và Lê Lý đem ba vạn quân, nhận mật kế đi thẳng về phía thành Xương Giang, còn ông và Lê Sát thì lui binh về đợi giặc ở Cồn Trạm (Kép).

Ngày 28 tháng 8, quân của giặc tiến về phía đồi núi trống ở Cồn Trạm. Vừa ra khỏi chặng đường rừng, thấy phía trước có đồng ruộng, làng mạc, giặc đang mừng từ nay thoát khỏi nạn phục kích. Do đấy khi quân đi vào khúc quanh, mới biết phía trước vẫn còn nhiều đồi bãi um tùm. Thôi Tụ chưa kịp ra lệnh tản khai đội hình, tiền hậu tiếp ứng, thì quân Nam lại từ hai bên đường lãn xả vào đánh cánh quân người, ngựa đều chưa thoát những cơn kinh hoàng và mệt mỏi trong hai trận phục kích lớn vừa qua.

Chỉ cần nghe tiếng trống lệnh của quân Nam, nhìn thấy mấy thớt voi lưng lững tiến vào đạo quân tiên phong, quân Minh đã mạnh ai nấy chạy. Lê Nhân Chú để quân Nam xông vào đánh cho bọn giặc Minh chạy tan tác. Thôi Tụ vừa đánh vừa cố chạy vượt lên phía trước. Lý Khánh đi ở trung quân, mình trúng hai mũi tên, vẫn gắng gỏi cùng các tướng khác, mở đường máu chạy riết theo Thôi Tụ, Hoàng Phúc đi sau, vội theo lối tắt, tránh giao chiến và cố sống cố chết đuổi kịp Lý Khánh và Thôi Tụ.

Quân Nam mãi thu nhặt quân tư, khí giới ngựa trâu và lương thảo giặc bỏ lại, không đuổi nữa.

Đêm ấy Lý Khánh vừa đau vì tên, vừa giận Liễu Thăng không nghe lời can của mình cũng uống thuốc độc tự sát. Thôi Tụ, Hoàng Phúc lặng lẽ chôn Khánh bên đường rồi giục quân tiến về Xương Giang.

Quân Minh mười chỉ còn ba. Chúng định ninh thành Xương Giang vẫn còn, chúng gắng gỏi tiến đến chân thành. Tụ thúc ngựa lên trước cho hiệu úy bắc loa gọi Kim Dận và Lý Nhậm ra nghênh đón. Chờ mãi không thấy, bỗng thấy trống lệnh nổi, trên mặt cầu treo một tướng Nam oai phong lẫm liệt chỉ vào mặt Thôi Tụ mà nói: "Hồi tên Đô đốc khờ khạo kia, ta là Trần Nguyên Hãn đây. Thành Xương Giang đã mất mười ngày rồi, người không biết ư".

Thôi Tụ cả sợ liên cho quân kéo thẳng về phía bờ sông, định đi thẳng đến Đông Quan. Ngờ đâu, đến bên bờ trái sông Thị Kiều đã thấy quân Nam bày trận kín đặc, khí thế hùng dũng, Lê Văn An và Lê Lý thúc ngựa, cầm gươm chỉ vào mặt Thôi Tụ:

- Đường này đâu để cho nhà ngươi tiến quân nữa!

Thôi Tụ sợ quá, phải lui quân đắp lũy dã chiến giữa đồng để phòng quân Nam tập kích.

Đêm ấy, mưa to gió lớn, sấm sét đùng đùng. Thôi Tụ, Hoàng Phúc hoảng hồn không biết chọn hướng nào đi tiếp. Hoàng Phúc hiến kế nên bắn súng hiệu lớn suốt đêm để cho các thành Chí

Linh, Đông Quan có nghe tiếng thì cử quân lên đón. Song các thành đó, hiện cũng đang bị vây khốn cứu mình không xong còn quân đâu mà đón.

Tin thắng trận báo về tư dinh của Lê Lợi. Vua cho đòi Nguyễn Trãi và Phạm Văn Xảo vào bàn việc. Sau đó, Vua sai đem quân thủy bộ từ Bồ Đề tiến lên vây gấp bọn Thôi Tụ. Vua cho các tướng đem quân trấn giữ các cửa quan Mã Yên, Chi Lăng, Pha Luỹ, Nội Bàng... Vua sai Trần Nguyên Hãn đốc quân chặn lương, Lê Văn, Lê Khôi lĩnh bốn thớt voi, bốn ngàn quân Thiết đột, tức tốc lên hợp với quân của Lê Sát, Lê Lý, Lê Văn An và Lê Nhân Chú vây đánh diệt tan đạo quân của Thôi Tụ và Hoàng Phúc. Quân ta chém thêm hàng vạn đầu, giặc Tụ, Phúc và đám tàn quân đều hạ giáo xin hàng.

Lê Nhân Chú, Lê Sát, Trần Nguyên Hãn mở tiệc khao quân. Các tướng kéo quân, đem tù về Bồ Đề để Trần Nguyên Hãn ở lại giữ đất Xương Giang.

Đêm ấy, trăng trong gió mát, dân chúng khắp nơi nô nức kéo về làng cũ, vui mừng khôn tả xiết, Trần Nguyên Hãn canh phòng cẩn mật, đem những trâu bò lấy được của giặc thưởng cho các làng có công cùng quân Nhà vua đánh giặc, cho dân đem trâu bò về để gáp rút vỡ đất trồng rau... Lại đem những lương thảo thu được của giặc chia đều cho những người thiếu, lấy lương ăn, để gắp gói hàn gắn lại những cơ ngơi trước đây giặc tàn phá cướp bóc... "Thóc Vua Lê, lòng tướng Hãn" dân gian đâu đâu cũng ngợi ca. Những đường cày mới lật những vạt đất tươi rói trên đồi, chợ Xương Giang lại họp. Thuyền buôn mạn Chí Linh lại mang muối ngược lên. Thuyền Kinh Bắc lại chở đồ gốm, vải lụa tới.

Chẳng mấy chốc mà trong ngoài thành Xương Giang sầm uất vui tươi. Trần Nguyên Hãn lại được tin Nguyễn Trãi đem cờ hiệu ấn tín thua trận của Liễu Thăng đưa lên trước ả Lê Hoa, Mộc Thạnh biết tin, không dám tiến quân nữa. Thôi Tụ, Hoàng Phúc đã nghe

theo lời Vua Lê đến trước thành Đông Quan để Vương Thông tận mắt trông thấy những bại tướng sống sót của đám viện binh vừa bị quân Nam đánh bại, tan tác... Nghe đầu Vương Thông đã viết thư ra xin được cầu hoà...

Trần về trường, lòng đầy sáng khoái, ông nhớ hồi nào, giả làm người bán dẫu, lặn lội vào tận Lam Sơn phò Vua Lê, nay đã công thành danh toại... Nay mai, bình công phong ấp, tặng chức tước, ông chắc cũng được hưởng phú quý giàu sang. Nhưng, ông lại nhớ đến vùng quê Lập Thạch của ông. Nhà Trần dẫu mất rồi, nhà Lê đang hưng thịnh, đó là lẽ thường. Nguyễn vọng của ông muốn về đất cũ. Ông ngùi ngùi nhớ đến thời lao đao của của cha con ông, trong lúc Quý Ly cướp ngôi Vua, phần mộ cha ông hàng chục năm xa cách chắc cũng hoang phế nhiều. Thôi hãy xin về vui với cái thực ấp ấy cũng đủ... Rau nội cá ao cũng lắm điều kỳ thú, tay ông giành được từ mấy chục năm chinh chiến, nào có thiếu gì đâu. Cảm khái, ông cất tiếng ngâm, khi nhớ đến bao bè bạn, quân lính đã ngã xuống cho cảnh thanh bình sắp tới nay mai:

*Chiến trường ngắt ngắt khí bay sa  
Đứt ruột đời phen thuở nhớ nhà.  
Tin tuyệt ngày chầy nhàm tử-tái  
Sầu tuôn đêm vắng dốc Mai Hoa.  
Trăng sông Ngân Hán ba canh nguyệt  
Khua mái lâu thuyền một tiếng ca.  
Ngoài ải hung nô mừng đẹp hết  
Công nên, nào bỏ thác người ta.*

# Gặp gỡ ở Đông Quan

## 1

Ở góc thành phía Nam sát ngay kê trại lính của quan Tổng binh họ Trương có dựng một gian lều nhỏ. Nói là lều nhưng đây cũng là nhà lá ba gian tươm tất. Người ở trong ngôi nhà đó, chưa biết là ai, nhưng phố phường nội, ngoại thành Đông Quan đã đồn đại nhiều tin khác nhau rất khó biết đâu là hư, đâu là thực. Có người nói, gian lều kia là của một vị hưu quan, dựng lên làm nơi ẩn dật, từ chối không nhận quan chức của Trương Phụ. Có người đoán đó là nơi sơ thẩm của Hoàng Phúc, viên Thượng thư tin cẩn của Minh Thành Tổ, vị quân sư được quan quân nhà Minh kính trọng. Ngôi nhà cổ, chính là nơi tìm kiếm, dò hỏi về nhân tình thế thái. Nhiều người vào ra liên tiếp. Bọn giặc Ngô có, bọn người xu thời có. Thỉnh thoảng lại có một nho thần triều Trần, bị dò la tông tích, triệu vờ đến, rồi giải mất hút vào trong thành, không thấy trở lại. Cũng có lúc thấy lính Ngô giải một võ tướng, tay bị trói, râu tóc bết máu. Bọn lính áp tải lấy mũi mã tấu thích vào chỗ bị thương, khiến khách qua đường nhìn vội, rồi nuốt giận vào bên trong, cắm mặt đi thật nhanh.

Nhà ngục tối trong hoàng thành do đích thân Hoàng Phúc kiểm soát, đã sặc sụa những người. Tùy theo tội nặng nhẹ mà tù đeo gông dày mỏng, dài ngắn khác nhau. Các tướng lĩnh nghĩa quân ở mạn Hải Đông, các trấn Lạng Sơn, Kinh Bắc, Sơn Nam, sau cuộc khởi nghĩa thất bại của hai vua nhà Trần là Hưng Khánh và Trùng

Quang, đều bị gông cùm, xiềng xích đầy mình. Họ bị giam trong những gian hầm chật, xây gạch tứ bề, ngồi chờ xét xử. Máy tầng cửa ngục bằng đồng, then khoá nghiêm mật. Hàng rào ngoài, chông giăng kín đặc, chim sẻ bay không lọt.

Thỉnh thoảng từ dưới đáy ngục tối lại vang lên những tiếng quát tháo chửi rủa của kẻ xét hỏi và tiếng đối đáp đồng dục, khoan thai của những người bị lục vấn. Cũng có người tù khảng khái xô bàn, đá chén, đập cả mâm cơm khoản đãi, lớn tiếng mắng viên quan nhà Minh đem lời đường mật khuyên họ về hàng... Hôm sau, ở bãi chợ đầu dê, lập tức có vụ chém bêu thủ cấp, yết bằng, răn đe những ai cứng đầu, dám chống lại thiên binh của thiên triều.

Ở ngục đại hình vừa mới đem về một người tù quan trọng. Quan Tổng binh Trương Phụ kiêu ngạo, coi người bằng nửa con mắt, mà hai lần đã đích thân vào ngục thẩm vấn người tù này. Mặc dù khi trở ra, nén hết cơn giận, hấn cũng phải buột mồm mà thốt ra: "Chém! Chém bỏ!" hấn hạ lệnh cho ngục quan thôi cho tù nhân ấy hưởng chế độ biệt đãi, và ngay khi họ Trương ra về thì gông đầy thước, xiềng đồng ngoại hạng, đã quàng vào cổ vào chân người tù nho nhã, mảnh mai. Bị đẩy xuống phòng giam đã một tuần lễ, ông điềm đạm như ở nhà mình, không mảy may lộ vẻ lo lắng, giận dữ, bực bội, than dài, thở ngắn như những bè bạn đồng cảnh. Người tù ấy chính là Nguyễn Trãi.

Cửa ngục hé mở. Tháp thoảng như có viên quan lớn nào đến để dụ dỗ, xét hỏi. Ông Nguyễn không hề đổi tư thế. Có tiếng truyền vào của viên quan coi ngục:

- Hoàng đại nhân đến!

Đám lính hộ vệ chạy xồng xộc đến tận giáp người tù, dàn đều hàng hai, đứng im phăng phắc như tượng gỗ, gương giáo sáng loè. Một chiếc đèn toạ đàng lớn dẫn đường xuống ngục tối. Người đi đầu là viên quan văn, vận triều phục nhà Minh, áo đỏ, thêu con lân màu xanh, hia đen, dong dỏng cao, mặt hấn lạnh mà hiểm, mắt sắc.

Chiếc mũ đại triều có đính những viên ngọc quý, cũng không làm nhạt nổi những quang mắt u ám, đầy nghi hoặc. Tay phải nâng chiếc đai ngọc, tay trái cầm chiếc hốt ngà, y phục, cân đai tề chỉnh, hấn đỉnh đạc như ra công đường vậy. Vừa thấy Nguyễn Trãi, câu đầu tiên, hấn quát khê viên cai ngục:

- Tháo bỏ những hình cụ cho Nguyễn tiên sinh.

Mấy tên lính ngục vội vàng y lệnh. Ông Nguyễn vẫn không tài nào đứng dậy ngay được. Ông loạng choạng khuỵu xuống hai ba lần mới đứng vững. Nguyễn Trãi biết, trước mặt ông là Hoàng Phúc, người được Vua Minh cử theo huân thân Trương Phụ, đặt chính lệnh, xếp đặt mọi nền nếp trật tự mới ở cái "đất Man" vốn đã làm cho nhà Nguyên Mông mấy phen xúng vúng. Ông khê từ tốn chào:

- Chào Hoàng thượng thư.

Hoàng Phúc mỉm cười, mắt vẫn không rời ông. Hấn ngấm từ đầu đến chân cái thân hình mảnh dẻ tưởng chẳng có gì đáng sợ này.

- Mười năm nay, tôi cho người theo dấu chân của tiên sinh khắp biên trấn, khắp các vùng quê, thành thị, đến giờ mới vinh hạnh được hội ngộ.

- Thượng quan dạy quá lời. Tấm thân bèo bọt trôi nổi của tôi tan lúc nào không biết, phỏng có làm nên trò trống gì.

Hoàng Phúc cười:

- Đặng Tất, Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Dị, Nguyễn Cảnh Chân cũng xuất thân nho sĩ cả. Mà ông biết đấy, một bài thơ của Đặng Dung cũng đủ xui cả cõi An Nam này nổi loạn rồi! Thế nào nhỉ:

*Thế sự du du nại lão hà,  
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca  
Thời lai đồ diếu thành công dị,  
Sự khứ anh hùng ẩm hận đa!"*

Cảm khái lắm! Nguy hiểm nhất có lẽ là hai câu này:

"Trí chủ bão hoà phù địa trực

Tỷ binh vô lộ vãn thiên hà"<sup>(1)</sup>

Nguyễn Trãi ôn tồn nói:

- Thưa thượng quan, hai câu ấy có gì mà nguy hiểm, đó chẳng qua là lời than thở của người thất thế!

Hoàng Phúc phá lên cười:

- Ông bệnh vực khéo lắm. Cái đất nghịch này thì một Đặng Dung bại trận, lại có hàng ngàn Đặng Dung đứng lên chống chúng tôi. Do đó, Trương tướng công biết sợ ông, muốn trừ ông ngay từ khi ông còn lủi thủi một thân một mình, từ phút anh hùng sa cơ lỡ vận thế này!

Nguyễn Trãi đứng im, không nói thêm một lời nào. Hoàng Phúc vẫn không ngừng dò xét từng cử chỉ của ông. Hần ướm hỏi:

- Ông Trãi, tôi muốn có con mắt xanh để tìm người tri kỷ. Ông là người con rất có hiếu. Cha ông, em ông hiện nay có lẽ cũng đã làm quan với Vua chúng tôi ở Yên Kinh, chịu bổng lộc của Minh triều. Do đấy, tôi muốn mời ông đứng ra lo liệu, cứu dân chúng ở cõi An Nam này thoát khỏi cảnh 'binh lửa, yên phận làm ăn! Ông nghĩ thế nào?

- Thưa thượng quan, ơn tri ngộ ấy thật quý hoá, công việc lớn phải có người tài, đức! Tôi là một kẻ học trò, soạn một bài văn còn lóng ngóng thì làm sao nổi việc lớn của thiên triều.

Hoàng Phúc cười hiểm:

- Tôi biết ông thế nào cũng từ chối. Nhưng thôi, làm sao buộc ông nhận lời ngay được! Bữa nọ, ông trả lời Trương Tướng quân thế

---

<sup>(1)</sup> Thơ của Đặng Dung. Tạm dịch: Thế cuộc mệnh mang tuổi đã già. Cùng trời, cuối đất, chuyện say ca. Gặp thời, kẻ khó, xoay nên chuyện. Lỡ vận, người khôn, ngậm đắng mà! Giúp chúa, những làm giằng cõi lớn. Mài gươm, khôn kéo nổi Ngân Hà....



nào, ông ta vẫn còn tức giận lắm. Không phải là tôi, không ai dám can. Tôi nghĩ ông không nên giận với tử thân!

Hắn quay sang bọn tùy tùng bảo:

- Đưa Nguyễn tiên sinh về nhà khách phía nam thành, dùng lễ của vương hầu để đãi ngộ. Chờ lệnh ta!

Bọn lính dạ ran. Hoàng Phúc trước khi ra về còn ân cần nói:

- Tôi tiếc hôm nay còn có nhiều việc khác, chưa rảnh được. Hẹn lúc nào trăng sáng, gió thuận, sẽ mời tiên sinh đến đàm đạo về chuyện núi sông, đất nước, văn hiến phương Nam. Tôi rất muốn được nghe từ miệng bậc túc nho như quan Ngự sử!

Nói đoạn, hắn hạ mình vái chào, Nguyễn Trãi cũng lịch thiệp chào đáp lễ.

\*

Góc thành nam.

Một ngôi nhà tranh dung dị, trước hiên buông màn che phủ. Quan Công bộ Thượng thư Hoàng Phúc đã cố ý lộ vẻ cho người ngoài biết, người ở ngôi nhà đặc biệt này đang được người Minh ân cần đối xử, trọng vọng hết lẽ. Một tháng đôi lần Hoàng Phúc ghé thăm. Thuộc hạ của ông ta lui tới luôn, làm ra vẻ quan hệ khá mật thiết vị thượng khách đang được ưu đãi. Quan Ngự sử đài chính trưởng nhà Hồ, hiện đang làm khách của Hoàng đại nhân.

Quân Minh ra vào, bề ngoài tỏ vẻ khúm núm, phép tắc, giữ lễ, khiêm nhường, nhưng bước ra khỏi cổng thì thái độ trịch thượng, kẻ cả, tức tối, ghét đến cực điểm người chúng vừa gặp gỡ. Chúng làm sao giấu nổi thái độ hống hách sẵn có truyền kiếp ở một bọn luôn luôn cho mình là chủ của người khác. Chúng coi người tài giỏi nhất nước Nam cũng chỉ là dòng giống Man di. Người khách trú chân ở ngôi nhà tranh này chẳng qua là một loại con tin giam lỏng. Số phận ông đang ở trong tay chúng. Dù quan Thượng thư Hoàng cho

một tì tướng đem biếu ông món cá anh vũ vừa bắt ở Ngã ba Hạc về, ông cũng có thể rung đầu trước khi ăn món cá đó, nếu họ thấy cần phải thí mạng ông. Nhưng họ giết ông làm sao nổi. Chúng nó đang muốn lấy lòng sĩ tử Bắc Hà. Chúng muốn biến ông làm con chim môi, gom về những bậc trí dũng nhất, những tay hào kiệt đáng gờm nhất, để hoặc chúng thu phục, hoặc chúng ngâm giết bỏ.

Ông Nguyễn bề ngoài tỏ vẻ thanh thản, nhưng bên trong ruột nóng như lửa đốt. Trở lại Bắc Hà lần này, ông muốn làm một cuộc đi xa. Mười năm nương náu, nay đây mai đó, sống nhờ vào bầu bạn, những người có tâm huyết với đất nước, vừa quay lại thăm phần mộ gia tiên, ông bị ngay bọn xã quan làng bên ập đến, bắt giải lên kinh kỳ, nộp cho Trương Phụ... Dịp này, ông muốn vượt biển vào Thanh Hoá, tìm minh chủ. Ông đã ngâm sai người đi về phía phủ Thái Bình, xuống một vạn chài, dựa vào chỗ tin cậy, mượn một thuyền đánh cá định ra biển, bất ngờ vào cửa Lạch Trường, ngược Sông Mã, tìm đường vào Lam Sơn. Nhưng bây giờ ông lại bị quản thúc ở mấy tầng dinh lũy của bọn quân Minh tàn ác này!...

Hoàng Phúc thâm hiểm đã triệt mọi đường liên lạc của ông với bên ngoài. Người Nam được phái đến gặp ông là bọn Lương Nhữ Hốt. Hốt can tâm nhận bổng lộc của ngoại bang, tiếp tay cho giặc. Ngoài ra là loại tuý thám ẩn náu dưới dạng người đưa thư, người biếu quà. Đôi lúc có kẻ lạ mặt luôn lối cổng sau, đường đột vào trá hình người trung lương, bàn mưu đưa ông đi trốn. Không tinh ý, đoán nhận kỹ càng, thì đã mấy lần ông sa vào những chiếc bẫy hiểm nghèo mà Hoàng Phúc giăng ra để thử bụng ông.

Nguyễn Trãi ngồi vào án sách, giở cuốn *Nam Hoa kinh*<sup>(1)</sup> ra coi, thì phía ngoài, màn lay động. Hoàng Phúc cầm quạt lông, mặc áo giám sinh, chít khăn nhiễu tam giang, đi hải xảo, bước vào. Nguyễn Trãi hơi ngờ ngợ, chưa dám hỏi trước thì Hoàng Phúc đã cả cười:

---

<sup>(1)</sup> Sách của Trang Tử, bàn về đạo Lão, chủ trương vô vi.

- Nguyễn tiên sinh thấy tôi mặc Nam phục lạ lắm ư? Ông xem, nếu tôi nói sõi được tiếng Nam nữa thì ai dám bảo tôi là người Yên Kinh nào!

Nguyễn Trãi cười, thản nhiên trả lời:

- Ăn vận giống người nước khác không khó, nhưng giống được về cốt cách, tâm hồn điều ấy đâu phải ai cũng làm được.

Hoàng Phúc chịu cái lối nói cứng cỏi, không bắt bẻ nổi của người hần vừa ghét, vừa gờm, mà buộc vẫn phải kính trọng này. Nguyễn Trãi tự tay pha trà mời Hoàng Phúc ngồi thưởng lan ngay bên thềm. Ông chỉ vào giò mộc lan đang độ nở mà khoe:

- Đại nhân cho giò mộc lan, tôi ngày nào cũng tự tay tưới tắm. Đứng vào dịp hoa nở, đại nhân lại tới, âu là hoa cũng không biết phụ người!

Hoàng Phúc nhìn giò lan, rồi lại nhìn Nguyễn Trãi, nửa khen, nửa trách:

- Thứ lan này, một tước vương đích thân đem biếu tôi. Tôi bạn không có thì giờ, đem biếu ông, gọi là cùng đám nhà nho nghĩ đến nhau. Mộc lan quen ở nhà quyền quý, chăm nở đúng tiết xuân rất khó! Vậy mà, quan Ngự sử chăm khiến cây và hoa đều thanh lịch. Ông sành hoa lắm. Tuy nhiên, tôi có điều này muốn thực lòng trách ông đây: áo mũ Trương tướng quân đem biếu ông, không phải loại thường, đó là loại áo mũ của Thiên tử bên Yên Kinh đặc ban, để chúng tôi trao cho người nào xứng đáng, tin cậy nhất. Ông cố tình không mặc, há chẳng mắc tội khinh nhờn bề trên và ngạo mạn lắm sao... Gấm vóc ông chê bai, râu sồng giản dị ông cố giữ, là ý tứ thế nào?

Nguyễn Trãi điềm tĩnh, đưa chén trà mời Hoàng Phúc rồi nói:

- Quan Thượng thư quên rằng, cha, em tôi đều ở Yên Kinh, biệt vô âm tín, chưa biết sống chết ra sao. Ngày đêm, tôi chảy nước mắt hướng về. Vừa rồi, nhân về Nhị Khê thăm phần mộ tổ tiên, thấy

lau lách mọc đầy, chuột đục mỗ, cáo chồn đến ở; lại được tin cả cha và em tôi, dọc đường lam chướng, lành ít dữ nhiều, làm sao tôi có thể mặc áo đẹp, ăn ngon nổi. Giò lan này, thực ra, vì đại nhân ban cho, lại thấy đó là một loài hoa tượng trưng cho sự thanh khiết, do đấy cảm mà chăm sóc, chứ thật ra chẳng còn lòng dạ nào!

Hoàng Phúc nhấp một ngụm trà "quá lộ"<sup>(1)</sup> khà một tiếng, chịu ấm trà pha rất ngon, rồi nói:

- Tôi biết trí lự của ông đâu phải mưu cầu vinh hoa phú quý cho riêng mình. Nhưng, ông là bậc thức giả, hẳn cũng hiểu biết. Trung Nguyên chúng tôi bây giờ Thánh chúa trị vì, võ yên bờ cõi, thiên hạ thái bình; Man, Di, Nhung, Địch bốn phương, tám hướng, đều quy phục. Trong tay Trương tướng quân có hùng binh trăm vạn, quân thủy, quân bộ, bách chiến bách thắng, đã trải qua trăm nghìn trận mạc lớn nhỏ. Thử hỏi, những loại như Giản Định Đế, Đặng Tất, Nguyễn Cảnh Chân... làm gì chống chọi nổi, nói chi bọn Lê Lợi, Lê Lai ở xó núi rừng...

Nguyễn Trãi ngồi im không nói chi cả. Hoàng Phúc "ra roi" một trận thần nhiên nói sang chuyện khác:

- Vừa rồi, tôi kinh lý phía Tam Đảo, tiện thể có mở một buổi đi săn ở khu vực Suối Vàng, Thác Bạc... Sông núi nước Nam kỳ vĩ không kém gì Trung Nguyên chúng tôi, chẳng hay tiên sinh đã đến đấy chưa?

- Tôi quen ở vùng tỉnh Đông hơn là phía tỉnh Đoài. Riêng núi Tam Đảo, cũng có lần đi công cán, nhưng mới đến chân núi, chưa có dịp trèo lên ngọn.

Hoàng Phúc cười to tiếng cười đầy giọng kẻ cả răn đe:

- Núi Tam Đảo, đáng gọi là danh sơn. Núi ở vành ngoài đất Thăng Long, cũng là vùng đất có thể dụng võ được đấy... Nhưng - hẳn đã dụ giọng ngọt nhạt, chết người - việc võ là của Trương

---

<sup>(1)</sup> Loại chè đặc biệt, thường làm cống vật, để qua sông mới pha chế.

tướng quân. Nhà nho chúng ta chỉ biết đây là nơi có suối, có khe, có thác reo đá lạ, sen nở, hồ tiên, thú quý... Vào đến Tam Đảo quên hết chuyện đời. Chuyển đi kinh lý vừa rồi, tôi có cho quân lính dựng một tấm bia đá cỡ lớn, khắc mấy chữ thật to: "La thành bất loạn", và kèm theo một dòng lạc khoản: "Minh Thượng thư Hoàng Phúc cẩn đề"<sup>(1)</sup>. Ông thấy đấy, tôi thật lòng yêu quý đất An Nam này!

- Đa tạ đại nhân!

Hoàng Phúc đứng dậy hỏi:

- Ông Trãi thấy việc dựng bia ấy thế nào?

- Dạ thưa, quả là một việc thâm trầm, sâu sắc, người nông nổi không thể hiểu hết được bốn chữ khắc lên bia đâu!

- Ông thử nói xem có trúng ý tôi không nào?

- Đại nhân đừng chấp lời nói càn thì tôi mới dám nói!

- Thì ông cứ nói!

- Câu ấy có thể hiểu là đại nhân khuyên người nước Nam chúng tôi phải biết điều, nổi loạn cũng không nổi! Cũng có nghĩa là quan Thượng thư muốn dựng bia ghi công vừa đẹp yên được cái đất phương Nam bướng bỉnh này.

Hoàng Phúc phá lên cười:

- Ông nghi oan cho tôi! Tôi chỉ dám nói là người An Nam các ông không thích cảnh binh lửa, loạn ly thôi!

Hoàng Phúc đột nhiên ngồi lại, khép áo, tự rót trà đưa cho Nguyễn Trãi, giả giọng thân mật:

- Hôm nay tôi đến đây, muốn rửa tai nghe tiên sinh chỉ bảo cho kẻ võ vè dân chúng. Các triều đại trước đã nhiều lần sang đây, cũng không ngoài việc khai hoá, liên kết xa gần, để bề trị bình thiên hạ.

---

<sup>(1)</sup> Nghĩa là: Thành Đại La chẳng loạn. Quan Thượng thư nhà Minh là Hoàng Phúc Kinh cẩn đề.

Lặng đi một lúc, Nguyễn Trãi hỏi gặng lại:

- Đại nhân có nghe được lời nói thẳng không?

- Thì ông cứ nói. Nếu bắt tội ông, thiếu gì lúc, cứ phải đợi đến những lời nói thẳng của ông!

- Đại nhân cho việc đánh dẹp nước Nam chúng tôi có phải là việc lớn không?

- Nếu chẳng phải việc lớn tại sao thiên tử phải cử đến các bậc đứng đầu văn võ cầm quân!

- Tôi may được đôi nghiệp thi thư, đọc sách thánh hiền, trộm nghĩ: mưu việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc; nên công lớn phải lấy nhân nghĩa làm đầu. Chỉ có gồm đủ nhân nghĩa thì công việc mới thành được. Nay quý quốc nhân việc nhà Hồ lỗi đạo, mượn lấy cái danh "thương dân đánh tội" kỳ thực là để thoả cho được cái thực mưu "cướp đất giết người". Đất đai tạm lấy được, xâm chiếm được, nhưng các đại thần trọng trách làm nơ hoặc cố ý, bắt thu lấy các vàng ngọc châu báu, kỳ nam, hương bài... Dân tôi chia lìa tan tác, nặng thuế nghiêm hình, bị vét đến tận con gà, con chó. Tôi thiết nghĩ như vậy liệu có gọi được là đạo quân nhân nghĩa ư? Mà, người Nam chúng tôi vốn chuộng nhân nghĩa, lấy nhân nghĩa để xét việc, hiểu người.

Hoàng Phúc phải nén mình mới khỏi tức giận. Bình tĩnh lắm, hần mới nói:

- Đó là kẻ dưới lạm quyền, chứ những người cầm phủ việt của Đức vua, nắm quyền tiết chế như chúng tôi, không bao giờ lại dung túng cho bọn lính làm càn...

- Thưa đại nhân, ở góc thành nam này, sát kê hai cửa ô, đêm nào tôi chẳng nghe thấy tiếng của người dân thường bị cướp bóc, nhìn thấy những đám cháy ở các làng lân cận...

Hoàng Phúc biết gợi chuyện thêm chỉ thêm bực tức, bèn cáo từ ra về. Hần đã bắt đầu ghét Nguyễn Trãi, trong bụng đã có ý muốn giết, nhưng chưa biết giết bằng cách nào cho thật êm thấm.

Sáng hôm sau, hấn cho đòi Lương Nhữ Hốt vào để hỏi thêm kế về việc xử lý ông Nguyễn. Lương Nhữ Hốt trình bày chưa hết ý kiến thì viên quan hầu cận vào khê thưa:

- Dạ bẩm quan viên lại bên nhà giam lỏng Nguyễn Trãi vào tàu việc kín.

- Cho nó vào!

Viên lại vừa bước vào phòng đã phục xuống đất, lễ như tế sao. Hoàng Phúc biết có việc chẳng lành quát lên:

- Việc gì thì bẩm lên. Mày cấm khẩu rồi sao?

- Dạ bẩm đại quan nhân. Nguyễn Trãi bỏ lều giam đi từ lúc đêm rồi!

Chỉ cần nghe đến đấy, Hoàng Phúc giật bản mình, quát lớn:

- Thế bọn lính canh ngủ quên hết cả à?

- Dạ bẩm con không rõ. Theo lệnh đại nhân, sáng nay, con đến xem Nguyễn tiên sinh có cần sai bảo điều gì, thì nhà vắng tanh. Con ra vườn cũng không thấy hấn. Con đường đột xông vào buồng ngủ cũng không thấy. Con trở ra thấy trên án còn lại một tờ giấy này.

- Tội mày đáng chết!

Hoàng Phúc gắt lên, giật vội lấy tờ giấy khám hợp, loại giấy Hoàng phát cho ông Nguyễn dùng. Hấn tưởng ít ra Nguyễn cũng có một lời từ biệt, nhưng đó là một bài thơ:

*Loạn rồi thân thích hiện còn ai?*

*Chết huyệt bao lần, sống lắt lay,*

*Việc cũ gửi vào trong giấc mộng,*

*Ngậm ngùi nhớ mãi phút chia tay.*

*Chưa đi, đâu hấn người lòng cũ,*

*Nấn ná đành cam với suối mây.*

*Sầu biệt nhớ thương ai muốn biết*

*Gió mửa phòng vắng, máy canh dài.*

Hoàng Phúc được lệnh theo đạo quân cứu viện lần thứ ba tiến sang đánh Nam Việt. Chuyến đi này, lành ít dữ nhiều. Việc đánh Giao Chỉ từ thời Thành Tổ, trải qua triều Nhân Tông, nay đến thời Tuyên Tông vẫn chưa xong. Xét toàn cục việc dựng nghiệp Hoàng đế đến nay, bình định trong nước, nhà Minh lại không vấp phải những chuyện tây trời như chuyện đánh dẹp "Man, Di, Nhung, Địch". Năm nọ, đem quân lên phía Bắc, chưa vượt qua được Vạn Lý trường thành, Thành Tổ đã nhiễm lam sơn chướng khí, ốm nặng đến chết. Nhân Tông lên thay, sốt ruột về việc đất Giao Chỉ, mấy lần cử đại binh tăng viện cho thành Đông Quan, thưởng phạt nhiều, mà việc binh vẫn không nhúc nhích. Thành Sơn hầu Vương Thông, Tham chính Mã Anh, đem năm vạn quân, năm ngàn người ngựa cứu nguy, thắng một trận ở Tam Giang, vào Đông Quan. Dựa vào thế quân đang mạnh, đốc xuất quân đồn trú và viện binh không kịp nghỉ ngơi, cùng bọn Sơn Thọ, Trần Hiệp, Lý Lương đem hơn mười vạn quân thuỷ bộ, dàn quân ở Cổ Sở, Đô Ngoại, doanh trại liên nhau mười dặm, binh giáp tới trời, cờ xí rợp nội, tự cho một trận có thể dẹp yên được quân Nam. Ngờ đâu trận ấy Vương tướng quân thua to, năm vạn quân tan tác. Bao nhiêu khí giới vàng bạc, quân tư, xe cộ, binh lương nướng sạch. Công chưa lập được, thân lại suýt nguy, tướng tá một lũ mới, cũ lại phải lui về Đông Quan cố thủ...

Xem như vậy, thế lực quân Nam không phải là thường. Lần này, Minh Tuyên Tông (Tuyên Đức) mới lên ngôi, lại muốn tỏ ra mình có vũ công hơn các Vua trước, đốc hết sức, cử hai mươi vạn binh, ba vạn ngựa, sai tổng binh An Viễn hầu Liễu Thăng và Kiểm Quốc công Mộc Thạnh chia hai đường kéo sang, quyết dẹp cho bằng được quân tướng Lam Sơn. Hoàng Phúc lại được cử theo cùng Liễu Thăng lo việc chính lệnh trong quân.



Vừa đến Khâu Ôn, quân đóng rợp phía ngoài, Hoàng Phúc đã cho đòi bọn quan tướng từ Đông Quan được triệu sang để thăm hỏi địch tình.

Đêm đã khuya, tư dinh của họ Hoàng vẫn sáng đèn. Người hầu chuyện Hoàng thượng thư được giữ lại để gạn hỏi. Đó là viên ngự quan vừa bị thất trận ở Xương Giang về. Cứ nhìn hình dáng tiêu tụy, đói khát của hắn, Hoàng Phúc đã thấy tình cảnh của quân lính nhà Minh và bọn thuộc hạ hàng thần lơ láo như thế nào rồi. Hoàng Phúc ôn tồn hỏi:

- Việc thất thủ thành Xương Giang ra sao?

Ngự quan khúm núm thưa:

- Tướng quân Kim Dận và phó tướng Lý Nhậm cầm cự đầy sáu tháng. Quân của Lê Lợi thuộc các lộ Khoái Châu, Lạng Giang không đánh nổi. Sau Nguyễn Trãi tâu cho Trần Nguyên Hãn cùng Lê Sát cầm quân, hẹn đánh bằng được thành này. Hãn sai đào đường ngầm, dùng câu liêm giảo, nổ cứng, hoả tiễn, hoả pháo, bốn mặt công thành dữ dội. Không đầy một giờ, thành vỡ, Kim và Lý tướng quân đều tự sát cả.

Hoàng Phúc thở dài. Viên ngự quan kể tiếp:

- Quân Lê Lợi ít, nhưng đều là quân tinh nhuệ, quân phụ tử. Tướng lĩnh của họ đều trải dư trăm trận, quân uy của họ như hổ báo. Vừa rồi Lê Lợi lại sai bọn Quốc Hưng đem quân đánh hai thành Điều Điều và Thị Cầu, quân thiên triều không chống nổi, đều xin hàng... Toàn cõi chỉ còn bốn thành Đông Đô, Tây Đô, Cổ Lộng và Chí Linh là chưa mất. Vương Tướng quân bị hãm thành dữ lắm, phải lập kế cầu hoà, ngày đêm trông ngóng viện binh.

Hoàng Phúc đi lại trong phòng. Chậu mộc lan ở trên chiếc đôn sứ để ngay bên cạnh án thư làm cho hắn nhớ đến chuyện cũ. Hắn hỏi:

- Hiện giờ Nguyễn Trãi ở đâu?

Viên nguy quan thưa:

- Lê Lợi từ ngày được Nguyễn Trãi, lúc nào cũng đem theo ở bên mình, Nguyễn Trãi từ khi vào Lam Sơn, dâng *Bình Ngô sách*, luôn hiến mưu chước lớn không nói đến việc đánh thành mà lại khéo nói việc đánh vào lòng người. Sở dĩ Lê Lợi có thể mạnh ngày hôm nay, tướng giỏi, mưu sĩ hay khá nhiều, nhưng người lập công lớn phải là Trãi!

Hoàng Phúc cắn môi, suýt nữa thì buột miệng thổ lộ với viên nguy quan việc đánh xổng Nguyễn Trãi hồi hán đã giam lỏng ông ở góc thành nam. Hương mộc lan vẫn thoảng cái mùi thanh khiết, khiến Hoàng Phúc càng thêm khó chịu.

Thấy Hoàng Thượng thư đi lại hoài, phiền lòng và mệt mỏi, viên nguy quan có ý muốn cáo từ. Nhưng Hoàng Phúc không chịu nổi cảnh trống vắng trong cái đêm giáp ranh của vùng núi non trùng điệp thập vạn đại sơn này. Và lại, hán thấy người hầu chuyện cũng là một kẻ có học, biết việc, trải đời. Hán cố lưu ông ta lại, hỏi thêm dăm ba câu chuyện nữa. Hoàng Phúc ôn tồn bảo:

- Người cứ ngồi đấy, ta còn muốn nghe thêm. Bây giờ ta hỏi thực người, bởi người cũng từ khoa cử xuất thân, người thử so ta với Nguyễn Trãi xem ai hơn ai.

Viên nguy quan sợ đến dựng tóc gáy, vội đứng dậy vái dài một cái, giọng run rẩy thưa:

- Bẩm đại nhân, câu hỏi ấy thật khó trả lời, kẻ hèn kém này sợ hãi không dám nói.

Hoàng Phúc cười bảo:

- Người sợ hãi là phải. Nhưng trong bụng người nghĩ thế nào, ta biết thừa ra rồi. Người ta nói: Nghe một lời nói thật, nuốt mật đắng vào trong! Lên bầy đã đọc sách thánh hiền, ta biết chứ! Các vị tổng binh, tổng quản nhà Minh như người đi chữa đám cháy, chỉ muốn dập thật nhanh, mà không chịu nghiên ngẫm xem

là đang cháy một chái bếp hay là cháy cả một khu rừng lớn. Cháy bếp đập cũng chẳng nổi, huống chi cháy rừng. Ta là Công bộ Thượng thư ở triều Minh sang đây, bề ngoài là trọng dụng, nhưng bên trong là kẻ bị biếm truất... Một thân ta, ta cứu cũng chẳng nổi, còn nói gì cứu được cả một đạo quân lớn đang bị sa lầy... Nguyễn Trãi từ chối quyền cao chức trọng nhà Minh ta định mua chuộc, theo Lê Lợi, mặc áo gai, đi giày cỏ, để đến bây giờ đem đại quân vây kín Thành Sơn hầu Vương Thông ở Đông Quan, dụng lều ở Bồ Đề, được ngồi ngay bên cạnh Vua, lo quân cơ quốc kế, thảo thư dụ hàng, mất đầu tóm hết các việc trong thiên hạ. Ta bằng ông ấy thế nào được!

Viên ngự quan nghe Hoàng Phúc nói, tim mới bớt đập, định thần lại dần. Mùi hương mộc lan vẫn tỏa ra một cách khó chịu, Hoàng Phúc phẩy ống tay áo, cất giọng gọi to:

- Quân hầu!

- Dạ!

- Mang ngay chậu hoa mộc lan này ra khỏi phòng cho ta. Ta không chịu nổi nữa.

\*

Hoàng Phúc kéo cương ngựa ngoặt đi sang phía đường Mã Yên. Mọi việc khủng khiếp xảy ra liên tiếp. Hoàng là người đã ước đoán được đôi chút. Không ngờ tình thế lại nguy hại đến thế. Khi thấy Liễu Thăng coi việc đánh Giao Chỉ quá dễ dàng, chính Hoàng Phúc và Lý Khánh, hai viên quan tham mưu, hàm Thượng thư, bàn nhau phải có lời can. Hoàng Phúc đến trước tướng An Viễn hầu, nhẹ nhàng nói:

- Thế quân của ta đâu mạnh, tướng của ta đều là những bậc hào kiệt của nhà Minh, nhưng việc hành quân gấp gấp quá. Binh thư có câu: "Xô tới chỗ lợi mà đi, năm mươi dặm một ngày thì thượng tướng chắc phải què". Tướng quân nên xét kỹ.

Liễu Thăng đang vội đi dự tiệc khoản đãi của viên lệnh đoãn địa phương. Ông ta đội chiếc mũ trụ lên và cười bảo:

- Ngồi xếp đặt việc dân chốn công đường, tôi không bằng các ông. Nhưng đuổi giặc, hãm thành, chém tướng, hẳn tôi quen hơn các ông. Vả chăng, Vương Thông đổ mắt chờ ta từng khắc, từng đêm, bọn ta lại chậm trễ được sao!

Lý Khánh bấm Hoàng Phúc quay ra, ghé tai nói nhỏ:

- Đường sá xa xôi, An Viễn hầu hành quân thì gấp. Đi đến đâu thấy gái đẹp lại tự mình chiếm lấy người mình ưng ý; cho tướng tá theo gương mình được mang hầu non bên tướng. Cùng theo quân sĩ đường trường lặn lội, số con gái trong quân đã lên tới ba ngàn, điếm bất thường chỉ sớm muộn xảy ra thôi.

Quả nhiên, quân Minh âm âm kéo sang. Quân Lam Sơn biết vừa đánh vừa lui, chạy hết cửa ải này sang cửa ải khác. Họ bỏ Pha Luỹ giữ ải Lưu, bỏ ải Lưu giữ Chi Lăng, Liễu Thăng tự đắc không biết là mẹo lừa nhử, thúc quân, định sớm muộn một ngày nữa sẽ đến thành Xương Giang. Nhưng Lê Lợi đã sai các Đại tướng đem quân mai phục. Chỉ một trận, quân Minh bị lọt vào thế hiểm, quân phục ủa ra chia cắt đội hình. Một vạn đầu rụng trong một trận, máu loang mặt đường thây ngổn ngang sườn đồi, mặt ruộng, Liễu Thăng và Lý Khánh bị chém ngay trong trận.

Vất vả lắm, Thôi Tụ và Hoàng Phúc mới dẫn năm vạn quân còn lại tiến thêm được đến cửa ải Mã Yên. Quân khí đã nhụt càng thêm nhụt. Lê Sát, Lê Lý, Lê Nhân Chú lại tung quân đánh vỗ vào sườn và chặn hậu. Quân Minh bị mất gần sạch cả quân tư, khí giới, ngựa lừa, bò, lương thực mang theo... Lòng quân Minh núng lắm. Thôi Tụ nghe lời bàn của Hoàng Phúc, lựa lúc đêm thanh vắng, bắn súng to để quân Minh ở Xương Giang và các thành bên tìm nhau mà hợp quân thành một đạo, dựng lại quân uy, quân kỷ. Nhưng súng bắn có đôi mà không có đáp. Thành Xương Giang thật sự đã mất từ lâu, quân Minh chưa chiếm lại được. Cho quân thám báo

luôn rừng đi tắt về Đông Quan xem thử tình hình Vương Thông ra sao, thì đi đội nào mất hút đội ấy. Tiến thoái lưỡng nan, Hoàng Phúc viết thư giả cầu hoà, chưa được trả lời. Đang nơm nớp lo sợ thì doanh trại lại bị đánh úp. Năm vạn quân còn lại bị tiêu diệt hết, cả Hoàng Phúc và Thôi Tự đều bị đội quân thiết đột bắt sống. Đám tàn quân sót lại đều xin hàng.

Thôi Tự, Hoàng Phúc bị quân lính giải đến dưới trướng của Lê Sát, lập tức có lệnh phải cho Đại tướng đưa họ và các ấn tín, hồ phù của các tướng Minh vừa bại trận kịp về Đông Quan.

Giải đi suốt hai ngày đêm, Hoàng Phúc và Thôi Tự đã đến bờ sông Như Nguyệt. Vượt qua những chặng đường gập ghềnh, họ được đưa về một làng nhỏ dưới chân đê Văn Giang. Dọc đường, những toán quân hành binh, người ngựa ngược xuôi tấp nập. Quán Nam cờ xí uy nghi, trống hiệu nghiêm mật, đội ngũ chỉnh tề. Mặt người nào cũng lộ vẻ tâm huyết, hăng hái. Ở dưới đồng sâu, lúa mùa cấy kín đặc. Chiến trận vừa xảy ra, gươm đao vừa thu xong, người, ngựa vừa được chôn cất, thì lúa xanh cũng xoá luôn cảnh đám chém hỗn loạn. Sức dân của đất Giao Chỉ quả là quật cường. Cũi tù khiêng gập vào trong xóm. Hoàng Phúc dinh ninh mình được đưa về một thành giáp Đông Quan, bị hạ ngục ngay tấp lự, chờ ngày vua quán nhà Lê dâng tù binh, mừng chiến thắng. Bao nhiêu nỗi chua chát, cay đắng chen lán trong tâm trạng viên Thượng thư bại trận, thất cơ lỡ vận, không biết phận mình rồi trôi nổi đến đâu. Đầu y sẽ rụng trước lưỡi đao của quân Nam, hay y bị giải về triều đình đất Yên Kinh để nhận tam ban điển lệ<sup>(1)</sup>. Nhưng lính áp tải lại khiêng cũi tù về một làng quê yên ả. Nếu không có đám lính canh đội nón lính, mặc áo lính, gác ở các đầu làng và đầu ngõ thì không thể ngờ đây là hành dinh của Lê Lợi và Nguyễn Trãi.

---

<sup>(1)</sup> Luật cho phép đại thần có tội, nhận một trong ba hình phạt: chết chém, thất cơ hoặc ương thuốc độc.

Khi cũi tù vừa mang vào sân trong, một người từ gian nhà cỏ đến mở cũi, đưa tay mời Thôi Tụ và Hoàng Phúc bước ra. Hoàng Phúc nhận ra ngay Nguyễn Trãi. "Người ấy vẫn mặc áo lam, đội khăn nhiễu Tam Giang, gương mặt già đi chút ít!" - Phúc thảm thốt lên. Những nếp nhăn đã hằn ở trên trán và đuôi mắt, song vẻ tinh anh, thông thái hết sức thuần nhị. Hoàng Phúc cúi mặt xuống, cố giữ lấy vẻ kè cả, mặc dù đã thất thế. Không hề để ý đến thái độ của hai vị quan tướng nhà Minh, Nguyễn Trãi cất lời thăm hỏi:

- Thôi tướng quân và Hoàng Thượng thư vẫn mạnh giỏi chứ?

Giọng nói điềm đạm khiến hai tướng giặc biết phận phải trả lời:

- Đa tạ quan Nhập nội hành khiển.

Quan hầu đã đưa ghế và án tới. Nguyễn Trãi mời họ ngồi, đưa trà tận tay, rồi ân cần nói:

- Việc thất bại của quân Minh không phải hai ông gây nên. Tôi biết các ông ăn lộc chúa, phải thờ chúa hết lòng. Lần nọ, được Hoàng Thượng thư có biệt nhĩn, không nỡ giết, nhờ đó tôi lặn suối trèo non tìm Vua Lê, dựng cờ khởi nghĩa, để có buổi hôm nay. Bây giờ hai ông cứ về nghỉ ngơi, thế nào cũng có lúc chúng ta trò chuyện.

Nguyễn Trãi nói với viên tướng đeo gươm đứng hầu bên:

- Tướng quân đưa hai ông về nghỉ ở xóm Đông, lấy lễ sứ giả, tiếp đãi họ.

Viên tướng cúi đầu, nhận lệnh.

\*

Hoàng Phúc được mời về một gian nhà khách ba gian của một phú hào trong xóm. Ông ta không thể ngờ mình lại được thả lỏng đến thế. Ngoài hai người lính hầu cận, và viên gia tướng ở

xa, đi đi lại lại, hẳn được hoàn toàn yên tĩnh. Khác với hành dinh của An Viên hầu, Lê Lợi và Nguyễn Trãi đóng doanh trại ở ngay giữa làng xóm. Dân chúng là vành đai bảo vệ họ. Phía bên kia là thành lũy đất Đông Quan. Hoà tiễn hoà pháo bắn sang đôi lúc cháy cả những ngôi nhà lợp rơm rạ mà họ vẫn bình tĩnh bám đất, bám làng mà sống. Người cày ruộng cứ cày ruộng. Người lo việc tằm tang cứ lo việc tằm tang. Người đánh giặc cứ đánh giặc. Hiệu lệnh điềm tĩnh. Lính ở với dân như ở nhà mình, kỷ luật nghiêm minh, không tơ hào cái tơ cái tóc. Nhìn qua mấy khu vực xóm thôn, chung quanh nơi Hoàng Phúc ở, thì ngô xanh mượt bãi, dâu phủ kín vườn. Cây rơm cây rạ cao ngất, vừa để đun nấu, vừa lo nuôi voi, nuôi ngựa cho Nhà vua. Đêm đêm tuần phòng cẩn mật, nhà nhà thấy động, thấy lạ, đều đánh tiếng, tự biết phải làm gì. Lê Lợi mới về Đông Quan mà được lòng dân đến thế, đủ biết không phải người thường.

Nguyễn Trãi lấy lễ hậu, đãi Hoàng Phúc và Thôi Tự. Riêng Hoàng Phúc, ông cho ở cái xóm gần nơi ông đang đặt hành dinh. Tiện nghi trong nhà rất sang. Chân nệm đều gấm vóc, màn trướng đều thêu lân, thêu phượng, bát đĩa đều là thứ đồ gốm quý từ Yên Kinh. Phía ngoài, có vườn hoa nhỏ. Giữa vùng chiến trận như thế, quân lính cũng khiêng về có đủ ngô đồng, mẫu đơn, trà mi, lan, huệ... Trong khi đó, tư dinh của Nguyễn Trãi là một lều tranh, phía ngoài có một vườn rau nhỏ, bên cạnh có một ao cá, xung quanh um tùm ổi, chuối. Có người thấy thế muốn hỏi, song quan Nhập nội hành khiển tính việc như thân, từ việc lớn đến việc nhỏ, việc nào cũng chu đáo, hẳn chẳng hở hênh gì!

Một buổi Nguyễn Trãi thư thả, ghé thăm Hoàng Phúc. Ông hỏi han tình hình sức khoẻ, sau đó nói chuyện thơ văn. Ông khoe vừa đi kinh lý phía biển Đông về. Hoàng Phúc ngó ý xun xoe, muốn được thưởng thức bài thơ ông vừa làm. Nguyễn Trãi nhớ lại, viết vào giấy, đưa cho Hoàng Phúc. Đó là bài *Đề kiếm*:

*Rồng thần tự thuở náu Lam Sơn  
Cuộc thế trong tay, nắm vịn tròn  
Việc lớn trời xanh, từng báo thánh,  
Thời may, vận tốt dựng oai phong.  
Rửa xong hồn nước nghìn năm sạch  
Sử sách lưu truyền mãi chép công.  
Xếp đặt giang sơn về một mối  
Trần gian hỏi được mấy anh hùng?*

Đọc đi đọc lại hai ba lần. Hoàng Phúc kính cẩn trao tay đưa lại và cúi mặt xuống. Nguyễn Trãi gặng hỏi:

- Quan Thượng thư thấy thế nào?

- Bữa trước khi tôi lưu giữ ông ở Đông Quan mong được cùng chung vai cộng tác, ông ra đi, bỏ lại cho bài thơ, tôi đã biết đó là sự báo hiệu của cánh chim ưng sắp bay lên trời xanh. Bây giờ, hân hạnh được thưởng thức bài này, thì thấy văn hiến của An Nam chẳng thua kém gì Bắc quốc chúng tôi.

- Quan Thượng thư quá khen. Nhân bài thơ này tôi muốn kể thêm sự tích thanh kiếm của Đức vua chúng tôi. Thuở còn hàn vi, Ngài kết bạn với tướng Lê Thận, người Mục Sơn, huyện Cổ Lỗi. Thận thường làm nghề chài lưới ở vực Ma Viện. Đêm đến, Thận thấy đáy nước sáng như đuốc. Quăng lưới suốt đêm, cá không được, chỉ được một thanh sắt. Đem về để ở chỗ tối, sắt tự phát sáng. Vua sang nhà, thấy lạ, bèn hỏi xin. Thận cho. Vua đem mài sáng thì đúng là một lưỡi gươm quý. Dọc thân gươm hiện ra chữ Thuận Thiên. Vì vậy, cờ nghĩa dựng lên mới mang bốn chữ "Thuận Thiên hành hoá"!

Hoàng Phúc lại ngồi im, không nói, Nguyễn Trãi mời Hoàng Phúc đi ra vườn thưởng hoa. Đạo một lượt trở vào, Hoàng Phúc mới đánh bạo, thăm thuy ý dò hỏi:



- Chẳng hay bao giờ tôi được đem hiến phù<sup>1)</sup> ở thành Đông Quan?

Nguyễn Trãi xoa tay:

- Tôi từng nói với ông, người nước tôi nhìn đích thực vào việc chứ không vụ hư danh. Khi vào Đông Đô, Đức vua tôi không nghĩ đến chuyện duyệt binh, hiến phù mà lo chuyện thăng thưởng quân sĩ, đại xá thiên hạ, cùng chăm lo mùa màng, khôi phục bù đắp những mất mát mà dân chúng phải hứng chịu trong mười năm binh lửa...

Ông nói thêm:

- Việc lấy thành Đông Quan chỉ còn ngày một ngày hai nữa thôi. Vừa rồi, Đức vua chúng tôi sai ba viên thiên hộ bị bắt, đem sắc thư, phù ấn của An Viên hầu Liễu Thăng gửi đến cho Kiểm Quốc công Mộc Thạnh. Quân Minh ở cửa ải Lê Hoa tự vỡ...

Nguyễn Trãi xoay chén, hỏi Hoàng Phúc:

- Sau khi đã đẩy lui được quân viện nhà Minh, nếu là tướng cầm quân, ông xử sự với Thành Sơn hầu ở Đông Quan như thế nào?

Hoàng Phúc lúng túng, chịu không trả lời được, Nguyễn Trãi từ tốn nói:

- Quân Nam chúng tôi, sĩ khí đang hăng, quân thanh cực mạnh, góp bốn hướng mà đánh thành, với thế chẻ tre sẵn có. Thành Sơn hầu cự không nổi đâu! Vì thế, nghĩ đến kế dài lâu, Đức vua chúng tôi chấp nhận lời cầu hoà của Thành Sơn hầu. Nhưng Vương Thông vốn quỷ quyệt, Đức vua tôi có ý muốn ông và Thôi Tự đến trước thành để Vương Thông trông thấy mà giữ lời hứa xin hoà, lo đem quân về nước. Ông nghĩ thế nào?

Lời Nguyễn Trãi điềm đạm mà danh răn. Hoàng Phúc hiểu đó là mệnh lệnh. Song hán còn cố nín một chút nào phẩm giá:

---

<sup>1)</sup> *Hiến phù: lễ dâng tù binh.*

- Quan Nhập nội hành khiến nữ đày tôi vào chỗ chết sao?

Nguyễn Trãi cười:

- Ông đọc sách thánh hiền chắc còn nhớ câu: "Thị kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do, sát kỳ sở an..."<sup>(1)</sup>. Thôi Tướng quân đã nhận lời rồi... Đây là việc tốt lành, mà việc tốt lành làm sao lại dẫn đến chỗ chết được!

Hoàng Phúc cúi đầu, tóc rũ xuống mặt. Ý nhận lời! Nguyễn Trãi kéo hắn đến bên một vườn trúc và nói:

- Giống trúc vàng, chỉ vùng này mới có. Tôi cũng chỉ mong có ngày được quét trúc mà bước qua làn suối, thưởng mai, đêm về chân đạp vào ánh trăng thôi!

Hoàng Phúc khẽ thở dài.

1985

---

<sup>(1)</sup> Dẫn lời trong sách *Luận Ngữ*: "Thị kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do, sát kỳ sở an, nhân yên sự tại, nhân yên sự tại". Nghĩa là: Xem việc làm như thế nào, xem cái lý tại sao mà làm, coi thứ có vui mà làm hay không, có ai giấu nổi ta đâu, làm sao giấu nổi ta.

## Người chửi giặc

Ngày xuân, trong quân mở hội vui. Lê Lợi cho thi ba cuộc: múa thương, vác đá và vật. Đinh Lễ lúc bấy giờ ngoài hai mươi tuổi, sức đang khoẻ lại nhanh thoăn thoắt, đứng hầu sau Bình Định Vương. Hình như mọi người quên Lễ.

Mỗi tướng của Bình Định Vương giỏi một thứ. Mọi người đang chờ để lĩnh giải thì Đinh Lễ đứng phía sau kêu to:

- Để tất cả các giải đó lại cho ta.

Mọi người ngơ ngác không biết ai lại dám ngạo mạn như thế, thì Lễ đã đến, đưa tay bê cối đá đi veo veo, vượt hơn nước cũ của người đoạt giải chỉ một bước. Lại đến trước bái đường, rút một cây trường thương múa tít, một người cầm chậu nước hắt vào, chỉ thấy chậu nước bắn vung ra chung quanh như một màn mưa trắng xoá...

Đô vật thắng giải đang ngơ ngác, thì Đinh Lễ, cầm thương vào giá xuống ngựa bảo:

- Tôi xin được vật tranh giải với anh...

Quả nhiên, keo vật Đinh Lễ lại thắng điểm. Bình Định Vương biết Lễ là kẻ lấu vật, khi thấy Lễ thắng cả ba tướng giỏi của mình. Người cầm trích còn đợi lệnh Vua, chưa biết trao giải cho ai. Vương liền bảo:

- Cứ trao cho người đoạt giải trước!

Lễ chạy đến trước Vương, nói:

- Thưa cậu, (Đinh Lễ là cháu ngoại Lê Lợi) thế cháu không được giải gì ư?

Vua nói:

- Bởi người không theo đúng luật. Giải trao cho từng môn một. Khi người ta sẵn sàng tỷ thí, thì người không ra. Khi người xem tập trung bắt bẻ từng lỗi nhỏ thì người không đấu. Đến khi giải đã định rồi thì người mới nhảy vào, gây một sự chú ý có lợi cho mình mà không lợi cho người cùng mình thi tài.

- Nhưng cháu đã thắng cả ba!

- Thương người múa không giỏi gì, lại nhờ người hắt nước vào để mọi người tưởng như là giỏi hơn người múa trước. Đá người vác không đúng chỗ bởi vì thi đã xong, đá đặt trước vạch những hơn hai bước. Người đến vạch đích vút xa hơn một bước, vậy còn thiếu một bước nữa! Còn người vật là Đinh Liệt em người, đang thắng đua tài, ai hơn ai, nhưng Liệt chẳng lẽ nào giành giải của anh nên Liệt thua. Thương cho người một giải Tam á, tức là Ba giải đều khá, liệu có được không?

Đinh Lễ cười và chịu nhận giải!

Lê Lợi rất yêu Đinh Lễ, song lúc nào cũng tỏ ra nghiêm với cháu. Lễ là người có mẹo vặt, nhưng hiểu thắng. Lúc nào khó khăn, nhẫn nhục rất tài, nhưng khi dư dật, thoải mái, y như là không chịu nghe lời nói trái. Có lúc Lê Lợi bảo Lễ:

- Cháu như con ngựa hay, nhưng cần có cương, nhàm cho thật tốt.

Lễ chỉ gạt đầu không nói gì cả. Trần Khả Lưu (1424), Đinh Lễ và Lê Sát chỉ huy một cánh quân, xông lên đánh vào mặt chính của giặc, chiến đấu rất ngoan cường, do thế, các tướng mới hăng hái xông lên, đánh vào phía sau của giặc. Giặc thua to. Chu Kiệt bị bắt, Hoàng Thành bị chém, Trần Trí, Sơn Thọ chạy không dám quay cổ lại.

Mùa xuân năm Ất Tỵ (1425), Vua vây Lý An và Phương Chính ở thành Nghệ An, vây liên mấy tháng, tháng năm Vua gọi Lễ đến nói:

- Ta vây Phương Chính ở đây nhưng thành Diên Châu vẫn chưa lấy được, do đó giặc vẫn còn cậy vào thế ý dốc, rất khó đánh. Người có kế gì không?

- Tôi xin đem một nghìn quân, tuần thám và như tướng Trán thủ Diên Châu. Nếu nó chịu ra đánh, thì sẽ diệt nó lấy thành.

- Kế ấy được đấy! Người nên làm ngay!

Lễ đem quân đến Diên Châu, giấu thực lực ở chỗ hiểm trở, ngày đêm luyện tập, thăm dò nơi phục kích. Vừa lúc ấy, thấy quân trong thành ra ngoài kiếm củi, bắt lấy một đứa khai thác. Chúng nói:

- Trong thành đang chờ lương ở ngoài Đông Quan chở vào. Quân lính ăn đã giảm bữa.

Đình Lễ mừng lắm nói:

- Trời giúp ta rồi.

Rồi gấp rút đem quân tiếp cận cửa thành theo dõi sát ở vùng cửa sông Bùng, nơi giáp biển. Khi thấy thuyền lương của quân Minh do Trương Hùng chuyển đến, lọt vào trong sông, gần ba trăm chiếc, thế đội dài dằng dặc. Ông cho một toán quân nhỏ ra khiêu khích. Tướng giữ thành hết hoảng sợ quân của Lê Lợi cướp mất lương liền sai Thiên Hộ Tướng đem quân ra tiếp ứng cho Trương Văn Hùng. Lễ giả thua như địch vào chỗ phục binh rồi vùng dậy đánh quyết liệt. Thiên Hộ Tướng bị chém rơi đầu. Ba trăm quân của thành Diên Châu bị diệt không sót một đứa. Trương Hùng hoảng hốt định cho thuyền tháo chạy, nhưng không kịp nữa. Lễ đã nhân lúc thuyền vón trên sông, dẫn các dũng sĩ ủa xuống, dùng thuyền chiến nhỏ, xông đến đánh thẳng vào thuyền của Trương Hùng đuổi riết ra tận Thanh Hoá... Trận ấy, Lễ cướp gọn được lương thảo của giặc. Nghe tin Lễ thắng lớn, Lê Lợi sai Lê Sát, Lê Triện đem quân tiếp ứng chém thêm hàng trăm đứa... Đình Lễ giao lương thảo cho quân chở về căn cứ tiếp tục đánh thành Diên Châu... Lê Lợi từ đó càng tin dùng Đình Lễ, được giao cho tham chiến những trận lớn.

Mặt trong dã yên, Bình Định Vương muốn đem quân ra Bắc. Năm Bính Ngọ, Lê Lợi chia quân đánh lấn ra các đất vùng đồng bằng phía Bắc. Phạm Văn Xảo đánh ra mạn Quảng Oai - Hưng Hoá, Tuyên Quang. Lê Triện thắng lớn ở Ninh Kiều. Vua sai ông và Nguyễn Xí đem quân đến vùng Mỹ Lương - Tốt Động.

Vương Thông thấy thế quân Lê Lợi rất mạnh, muốn tiến quân vào Đông Quan, liền xuất mười vạn tinh binh, lập phòng tuyến dài hàng trăm dặm, qua mấy vùng sông nước, để chặn quân ta.

Tướng Minh là bọn Sơn Thọ, Phương Chính đều nắm những đạo quân lớn. Lê Triện và Phạm Văn Xảo đều tập trung quân tới. Hai bên rình rập nhau để đánh những trận lớn.

Đình Lễ bàn với Lê Triện:

- Vương Thông đặt phục binh ở phía sau để chặn đường vào Đông Quan của quân ta. Nguyễn Xí đang phục chờ giặc ở Thanh Đàm, nếu đằng ấy, giặc không đánh nổi thì chắc quân ta đương đông, kích tây, sẽ đi theo đường Mỹ Lương - Chúc Động... Giặc đã ra khỏi thành, ta phải diệt bằng được sinh lực của chúng, thì chúng sẽ phải rút về Đông Quan cố thủ.

Vừa lúc ấy, bắt được một tên gián điệp của giặc. Đình Lễ đích thân tra hỏi, tên gián điệp bị đánh đau liền khai nơi Vương Thông đang đặt quân lừa như. Đình Lễ biết được liền bàn với Lê Triện:

- Vương Thông cho phục kích ở cầu phao phía Nam Chúc Động. Chi bằng ta tương kế tựu kế, nhử cho chúng vào ổ phục kích của ta... Vương Thông đặt pháo ở thế trận phía sau lưng. Ta cứ cho một đạo quân đi trước kéo thẳng vào! Nghe pháo nổ chớ có hoảng sợ... Khi quân Minh từ các phía ủa ra thì chống trả rồi rút chạy. Tất nhiên chúng sẽ đuổi, chắc sẽ lọt vào ổ mai phục của ta.

Ngày đêm ấy, Đình Lễ và Lê Triện đi khắp vùng Mỹ Lương - Tốt Động. Chỗ này chỉ có một đường chính từ ngã Lương Sơn để tới, quanh đó, lại có những thềm gò rất thuận lợi cho việc ém quân... Quân mai phục được điều ngày đêm hôm sau.

Chiều đó, Lê Triệu dẫn quân tiến xuống gần tới cầu phao. Vương Thông cho bọn Trần Hiệp và Lý Lượng đốc quân ra đánh... Hai bên giao chiến rất dữ. Vương Thông ở mặt trước nghe pháo nổ, liền kéo quân tiến lên khép vây... Lê Triệu đã nắm được kế sách của tướng Minh. Khi giặc ủa đến, pháo nổ vang trời, liền biến quân tiến thành quân hậu, quyết chiến rút chạy như địch vào trận địa phục kích của quân ta. Đinh Lễ đã ngầm báo cho các tướng nghe pháo của địch nổ, địch kéo ngang cũng không được ra đánh, căn án binh bất động, chỉ khi nào quân địch lọt hẳn vào giữa nơi phục kích, pháo hiệu của ta nổ, mới được ra đánh.

Trần Hiệp, Lý Lượng, muốn nhân quân ta thua chạy, tiến sâu, phá vỡ phòng tuyến của quân ta. Nào ngờ khi đi ngang đầm lầy ở Tốt Động và Chúc Động thì thấy pháo hiệu của quân Lê Lợi nhất tề nổ ran, bốn phía các tướng của Bình Định Vương ủa ra chia cắt và đánh quyết liệt. Quân Minh vỡ, bị chết không biết bao nhiêu mà kể. Chúng cố sống cố chết vẫn không thoát được vây vì phía sau là sông, ở giữa là đầm lầy. Thượng thư Trần Hiệp và nội quan nhà Minh là Lý Lượng đều chết tại trận... Hàng vạn lính Minh phơi xác trên khắp đồng. Sông Ninh Giang ứ xác giặc không chảy nổi.

Đinh Lễ thừa thắng báo tiếp về cho Bình Định Vương. Lê Lợi mừng lắm, lệnh cho ông vây thành và đốc quân thủy bộ tiến về Đông Quan.

Thế quân ta rất lớn. Vương Thông phải đóng cửa thành cố thủ.

Trận thắng Tốt Động khiến quân sĩ đều phục, coi ông như một danh tướng của Bình Định Vương. Đinh Lễ cũng có vẻ coi thường giặc. Tháng 2 năm Đinh Mùi (1427) Vua đem quân ngược sông Cái vây ép Đông Quan.

Để phá thế bao vây, Vương Thông cho quân tình nhuệ đánh ra Từ Liêm, giết được Lê Triệu. Thông lại cho quân đánh vào đạo quân lớn phía Nam của Lê Nguyễn ở Tây Phù Liệt, tình thế rất

nguy cấp. Lê Lợi sai Nguyễn Xí và Đinh Lễ, đem năm trăm quân xung kích tới ứng cứu. Ta đánh lui được giặc. Đinh Lễ thấy giặc chạy, thúc quân đuổi đánh, giặc chạy đến Uy Động. Vương Thông thấy quân Đinh Lễ - Nguyễn Xí rất mỏng liền tung quân lớn ra đánh úp, ép hai tướng phải đồn xuống phía đông chiêm. Quân lính bị đánh tan. Đinh Lễ và Nguyễn Xí cưỡi voi, bị đồn xuống đầm lầy và bị bắt sống.

Bắt được ông, Vương Thông mừng lắm. Tuy biết rằng ông đánh trận Tốt Động, Chúc Động, Vương Thông cũng không định giết. Hán bầy tiệc thiết đãi ông và Nguyễn Xí rồi nói:

- Hai ông là những tướng tài, nếu chịu đầu hàng thiên triều, hẳn phú quý không tài nào lường nổi.

Đinh Lễ hát mâm rượu xuống đất, tóc dựng ngược chỉ mặt Vương Thông mà nói:

- Tướng nước Nam không bao giờ theo giặc. Người hãy cầm cái miệng thối của người lại! Thằng nhãi Tuyên Đức (tức Vua nhà Minh) có ngôi ở đây ta cũng nhổ vào cái mặt ấy...

Vương Thông tức quá lôi hai ông giam vào ngục. Hôm sau, Thông sai người đem ông đi chém.

Ông vươn cổ cho giặc chém, miệng vẫn không ngớt chửi rủa vua quan nhà Minh.

1997



# Lời nói thẳng

Nho sinh Bùi Cầm Hổ đến kinh sư tìm thầy để học. Ông hoà trộn vào đám học trò Quốc Tử Giám nghe bình văn. Bữa ấy nghe giảng về Kinh Dịch, thấy quan Tư giảng, giảng đến câu: "Hàm, Hoàng, Quang, Đại; Phàm vật hàm hanh", còn chưa thoát nghĩa, lòng hàm hực không yên. Khi ra ngoài quán rượu, nhân thấy mấy cậu học trò tán tụng mãi thầy, liền cầm chén rượu sang cùng uống rồi nói:

- Tại hạ ngồi bên nghe các huynh bàn về chữ nghĩa, trong bụng thích lắm.

Họ kéo ghế cho Bùi Cầm Hổ ngồi, hỏi:

- Anh ở đâu đến vậy.

- Tôi từ xứ Nghệ ra đây!

- Anh cũng vừa nghe giảng ở Quốc Tử Giám ra ư?

- Đúng là như thế.

- Thầy ta giảng thâm thúy đấy chứ?

Bùi Cầm Hổ nói:

- Thầy giảng ở nơi hàng trăm học trò, tất không nói kỹ lưỡng được. Tôi nghe chỉ thấy dẫn lời của Chu Hy bàn về câu này thôi, mà không có chính kiến. Hàm là bao dung, Hoàng là rộng rãi, Quang là sáng láng, Đại là lớn lao. Bốn chữ ấy bàn về Quê Khôn thì nghĩa bao hàm. Quê Khôn sánh với quê Cần, là chính thống của âm dương. Cần là Trời cũng là nghĩa ấy. Khôn là Đất cũng là để hoà hợp với Trời ấy. Cho nên Hàm, Hoàng, Quang, Đại tuy nói ở quê

Khôn nhưng trong Khôn ấy là có Càn. Nhờ có Càn nên Khôn mới Hàm, Hoàng, Quang, Đại được. Vì quán xuyên được Càn nên Hàm, Hoàng, Quang, Đại đặt ở quê Khôn thì thấu đáo hơn, vì đất dễ nhận ra hơn Trời, Đất gần mà Trời xa. Nhận được Hàm, Hoàng, Quang, Đại từ đất cũng nghĩa là nhận được từ Trời; nhận được từ Quê Khôn cũng chính là nhận được ở quê Càn. Do thế, Hàm, Hoàng, Quang, Đại là đạo lớn của Trời Đất. Nhờ đạo lớn ấy mà phẩm vật mọi nhẽ mới hàm hauh, nghĩa là muôn vật mới tốt đẹp, thông suốt được!

Bọn học trò nghe, giật mình sợ hãi. Một người tỏ ra am hiểu, vận lại Bùi Cẩm Hồ:

- Ở quê Khôn, huynh thích lời Kinh nào nhất?

Hồ nói:

- Bể học mênh mang, tâm đắc một câu đâu cứ phải trong Kinh Dịch. Và lại bàn về tâm đắc, có thứ suốt cả đời với một người. Nhưng với người khác có khi đoạn đời này tâm đắc với điều này, đoạn đời khác tâm đắc với điều khác. Như Giả Đào đời Đường kia, khi người ta làm quan, thì ông lại ở chùa. Điều tâm đắc của ông hẳn là ở kinh Phật. Nhưng sau này cảm thấy đời không có quan giỏi, ông lại ra làm quan. Làm rồi lại bỏ. Như thế thì bảo ông tâm đắc ở Phật hay ở nho, ở nho hay ở Phật...

Mọi người chịu phục về phép biện luận của Bùi Cẩm Hồ, liền rót rượu uống đến tận khuya.

\*

Tuy lên kinh đó tìm thầy cầu học, xong Bùi Cẩm Hồ không học một ai. Chỉ cầm danh thiếp đến bái yết các danh nho để hỏi chữ. Thái độ khiêm nhường, cung kính nên ai cũng sẵn sàng tiếp. Ông đã từng yết kiến Á thượng hầu Nguyễn Trãi; hỏi cách viết sử ở Nội phó sứ Nội Mật Viện Nguyễn Thiên Tích, bàn về kinh Phật và từ chương với Tả ty sảnh môn hạ Nguyễn Như Đổ. Ai gặp một lần đều phục tài học. Nguyễn Thiên Tích tiến cử ông lên với Đức vua.

được bố dụng ngay... Một bận Vua sang ngự ở bên Thăm Sát Viện, quan Hữu ty xét đơn của con một nhà buôn lớn ở thành Thăng Long kiện đi ghê đánh thuốc độc giết chồng... Người đàn bà kêu oan, trước mặt Vua dập đầu chảy máu đầy xuống mặt. Vua cho là oan nên mới khổ sở thế, nhưng với nhân chứng, vật chứng đầy đủ, quan Hữu ty vẫn cứ khép vào tội chết. Vua chưa cho thi hành án, liền phê chữ son bắt xử lại. Người ta mách, người bị oan đến nhờ Bùi Cầm Hổ cãi hộ ở phiên xử oan.

Ở Thăm Sát Viện bữa ấy, quan Hữu ty, lại đem những điều buộc tội tra hỏi kỹ lưỡng hơn. Khi nghe hết lời khai của con trai người vợ trước, rồi lại đem bát đựng canh mà quan hình sự xem như là vật chứng vợ người lái buôn, quan cao giọng hỏi bị cáo:

- Có phải bát canh này người đã nấu cho chồng người ăn không?

- Bẩm quan lớn, đúng ạ.

- Khi ăn xong, thì chồng người quay cuồng, đầu đốn lăn lộn rồi ôm bụng, một lúc sau tắt thở, có đúng không?

- Dạ đúng ạ!

- Vậy nếu bảo oan, rằng canh không có thuốc độc thì sao chồng người lại chết. Oan ức ở chỗ nào?

Người đàn bà thưa:

- Chồng tôi là ân nhân của tôi, đã đem tôi từ một thanh lâu về vì thương yêu tôi. Tôi cũng rất yêu và quý trọng chồng tôi. Tôi giết anh ấy thì tôi ở với ai, xin quan lớn minh xét.

Nói rồi lại dập đầu xuống đất. Vết thương chưa lành lại rách, máu lại ứa ra nhòa trên mặt. Đức vua chau mày lại.

Từ phía dưới, Bùi Cầm Hổ đã bước lên cung kính lạy chào rồi hỏi:

- Vãn sinh xin được đại nhân hỏi kẻ có tội vài điều để sáng rõ thêm.

Quan Hữu ty gật đầu:

- Ta cho phép.

Bùi Cẩm Hồ hỏi:

- Nhà người cho chồng ăn canh gì vậy?

- Dạ, canh lươn!

Có tiếng người dự xừ án bật cười. Bùi Cẩm Hồ vẫn nghiêm sắc mặt hỏi thêm:

- Nhà người có nhớ hình dáng con lươn ấy thế nào không?

Người đàn bà ấy nghĩ một lúc rồi trả lời:

- Thưa ngài, tôi đi chợ thấy con lươn béo, ngắn, đuôi bằng không giống lươn thường, đầu lại phớt trắng không nhảy vàng, tôi chắc là béo và bổ lắm, liền mua mang về nấu canh cho chồng tôi ăn... Chẳng dè...

Bùi Cẩm Hồ quay lại thưa với quan Hữu ty:

- Án mạng chính xảy ra từ đây!

Quan Hữu ty nghiêm sắc mặt quát:

- Bùi tiên sinh nên nhớ, pháp luật vốn tôn nghiêm, nếu bõn cợt ắt là bị bắt tội đó!

Bùi Cẩm Hồ điềm tĩnh nói:

- Ở đây ai dám đùa cợt thưa đại nhân. Số là điều này thì ít người biết. Lươn có loại là lươn, có loại lại là rắn. Mọi con lươn mình vàng đuôi dài thì đều là lươn cá... Nhưng con lươn như người đàn bà này vừa tả lại, đuôi ngắn, đầu trắng thì là rắn lươn. Loại này trong thịt có chất độc, ăn vào có thể chết. Người đàn bà này do không biết, mua cho chồng ăn mà hoá ra hại chồng! Chị ta kêu oan cũng chính vì lẽ đó. Xin đại nhân minh xét.

Quan Hữu ty sững người. Điều đó chính bây giờ ông cũng mới biết. Tuy vậy ông vẫn gắng hỏi:

- Căn cứ vào đâu, tiên sinh lại có thể nói được như vậy?

- Tôi có đọc trong sách thuốc của tiền nhân. Quyển sách ấy ở quê hãy còn. Và lại trong dân gian đều có người biết như thế, xin đại nhân cứ cho hỏi...

Quan Hữu ty đành cho xem xét lại vụ án. Quả đúng như thế. Người đàn bà được giải oan.

Bữa ấy Vua ngồi sau rèm nghe xử án, rất hài lòng. Mấy hôm sau, Bùi Cầm Hổ nhận được chiếu chỉ phong hàm Ngự sử trung thừa...

\*

Lê Sát làm Phụ chính đại thần, một mình một ý, ít chịu nghe người khác. Thái Tổ chuộng quan võ, dùng quan văn ở bậc sai khiến chứ ngại ban chức Thượng tể. Nguyễn Trãi vì thế không được dùng. Quan võ như Lê Ngân, Lê Sát được hầu ở bên màn trướng thì tin chức người văn võ kiêm toàn, diễm tĩnh chín chắn nhưng là người Bắc Hà, Thái Tổ cũng không trao cho việc lớn mà lời nói thẳng khi được hỏi về triều chính do các đại thần theo Vua từ Lam Sơn thân cận với Vua lại bị coi là có lòng ghen ghét. Vì thế khi Thái Tổ đã có tuổi, già bệnh nên bọn quan ở nội thư sánh như bọn Trịnh Hoàng Bá, Đinh Bang Bản hay sàm tấu những điều không thật. Bọn này nịnh Vua, nịnh Lê Sát. Vua nghe chúng nên đem giết Phạm Văn Xảo, Trần Nguyên Hãn... Bọn này còn nịnh Sát đến nỗi ai nói về Phạm Văn Xảo, Trần Nguyên Hãn đều vu cho là bè cánh của hai họ Phạm và họ Trần, họ đều bị hại cả. Thái Tổ sau nhận ra thì đã muộn. Ngài cũng đuổi bọn chúng. Có lúc ngài đã nói trước triều đình:

- Bọn Trịnh Hoàng Bá dẫu thạo việc nhưng bụng dạ tiểu nhân, sau này không được dùng nữa. Dù chúng tố cáo trong công thần của ta cũng đừng nghe chúng.

Đức vua nói thế là có ý hối hận mình đã quá tay giết hại những công thần.

Vậy mà, Trịnh Hoàng Bá chạy chọt thế nào không rõ, Lê Sát lại sai Lê Quốc Hưng triệu về triều có ý dùng lại.

Quan Ngự sử đài là Bùi Cầm Hổ xuất ban tâu rằng:

- Tâu Thánh thượng (Lê Thái Tông), tiên đế trước lúc băng hà đã có lời dặn về việc dùng bọn Trịnh Hoàng Bá và Đinh Bang Bản... nay quan Tể tướng Lê Sát có ý dùng lại, hoá ra, ngài đã quên ý chỉ của Thái Tổ, dám đặt mình trên tiên đế hay sao.

Nguyễn Thiên Tích cũng nói những lời quyết liệt. Lê Sát tức lắm không làm gì được. Sát biết Nguyễn Thiên Tích coi Nguyễn Trãi là ân sư, kính trọng như thầy học, nên không dám ra tay. Sát liền trút lên đầu Bùi Cầm Hổ nỗi ghét bực, đẩy Hổ lên Lạng Sơn làm An phủ sứ. Hổ hết lòng làm việc, dân chúng rất phục. Kịp lúc Tư mã Lê Văn An đem quân trị bọn Hoàng Nguyên Ý, có ý tạo phản, đuổi được chúng. Lê Văn An về tâu công, Cầm Hổ lại được triệu về triều làm ở Ngự sử đài như cũ... Lê Sát cậy quyền, không coi ai ra gì... có lúc quyền át cả Vua. Lê Sát lại hay giết người, có vụ án lũ thiếu niên phạm tội, Sát muốn giết cả bảy. Vinh lộc đại phu Nguyễn Trãi phải xuất ban khuyên không nên đa sát, Lê Sát còn lớn tiếng thách thức Nguyễn Trãi bảo nếu ông chuộng nhân nghĩa thì đem chúng về nhà nuôi và cảm hoá. Nguyễn Trãi chỉ từ tốn nói lại cho rõ ý mình. Lê Thái Tông ghét Lê Sát từ bữa ấy. Sát lại bợ đỡ những kẻ theo mình.

Vua muốn chia bớt vây cánh của Sát liền gọi Trịnh Khả vào, giao cấm binh cho Trịnh Khả và điều Lê Ê, Lê Hiêu vốn thân cận với Sát sang nắm quân Khoái Châu và quân Thiết Đột.

Lê Sát vào tâu và nói:

- Lê Hiêu không có lỗi gì, không nên cử đi xa. Thần xin giữ lại chức cũ.

Vua Lê Thái Tông cười nói:

- Nhà ngươi cho Trịnh Khả không bằng Lê Hiêu ư? Thế ngươi quên công của Khả giúp Thái Tổ rồi ư?

Lê Sát cứng miệng không nói được câu nào, chỉ nói:

- Nếu Khả vào cung thì thân e y sẽ chẳng để cho thân yên, thân sẽ nguy mất!

Vua cười nói:

- Tể tướng lúc nào cũng sợ người ta thù mình. Sao không xem lại mình, có phải vì thù người ta, nên nơm nớp sợ người ta hại mình không!

Vua càng ghét Sát. Bữa sau, lại phong Lê Văn An làm Hải tây đạo đồng Đô đốc tổng quản. Sát biết Vua quý đám quan võ có học hơn mình bèn nín áo Vua mà can:

- Thần nghĩ Lê Văn An già rồi, liệu làm Đô đốc tổng quản có xứng chức không.

Vua hất tay Sát rồi sầm mặt, bỏ đi. Vua gọi Thị ngự sử Đinh Cảnh An đến bảo:

- Lê Sát lộng quyền, ngươi hãy dâng sớ hạch tội đi. Trẫm sẽ nghiêm trị.

Buổi chiều hôm sau, Đinh Cảnh An, Nguyễn Vĩnh Tích dâng sớ kể một loạt tội của Sát rồi xin Vua hãy định đoạt. Vua đưa sớ cho hình quan xét hỏi. Vốn là võ quan, thấy mình là người có công lớn nhờ Thái Tổ, giúp Thái Tông, Sát uất ức kêu lên rằng:

- Bệ hạ cho thân tội chuyên quyền, thế là tội thân do tiên đế mà có cả!

Câu nói hỗn ấy khiến Thái Tông sầm mặt lại. Lê Ngân, Lê Văn Linh đứng ra xin xét công lao mà giảm tội cho Sát, Vua giữ áo đứng dậy bãi triều.

Buổi chiều sau, hình quan định tội Lê Sát, dâng lên Vua. Lê Thái Tông xuống chiếu rằng:

"Lê Sát cậy công, chuyên quyền nắm giữ việc nước, ghen ghét bậc hiền tài, giết Lê Nhân Chú để hồng ra oai, truất Trịnh Khả để tỏ quyền uy trăm quan phải sợ, bãi chức của Bùi Ư' Đài khiến

đình thần không còn ai dám nói, đuổi Bùi Cầm Hổ ra biên giới khiến quan lo việc can gián đều phải im hơi, tội chúng đã rõ đáng khép vào hình luật, song vì là cố mệnh đại thần, nên tha tội chết...".

Vua bãi chức của Sát, Sát hậm hực nói nhiều điều bậy bạ. Vua liền xuống chiếu tiếp: "Lê Sát bị bãi chức nhưng võ sĩ nuôi ngầm không chịu bỏ đi, mưu hại bậc trung thần, tướng giỏi, chuyện gian phi, xảo quyết ai cũng thấy trước mắt. Đáng phải chém bêu đầu, rao cho thiên hạ biết".

Bùi Cầm Hổ tâu rằng:

- Tội Sát đáng chết, nhưng Sát từng làm đại thần, nếu đem xác đem bêu mà rao, e rằng thiên hạ cho là Vua bạc đãi quá công thần. Vả lại, tội của Sát dân gian bàn luận, cười chê đó cũng chính là cách chém rao đó thôi!

Vua nghe ra liền cho Sát tự tử, thôi không chém rao nữa. Tài sản của Sát đều bị tịch biên chia cho các quan.

Mấy ngày sau, gặp lại Bùi Cầm Hổ, Bùi Ư Đãi hỏi:

- Lê Sát chẳng từng hặc tội, vô cớ đẩy ông ra biên ải, sao ông lại xin Vua giảm tội chém rao cho hắn?

Bùi Cầm Hổ chỉ nói:

- Làm quan ở đài Ngự sử thì chỉ biết nói đúng với những điều công luận cần phải thế. Còn nghĩ đến việc riêng của mình, thì sao mà công tâm được.

Bùi Ư Đãi gật gật đầu, lặng lẽ suy ngầm rất lâu.



# Tiếng chim và trang sách

Huyện Vũ Ninh (Kinh Bắc), có người đàn bà nghèo hay đi chợ. Hôm nào về qua quán cũng thấy đứa trẻ nínu quang gánh lại mà bảo:

- Mẹ ơi quà của con đâu?

Người đàn bà nhìn lại thấy đứa trẻ khôi ngô, tóc trái đào, liền cười, cho quà rồi bảo:

- Về nhà với ta đi.

Đứa bé xin quà hàng chục phiên chợ, người đàn bà cứ cho, lòng rất vui. Kịp đến lúc, không thấy xin nữa thì bà thụ thai. Bà cũng quên cả chuyện cậu bé xin quà và chỉ còn chăm chút vào đứa con trai.

Cậu bé họ Phan tên là Thiên Tước. Một bận một ông đồ thấy cậu mặt mũi khôi ngô, chơi ở bên đường, liền kéo tai bắt đứng dậy và hỏi:

- Mắt sáng, tinh lanh thế này, có biết chữ không!

Tước không trả lời chỉ nói:

- Ông đứng như bây giờ là chữ nhân. Ông giang tay ra là chữ đại...

Ông đồ hết sức ngạc nhiên, đem về trường dạy học. Quả nhiên Phan Thiên Tước hỏi đâu biết đấy. Về sau Lê Thái Tổ ra đánh Đông Quan, Phan Thiên Tước đến bái yết, được thu nhận, ít lâu sau được làm chuyển vận sứ ở châu Cổ Đằng.

Tước liêm khiết, hay nói thẳng, được Nguyễn Trãi rất quý, tâu Vua, đưa về triều làm Giám quan ở Toà Đô ngự sử...

Bấy giờ ở kinh thành, sau khi bình được giặc Minh, Thái Tổ định pháp luật, khuyến khích lưu thông buôn bán. Các công thần đều có ruộng phong, ai nấy nô nức thi nhau làm dinh, làm phủ. Có người cầu kì lại phỏng theo những lầu ngũ giác, những nhà tám mái, mặt trước có thủy đình có thể diễn trò rỗi nước, hoa viên, lầu bình thơ, đánh đàn; đêm đến treo đèn lồng, thắp đuốc, thắp nến, tỏ ra mình là người quyền quý.

Phan Thiên Tước chỉ ở một ngôi nhà hạng trung ngoài nơi đọc sách, chứa sách được ông để ý tỷ mỉ, còn thì mọi thứ ở nội thất, không có gì đáng giá. Là "ngôn quan", dám nói thẳng, nhiều đại thần chẳng ưa gì ông... Bởi thế, trong khi các nhà quan khác thì ngựa xe, cồng vống tấp nập, nhà của Phan Thiên Tước vẫn cứ thường vắng vẻ...

Dẫu làm ở Ngự sử đài, nhưng đám quan lớn vẫn thường khinh thường ông. Vào chầu, tuy thứ vị của ông chẳng đến nỗi nào, nhưng ông thường hay giấu mặt mỗi khi Đức vua nhìn đến.

Huyện thượng hầu Lê Thụ vốn cậy mình là công thần từ thời Thái Tổ: ham của, thường cho gia nhân buôn bán vụng trộm với người nước ngoài. Thụ lại cho xây tư thất rất nguy nga, chưa hết, vài hôm sau Thụ lại lấy vợ kế, treo đèn kết hoa linh đình. Các quan lớn đều là bạn thời chinh chiến của Thụ, không ai dám nói. Lê Sát đang chấp chính được Thụ biếu xén cũng ngoảnh mặt làm ngơ.

Nhân một buổi chầu, các quan không còn ai dâng sớ tấu việc nữa, Phan Thiên Tước xuất ban, dâng sớ lên tâu, tâu rằng:

- Thái Tổ uy vũ vừa mất, lòng dân thương nhớ không nguôi  
- Thánh thượng ban quốc tang, mọi việc như làm nhà, cưới vợ đều phải đình hoãn. Nay Đô đốc Lê Thụ, cậy thế công thần ngang nhiên làm nhà cao cửa lớn, lại cưới vợ lẽ, tiệc mừng linh đình, xênh phách nhã nhạc réo rắt, như vậy lòng thương nhớ kính trọng tiên đế để đâu? Lê Thụ lại đi lại với bọn ngoại bang, buôn lụa gấm, vàng ngọc lén lút. Thật tiếc cho kẻ xông pha hòn tên

mũi dạn, cùng Thái Tổ khai sáng công nghiệp từ Lỗi Giang nay lại hèn kém như thế? Có nên hạch tội làm gương cho thiên hạ chẳng, xin Thánh thượng minh xét.

Vua giận lắm, gọi Lê Thụ ra đôi chất, Vua hỏi:

- Lê Thụ, những việc Phan Thiên Tước tâu có hay không có.

Lê Thụ ú ớ một hồi, rồi cãi bừa:

- Dạ muốn tâu, việc làm nhà cửa, lấy vợ đều có, thần không dám chối. Nhưng các quan lớn, quan bé lúc này đều thi nhau làm, có riêng gì mình thần đâu.

Vua giận lắm, đứng khỏi ngai vàng lớn tiếng hỏi:

- Các Khanh làm quan còn không coi phép nước ra gì, hướng chi người dân thường. Trẫm không bỏ qua chuyện này đâu. Thiên Tước, sao nhiều người đều mắc tội như Thụ, ngươi không tâu?

- Tâu Thánh thượng, bởi Thụ làm nhiều điều ngang ngược cùng một lúc nên thần tâu trước, nay Thụ đã nói ra hộ thần rồi, thần tâu thêm lại bảo ghen ghét mà tâu.

- Thôi được rồi! Trẫm giao cho ngươi đi khắp kinh thành, xem các quan lại ai phạm việc làm nhà cửa, lấy vợ như Thụ, tâu lên cho Trẫm. Khanh thấy sao?

- Đò đốc, Tư khấu, Tư mã đều là bậc đại thần cố mệnh cả, phải theo đúng lễ nghĩa, phép tắc mới dẫn dắt trăm quan được. Do đó, thần được giao cho công việc ở Ngự sử đài xin hết lòng, đâu dám không làm hết chức phận...

Tối hôm ấy, ở nhà của Phan Thiên Tước, chốc chốc lại có người xin đến gặp. Mỗi người lại có tiểu đồng đem theo cả những đồ biếu. Phan Thiên Tước bảo gia nhân trong lúc vắng mệnh Vua, không tiếp một ai. Lại có một tước hầu tam phẩm, mượn cớ công việc đến xin ra mắt, cuối cùng cũng là chuyện nhờ vả Phan Thiên Tước đừng tâu lên Vua việc làm nhà của mình, vì nhà làm từ hồi Thái Tổ chưa mất, kịp đến quốc tang, chưa kịp lên

mái, do đó phải làm nốt, kéo mưa gió hồng hết cả ngôi nhà lớn trong phủ...

Phan Thiên Tước trả lại quà tặng rồi tiễn khách về.

Một tháng sau, Tước dâng sổ kê đủ danh sách hơn hai mươi người làm nhà mới, trong đó có cả con trai Tể tướng Lê Sát... Tham tri đồng đạo Lê Định, nhà mới, cột gỗ sáng choang, mọi nhẽ đều tâu hết tội. Vua xem xong muốn trị tội Lê Thụ. Đô đốc Lê Văn, Tư mã Lê Ngân, xuất ban tâu xin cho Thụ, mong Vua xét công lao của Thụ đã được Thái Tổ ghi nhận mà tha hoặc giảm tội cho. Vua nói:

- Huân thần cày công lớn, làm xàng thì còn làm gương cho ai nữa. Song, nghĩ đến công lao của Thụ từng nằm gai, nếm mật với Thái Tổ, ta bỏ qua cho một tội, còn tội lén lút buôn bán ngầm, lậu thuế, không tha được, làm sao mà tha được; tội lấy vợ lúc quốc tang cũng không thể ngờ được.

Bèn tịch thu mười lăm lạng vàng và một trăm lạng bạc do buôn bán thu lời và buộc cho người thiếp của Lê Thụ là họ Trịnh phải đuổi ra khỏi phủ, trở lại làm dân...

Từ đó, Phan Thiên Tước được mọi người gờm nể. Tước không vì thế mà kiêu căng, vẫn giữ thói cũ, chăm chỉ, thanh liêm và ham đọc sách...

Vua Lê Thái Tông tuổi còn nhỏ, lại được Thái Tổ chiều chuộng từ trước nên có nhiều chuyện khác thường được lưu truyền trong dân gian. Gần đây, khi ra coi triều, nhiều lúc chưa nghe hết việc đã xua tay không cho đại thần nói tiếp, cách ngồi, cách đứng ra ban chỉ dụ, chưa thật đúng với phong độ Hoàng đế. Quần thần không ai dám nói. Lê Sát chấp chính, thường dựa một vài ý Vua mà từ đó mà làm. Nhiều việc quyết đoán đều do Sát. Người không thích Sát, cầu an, không dám nói. Phan Thiên Tước bàn với hai đồng liêu là Lương Thiên Phúc và Nguyễn Chiêu Phủ, rồi thảo sớ dâng lên Vua, tâu rằng:

"Ngự sử đài quan, chúng thần Phan Thiên Tước, Lương Thiên Phúc, Nguyễn Chiêu Phủ, liêu chết dâng lời nói thẳng lên Thánh hoàng minh xét:

*"Tiên đế dẫm mưa, dãi gió, mình mang giáp trụ, lao tâm khổ trí, hơn mười năm trời mới dẹp yên thiên hạ. Bệ hạ kế thừa cơ nghiệp đã có sẵn rồi, nên htu ý tới học thuật, năng thu nhân tài để lo trị nước thành công. Nay đại thần tiến cử thiếu bảo, hữu bật vào hần giáng sách, Bệ hạ đứng dậy bỏ đi không nghe, thế là một điều không nên. Tiên đế chọn người làm bảo mẫu, làm thầy để vâng mệnh dạy bảo trong cung, Bệ hạ khinh rẻ, mắng chửi mà không nghe, thế là hai điều không nên. Đến như thần phi, huệ phi là bậc di, vào cung răn dạy, Bệ hạ sai đóng cửa trước mà không cho vào, thế là ba điều không nên. Việc quản lĩnh thị vệ không đọc sách mà cầm cung bắn chim, có khi can ngăn, thì Bệ hạ không nghe, lại lấy cung bắn người ấy, thế là bốn điều không nên. Thái Tổ lựa chọn con em công thần sai vào hầu Bệ hạ đọc sách thì Bệ hạ đều xa lánh họ mà nó đùa với bọn hầu hạ gần gũi ở trong cung, thế là năm điều không nên. Người làm Vua phải tìm người tài giỏi, biết nói thẳng, hết lời can ngăn, tìm người có công lao mà thưởng họ, nay Bệ hạ lại vui đùa với bọn hoạn quan rồi thưởng cho chúng, thế là sáu điều không nên. Thần là người được Vua giao cho chức trách nói thẳng để kịp giúp Vua thịnh trị, nơm nớp lo sợ nhưng nghĩ đến chức trách, dẫu dám không trình bày. Xin Bệ hạ trong khi coi châu, hoặc tiếp xúc với các đại thần, nghe các quan tâu việc, nên ngay ngắn trang nghiêm lấy dung nghi thiên tử mà kính trọng các bậc đại thần, uỷ lạo người có công, nghe lời nói thẳng, mở đường cho người nói thẳng để thấu hiểu tình hình bên dưới, thì lời khen "bậc đại hiếu biết nói chí kè nghiệp", thì dẫu chỉ là lời khen của các Vua giỏi thời xưa".*

Thái Tông lúc này mới mười ba tuổi. Đọc sơ tấu, giận lắm vút mạnh xuống đất rồi lui ngay vào nội điện, cho quần thần bãi triều.

Ngày đêm ấy Vua sai cận thần là Đinh Hối, triệu Phan Thiên Tước vào cung, và hỏi:

- Thiên Tước to gan thật. Sáng nay nhà ngươi kể sáu tội của Trẫm trước triều đình bá quan hủ!

Phan Thiên Tước dập đầu tâu:

- Sự nghiệp nhà Lê có được ngày nay là do Thái Tổ mười năm ngày quên ăn, đêm quên ngủ. Xương máu rải khắp đất nước mới đuổi được giặc ngoại xâm. Dân đánh giặc đã lâu trông chờ Vua tài giỏi, đại thần là bậc kinh bang tế thế trị nước. Sáu điều không nên ấy trái với bậc Hoàng đế. Bọn thần tâu lên chắc là mắc tội chết, nhưng việc tâu vẫn cứ phải tâu.

Thái Tông lại hỏi:

- Sáu điều không nên ở trong nội cung mới rõ, ngươi làm sao biết được. Có phải tọc mạch không, có phải cố bới lông tìm vết không?

Phan Thiên Tước dập đầu tâu:

- Những người nói với thần đều là những người yêu Vua, muốn Vua nổi chí Thái Tổ mà liều chết nói với thần. Thần cũng nghĩ như họ nên lại liều chết dâng sớ tâu lên. Thần xin kể tên những người nói các chuyện ấy ra đây hầu Bệ hạ sẽ thấy đều là người hết lòng vì triều Lê này cả...

Vua đi đi lại lại rất lâu rồi nói:

- Vua như ta có còn trẻ quá không? Mà trẻ thì tránh sao được những lỗi ham chơi, tùy thích được.

Phan Thiên Tước nói:

- Ham chơi, tùy thích đúng là độ tuổi trời cho, không thể tránh nổi. Nhưng Bệ hạ ngồi ở ngai vàng, một cử chỉ một lời nói không thể không chuẩn mực được. Huống chi triều thần giờ không như lúc Thái Tổ chinh chiến, những người theo hầu đều chỉ dốc lòng đánh giặc, còn bây giờ ngay cả khi có tang của Thái Tổ, đại

thần còn làm nhà, cưới vợ. Trong bụng nghĩ đến việc nhà nhiều hơn việc nước, không phải chỉ có vài ba vị quan mà thôi, thần tâu lên chỉ mong Bệ hạ nghĩ đến muôn dân, xã tắc mà hết chức trách để sáng nghiệp, lưu danh muôn đời thôi.

Vua không nói thêm gì, cho Phan Thiên Tước lui ra. Tước cảm động nước mắt rờn rờn. Vua Thái Tông cũng mỉm lòng, tiến đến hỏi:

- Sao khanh lại khóc?

- Thần mừng rằng xã tắc có bậc Vua trẻ mà đã biết tự suy xét để công việc trị thiên hạ ngày một thêm thái bình...

Vua lấy khăn lau nước mắt cho Phan Thiên Tước, rồi thở dài, lui vào hậu cung.

Vua nghe tiếng chim hót ngoài vườn đây tiếc nuôi, nhưng Ngài ngự lại phải vào nơi đọc sách, bởi quan Tả thị giảng đang chờ Ngài đến để phụng dạy Ngài về sách Chu Dịch.

# Con trai người buôn muối

## 1

Làng Thượng Xã làm muối. Hai anh em, Nguyễn Biện, Nguyễn Xí là con Nguyễn Hội. Hội Vua Lê Thái Tổ chưa khởi binh làm phụ đạo Lam Sơn, Hội thường đem muối lên. Lê Lợi rất quý Hội. Hàng năm Hội đi lại vài lần rồi lại trở về làm muối.

Băng đi ít lâu, không thấy Hội lên núi. Vua đã khởi binh, bận nhiều việc, không nghĩ đến nữa. Bỗng một hôm thấy gia nhân vào báo. Có hai đứa trẻ đầu chít khăn trắng, xưng là con Nguyễn Hội xin vào yết kiến. Bình Định Vương Lê Lợi giạt mình vội chạy ra đón.

Hai đứa trẻ vái lạy xưng tên. Vua hỏi mới biết cha của chúng đã bị hổ vồ, mẹ chúng thương chồng cũng ốm mà chết. Hai đứa trẻ vốn cũng hiếu động, thích võ nghệ, thấy Vua khởi binh chống nhà Minh, liền xin theo. Vua an ủi đón vào. Rồi hỏi:

- Thế bố cháu đi đâu mà bị hổ ăn thịt.

Nguyễn Biện chưa nói thì Nguyễn Xí đã nhanh miệng nói thay anh:

- Thưa, đại vương, cha cháu đem muối lên miền thượng. Có con hổ thành tinh vồ cha cháu. Cha cháu lấy muối hắt vào mặt nó nhưng nó tránh được. Nó ăn thịt cha cháu nhặt xương lại còn tha cành cây phủ lên. Ít lâu sau thành mộ... Mẹ và các chú cháu lên tìm, đem về chôn ở chỗ khác. Nghe đâu hổ lại đến gặm bên mộ. Rồi lại bới xương dật về chỗ cũ... Mẹ cháu định liều chết đem mộ cha cháu



về gần làng, song có người can nói rằng, biết đâu trời xui hổ đến để má cho nhà cháu. Do thế, khi đại vương giương cờ đại nghĩa, anh em cháu đến xin được theo... Cháu tuy còn bé nhưng lại có mẹ ạ!

Bình Định Vương thấy đứa trẻ dĩnh ngộ, hồn hậu, quý lắm, coi như con... Sai anh em Nguyễn Biện, Nguyễn Xí học võ, binh thư cùng với cháu trai con anh cả<sup>(1)</sup> của ông là Lê Thạch.

Vua sai Nguyễn Xí coi đàn chó săn. Đàn chó rất đông. Có mấy con chó đầu đàn hay cắn nhau. Xí ngồi ngắm kỹ rồi chia chúng ra không để cùng đàn. Có bốn con, Xí chia làm bốn đàn, quả nhiên từ đó, đàn nào theo đàn con ấy răm rắp. Tuỳ buổi đi săn của Vua với các tướng nhiều hay ít, Xí đem theo từ một đàn tới bốn đàn, săn được rất nhiều. Nhiều chim thú bị phát hiện. Xí lại dùng một cái chuông nhỏ mà tiến thoái, chó theo răm rắp. Bình Định Vương đến xem, nghiệm lời Xí nói hồi mới đến liền cất lên làm Đại tướng quản lý đội Thiết Đột thứ nhất.

Nguyễn Xí thường đem quân tinh nhuệ ứng phó cho các đạo quân lớn. Trận Ninh Kiều, Xí cùng Lê Triện đem quân tiếp ứng cho Phạm Văn Xảo, cản phá quân Vương Thông, Trần Hiệp, chém tướng truy đuổi vây thành tận Đông Quan. Ông luôn giữ vững quân phong, ứng phía trước, lo phía sau rất chu tất.

Bình Định Vương từ Thanh Hoá tiến ra Đông Quan, sai ông và Đinh Lễ đóng trại, vây ép phía Nam thành. Giặc xảo quyệt, đem quân phá vây, trong ngoài ứng hợp đánh vào đồn Từ Liêm. Lê Triện chết trận, giặc thừa thế định phá các đồn vây. Vua sai Đinh Lễ và ông đem quân đánh chúng. Ông và Đinh Lễ đuổi đến tận Uy Động. Giặc thấy hai ông quân ít, tung quân vây hãm. Ông và Đinh Lễ cười voi bị sa lầy, giặc bắt được.

Vương Thông đích thân tra khảo Đinh Lễ và ông. Đinh Lễ chỉ giặc rồi chịu chết. Còn ông giặc đánh rất đau, kìm kẹp tra

---

<sup>(1)</sup> Lê Thạch là con anh ruột Lê Lợi. Thuở nhỏ nhà vua được anh nuôi nấng, sau này Lê Lợi coi Lê Thạch như con.

tán, chỉ ung dung, trêu chọc, nói đùa, khiến chúng không làm gì được.

Thấy ông vui tính, đám gác ngục cũng hay trò chuyện với ông. Ông kể chuyện vui cho chúng nghe. Những đêm vắng, bọn lính gác thường đánh bạc, sát phạt lẫn nhau ngay ở trước trại giam. Ông ngó nhìn rồi thầm bày cách cho tên coi phòng giam mình. Tên này đánh đều được. Do đó, hần rất tin.

Hần muốn ăn một canh bạc lớn. Liền hỏi ông mánh khoe khác. Ông nói:

- Tôi có tài nghe tiếng xúc xắc đổ trong hộp kín. Phải cho tôi ngồi bên cạnh nghe hộ mới được.

Tên gác ngục nói:

- Không được. Nếu chúng nó biết thì tao sẽ bị chém đầu.

Nguyễn Xí bàn:

- Đánh bạc to, phải rủ bọn gác chỗ khác đến mới thịch được chúng. Ta đặt lệ người đánh phải bịt mắt. Ông cho tôi ra, kiếm cho tôi bộ quần áo lính gác ngục, lại bịt mắt, thì còn lo ai nhận ra mặt nữa.

Tên gác ngục khoái quá kêu lên:

- Hảo lơ! Hảo lơ!

Quả nhiên, hần làm theo kế ông. Đêm ấy mưa gió cũng lớn, ông ngồi sát vào tên gác ngục, gà cho hần đánh, kiếm được khá nhiều tiền... Khi được nhiều tiền, ông xui hần đánh ít đi, hần lại cứ đánh nhiều. Xui hần đánh tài, hần lại đánh sừ... Chẳng mấy chốc thua cay, hần gắt gỏng, không nghe Nguyễn Xí nữa. Hần cầm mặt vào chiếu bạc. Nguyễn Xí nhân có áo lính, liền cầm theo một ngọn giáo, như người đổi gác, trốn thoát, mờ sáng đến yết kiến Đức vua. Lê Lợi vừa sắp ăn cơm, bỏ cả ăn, chạy đến, mừng lắm, nói to lên:

- Quả là sống lại! Sống lại!

Vua lại cho cầm quân. Ông đánh trận trí lự hơn, đã đánh là thắng... Trong trận Chi Lăng, ông đem quân đón đánh bọn Thôi Tự -

Hoàng Phúc và bắt được chúng. Khi Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, phong cho ông làm Long Hồ Tướng quân Suy trung bảo chính công thần.

## 2

Nghi Dân giết Vua Lê Nhân Tông lên ngôi Hoàng đế. Phan Đồn, Phan Ban được giao cho coi việc triều chính, lấn át cả trăm quan. Nguyễn Xí vì có công lớn trải thờ mấy triều Vua, nên bọn chúng không dám đụng đến, lại ban cho ông chức Thái bảo.

Mấy vị huân thần triều trước như Lê Bí, Lê Ê, Lê Ngang, Lê Thu... mưu giết Nghi Dân và bọn gian thần, song mưu bại lộ, đều bị giết hại.

Nguyễn Xí bề ngoài tỏ ra im hơi lặng tiếng, an phận thủ thường, song bên trong, ông quyết không để cho đám loạn thần tác oai tác quái. Một bận, ông vì hành giả làm một người nông dân từ quê lên, gõ cửa nhà Đinh Liệt, một đại thần cùng ông gắn bó từ thời Lê Thái Tổ.

Đinh Liệt không nhận ra ông. Mãi khi ông trút nón, biết rằng ông có ý bàn việc kín, mới đuổi hết gia nhân ra ngoài chỉ có hai người. Nguyễn Xí ôm lấy Đinh Liệt, khóc mà rằng:

- Thái Tổ đãi chúng ta rất hậu. Lẽ nào ta lại để kẻ đã bị phế bỏ lên làm Vua và những bọn loạn thần đứng trên đầu trăm quan! Ông nghĩ thế nào.

- Tôi cũng đang nghĩ cách giết chết bọn loạn thần tặc tử!

Nguyễn Xí nói:

- Nếu có chí thì làm được. Nhưng diệt Nghi Dân rồi đưa ai lên đây!

- Hồi còn Vua Nhân Tông, Gia Vương Tư Thành chẳng là người Vua yêu trọng nhất đó sao. Nhà vua lúc còn sống khen: Nếu Vua cha truyền ngôi cho em, thì em sẽ trị vì đất nước giỏi hơn ta.

Đinh Liệt nói:

- Gia Vương học rộng, thông minh, tính cẩn trọng, chẳng phò người ấy thì phò ai.

Nhân lại được vài huân thần nữa nguyện làm theo cùng chí hướng, Nguyễn Xí mừng lắm.

Ngày mồng 6 tháng 6, năm Canh Thìn, sau khi lui châu, các đại thần, cùng ngồi lại ở Nghị Sự Đường. Nguyễn Xí nói với Đinh Liệt, Lê Niệm và Lê Nhân Thuận:

- Những lão tướng từ thời Thái Tổ còn cả đây, hôm nay sao không đi hỏi tội bọn Phan Ban, Phan Đôn!

Rồi rút gươm khỏi vỏ, dẫn các đại thần xông thẳng vào Nội Mật Viện, chém chết hai kẻ cận thần của Nghi Dân. Nhân đó ông đứng lên thêm viện nói lớn:

- Hỡi anh em cầm binh. Thái Tổ dựng nghiệp mười năm ăn gió nằm sương mới giành lại được giang sơn, gấm vóc, lẽ nào để cho bọn quấy phá lộng hành, làm ô ố vương triều. Anh em hãy theo ta, trừ tà, diệt ác!

Tiếng quân sĩ dạ ran. Nguyễn Xí bèn nắm lấy cầm binh cùng bọn Đinh Liệt, Lê Lăng, Lê Nhân Thuận, Lê Niệm đóng chặt cửa thành, truy lùng bọn nghịch thần bắt và giết bỏ hơn một trăm tên, vào nội cung, bắt Nghi Dân thoái vị, rồi sai người đón Gia Vương Lê Tư Thành lên ngôi Hoàng đế, tức là Lê Thánh Tông. Loạn Nghi Dân từ đó được dẹp yên.

### 3

Con trai Nguyễn Xí là Nguyễn Sư Hồi từng theo cha phò Vua Thái Tổ. Trong việc dẹp bọn loạn thần Phan Đôn, Phan Ban cũng có công. Hồi sắc sảo, ham hố, nên dễ bị nhiều kẻ ghét. Một bạn, có người dưng số đàn hặc tội Nguyễn Sư Hồi ăn đút để lán đất của người khác. Vua gọi Nguyễn Xí đến bảo:

- Nguyễn Sư Hồi làm Thái úy, còn người đứng đầu trăm quan, việc liêm khiết phải giữ bằng được mới có thể làm gương cho kẻ khác. Nay có người tố cáo, tên tuổi, ngày giờ rõ ràng, lại có thư tay làm bằng, người nghĩ thế nào đây?

Nguyễn Xí nói:

- Nếu nhận hối lộ thì chỉ có con thần là Sư Hồi chứ thần chưa hề nhìn thấy mặt bạc. Để thần về sẽ hỏi nó!

Liên tức tốc đến nhà Sư Hồi, quát mắng âm âm. Sư Hồi dẫu là đại thần thấy cha giận chỉ biết cúi lạy xin lỗi.

Xí nói:

- Mày làm xấu mặt cha bác mày. Mày công lênh bao nhiêu mà đã hư đồn thế!

Liên bắt trút mũ áo, vào tạ tội trước Vua Lê Thánh Tông. Vua thương tình ban lời chỉ dụ:

*"Thấy của mà ham là chuyện thường thấy. Sư Hồi đã làm đến chức Thái úy, nhận ba mươi lượng bạc của kẻ dút lót, bạc tuy ít, nhưng cũng đáng quả trách. Không những thế chúng lại lo lót cha Sư Hồi là Nguyễn Xí năm mươi lượng, cũng tự nhận cả, không cho cha biết. Chức Thái úy quan trọng mà không biết giữ mình. Nhưng xét công lao của Sư Hồi, lại được cha nghiêm dạy chịu nghe lời đến tạ tội trước cửa khuyết! Trẫm thương tình tha tội, nhưng phải đem số bạc dút lót nộp vào công khố! Người có lỗi không lấy việc sửa lỗi làm ngại, thì sau tất sẽ không có tai vạ!*

*Khâm thủ!"*.

Nguyễn Xí tạ ơn lui ra. Nhưng khi về nhà, còn bắt Sư Hồi dâng roi lên bàn thờ tổ tiên, nằm xuống tạ tội. Ông cầm roi đánh đúng ba chiếc nhẹ tay vì thương là đại thần, rồi mới cho đứng dậy...

Đánh con xong, ông ôm mặt khóc. Từ đấy Sư Hồi không dám làm những điều khuất tất nữa.

## DẠO CHƠI NÚI DỤC THỤY

Thánh Tông nhà Lê bái yết Lam Sơn về. Thuyền qua sông Mã, ra biển, theo cửa Thần Phù lại về đất đồng bằng. Dứt đi mấy tuần, giao việc nước cho đám cận thần, được làm bạn với thiên nhiên hào phóng của đất nước, Vua thanh thản, vui vẻ hẳn lên. Người ngồi trong lâu thuyền, chăm chú ngắm núi sông, cảnh dân chúng cần cù làm ăn dọc hai bên bờ. Cói xanh, ngô lúa phủ xanh mặt đất. Vua Lê Nhân Tông lên ngôi được tám năm, Nghi Dân cướp ngôi, gây nhiễu loạn, dân tình đã nếm mùi điên đảo. Phan Ban, Phan Đồn, Trần Lăng được tiếm vương chiều chuộng, khuyến đảo triều đình, Vua được quân thần phò tá, trị kẻ nghịch, vững ngôi tôn, nhưng hàn gấn mãi vẫn chưa ổn định.

Kỳ này, vào thăm đất tổ, nơi cha ông dựng nghiệp lớn, Vua chỉ đem theo một đoàn thuyền không quá mười chiếc. Thái phó Kỳ, Quận công Lê Niệm và Ngự sử Nguyễn Cư Đạo được gọi cùng đi với Vua.

Thuyền lướt qua cồn cát lớn chắn giữa cửa Thần Phù. Sóng nổi như reo mừng vị vua anh minh. Vua chợt nhớ đến câu nói nổi tiếng của Nguyễn Trãi: Dân là sóng, có thể đẩy thuyền và cũng có thể lật thuyền.

Nhưng vùng sóng lớn đã qua, núi sông lại hiện ra diễm lệ. Bên phải chẳng là hang Từ Thức, trước mặt chẳng là vùng chài lưới, canh, tiêu tấp nập của vùng đất mới kia ư? Lòng rộn ràng, Vua cho lính hầu mời Nguyễn Cư Đạo đến hầu trà. Không giống cờ thiên tử, không sức bổ cho các hạt quan tấi bạt lo liệu lộ trình, Vua đi như

một vị vương giả hành hương, buông rèm, khám phá những điều thú vị do mình thấu nhận được trong chuyến đi.

Trời xuân ấm áp, sương sớm dùng dằng chưa tan. Những dải làng trù phú ẩn hiện. Chiếu ngự đã trải trên sạp thuyền lâu vừa ung dung chờ bạn.

Nguyễn Cư Đạo từ thuyền sau, cẩn trọng bước lên thuyền vua. So với hàng tể thân, Vua quý Đạo nhất. Từ lúc là Hoàng tử đang thời trai trẻ, học tập ở Kinh Diên, vương đã mến Nguyễn Cư Đạo, kết bạn với ông. Vương thường mời ông đến, đàm đạo văn chương, thế sự đến khuya chưa ngủ. Vương coi Nguyễn là bạn học thức, bạn tri kỷ, không phân biệt một vương hầu với một nho sĩ. Những năm ấy, Vua trị vì là Nhân Tông, anh của vương, cũng ham đọc sách. Vua biết Tư Thành là người yêu văn, chuộng nghĩa, quý lắm, cho làm nhà ở kê bên nội điện. Tan châu, Vua thường cho thị vệ vờ Gia Vương sang, thăm hỏi chuyện học hành, cao hứng lên, Vua còn tranh luận với vương về nghĩa sách, hai anh em rất tâm đầu ý hợp. Thuở còn trẻ, học tập ở Kinh Diên, Gia Vương Tư Thành (tức Lê Thánh Tông sau này) nổi tiếng là thông minh, mẫn tiệp. Thượng thư bộ Hình Trần Phong, thụ mệnh giảng tập cho vương hầu, đã chú ý đến vương, cho là người khác thường, tự trọng, mưu mẹo kín đáo, muốn dùng vương để mưu toan phú quý sau này. Song Tư Thành cho Phong là người xảo trá, hãnh tiến, thích gây bè kéo cánh, nên đôi khi phải tiếp xúc với Phong, Gia Vương hay giấu mình, tài không phô hết, giữ kín về anh tuấn, nói năng tầm thường, tế nhị. Vương chỉ vui đầu vào tìm hiểu những công việc mai sau sẽ có ích cho cơ nghiệp của nhà Lê, bất kỳ mình chỉ là một tước vương, nương nhờ dòng dõi, hay được trao cho một chức mọn gì đó!

Wương càng ít sang yết kiến Nhân Tông, chỉ vờ mới đến. Một tháng đôi lần đến thăm sức khỏe của Tuyên Từ Thái hậu<sup>(1)</sup>.

---

<sup>(1)</sup> Mẹ Nhân Tông

Thái hậu quý yêu Gia Vương ra mặt, không gìn giữ, có của ngon vật lạ đều gọi ban cho. Vương lấy tình con trai với mẹ già, ăn ở rất có hiếu. Thái hậu càng thương. Vậy mà, vương biết phận, được Thái hậu và Nhân Tông ban cho thứ gì đều lạy nhận, không hề xin thêm điều gì khác. Điều vương thích thú nhất là văn chương. Vương dày công xem kỹ các thi nhân của Trung Hoa và của nước Việt. Vương yêu thơ Nôm, rất ít làm thơ chữ Hán. Đó là điều mà các vị sính văn chương Đường - Tống không cho là giỏi. Vương chỉ biết vậy, lặng lẽ dùi mài, không bỏ ý cũ. Làm được bài thơ, bài văn nào hay, Vương hay mời Nguyễn Cư Đạo tới, đọc cho nghe rồi chờ bạn phẩm bình, cùng nhau chữa cho văn lý hay hơn, từ luyện hơn, thục hơn.

Quan Ngự sử đã đến trước mặt Thánh Tông. Ông toan sụp lạy. Vua đã lên tiếng cho miễn lễ, giọng ân cần:

- Mời quan Ngự sử ngồi. Đây là cuộc du ngoạn chứ đâu phải ở trong nội điện.

Nguyễn Cư Đạo xá một vái, lễ độ ngồi vào góc chiếu. Vua tự chuyên trà trao chén cho Nguyễn. Giọng Người sang sảng:

- Chuyển đi này ta đưa ông theo, định có thì giờ hàn huyên lâu lâu đôi chút. Không dè, làm vua, dù đến chỗ hẻo lánh, công việc vẫn đã chờ sẵn mình. Lợi lộc làm cho lòng người mờ tối, liêu lĩnh, không biết sợ là gì. Ông xem đây, Lam Kinh, lạng cũ nơi tổ tiên ta dựng nghiệp, không thể hoà đồng với một làng quê bình thường được. Vậy mà bọn thế gia ở đó, mượn cố xa vua, hào phiệt ở gần, làm trái lễ phép, coi thường pháp luật, chiếm đất lạng vua làm đất mình, coi khinh phần ruộng lộc điền của các thân vương, công chúa, bức bách họ đến nỗi mất cả phần đất sinh nhai, để vậy coi sao được!

Đợi cho Vua nói hết, và còn lưu luyến với chén trà đầy hương vị của Vua ban, uống vào đúng buổi sớm mai lành lạnh, nhấp cho hết, đặt chén vào đĩa men sứ, Nguyễn mới chậm rãi thưa:



- Thần nghĩ, bọn thế gia kia tội thật đáng chết. Vậy mà Hoàng thượng biết nén giận, cho vời đến, thẳng thần nhắc bảo, rồi sau lại ban quà, giảng giải cho họ hiểu phép nước, lệ vua. Ân uy ấy làm cho họ phải nể hãi, kính sợ.

Chợt Vua hỏi Nguyễn:

- Ông thấy gân đây ta có lỗi lầm gì phải sửa không?

Nguyễn tươi cười, nhìn một lượt mấy người hầu, rồi nói tránh:

- Tâu Bệ hạ, ban mai cửa sông đẹp đến nhường kia chẳng lẽ ta lại bỏ phí mất ư? Gió này, thuyền đi lướt sóng, cảnh sắc bên bờ qua nhanh lắm đó!

Vua biết ý, phải tay cho những nội thần lui hết. Với tay lấy một cuốn trên chồng sách để bên phải chiếu Vua ngồi, Thánh Tông thân mật bảo:

- Ta định sửa đổi đôi điều về việc học. Ông là người uyên thâm, hiểu đạo, ta tất phải hỏi thêm. Mong ông đừng giữ lễ vua tôi, nghĩ thế nào nói cho hết.

Chuyển chén trà mới cho Nguyễn, Vua cười:

- Mà ông biết đấy, khi ta còn là Gia Vương, ông góp ý cho ta về văn từ, thể cách, câu cú, văn phong, điều phải ta nghe ngay, chừa liền, điều ta cho là chưa chuẩn xác, chưa tâm đắc hết niềm riêng của ta, ta có chịu sửa đâu!

Nguyễn Cư Đạo nhìn Vua lòng đầy mến trọng. Ông vốn kiệm lời. Hương trà ngự nhuận trong miệng, ngọt chát. Gió mát nhẹ rót vào khoang thuyền ngự làm cho chén trà tăng thêm nhiều dư vị. Mắt quan Ngự sử chớp chớp. Ông không muốn cất tiếng, sợ loãng mất chút tâm tình thân thiết đầy vui buồn, lo lắng trước những việc đối phó với thế sự của Vua.

Vua coi Nguyễn như người bạn thân thiết, ban cho những thịnh tình đặc biệt, nhưng vốn là người am hiểu, Vua càng yêu, ông càng phải giữ lễ.

Thấy Vua gây hao rất nhiều so với thuở còn là tước vương, Nguyễn động lòng thật sự. Làm vua quả là vất vả. Giữ cho được là một ông vua sáng suốt thì đầu sơn hào, hải vị bù đắp, cũng không dễ cho Vua được thanh thản, hồng hào. Nguyễn thầm tiếc cho con người hào hoa, phong nhã đường ấy, con người đã viết được *Câu chuyện tình duyên ở Hoa Quốc*; một ánh trăng, một làn sương cũng gây được cảm nhận xôn xao, độc đáo, mà giờ suốt ngày ngập đầu trong việc nước, bỏ hết cả những văn chương tâm đắc. Không trả lời ngay vào lời Vua hỏi, Nguyễn tùm tùm thưa:

- Tâu Đức vua, từ ngày lên ngôi tôn đến giờ, hần người chẳng được hoàn toàn thanh thoi như thuở nào còn ở phủ Gia Vương, để hưởng trà buổi sớm, uống rượu bình thơ trong đêm trăng mùa thu nữa!

Thánh Tông thở dài:

- Cái thiệt của kẻ làm vua chính là chỗ ấy! Công việc triền miên. Đến thân thể của mình thật rành rành, mà vẫn không còn riêng của mình nữa. Ăn uống cũng phải giữ gìn. Ta cứ nhớ cái buổi ăn gỏi cá chép ở Hồ Tây, rồi luận về thơ Đường và thơ Quốc âm đạo nọ thế! Bây giờ thì lo ban thưởng cho quần thần, nghe bên hình sự đọc những trọng tội để mình xét, đừng chém oan một kẻ chưa đến tội chết. Trời mưa nặng hạt đã lo lụt, đắp đê; trời nắng to mấy buổi đã lo trai giới cầu đảo cho mùa màng thuận hoà... Chao ôi, ta chỉ thèm làm một nhà chức tước, mượn câu thơ để giải bày lòng yêu sông núi tả vẽ cảnh đầm ấm của nơi đất lành chim đậu, nói lời tốt để mong con cháu mình biết sống sao cho ra người một nước văn hiến. Việc "trú thư lập ngôn" cũng là việc lớn của muôn đời. Việc ấy hợp với thể chất của ta hơn.

Nguyễn nhận thấy câu nói chí tình của Thánh Tông rất thích hợp trong lúc thuyền trôi trong sương, Nhà vua "trốn việc nước" được vài khoảnh khắc này. Lời thốt ra chí thành, chân thực. Vua chưa hề thay đổi phẩm chất xưa, Nguyễn ôn tồn thưa:

- Vận số ở mỗi người mỗi khác. Người yêu văn chương, nhưng ngôi vua lúc này, phi Đức vua không ai gánh vác nổi. Cũng phải nói đến điều này: nếu vì cơ nghiệp lớn của đất nước, tổ tiên, mà lao tâm khổ tứ, làm cho vẻ vang hiển đạt thêm những sự nghiệp lớn, dựng lên từ hồi Thái Tổ, Thái Tông thì sự nghiệp, triều đại của Đức vua, dân chúng muôn đời sẽ truyền tụng. Làm được như thế chẳng là một niềm vui lớn sao!

Vua gật đầu tán thưởng và hỏi sang chuyện khác:

- Ngày quan Ngự sử, nếu ta được suốt đời làm kẻ viết sách, ông thử đoán kết cục tài năng của ta như thế nào?

- Tài thơ của Người có thể sánh với Trương Hán Siêu và Nguyễn Mộng Tuân được.

- Người quá khen ta đấy! Còn nếu ta làm vua thì sao?

- Công việc trong tám năm Đức vua lấy niên hiệu Quang Thuận, quả đã là "quang" và "thuận", nhưng chỉ là khúc dạo đầu của một vương nghiệp.

Vua cười lớn, rất tâm đắc với câu trả lời thâm trầm và sâu sắc. Vua bảo Nguyễn:

- Quan Ngự sử vẫn có lối nói ít, buộc người khác phải suy ngẫm lâu.

Vua bây giờ mới nhớ ra tay mình đang cầm một quyển sách, liền hỏi:

- Ta định đặt thêm chức bác sĩ chuyên dạy Ngũ Kinh ở Quốc Tử Giám, có nên chăng?

- Tâu rất nên làm. Lâu nay, bọn học trò ở Giám chỉ dùi mài vào Kinh Thi và Kinh Thư. Kinh Thi là cái vẻ hiển lên của một thời thịnh, nên bàn về vương đạo, các khoa thi hay lấy đề ở đó. Kinh Thư chẳng qua giúp họ thạo về các phép tác văn, thư trong triều, cũng cần học để khi bổ dụng làm quan còn biết làm biểu, làm tấu... Kinh Dịch bàn về lý khí, nghĩa lý uyên bác. Kinh Lễ là cái gốc của

văn minh. Xuân Thu là lịch sử của một nước để cho các nước khác biết mà châm chước, điều tốt phải giữ, cái dở biết mà tránh. Phải học toàn diện cả năm sách ấy, hiểu cho thấu lý, thấy quan hệ ràng buộc rất uyển chuyển mà chặt chẽ của kiến thức, như thế mới tạm gọi là thức giả được. Vả lại, Trình Chu bàn theo cách Tống Nho. Nước mình mới hưng nghiệp từ Đinh, Lê, củng cố từ Lý từ Trần. Ngoại xâm luôn dòm ngó, dân chúng đánh giặc suốt đời này sang đời khác. Việc giữ vững non sông làm cho dân giàu, nước mạnh, còn cần nhiều đến người có thực học, chứ có đâu tạo ra một đám người suốt đời chỉ vui đầu vào mấy câu thơ "Quan Thu".

Thánh Tông lắng nghe, nói rõ thêm ý mình:

- Ta sẽ chọn người xem xét các văn bản, rồi mới cho in, để các trường học từ kinh đô cho đến ngõ quê hẻo lánh cũng thống nhất một loại sách ta in, ta soạn. Ngoài ra cần phải khuyến khích để học trò Quốc Tử Giám ghi lại những tác phẩm của các bậc danh nhân thuở trước ở nước ta, chép huân nghiệp của Lý Thường Kiệt, của Lý Thánh Tông, của Trần Hưng Đạo. Các nhà chép sử phải chép lại sáng nghiệp sử của đức Thái Tổ ta, để tham bác mà rộng kiến văn. Nay, quan Ngự sử! Ta rất mong được nghe những lời gan ruột của ông đây. Ông hãy thẳng thắn nghị luận về những việc làm từ lúc ta lên ngôi đến giờ. Việc được nêu lên là đủ, việc chưa được nêu bàn kỹ để ta nhớ, ta sẵn sàng nghe lời nói thẳng, vì ta biết bụng ông. Dù có nghĩa vua tôi, trước sau ông vẫn được ta coi là người bạn thiết.

Thánh Tông nhón miếng trâu ngự trao cho Nguyễn Cư Đạo, Nguyễn giờ hai tay đón lấy, chưa ăn vội, chậm rãi tâu:

- Đức vua tự đưa con đến nhà học Kinh Diên, soát lại các thầy học xem đức tài có đáng được giao phó không, bỏ thầy dốt, thân với thầy giỏi đến dạy Thái tử. Lại làm thơ răn con chớ thấy Thái hậu nuông mà nhác học, đó là một việc trăm họ đều ca tụng. Hoàng Thanh, dầu chức vị thấp mà trách nhiệm cao, dâng lên Vua bầy

điều cấp thiết, Vua ân cần đón nhận, chong đèn mà xem xét, rồi ban chức cho xứng với tài. Không may, Thanh mất sớm. Vua còn ngậm ngùi thương tiếc. Nghĩa vua tôi như thế đều động lòng trăm quan, gian thân tự thấy phải im ắng không dám ngo ngoe. Gân đây, Đức vua lại chú ý đến nông trang. Đến mùa vụ, nhà nước chỉ giữ những quân nhân cần thiết, còn cho về giúp việc đồng áng, hết việc lại trở về cày ruộng. Năm đại hạn, Vua tự bớt thức ăn, trần trọc suốt đêm, trai giới cầu mưa, lo đến đói no của thiên hạ hơn bữa cơm ngự thiện. Tướng sĩ ở ngoài biên ải, dẫu xa nhà, biết lượng Vua như thế, đều bảo nhau đốc sức vì việc nước. Vua chăm lo võ bị, nào tập trận ở Giao Thủy, nào luyện quân thủy ở Hạc Trì; học vấn uyên thâm, kiến thức dồi dào, xét việc cẩn trọng, phương lược đã sẵn trong tay. Một tác đất của Thái Tổ giành được từ tay nhà Minh, quyết giữ vẹn. Nước lớn phương Bắc đóng binh ở Bằng Tường, thăm dò thả quân, cướp bóc ở mạn bể, Vua đều bàn bạc với tể thần, cử Đại tướng đến tận nơi xem việc. Kẻ xấu không sàm báng nổi, công việc xử lý kịp thời. Trong triều, dẫu Thượng thư, vẫn thường được Vua ban dụ. Một lời bàn nhỏ có ích cho việc nước cũng được thưởng công. Hộ bộ Trần Phong gian ngoan, thảng lời quở trách. Đại tướng Khuất Đà có lỗi, phạt mà vẫn thương. Xuất thân cử nghiệp có tiếng như Lương Như Hộc mà tịt về quốc văn, vẫn nhắc nhở. Nguyễn Mậu có công lớn, khen xong còn nhắc mãi với người giao việc sau này... Những việc làm ấy há có thua gì Nghiêu, Thuấn!

Vua cảm động, bồi hồi, khiêm nhường hỏi:

- Ta biết ông chí tình mới hỏi. Ông có khen ta quá chăng? Chẳng lẽ trong tám năm Quang Thuận vừa rồi, toàn việc tốt thôi ư?

Nguyễn khoan thai đáp:

- Tâu, cũng có việc đáng phải bàn thêm!

- Việc gì vậy?

- Nguyễn Phục là gia thần tin cậy của Vua, được giao coi vệ Kim Ngô, quả đã nỗ lực. Khi làm Thừa tuyên Thanh Hoá, Phục biết

vâng lời hay. Vậy mà khi Phục mắc lỗi, Vua để ý lâu, lúc giận lại mắng quá lời, day nghiêng là hạng gian thân, loạn thần, tặc thân... Dẫu càng thân càng nghiêm, song cách cư xử ấy, Vua coi Phục là tội tở trong nhà chứ không phải là bậc đại thần nữa.

Vua nín lặng, Nguyễn không vì thế mà im, nói tiếp:

- Việc hệ trọng hơn là Đức vua đòi xem quốc sử. Lê Nghĩa đã lấy thân không sợ chết để can, vua vẫn cố đòi kỹ được xem chép việc những năm mình trị vì. Các bậc vua hiền xưa không bao giờ đòi sử quan xem chép về công tích của mình, là giữ để cho muôn dân và trăm quan vô tư bình phẩm việc tốt, việc xấu. Đáng lý Vua phải biết dừng, khen sử quan, dẫu này Vua còn sai nội quan hai ba lần đến đòi xem bằng được. Thần trộm nghĩ, xử sự thế chỉ tạo cơ hội cho kẻ xấu gièm pha, mà người tốt cũng dễ bề nghi hoặc.

Vua thần thờ một lúc, rồi phân trần:

- Ta được mật báo quan chép sử chép việc những năm đầu ta lên ngôi chưa đúng như bụng ta lúc đó. Ta không muốn nhận ngôi vua ngay, không phải là không lo đến xã tắc, mà lòng còn đau vì trong huyết thống xảy ra cảnh nôi da nấu thịt. Và lại, thực lòng ta muốn có dịp soát lại mọi việc từ buổi làm Vua. Chính ta đã nói với Lê Nghĩa: nên coi ta mật xem quốc sử là lấy chuyện chép trong sử sách để tự răn mình, ta có dám thanh minh hoặc xin sửa chữa một câu chữ nào đâu.

Nguyễn gằn giữ nguyên sắc mặt, thưa:

- Dù ý Vua minh bạch là thế, nhưng việc làm ngược với xưa nay ấy, là người tâm phúc, thần cũng phải bận tâm.

Vua khẽ thở dài, Nguyễn lặng lẽ ăn trầu. Biết Vua buồn, Nguyễn hướng về chuyện văn chương:

- Tối qua, thần thức đến tận canh ba, đọc truyện *Con chuột thành tinh* của Đức vua, lòng hào hứng vô cùng, thần thái như được mần tiếp thêm. Đó là một câu chuyện truyền kỳ tuyệt tác. Thần đọc

xong mà giật mình. Càng ngắm càng hay. Chuyện yêu tình sao như chuyện giữa đời. Văn chương đã tạo được sức chuyển động thì thức tỉnh lòng người bằng vạn những lời khuôn sáo có sẵn. Cốt truyện trăm bông, bút lực thần diệu vô cùng.

Vua vui hẳn lên. Người cao hứng rút luôn mấy tờ giấy hoa, có viết mấy bài thơ vừa làm, nhân cảm nghĩ trên đường về Lam Kinh. Vua nói:

- Ông coi giùm ta. Ta định lập hội Tao đàn, chọn các tay cự phách cho đủ Nhị thập bát tú. Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận gợi ý cho ta, buổi khai trương lên lấy chủ đề "Vua sáng, tôi hay" để các hội viên cùng sáng tạo. Nhưng ta thích thiên nhiên hơn. Đây là mấy bài thơ nói về trời, đất... mà, trời đất có thuận hòa, tức là Vua sáng tôi hay đấy!

Nguyễn cầm lấy đọc ngay. Ông không bình luận, đọc cho thấm đượm phong vị cảnh sắc của người làm thơ, rồi mới thủng thảng điểm xuyết:

- Cảnh trong thơ là cảnh thực của nước ta chứ không phải trăng, hoa, tuyết, gió của Đường thi. Đó là cái mới. Nhưng chính bài ca vườn quỳnh có nhiều câu thực hay, khí tượng đế vương bộc lộ trong câu: *Đường đường đoan sĩ, trăm anh mỹ. Toả toả ngoan phu, pháp lệnh thăng*. Vịnh nhà văn mà viết: *Hùng từ lan lan lãng Tiêu Hán, Diệu cú dương dương khắp quỹ thần*<sup>(1)</sup>, hẳn là ý Đức vua muốn danh nhân nước mình ngày càng nhiều tài năng nảy nở!

Vua buột miệng khen:

- Ông thẩm thơ sành lắm. Hai bài thơ trên quả từ mấy câu ấy vọt ra trước, sau mới có ý cấu tạo lấy toàn bài.

Vua tôi say học quên cả thời gian. Quan hộ giá tâu xin bày món ăn nhẹ trên đường đi để Vua và quan Ngự sử dùng.

---

<sup>(1)</sup> *Mấy câu thơ tạm dịch như sau: "Rừng nho trung hậu, áo xiêm đẹp. Tổ bợm gian ngoan, phép nước răn". Câu sau nghĩa là: "Văn hùng rực rỡ, mờ Ngán Hán". "Câu lạ ný nghi động quỹ thần".*

Thuyền đã vào địa phận Yên Ninh, ghé sát chân núi Dục Thúy. Những hòn núi đá vôi xinh xắn nổi lên trên thảm xanh của lúa, của làng, của cây cối. Trước mặt là một bầu nước mênh mông. Chim nước đập diu, lênh đênh trên trời, trên sóng. Dùng yến sào xong, Vua mời quan Ngự sử ra trước mũi thuyền. Cảnh đẹp lộng lẫy hiện ra, Vua nói:

- Sông nước huyền diệu thật. Chuyến đi này khác chi Phạm Lãi dạo Năm Hồ. Ta không trèo lên núi mà ngoạn cảnh thì biết dịp nào mới trở lại được!

Bên thuyền cho thuyền lâu cắm sào neo lại. Vua xuống thuyền nhỏ, cùng mấy người tin cẩn hộ giá, áp mạn ghé tận chân núi. Vua hăm hở bám đá trèo lên quán Nghinh Phong. Rẽ cỏ, vịn cây, chẳng mấy chốc lên đỉnh núi. Vua dạo một lượt thăm chùa, sai đốt đuốc thăm động. Người dừng lâu bên những thạch nhũ kỳ ảo. Có hòn như chim ung cất cánh, có hòn như hổ thu vuốt rình mồi. Vòm có hình bảo tháp của đức Phật Mẫu Ni, hòn như một đụn vàng, cát xua quện vào lóng lánh. Một dãy thạch nhũ khác, gõ lên kêu vang, tiếng trầm hoà tiếng thanh, ngân nga không dứt. Thiên sư dẫn đường thấy Vua mê mãi, say sưa bên đá, càng giới thiệu cặn kẽ. Vua tới lên chùa dâng lễ, rồi ra ngoài nhà bia, đọc thơ của Trương Hán Siêu. Vua ban cơm chay cho các sư trụ trì rồi cùng Nguyễn dùng xôi oản, hoa quả nhà chùa dâng lên. Lòng thanh thoát, Vua vui chưa từng thấy, Nguyễn thần thái cũng tươi tỉnh, chăm chú ngắm Vua. Vua gặng hỏi:

- Ông thấy ta vịn hoạ, tựa đá, cười ta chăng?

Nguyễn thưa:

- Thần cho cảnh núi này, cuộc chơi này, quả là hợp với Thiên Nam động chủ hơn chốn lầu son gác tía.

Vua cười lớn, tiếng cười dội vào mây gió. Chọn bãi cỏ xanh, trải chiếu ngự, Vua thông dong ngồi uống trà. Bút mực đã dâng, thi tứ tràn đầy, Vua dầm bút vào nghiên, viết luôn một mạch. Bài thơ đã hiện trên sườn đá núi:



## Đề ở núi Dục Thuý<sup>(1)</sup>

*Chon von Dục Thuý, nước vờn quanh,  
Ai tạc mà cao, đứng một mình.  
Chùa cũ tìm vào, thân rẽ gió,  
Bia xưa dọc giữa nắng chiều hanh.  
Đất trời gom lại đây hang tối,  
Mây nước duênh thêm, đỉnh ngọn xanh.  
Dáng núi từ xưa, nay vẫn thế,  
Anh hùng theo giấc mộng trôi nhanh.*

Viết xong, Vua cảm khái ngâm, đắm mình trong cung cách thi nhân. Nguyễn mời Vua nghỉ trưa, còn ông theo thiền sư vào nhà trai, đàm đạo về thiền. Vua mắc võng dưới bóng cây, thiu thiu trước gió, lòng vẫn còn đang say cảnh.

Trong cơn phiêu diêu, Vua thấy một người nho nhã, râu dài trắng như cước, tiên phong, đạo cốt, chống gậy trúc càng cua, ngang lưng lủng lẳng bầu rượu, đội mũ vuông, mặc áo sa, đi giày cỏ, rẽ cây xăm xăm bước tới. Vua nhóm dậy, hơi thảng thốt. Cụ già vái một vái, toạ sụp lạy. Vua vội bước ra khỏi võng, ân cần nâng dậy, dắt vào chiếu mời ngồi, cụ già hân hoan cất tiếng nói trước:

- Tôi là người huyện này. Buổi sáng thấy Vua rẽ cỏ, trèo non, lên thăm danh thắng của quê tôi, lòng rất cảm kích, tự nhủ phải đến lạy chào. Lên núi lại gặp thơ Vua đề vách đá chưa ráo mực. Ngón từ làm rạn về núi sông, đúng là khẩu khí đế vương, mà hồn thơ vẫn không giảm phần đậm thắm.

Vua cười:

- Cụ quá khen. Đó là lời vụng, nhân lúc nhàn hứng. Cũng là một bài thơ như của trăm nghìn người khác tức cảnh ở đây thôi!

---

<sup>(1)</sup> Bài Dục Thuý sơn viết bằng chữ Hán, bản dịch của người viết truyện.

Vua mời cụ dùng trà, định hỏi tên họ, thì cụ già đã trầm tĩnh thưa:

- Xin Đức vua cho nghe cái sự nghiệp anh hùng chẳng qua chỉ là một giấc mộng.

Vua ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

- Thưa cụ, đó là ta diễn lại ý quan Tham tri chính sự Trương Hán Siêu xưa từng để lại thơ ở núi này. Lúc còn làm môn khách của Hưng Đạo đại vương, trong bài **Bạch Đằng giang phú** nổi tiếng, chẳng có những câu này ư: *"Nước trời lộn sắc, phong cảnh vùi thu. Ngàn lau quanh quĩ, bốn lách đưu liu, sóng chìm giáo gãy, xương phơi đầy gò... Từ thuở có trời có đất, vẫn có giang san. Trời đặt ra nơi hiểm trở, người tính lấy chuyện tồn an. Kìa trận Bạch Đằng này đại thắng, bởi chúng đại vương coi thế giặc nhàn"<sup>(1)</sup>. Xem thế, chẳng là thơ luận anh hùng đó chăng? Nhớ đến danh sĩ họ Trương, nhàn thế mà có ý thơ ông hỏi đó!*

Cụ già kính cẩn đáp:

- Ông Trương là người quê đây, được Đức vua chú ý đến, quả là điểm phúc! Nhưng thơ của Người cốt cách quả là bao quát cả giang san.

Thánh Tông xưa tay:

- Thơ vua phải dành cho nhiều người đọc qua đọc lại, sàng lọc bình phẩm, mới thật đích đáng. Thơ Vua thường đâu được bằng thơ danh sĩ. Thơ quan Tham tri để ở núi này là thơ thiên. Còn thơ ta là thơ đời. Đạo và đời có những tư lự khác nhau. Và lại, thơ còn tùy thời cuộc, nói được thấu tình, đạt lý là hay.

Cụ già thưa:

- Xin Người cho biết thêm ý kiến về bài **Linh tế tháp ký** của quan Tham tri họ Trương.

---

<sup>(1)</sup> Nguyên văn bài "Bạch Đằng giang phú" và "Linh tế tháp ký" của Trương Hán Siêu làm bằng chữ Hán. Những câu trích ở đây theo bản dịch của Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỷ X đến thế kỷ XII.

Thánh Tông bùi ngùi:

- Trong bài *Linh tế tháp ký*, ông Trương viết: *Đức Thích già lấy tam không để chứng đạo chân tu, khi tịch rồi, người ta dùng phụng đạo Phật, mê hoặc chúng sinh. Năm phần đất thiên hạ, chùa chiền chiếm mất một nửa. Bỏ luân thường, tốn tiền hao của, người khờ dại tin theo bọn sư sãi đông dài. Sau chán thời thế, chính ông Trương lại khoác áo cà sa, làm bài thơ thiên khắc vào đá núi Dục Thúy, thế chẳng là tình cảm con người tuý theo thời thế hay sao?*

Cụ già vái lạy Đức vua, mừng rỡ tâu:

- Đức vua bận rộn là thế mà vẫn đọc kỹ xưa nay, mắt trâu tóm cả tám cõi trời đất, thật là thần lực. Xin được nghe thêm về đạo Thiên!

Vua rụt rè nói:

- Tôi đọc thiên không được nhiều. Lý-Trần mở mang văn trị vũ công, nhưng chuồng thờ phật, chùa chiền chỗ nào cũng có. Riêng Long Thành thời Lý chùa có một nghìn năm trăm ngôi. Từ Thái Tổ nhà Lê ta dụng nghiệp, quốc học đã thiên hẳn về nho giáo, trọng thực dụng hơn. Đạo thiên nghĩa lý sâu xa, chủ trương bác ái mà không hành động, mở rộng nhân từ, diệt trừ nghiệp chướng. Sư sãi ngày nay đâu còn Huyền Quang, Chân Lưu, phân lớn là bọn nương cửa Phật, trốn việc đời. Ta nghĩ chúng sinh chỉ thoát khổ khi đất nước giàu có, ai cũng có cơm ăn áo mặc. Từ tâm từ đó mới phát sinh, của bố thí mới nuôi được người thất cơ lỡ vận.

Đang trò chuyện tâm đắc thì chuông chùa đã đổ ngân nga. Cụ già đứng dậy cáo từ:

- Đội ơn tri ngộ, Đức vua đã cho bệ kiến! Nhà tôi ở bên kia sông, xin phép được trở về kéo tối.

Vua chợt tỉnh, hoá ra mình vừa nằm mộng. Nguyễn Cư Đạo đứng hầu bên cạnh tự bao giờ, vội thưa:

- Thần đến từ lâu, thấy Đức vua ngủ rất ngon, thần thái hơn hờ, thần không dám kinh động!

Mặt trời chiếu hồng cả ngọn núi. Dưới mặt hồ, khói sóng đã dần loang. Vua giục mắt hỏi viên gia thân:

- Ta ngủ từ bao giờ?

- Tâu, Người ngủ từ đầu giờ Ngọ đến cuối giờ Thân.

Vua cười:

- Thật là một ngày tốt đẹp. Ta ngủ, lại gặp khách văn chương đấy.

Bèn thuật lại người gặp trong mộng. Nguyễn Cư Đạo cười thưa:

- Thần đã tâu, cảnh sắc này thật hợp với Thiên Nam động chú!

Vua nói:

- Tính tâm, nhân du, là ý nguyện của người công thành danh toại. Sứ mạng còn nặng nề, ta đâu dám học đòi người trước.

Vua vẫn vương vấn hình cảnh cụ già trong mộng, liền hỏi:

- Trương Hán Siêu quê như ở vùng này đây! Phải không quan Ngự sử?

- Dạ, quê ông ta ở làng Phúc Am, huyện Yên Ninh, phía bên kia sông, cách đây chừng vài dặm:

Thánh Tông thốt lên:

- Đúng rồi, cụ già ấy chính là quan Tham tri họ Trương có nhã ý đến thăm ta!

Vua xuống núi về triều, ngay chiều hôm ấy, Vua sai quan hầu mang tế vật đến nhà họ Trương cúng lễ, rồi dong thuyền thẳng về Thăng Long.

1985

# Yũ Mục công

*Vũ Mục hung trung liệt giáp binh<sup>(1)</sup>*

*(Lê Thánh Tông)*

Vừa bình định được Bế Khắc Thiệu ở Thái Nguyên về, biết Lê Khôi là người xông xáo, lại trầm tĩnh trước việc lớn, Lê Thái Tổ gọi Lê Khôi đến bảo:

- Châu Hoá<sup>(2)</sup> xa xôi, nơi biên trấn, không phải là người họ Lê không giao được. Ta muốn ông ra trấn trị ngoài biên, ông nghĩ thế nào?

Lê Khôi vui vẻ nói:

- Đó là ý nghĩ sâu xa của Bệ hạ, tôi xin đem hết lòng, để giữ cho vùng biên thật yên ổn.

Lê Lợi mừng lắm, cấp thuyền, cấp lương và tiền bạc và giục đi luôn. Ông nhìn bảng kê chu cấp cho chức Tư mã kiêm Tổng trấn Châu Hoá liền thưa:

- Thuyền và vũ khí tôi không dám từ chối. Nhưng lương thực thì kinh đô cũng cần, tôi chỉ xin cấp cho quân sáu tháng, nếu thiếu sẽ xin thêm.

Vua hiểu ý ông, ân cần dặn dò thêm nhiều điều quan trọng.

Lê Khôi đến Châu Hoá, đóng quân ở những nơi hiểm yếu. Hàng ngày ông huấn luyện quân thủy quân bộ ở những địa hình

---

<sup>(1)</sup> *Vũ Mục tài ba trận mạc thừa!*

<sup>(2)</sup> *Châu Hoá = Hoá Châu.*

phức tạp, lại cho bày trận thử, tập ráo riết ở những nơi giặc có thể đến phục kích. Năm đầu tiên, ông ngủ chưa đến canh năm đã dậy, mặc áo giáp cưỡi ngựa đi xem xét các nơi, thấy quân sĩ chỗ nào nghiêm cẩn thì thưởng, lơ lỏng thì phạt, rất rành mạch. Lại tuyển trong quân một đội đánh cá, một đội đi săn, thường được thú rừng, cá biển đều chia khắp cho các quân doanh, mình cũng chỉ được một phần như mọi người.

Quân sĩ ai cũng mến phục, coi như cha. Châu Hoá bấy giờ còn hoang vắng. Dân Chiêm và dân Việt vào ra ở đường biên hàng ngày, thường đem hàng hoá bán đổi, rất khó kiểm soát. Quan Trấn thủ các năm trước đều cho lập các trạm gác, lục soát rất nghiêm người và hàng qua lại. Lại tự đặt ra thuế qua trạm để vợ vét. Lê Khôi đến, cho bỏ hết các trạm gác, không giữ một trạm nào.

Ông lại dán cáo thị, chiêu mộ dân lưu tán về các chằm, phá để lập các vạn chài, đến các vùng đất hoang để khai phá. Trong vài năm, nhiều làng mới được lập nên, lúa má, cá mú, sản vật ở Châu Hoá lại càng nhiều.

Bấy giờ trong nước được mùa, Đức vua giảm thuế cho những đất biên trấn, ông không thu bổ thêm một thứ gì.

Những người lính mãn hạn không muốn về bản quán, muốn ở lại Châu Hoá, ông cho tiền cưới vợ, cấp ruộng đất tốt, giữ lại làm ăn. Hàng năm, nhân dịp xuân, tết lại nhớ họ, đến thăm và ở với họ hàng hai, ba ngày ở các làng lính. Họ quý trọng ông lắm, thấy ông đến đem vợ con ra đón tận mấy dặm, làng nào cũng mong rước ông về đất mình...

Ông cười cảm ơn, đi thăm đều tất cả, không bỏ sót một xóm nhỏ.

Châu Hoá mạnh và giàu lên trông thấy. Dân Chiêm ở biên giới đem hàng quý sang đổi muối, đổi vải, đổi thóc lúa rất nhiều. Lại học cách làm ăn của người Châu Hoá về, làm như họ, cũng cảm phục quan Trấn thủ, ít quấy nhiễu hơn trước. Đôi lúc, quân

tuần tiếu bắt được kẻ tình nghi là do thám, đưa về dinh, Lê Khôi đều hỏi han cặn kẽ, khi biết được thực, giả, phạm tội nặng nhẹ đều xử công minh. Nhiều người Chiêm bị bắt, tội nhẹ hoặc vô tội đều được tha về. Tiếng tăm của Lê Khôi truyền đến tận Chà Bàn, Thi Nai. Các quan đại thần nước Chiêm đi sứ, đều ghé vào quán đón tiếp ở Châu Hoá, thăm quan Trấn thủ. Lê Khôi tiếp đãi rất hậu, ai đến khi đi nhiều ít đều có quà tặng, tình nghĩa thấu đáo.

Có sứ bộ vội không ghé thăm được lúc đi, lúc về đều đến chào hỏi. Uy vọng, đức độ của Lê Khôi vang lừng ở vùng biênải phía Nam.

Ông có công lớn được triều đình phong làm Kỳ lân hộ vệ, Thượng tướng quân, Tổng quản hành quân Nhập nội thiếu úy, được đeo kim phù của Đức vua.

Năm Thiệu Bình thứ tư, đời Vua Thái Tông, ông được thăng Nhập nội Đại Tư mã, Tham tri chính sự, nắm cánh quân Tây Đạo. Mấy năm sau, ông theo Vua đi dẹp cuộc nổi loạn ở Ai Lao, sau đó lại hỏi tội chúa Man ở Thuận Mỗi, lấy điều nhân nghĩa thuyết phục, quan lang là Nghiêm chịu nghe, ra hàng.

Ông từng có công lớn giúp Vua Thái Tổ nhiều trận. Các trận then chốt ở Khả Lưu, ở Chi Lăng, ông đều lập công lớn. Chính ông đã cùng Lê Nhân Chú, Lê Sát bắt sống Thôi Tự và Hoàng Phúc giải về Đông Quan.

Lê Sát lên giúp Thái Tông, biết ông là họ gần của Vua, không muốn giữ ở kinh thành. Sau đó, thời Thái Tông quyền bính thay đổi từ Lê Sát sang Lê Ngân, cuối cùng về Trịnh Khả. Vua Thái Tông mất, Nhân Tông lên nối ngôi, biết ông là người chân dân giỏi, liền sai ông làm Nhập nội thiếu úy, Trấn thủ Nghệ An.

Ông từ kinh thành Đông Quan đi thuyền vào. Vua Chiêm Thành là Bí Cai đem quân đánh Hoá Châu, ông ra lệnh cho quân sĩ ở Thừa Tuyên Nghệ An ra sức luyện tập, đánh trên sông và đánh trên núi. Có người hỏi:

- Giặc ở Châu Hoá, nếu chúng chiếm được ắt sẽ tiến về Nghệ An, tại sao ông lại cho quân lính đều tập trận đánh thành, đánh phục kích, mà không tập về phòng thủ, chia tuyến giữ đất theo chiều sâu?

Ông từ tốn đáp:

- Tôi ngồi trấn thủ Châu Hoá hàng chục năm. Dân Châu Hoá thế nào, tôi biết chứ. Họ không cho Bí Cai chiếm đất đâu.

- Sao vậy?

- Ai đem cơm áo, đất ruộng làng xã cho họ, thì họ quyết giữ lấy. Người Chiêm, triều nào cũng có chuyện anh em, họ hàng nội ngoại thôn tính nhau. Họ bắt dân Chiêm xây tháp, đắp thành, hàng vạn nô tỳ cả đời là kiếp trâu bò. Dân chúng sống bấp bênh, lệ thuộc, ăn mặc thiếu, muối cũng không đủ chu cấp. Họ ở Châu Hoá không được lâu đâu!

Quả nhiên, ít lâu sau, Bí Cai đánh mấy trận, đốt được mấy làng ở phía nam Linh Giang rồi lại kéo quân về.

Lê Khôi vẫn cho quân tiếp tục luyện tập, lại cho quân lấy thóc, làm gạo đồ nấu chín. Khi quân Bí Cai rút khỏi Hoá Châu, Lê Khôi cho quân sĩ về thăm vợ con rồi bắt lên ngay để tập luyện. Quân sĩ vẫn chưa hiểu ra sao, nhưng đều tuân thủ răm rắp. Khôi hàng ngày dậy sớm, đánh trống hội quân, tập thuỷ chiến nhiều hơn đánh trên bộ. Lại chuyển một bộ phận trên bộ đều tập đánh thành trên nước. Khôi còn cho thợ đóng gấp hơn năm chục thuyền chiến rồi đem giấu ở các lạch sông kín. Mọi người vẫn tưởng ông để phòng Bí Cai đem quân lớn ra đánh Đại Việt lần thứ hai...

Quả nhiên ít lâu sau, Vua sai người đem chiếu chỉ phong ông làm Nhập nội tư mã, đem quan cùng Tư đồ Lê Thận, Đốc đốc Nguyễn Xí đánh Chiêm Thành. Ông bèn dẫn quân thuỷ đi tăng viện. Bọn Lê Thận, Lê Xí biết ông quen thông thổ, sai ông làm tiên phong. Ông đem quân vây thành, đánh gấp. Lúc ấy quân Bí Cai vây thành rồi cướp lấy An Dương ở Châu Hoá. Ông đem



quân đổi mặt, cho quân sĩ những người biết tiếng Chiêm gọi những tên tướng trung thành hãy làm nội ứng. Những ngày đầu réo gọi, Bí Cai không tin, ngày thứ hai lại gọi, Bí Cai tức, đem một viên tướng ra chém thị chúng, nào ngờ đó lại là tên tướng Chiêm dũng mãnh, gian ác nhất, từng tranh giành quyền lực ở An Dương, sau này mới vào thành Thi Nại giúp Bí Cai. Chém tướng xong, Bí Cai mới biết mắc mẹo của Lê Khôi.

Quân của Lê Thận, Nguyễn Xí vây vòng trong vòng ngoài, quyết bắt bằng được Bí Cai. Vua Chiêm sợ đánh không nổi, phải hoá trang thành tỳ tướng, đêm mở cửa thành trốn mất. Quân ta đánh mạnh, chiếm lại được An Dương.

Vua Lê Nhân Tông phong thưởng cho ông, cho tham dự triều chính, đãi như bậc huân thần lại trọng dụng con trai ông là Lê Thọ Vực phong làm Đô đốc ở kinh đô. Vua vẫn để ông trấn thủ Nghệ An vì biết uy thế của ông vẫn làm quân Chiêm khiếp hãi...

Lê Khôi về Nghệ An, khao thưởng quân sĩ, ân cần thăm hỏi những người bị thương, cấp bậc cho về làng, lại lấy đất công ở làng cấp cho để có thể sinh sống được. Những người chết trận đều chu cấp cho vợ con.

Ông còn thân vào tế các quân tướng của mình chết trận, hứa với họ sẽ đem xương cốt sau này về tậu bản quán. Quả nhiên ba năm sau, ông làm bằng được.

Ông lại giữ nguyên quân chế, đội ngũ tướng binh như thuở đánh Chiêm Thành. Thuyền nào hỏng nát đều được bổ sung. Hàng năm, xuân thu nhị kỳ, đều tập các thế trận trên nước, trên cạn, có khi là thủy bộ kết hợp.

Mấy năm ông trấn thủ Nghệ An, phủ đường lúc nào cũng rộng mở. Nhiều người oan ức đều có thể đánh trống kêu oan. Oan nhỏ thì ông sai người công minh về huyện về phủ xét. Oan lớn thì đích thân ông xem án văn, bàn bạc với những liêu thuộc giỏi lĩnh án, tìm phương kế xử xét... Dân chúng cõi mở, thuận hoà, những

nạn trộm cướp lấn ruộng, chiếm đất, ức hiếp, thù oán giãm hẳn. Cả vùng Nghệ An, gặp ông đến, đều yêu quý như cha mẹ đến nhà.

Nhiều nhà có đám giỗ, đám cưới, quý ông đem cả nhà đến mời, ông đều đến.

Khi đến, còn đem gà, rượu hoặc quà tặng theo, rất thân mật, ân cần.

Năm Thái Hoà thứ tư (1446) Lê Nhân Tông sai Trịnh Khả, Lê Thụ, Lê Khắc Phục đi đánh Chiêm Thành, lại đem chiếu chỉ sai Lê Khôi đem quân theo cùng đánh giặc.

Quân Nam vây đánh Chà Bàn rồi kéo quân vào kinh đô nước Chiêm. Quân Lê Khôi lại ở đạo tiên phong. Chà Bàn vỡ, Lê Khôi vượt Ly Giang tiến thẳng vào thành Thi Nại, rồi tiến sâu vào thành Đồ Bàn, đánh bọc hậu. Nhìn cờ hiệu, tướng Chiêm, trước đây vốn từng đóng quân ở Hoá Châu, nhìn quy củ tiến, lui biết là quân của ông.

Khi Lê Khôi kéo quân đến Chiêm Thành, tướng giữ ải lên mặt thành, gọi xuống:

- Có phải quân của quan Tư mã đấy không?

Ông liền tháo mũ trụ ra cho giặc xem mặt. Viên tướng liền sụp lạy, đem sản vật ra tặng cho ông và quân lính, và không chống lại. Ông đem lương thực quà tặng lại, rồi cho một tỳ tướng đem một đạo quân nhỏ vào lấy thành, dặn kỹ không được hống hách, phải giữ nguyên quyền chức của tướng lĩnh người Chiêm, cùng họ về về dân chúng.

Lê Khôi cùng Lê Thụ, Trịnh Khả đánh tan thành Đồ Bàn, bắt được Bí Cai, lại đem con cháu vua cũ đất Chiêm bị Bí Cai tranh quyền về Đông Quan dâng sớ xin hàng.

Khi quân kéo đến chân ghềnh đá núi Long Ngâm, ông bị cảm nặng. Thấy ông không dậy được quân lính bỏ cơm, ngồi chờ tin tử trong trường ra. Khi được tin ông mất, tiếng khóc ran khắp mấy

dinh quân. Quân ở kinh đô cũng ngậm ngùi thương xót ông. Nhiều người cảm kích cũng khóc theo.

Con cháu ông định mang ông về quê mai táng, nhưng tin về Hoá Châu, Nghệ An, dân chúng đi thuyền nườm nượp đến, đòi đem được về đất mình chôn cất.

Chưa ai làm tướng ải xa, lại được dân chúng yêu kính đến thế. Lê Nhân Tông đành cử đại thần đến tế, bãi châu ba ngày để tỏ lòng thương tiếc, phong làm Nhập nội Đô đốc, ban thụy là Trung Hiến sau lại đổi tên thụy là Vũ Mục Công...

Di hài của ông được đem về Nghệ An là đất ông đang trị nhậm. Quân sĩ đều để tang, kêu khóc dậy đất, như mất một vị tướng họ quý như cha mẹ. Đi đến đâu, các làng đều đem trưởng lão, bầy hương án, khi linh cữu đi qua vây đến, quỳ lạy, ôm quan tài mà khóc.

Lê Nhân Tông được tấu trình, liền khen rằng:

- Tướng tài nước Nam này, mấy người đã được như Vũ Mục Công...

Dân chúng Châu Hoan, Châu Hoá đều dựng miếu thờ ông...

1999

# Trai cày làm tướng

Vùng Kim Bôi rừng kín, rậm rạp, trâu dê nuôi rất nhiều. Có hai bố con nhà họ Trịnh, vốn làm nghề sơn tràng. Người bố thấy con đã lớn, cho xuống ở cho các nhà giàu ở chân núi.

Trịnh Khả năm đó đã mười sáu tuổi, cao to và khoẻ, chẳng kém gì đám trai tơ mười chín, đôi mươi. Mỗi ngày Khả có thể cày bốn, năm sào ruộng, đất khó cày, ai cũng khen là chịu thương, chịu khó.

Bữa ấy, trời oi bức, núi đá đã nóng càng thêm nóng. Khả thả trâu lên ngồi nghỉ ở trên tảng đá. Chợt người bốn xung quanh chạy xô về phía trước, tản mát vào rừng. Một lúc sau một viên tướng Minh dẫn một toán quân chừng ba mươi người đi thu thuế, xừng xực kéo tới. Hấn nóng bức, cho quân dừng ngựa nghỉ. Thấy một cậu bé, mặt non choẹt, nhưng cao to, vai đặt bát nước không đổ, ngực sần như hai miếng đồng hun nổi gồ rất đẹp, gương mặt dẫu lam lũ, nhưng không giấu nổi vẻ đĩnh đạc, uy nghi. Như những đứa khác, Khả đã đánh trâu lẫn vào rừng rồi, đằng này vẫn ngồi yên như thể không có ai trước mặt.

Viên tướng Minh lấy làm lạ, nảy ra một ý, nói:

- Người có dám thí võ với người Minh không?

- Sợ gì. Người nào cũng thế thôi. Ai khoẻ thì thắng - Trịnh Khả đáp.

Viên tướng Minh gọi một viên tỳ tướng cao to, cởi áo thách Khả xông vào đánh.

Khả nhìn viên tướng Minh xem có ý gì gian không, rồi cùng xuống bãi cỏ trước mặt. Gã tỳ tướng muốn thắng nhanh, lăn xả vào

định quật đổ Khả, nhưng mấy lần gã ra đòn, Khả đều tránh được. Hấn tức hộc lên càng muốn tốc thắng. Lại một cú đánh trực diện. Khả né sang, chân trụ vững. Nhân gã tì tướng mất đà, Khả bắt được tay, hất theo về phía trước, rồi tiến lên một bước thuận chân đạp mạnh một cái, tên tì tướng lăn nhào xuống chân đường. Gã tức giận, rút đoản đao định chém Khả, nhưng viên tướng Minh ngăn lại.

Gã nói tiếng Hán với toán quân:

- Cậu bé này sức vóc hơn người, lại có gan, có mẹo. Ta xem tướng thì thấy mình rỗng, mắt hổ, sau này có thể làm tướng được.

Rồi đem theo về trường, nuôi làm nô, sai phái trong dinh. Khả hàng ngày làm hết việc thường lân la học chữ, học võ. Chẳng mấy chốc mà bọn quân quan nhà Minh đều phục. Trong những buổi chúng ăn mừng đánh dẹp, hay bày trò đánh thương, đấu kiếm, cưỡi ngựa bất kham, Khả thường vượt trội hơn đám quan, lính.

Viên tướng Minh một bận trao giải cho Khả rồi nói đùa:

- Khả này, mày không phải là đứa xoàng đâu. Tao không giết mày bây giờ, e sau này mày lại giết tao đấy!

Biết bọn giặc Minh muốn giết ai thì giết, ngay đêm ấy, Khả bỏ doanh trại, cắt rừng, bỏ về nhà bà cô ở Diên Phúc.

Tướng Minh biết, giận lắm cho người về làng quê của Khả, đem lệnh bắt bố Khả, định nhử Khả đến. Bố Khả bán tin qua một người bầy chim: "Con chim đã xổ lồng! Đùng bao giờ đặt chân vào bầy nữa". Khả hiểu ý bố, khóc, mà không trở lại doanh trại quân Minh. Tướng Minh cho bố Khả vào rọ, buộc chặt vào, lại đeo thêm đá, thả xuống sông chìm chết. Khả đau đớn lắm, lần mò về nơi giặc giết bố, nửa đêm mò kỳ được xác đem chôn. Từ đó, thế không đội trời chung với giặc.

\*

Lê Lợi khởi nghĩa ở Lôi Giang. Ông có mặt trong hội thề mười tám người, sống chết có nhau. Năm ấy tướng Minh cho người

đến đào mả người thân của Bình Định Vương. Lê Lợi đau đớn vào ra không yên trong trường, Trịnh Khả vừa đi luyện quân về nhìn thấy hỏi:

- Chúa công có điều chi buồn phiền thế?

Lê Lợi kể lại. Trịnh Khả hỏi:

- Giặc đào được xương cốt mang đi xa chưa?

- Chúng đem tiểu sành đặt lên thuyền, xuôi về phía cửa sông đem đến tư dinh của bọn giặc ở lý sở, vừa mới xuôi thuyền được nửa ngày.

Trịnh Khả nói:

- Thế thì còn có cơ hội lấy lại được.

Liên trình bày kế sách. Lê Lợi nghe theo, cử thêm Bùi Bị cùng đi với Trịnh Khả. Khả và Bị ruổi ngựa men theo sông, chẳng bao lâu đuổi kịp toán thuyền của quân Minh. Đêm ấy, giặc Minh neo thuyền giữa sông, bày tiệc rượu, gọi ca nữ đến hát. Chiếc thuyền chở tiểu sành bỗng bênh nứu buộc vào thuyền trước, không có ai canh giữ. Khả bàn với Bị, buộc ngựa vào gốc cây, lấy cỏ buộc thành bó, thả xuống sông, rồi lặn ngấm xuống dưới nước, đẩy ra đến thuyền giặc, nhìn trước nhìn sau, ôm được tiểu hài cốt bơi vào bờ, lên ngựa đem về Lam Sơn. Lê Lợi từ đó rất tin cậy và yêu quý Trịnh Khả.

Năm Bính Ngọ (1426), Bình Định Vương vây Nghệ An, theo kế của Nguyễn Trãi, sai Phạm Văn Xảo và Trịnh Khả đem hai ngàn quân Thiết đột đi tuần các xứ Quảng Oai, Gia Hưng, Tam Đái, Lâm Thao, Tuyên Quang. Khả ở rừng biết tiếng Mường, nên đi đến đâu, đều được dân chúng hưởng ứng. Việc chặn đường tiếp viện cho giặc từ Vân Nam về Đông Quan được thực hiện. Xảo và Khả nuôi và mộ thêm quân đến mấy nghìn, thanh thế rất lớn. Tổng binh Vương Thông vừa cất năm vạn binh từ Quảng Tây sang. Cánh quân Vân Nam cũng từ cửa Lê Hoa xuôi theo đường sông Lô chừng một vạn; quân thủy đã xuôi dòng về phía Tam Giang, quân kỵ theo đường

rừng cũng vừa xông xộc tới. Trịnh Khả nhận được lệnh của quân sư Nguyễn Trãi, chặn đứng và đánh tan một bộ phận quân Vân Nam ở Xa Lộc, khiến cho hai mũi của quân Minh bị gãy một gọng kìm, tạo điều kiện cho Lê Triện, Đinh Lễ mai phục diệt quân Minh một trận lớn ở Ninh Kiều, khiến cho quân Vương Thông đang từ thế chủ công phải co cụm lại thành thế thủ... Từ đó, danh tiếng của Trịnh Khả vang lừng cả nước, giặc Minh nghe ông kéo quân đến đâu đều ráo riết đề phòng. Sau này Trịnh Khả còn lập công lớn, đánh quân Minh ở Lãnh Cầu, Đan Xá, chém giặc trên một vạn thủ cấp.

Bình định giặc Minh xong, Trịnh Khả được phong tước hầu, Nhà vua cho làm Chiêu thảo sứ ở Tuyên Quang. Sau đó lại được cử sang Ai Lao, dẹp Kha Lại làm phản, giúp Vua Lào định ngôi...

Lê Sát được Nhà vua cho làm Tế tướng vốn hay đa sát. Nguyễn Trãi nhiều lần ngăn, Sát cậy quyền càng lấn át. Lê Thái Tổ lên ngôi lại không ưa gì các công thần nhất là người Bắc Hà. Phạm Văn Xảo, Trần Nguyên Hãn đều bị khép vào tội "phản nghịch" rồi bị hại. Nguyễn Trãi cũng bị hạ ngục sau mới được tha. Ông đã muốn về nghỉ lắm, song bởi có tình nghĩa cũ nên Lê Lợi cố giữ, Trịnh Khả bèn ở lại triều đình. Khi Thái Tổ mất, Thái Tông lên ngôi, Lê Sát làm Tế tướng, quyền uy lệch trời, nghiêng đất, ông dâng sớ lên Vua rằng:

*"Thần, Trịnh Khả, theo Thái Tổ từ buổi hội thề, gắng công phò Vua, giúp nước, cũng lập được chút công lao nhỏ. Nay thiên hạ đã thái bình, việc binh đao không cần đến mấy, lòng lại thích được lui về vui thú điền viên, dâng lời xin Bệ hạ cho được sở nguyện!"*.

Lê Sát được Vua trao sớ cho, gọi Trịnh Khả đến bảo:

- Nay ông Khả, công thân cũ đáng gờm nể nhau bây giờ chỉ có tôi và ông. Vậy thì, để khỏi va chạm nhau, ông phải lên biên trấn thôi.

Rồi tâu Vua ban cho Khả làm Tuyên úy đại sứ trấn Lạng Sơn kiêm Đồng tổng quản vệ Nam Sách. Ông không nói gì chỉ nhận mệnh đi ngay, không cả thềm chào quan Tế tướng.

Viên tướng hầu cận hỏi:

- Tướng quân không sợ Lê Sát thù ư?

- Ta làm hết mình với vua, với nước, ai hại ta nỡ!

Sau Lê Sát lộng hành bị bãi chức, ông được gọi về triều trông coi việc sáu quân, giữ nghiêm luật lệ phò vua mới.

Lê Thái Tông ra thăm Nguyễn Trãi, mang Thị Lộ về theo và mất ở Lệ Chi Viên, ông chịu cố mệnh. Đình thần luận tội chu di tam tộc Nguyễn Trãi, ông biết không cưỡng nổi, đành nường theo. Trong lúc luận án, Hoàng hậu Ngô Ngọc Dao, mẹ của Hoàng tử Tư Thành, trước có quen thân với Thị Lộ, sợ liên lụy, liền đem Hoàng tử trốn ra ngoại thành. Có kẻ nịnh muốn lập công, báo cho Trịnh Khả biết báo bắt lại, ông nói:

- Biết là Hoàng hậu trốn hay là đi về thăm bên ngoại. Hoàng hậu còn đem theo giọt máu của tiên đế là Hoàng tử Tư Thành, với Đức vua là anh em ruột thịt, kẻ nào phạm đến là mắc tội lớn đó!

Rồi ngầm cho người theo bảo vệ. Do đó Hoàng hậu Ngô Ngọc Dao được yên ổn.

Khi vụ án Lệ Chi Viên đã nguội ngoai, Trịnh Khả tâu với Tuyên Từ Hoàng thái hậu Nguyễn Thị Anh, cho đi đón Hoàng tử Tư Thành về.

Thái hậu bảo Trịnh Khả:

- Ông không nhắc thì ta lỡ với việc lớn. Tư Thành là Hoàng tử của tiên đế. Ta là mẹ đích, phải có bổn phận chăm nom.

Tư Thành về.

Rồi bà chợt nhớ ra hỏi:

- Còn bà hoàng Ngô Ngọc Dao, mẹ sinh của Tư Thành, hiện nay ở đâu?

Trịnh Khả chưa biết ý tứ của Thái hậu ra sao, chỉ ậm ừ... thưa:

- Dạ, đang cùng ở với Hoàng tử.



- Khanh nói rõ cho ta nghe nào!

Trịnh Khả tâu trình, nói rõ nơi ở của Hoàng hậu Ngô Ngọc Dao. Thái hậu ban:

- Thì cho đón cả về, làm sao đón con mà không đón mẹ được. Không có mẹ bên, Tư Thành liệu có yên tâm học hành ở kinh đô không? Chuyện cũ qua rồi!

Trịnh Khả được lời, vội cho người rước bà hoàng Ngọc Dao và Hoàng tử Tư Thành về triều. Vua Nhân Tông thấy em về mừng lắm. Hai anh em không lúc nào rời nhau, khi thì bàn về sách vở, khi thì cưỡi ngựa đi săn, Nhân Tông thường khen em thông minh đĩnh ngộ. Tuyên Từ Hoàng thái hậu cũng rất quý Tư Thành, thường gọi đến ban cho vàng lụa và hỏi han về việc học hành.

Khi Vua Nhân Tông đã vào tuổi coi được việc nước, Tuyên Từ Hoàng thái hậu thôi không buông rèm nhiếp chính nữa, quân thần có ý tâu xin Hoàng thái hậu nán ở lại. Trịnh Khả cũng có ý ấy liền tâu:

- Mười năm nhiếp chính của Đức bà, trong thành ngoài nội đã vang tiếng ngợi ca, thiên hạ yên ổn, mùa màng bội thu, xin Thái hậu thể theo nguyện vọng của triều đình.

Thái hậu nói:

- Bên Vua đã có nhiều người hiền, lại có ông là bề tôi lương dóng, ta còn lo gì nữa. Con ta đã lớn, ta phải lui về hậu cung thôi!

Trịnh Khả biết Thái hậu tin cậy, giao việc triều chính cho mình liền khấu đầu tạ ơn, không dám nói thêm lời nào cả.

*Tháng Ngọ, năm Mậu Dần.*

## Người làm thơ đuổi hổ

Lê Sát nắm giữ triều chính, nghiêng ngửa triều đình. Các công thần tỵ nghĩa với Lê Lợi ở Lôi Giang, bị Nhà vua nghe bợn Trịnh Hoàng Bá, Đinh Bang Bản gièm pha giết hại. Phạm Văn Xảo, Trần Nguyên Hãn chết oan thâu trời, dân chúng đồn rằng, Lê Sát làm cận thần của Lê Lợi, muốn diệt trừ những người vây cánh khác mình, nên ném đá giấu tay. Kịp đến khi Lê Sát thâu được quyền bính lớn vào tay, các quan coi các bộ đều là người của mình, các tướng trấn các trấn lộ, phủ quan trọng đều do Sát tâu lên Vua sai đi trọng nhậm thì Sát tự cho mình ngày càng có công lớn với nhà Lê. Lê Nhân Chú sau đó cũng bị giết. Đồi Thái Tông, Nguyễn Trãi được vùi về, song Sát lại dùng bọn Lương Đàng làm ngáng trở những công việc định lễ nhạc ở triều đình, và thường phàn bác những biểu tấu của Nguyễn Trãi trước mặt Vua, để giảm lòng tin của Vua với Trãi.

Hại được Lê Nhân Chú, Lê Sát vẫn chưa yên, Lê Sát còn tâu lên Vua bãi chức Nam đạo hành khiển của Lê Khắc Phục, vì ngờ rằng Phục cho Sát mưu giết anh mình mà kết oán. Bởi Phục có công lao không truat hết được nên Sát đành để Phục coi việc hình ngục, song trong lòng còn khắc khoải chưa yên.

Lê Văn Linh lúc đó làm Hữu bật. Linh vốn cũng là người theo Thái Tổ tỵ nghĩa ở Lam Sơn, từng lập công lớn khi đánh và vây thành Nghệ An. Sau đó, khi Lê Lợi đem quân ra Bắc, giao cho ông cùng các tướng giỏi vây tiếp, o bế địch, không cho chúng có thể xoay sở được. Khi thành Đông Quan bị bao vây, công việc nhiều, biết Lê Văn

Linh là người có học nên Nguyễn Trãi xin Vua để Lê Văn Linh ra Đông Quan để trừ tính mưu lược đánh giặc, cùng mình và Phạm Văn Xảo ở bên màn trướng. Lê Văn Linh bày mưu vây hãm, lấy thành, trao đổi con tin, nhiều kế sách hợp với Thái Tổ, do đó được xếp vào loại công thần. Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo bị ghép tội phản nghịch, Nguyễn Trãi bị giết sau vụ án Lệ Chi Viên xôn xao cả nước, các công thần không cùng phe với Lê Sát, Lê Ngân tuy miệng không nói ra, trong đáy lòng có ý ngại và sợ Lê Sát.

Lê Văn Linh vốn không thân gì với Sát, cũng không giận Sát, nên cũng không khỏi lo cho thân phận của mình. Có điều nên xử sự thế nào cho đúng với nhân cách của người có học. Đó là điều rất khó nghĩ...

Năm còn hàn vi, Linh ngồi ở làng gõ đầu trẻ. Làng Linh ở bìa rừng. Năm ấy, loạn rừng, hổ dữ chó sói vào làng đông lắm. lại thêm quân tướng nhà Minh cho lùng sục tìm voi, báo gấm, chồn hương, khỉ năm màu khiến cho thú rừng sợ, phải dạt vào các làng mạc. Hổ báo, chó sói phải theo con mồi mà về các thung lũng. Động rừng là vậy.

Một bận thầy trò đang vào buổi học. Mấy đứa trẻ đang gào lên những câu thơ Trạng nguyên:

*Thiên tử trọng hiền hào*

*Văn chương giáo nhĩ tào*

*Vạn ban giai hạ phẩm*

*Duy hữu độc thư cao*

*Thiếu tiểu tu cần học*

*Văn chương khả lập thân*

*Mãn triều chu, tử quý*

*Tận thị độc như nhân<sup>(1)</sup>...*

---

<sup>(1)</sup> Nghĩa là: Đức vua chọn người hiền, giỏi. Văn chương đem dạy lũ học trò các

Chợt một đứa xin ra ngoài. Thầy Linh gật đầu. Nhưng khi nó vừa đẩy cửa để ra sân, thì đã kêu thét lên, chạy lại ôm chầm lấy Lê Văn Linh, kêu:

- Thầy ơi, thầy ơi hổ, hổ...

Những đứa khác cũng khiếp hãi nhảy đến bên thầy, ôm cụm lại thành một chòm người.

Cửa nhà thầy vẫn mở. Lê Văn Linh nhìn ra thấy hai con hổ lớn đang khẽ gặm đi vòng quanh sân, rồi đứng nối đuôi nhau nhìn vào trong nhà. Lũ học trò càng ôm riết lấy thầy, răng đánh vào nhau cầm cập. Mắt chúng cũng không rời nhìn con hổ dữ. Lê Văn Linh khẽ bảo chúng:

- Các trò việc gì phải sợ. Thầy trò ta đông hơn hổ kia mà. Các con cứ coi như không có chúng nó. Bây giờ thầy đọc một câu, các con đọc thật to nhé! Đọc cho đồng dục, không được run đấy. Run hổ nó không sợ đâu.

Thầy Linh đọc:

- Hổ ơi! Hổ ơi!

Chỉ có mấy đứa gan hò theo:

- Hổ ơi! Hổ ơi!

Thầy Linh quay mặt lại bảo:

- Không được! Những đứa khác đâu, ngày thường gào đọc võ nhà, bữa nay như tác hợng thế. Gào to lên như mọi bữa chứ! Xem kìa, hổ có dám làm gì ta đâu. Nào bắt đầu nhé! Thầy đọc từng câu, các con hô theo từng câu. Sau thì hô một lượt cả bài!

- Hổ ơi! Hổ ơi! - Hổ ơi! Hổ ơi!

- Thương cho chúng mày! - Thương cho chúng mày!

---

*người. Muốn hạng người trong thiên hạ chỉ có người đọc sách là cao. Thuở bé hãy chăm học vẫn chường có thể nên người. Đấy triều áo đỏ, áo tía sang trọng đều là những người đọc sách.*

- Rừng sâu giặc phá! - Rừng sâu giặc phá!
- Phải chạy về đây! - Phải chạy về đây!
- Tìm con lợn nhỏ, - Tìm con lợn nhỏ,
- Bắt con bò gầy, - Bắt con bò gầy,
- Bị dân đuổi đánh - Bị dân đuổi đánh
- Sập bẫy dàu hay, - Sập bẫy dàu hay.
- Vuốt mày ở đâu? - Vuốt mày ở đâu?
- Sao không xoè hết? - Sao không xoè hết?
- Nhè đũa bắt nhân - Nhè đũa bắt nhân
- Ra mà xé xác! - Ra mà xé xác!
- Nanh mày ở đâu? - Nanh mày ở đâu?
- Mà không cắn nát - Mà không cắn nát
- Lũ quân nhà Minh - Lũ quân nhà Minh
- Giết người hại vật - Giết người hại vật
- Sao lại đến đây? - Sao lại đến đây?
- Sao lại vào đây? - Sao lại vào đây?
- Hổ ơi! Hổ ơi! - Hổ ơi! Hổ ơi!

Thầy đọc trước trò đọc sau. Chính trò đọc thơ này khiến cho học trò hết sợ. Càng đọc chúng càng gào to, về sau, có đũa còn hét lên chói hết cả tai. Chỉ hai lượt đọc theo, chúng đã thuộc lòng. Bấy giờ, cả thầy lẫn trò đồng thanh đọc thật hùng hồn, âm trẻ con hoà vào nhau, hoà vào giọng thầy, vang lên như một bài hát đuổi hổ:

- Hổ ơi! Hổ ơi!

Thương cho chúng mày

Rừng sâu giặc phá,

Phải chạy về đây

Tìm con lợn nhỏ

Bắt con bò gầy

Bị dân đuổi đánh  
Sập bẫy dẫu hay  
Vuốt mây ở đâu?  
Sao không xoè hết?  
Nhè đĩa bát nhân  
Ra mà xé xác  
Nanh mây ở đâu  
Mà không cắn nát  
Lũ quân nhà Minh  
Giết người hại vật  
Sao lại đến đây?  
Sao lại vào đây?  
Hố ời! Hố ời!

Hố ở ngoài nghe một hồi, rồi lẳng lẳng rủ nhau lùi mất.

Thầy trò mới buông nhau ra, cùng nhau hoan hỉ, mừng rỡ. Lớp học lại trở lại như thường. Học trò từ bữa ấy đến học càng đông.

Một bạn học trò quen lẹ đến học thì đã thấy cửa đóng, then cài, thầy Linh đi đâu mất! Hỏi ra, thầy đã vào Lam Sơn phò tá Bình Định Vương Lê Lợi.

\*

Bùi Thì Hanh làm ở Toà Khâm Thiên Giám, xem lịch, biết được ngày 1 tháng 5 năm Giáp Dần (1434) sẽ có nhật thực. Hanh muốn lấy lòng Lê Sát, bèn đến mật báo với Tể tướng. Lê Sát hỏi:

- Nhật thực thì sao?

- Nhật thực thì trời đang sáng, bỗng chốc tối sẫm lại như đêm đen. Điềm ấy là điềm gở. Tể tướng được giao lo các việc lớn của đất nước, không thể xem thường.

- Nhật thực do đâu mà sinh ra?

- Tôi xem lịch vạn niên thấy nói đó là tinh vượn đen ăn mặt trời. Tôi sợ là đất nước không phòng không được.

- Phòng bằng cách nào?

- Bởi mặt trời bị tinh vượn ăn nên phải lấy máu vượn mà yểm trán thì chắc là tinh vượn trời không hoành hành được.

- Lấy máu vượn đâu cho đủ phun khắp gầm trời này để yểm trán.

- Ta chỉ dùng máu vượn để yểm trán trong hoàng cung thôi. Hoàng cung mà yên, thì khắp thiên hạ đều yên cả.

Sát đem bàn với Lê bộ thượng thư là Trình Toàn Dương. Dương vốn trước đã là đạo sĩ, tin vào bùa chú, nên nói thêm vào. Lại nói với Lê Sát cần phải làm ngay. Đến ngày mồng 1 tháng 5 Toàn Dương và Thì Hanh sẽ lo việc lấy máu vượn làm phép bùa chú khi tinh vượn ăn mặt trời.

Lê Sát vẫn chưa yên tâm đến hỏi Lê Văn Linh. Lê Văn Linh hỏi Lê Sát:

- Nhật thực đâu chỉ có ở nước ta! Các nước khác như Trung Hoa - Đồ Bàn - Lâm Ấp - Ai Lao đều chịu cảnh nhật thực cả. Nếu nước nào cũng làm như nước mình thì loài vượn tiết chủng ư?

Sát nói:

- Con người làm sao thấu hiểu hết được việc trời đất. Nay Thì Hanh và Trình Toàn Dương đã biết thiên cơ, lại bảo cách chống, nếu ta không làm, nhờ có chuyện gì xảy ra thì trách nhiệm Tể tướng của ta làm sao khỏi bị khiển trách được?

Lê Văn Linh nói:

- Thiên cơ đâu còn nhiều bí mật. Song việc đời thì có thể đoán được. Triều đình người giỏi còn nhiều, trung thần phò tá vua mới vẫn hết lòng, bọn nịnh cũng có, nhưng không lấn lướt được. Triều

đình mạnh, thì tai biến đâu có xảy ra vẫn có thể chèo chống được, can gì phải giết vợ để yếm chú, làm phép.

Lê Sát tỏ ý không bằng lòng, cáo từ ra về. Tuy nhiên vẫn không cho là Lê Văn Linh định ngáng trở công việc của mình.

Sát ngầm tâu lên Vua cho quan lại các trấn Tuyên Quang, Thái Nguyên đốc thúc người bủa lưới săn lùng khắp rừng khe, hang núi bất hàng nghìn con vợ gửi nướm nượp về kinh thành không ngớt.

Đến ngày mồng 1 tháng 5, Vua theo lời Lê Sát cho nghỉ chầu, làm phép trấn yếm trong cung, các quan không một ai được biết.

Việc trấn yếm xong, Lê Sát hài lòng tâu cho Trình Toàn Dương và Bùi Thị Hanh được thưởng hai tấm gấm và mỗi người một trăm lạng bạc. Còn Lê Văn Linh thì bị phạt một trăm lạng bạc. Bấy giờ chuyện mới vỡ ra về việc giết vợ lấy máu để yếm tinh vợ. Ai cũng cho Lê Văn Linh là cứng cổ.

Lê Văn Linh đem bạc đến nộp cho Lê Sát, không oán thán nửa lời. Lê Sát sai thư lại ở Nội Mật Viện nhận tiền phạt của Lê Văn Linh. Lê Sát đang coi việc ở Phủ, thấy Lê Văn Linh liền nói đùa:

- Đây là tại ông không chịu giết vợ lấy máu yếm nhà mình đấy.

Lê Văn Linh chỉ cười đáp lại.

Lê Sát ngày càng chuyên quyền làm nhiều điều quá quắt. Khi Lê Sát xin giết bọn hoạn quan Nguyễn Cung mà Thái Tông rất yêu. Vua bực lắm, song chưa phải tội lớn chưa trị được. Khi Sát bãi chức Trịnh Khả, đuổi Bùi Cầm Hổ vì can Sát nhiều việc, truất chức của Bùi Ư Đài, thì quân thần quyết cùng Vua phế bỏ Lê Sát.

Nhân có chuyện tâu về Lê Sát chuyên quyền, định cất nhắc bọn nịnh là Đinh Bang Bản, Trịnh Hoàng Bá cũ, sau lại nghe Đặng Đắc làm thêm nhiều chuyện tự ý, Vua bãi chức Tế tướng rồi xuống chiếu bắt chém rao khắp kinh thành.



Được tin ấy, Lê Văn Linh bàn với các công thần Lê Thụ, Lê Ê, Lê Hiêu dâng sớ tâu lên xin Đức vua tha tội cho Lê Sát vì Sát dẫu có tội song công giúp nước theo Thái Tổ và dựng nước sau này cũng nhiều. Lê Thái Tông đang lúc giận không nghe, lại xuống chiếu bắt xử theo pháp luật cả bọn đại thần đến can.

Lê Văn Linh thôi không được làm chức hữu bật phải giáng xuống mấy cấp. Vua chỉ nghe Bùi Cầm Hổ giảm tội chém rao cho Sát được tự tử...

Không ai dám can gián gì thêm.

Khi tan châu, bạn bè đến hỏi:

- Lê Sát chẳng ưa gì ông. Vụ giết vợ lấy máu yếm kinh thành hôm mồng 1 tháng 5, chẳng những không nghe lời can của ông lại còn phạt một trăm lạng bạc, bêu xấu ông trước triều đình. Bữa nay, ông can làm gì cho Sát để đến nỗi Vua giận mà mất chức đại thân.

Lê Văn Linh nói:

- Tôi, ông Thụ, ông Ê, ông Sát theo tiên đế từ hồi Lam Sơn tụ nghĩa, tình chiến hữu cốt tử bỏ nhau làm sao được. Tôi tâu Vua là vì muốn Vua nghĩ đến công tội của Sát để phạt cho đúng. Việc này là việc nước nào có phải chuyện riêng đâu. Lê Văn Linh này bụng dạ ra sao thì vợ con, bè bạn, triều đình, hoàng thiên, hậu thổ đều biết, mất chức hay không là chuyện bình thường của đường làm quan, có gì phải day dứt.

Rồi gọi người nhà đem rượu ra mời bạn.

1998

# Đời làm tướng

## 1

Lê Niệm là dòng danh gia có tiếng ở Thanh Hoá. Ông nội của Niệm là Lê Lai, đã liều mình đóng giả Lê Lợi, xông ra phá vây của giặc Minh, để Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn thoát được, sau này khôi phục được đất nước, đuổi quân xâm lược ra khỏi bờ cõi. Cha Niệm là Lê Lâm, theo Lê Thái Tổ, bình định giặc Minh có công lớn, sau được cử sang đánh giặc ở Ai Lao, đuổi giặc xong, đá phải chông sắt, nhiễm độc mà chết. Vua Lê thương lắm, có ý bù trừ cho Lê Niệm. Một bận cần người đi dẹp giặc biển ở An Bang, chưa biết nhằm ai thì Lê Niệm đã ra mắt xin đi. Nhà vua nói:

- Nhà khanh, hai đời đã quên thân vì nước! Ta không muốn cử khanh đến những nơi nguy hiểm.

Lê Niệm tâu:

- Quên thân vì nước là nghĩa vụ của người làm tướng, giữ việc binh. Thấy triều đình có chỗ hiểm nguy lại chối từ không đến, đâu có phải là tướng gan dạ, mưu lược. Thần làm quan là nhờ vào đường tập ấm, nếu cứ nấp sau công trạng cha ông thì sao thành tướng từng trải được!

Vua đành cho đi. Niệm ra An Bang, luyện quân thủy rất kỹ. Có đêm ngồi hàng giờ trên biển, theo dõi thủy triều, mùa gió nổi. Có ngày đem tinh binh, khinh thuyền đi đến những đảo hoang, xem xét hang động, hình thế; qui định ngày khám thuyền lạ, ban hành những điều có lợi cho dân chài, cho người buôn bán; lập ra những

đội tuần tiễu ở những nơi giàu có có thể xảy ra trộm cướp! Lại điều tra mấy đám cướp biển lớn, tụ tập ở vùng biển hải, vây đánh tan, chém bêu đầu mấy tên giặc biển cầm đầu.

Trong ba năm, An Bang ổn định, chợ búa tấp nập. Trên biển, thuyền bè đêm hôm đánh cá được bình yên... Đâm phá hoang vu đã có nhiều lưu dân đến khai phá! Có miền đất, dân thưa, nhiều kẻ du thủ, du thực tụ họp về, nửa cướp nửa buôn. Niệm cho những viên đội trưởng vệ úy và những đội quân giỏi võ nghệ đến đóng chốt lại hàng tháng. Lại khích lệ những người thạo buôn bán, mở chợ cá, lập cửa hàng, hút thuyền bè tới, người tốt đến đông dần. Bọn đầu trâu mặt ngựa quấy phá thì nhốt, giam lại. Đứa cầm đầu thì đưa đến những nơi khác, phạm tội lớn thì chém. Những miền núi đồi heo hút thì gom các làng nhỏ lại thành làng lớn. Vua biết Lê Niệm có tài đánh dẹp và giúp dân, để mãi nơi xa xôi cũng phí, liền cử người thay, triệu về kinh thành.

## 2

Lê Chí, con trai Lê Niệm, thấy cha dậy rất sớm, xuống thuyền một mình, chèo về một làng ở phía bắc Tây Hồ, không dám hỏi. Đến hôm sau, lại thấy cha nai nịt rất cẩn thận như sắp xung trận. Chí muốn hỏi, Lê Niệm đưa mắt, nghiêm sắc mặt, khiến Chí hơi sợ, song cũng thưa:

- Cha cho con theo hầu có được không?

Niệm nói:

- Việc quân cơ, con theo làm sao được.

Chí ở nhà, thấy quá trưa, Lê Niệm không về, lại có tin võ chợ, đồn về có binh biến ở kinh thành, Chí ngồi đứng không yên.

Lúc này Lê Niệm là Xa kỵ Tướng quân, giữ cấm binh... Triều đình vừa xảy ra chuyện cướp ngôi. Hoàng tử Nghi Dân, được bọn

Phan Đồn, Phan Ban lập mưu đem quân lên vào thành, giết Nhân Tông, giết Thái hậu, lên ngôi Vua. Chúng khống chế triều đình. Mấy hôm nay Niệm mặc áo dân chài, chèo thuyền lên nơi hẹn ở Tây Hồ, chính là cùng các công thần Nguyễn Xí, Đinh Liệt, Lê Nhân Thuận, Lê Lăng, Lê Nhân Quý bàn nhau trị kẻ bạo nghịch, chọn người hiền đức để dựng lại nghiệp lớn của nhà Lê. Buổi chiều sau đấy, Nguyễn Xí đứng lên kể tội bọn gian thần, nghịch tử, rút gươm chém rụng đầu Phan Đồn, Phan Ban. Đinh Liệt cũng vung gươm khống chế bọn tay chân của Đồn, Ban, Lê Niệm đem quân cầm binh đến trợ lực, sau đó đón Gia Vương Lê Tư Thành lên ngôi, tức Vua Lê Thánh Tông... Nhờ có cầm binh điều đến kịp mà cuộc dẹp loạn Nghi Dân - Phan Đồn, Phan Ban thành công.

Khi Thánh Tông lên ngôi, xét công, Lê Niệm chỉ đứng sau Nguyễn Xí - Đinh Liệt, Vua phong cho làm Suy trung bảo chính công thân, Tân An trấn Thượng Tướng quân Nhập nội tư mã, tước Đình Thượng hầu, được tham dự triều chính. Chiếu phong đến, sứ thần tuyên đọc:

*"Như người là kẻ khí độ trăm hùng, kiến thức sáng suốt. Là cây cao của cố gia. Mấy đời quan to. Là hoa thơm trong vườn quý, rực rỡ tiếng tốt. Văn võ có việc gì cũng làm xong. Nơi biên trấn quan trọng cốt để ngăn chặn một phượng. Hướng chỉ cả nhà trung nghĩa, thương ông cha người vì nước bỏ mình, nên được nổi huân danh, ban tước công tước hầu theo nếp cũ. Mới đây vận nước gặp suy, ngôi vua bị nạn. Cutong thường đổ nát, giường tạo hoá cơ hồ dừng lại, danh vị những loạn, bọn gian tà khi ấy hoành hành. Tráng sĩ mấy phen khi giận xung thiên, trung thần nghiêng rặng bao độ. Gối giáo lo việc, kẻ thù chẳng đội trời chung. Thét lớn vung gươm, bọn giặc hại Vua phải diệt! Ngôi vua chính vị, đất nước an bình. Công phục hồi dã lớn. Lễ báo đáp phải ban. Vậy phong làm Á tước, thăng tước Đại hầu, kiêm trọng quyền làm Kinh doãn, coi như cùng họ với hoàng gia. Đó là để tỏ rõ biệt đãi, để tôn quý ơn riêng vậy".*

Lời Vua tuyên dương công trạng là thế. Lê Niệm lay tạ rồi cái riêng, không khoe với ai cả, lại càng nỗ lực hơn...

### 3

Chiêm Thành có loạn. Bàn La Trà Duyệt có mẹ là vú nuôi của Vua Chiêm. Duyệt giết Vua là Bí Điền, đưa em là Trà Toàn lên làm vua. Toàn bỏ lệ triều cống cho Đại Việt, sứ thần sang thì lãng nhục, nói những lời hỗn hào. Trà Toàn lại ngang nhiên coi người Chiêm là con Trời, con Phật, còn đám người Việt chỉ là hạng tôi tớ. Trà Toàn coi thường Vua Lê Thánh Tông, vừa lên ngôi.

Thánh Tông giận lắm, cất quân sang hỏi tội. Vua cho triệu Đinh Liệt, Lê Niệm đến, hỏi:

- Đánh Chiêm Thành bao lâu thì xong, cần bao nhiêu quân?

Lê Niệm tâu:

- Quân đánh giặc xa phải đánh nhanh, thắng nhanh. Quân thuỷ luyện tập mấy năm chưa dùng đến, đây chính là lúc thử sức vào việc lớn. Quân cần tinh, không cần nhiều. Thần nghĩ chỉ hai mươi nhăm vạn là đủ.

Vua cho là phải. Lê Niệm lại xin Vua cho con là Lê Chí theo lập công. Lê Thánh Tông nói:

- Thân làm tướng, trách nhiệm nặng nề. Nhà khanh mấy đời trung nghĩa. Mình khanh đi là đủ.

Lê Niệm tâu:

- Thân muốn đem con vào chiến trận để rèn luyện, giao cho việc khó để nên người. Giờ là dịp để hai cha con thân đua nhau đền ơn nước.

Thánh Tông khen ngợi mãi. Vua phong Đinh Liệt làm Chinh lỗ Tướng quân, Lê Niệm làm phó tướng, nhưng chức, hàm thì ngang với chánh tướng.

Khi xung trận, Lê Niệm sai con trai xông lên đầu, phá thành chém tướng. Trận ấy, Lê Chí bắt sống được tước vương Chiêm Thành là Trà Toại, khi về nước được ban tước Bình Lương Bá.

Trận chinh phục Chiêm Thành, thắng lớn, chưa đầy trong bảy tuần. Thánh Tông càng trọng tài cầm quân của Lê Niệm.

Trận ấy, đích thân Vua dẫn một ngàn chiến thuyền, mười lăm vạn tinh binh, lập trại thuỷ quân, dựng cờ Thiên tử ở hai cửa biển Tân Ấp và Cửu Toại. Vua sai Lê Hy Cát, đem năm trăm chiến thuyền của đội tiên phong, đến cửa Sai Kỳ, đắp thành lũy, chặn đường rút của giặc. Nguyễn Đức Trung dẫn một cánh quân vây bức trại giặc. Vua tung quân chính diện vào đánh, quân Chiêm tan vỡ, lui về Chà Bàn. Đến Mộ Nô, chúng vấp phải quân chặn giữ của Hy Cát, rẽ ngang bỏ chạy. Lê Niệm đoán được hướng chạy, tung quân vào đánh tiếp. Thừa thắng, quân ta tiến vây Chà Bàn, bắt sống Chiêm Vương Trà Toàn, ban sư<sup>1</sup> báo tiếp.

Trận này, khi xét công ban thưởng, Lê Niệm đứng ở hàng đầu.

## 4

Khi Lê Niệm được phong chức Thái bảo, con Nguyễn Xí là Nguyễn Sư Hồi, cậy cha mình có công dẹp bọn Phan Đồn - Phan Ban, phé Nghi Dân đưa Thánh Tông lên làm vua. Việc này, Nguyễn Sư Hồi cũng đem quân vào để trợ giúp cha. Hồi lại ý mình tài giỏi nên coi thường các công thần trung hưng lúc ấy.

Kinh thành bỗng truyền nhau bài thơ tương truyền là của Nguyễn Sư Hồi như sau:

---

<sup>(1)</sup> Ban sư tức là truyền trong quân.

*Nhân hữu nhị tâm viưu khả nghi  
Tự lai chung cánh thích vì phi  
Thổ biên hữu hoặc chân hung bạo  
Thuỷ tại tây bàng xã tắc nguy!*  
(Người có hai lòng rất đáng nghi,  
Chữ lai gần giống thích vì phi  
Bên thổ có hoặc thật hung bạo  
Thuỷ đứng bên tây xã tắc nguy)

Câu thứ nhất ám chỉ Lê Niệm vì chữ Niệm gồm các chữ nhân, nhị, tâm (tức là người hai lòng); chữ gần giống chữ lai là chữ lỗi nhằm chửi Nguyễn Lỗi. Câu ba là nhằm vào Thọ Vực bởi chữ Vực gồm chữ Thổ bên chữ Hoặc. Còn câu thứ tư, Nguyễn Sư Hôi móc máy Trịnh Văn Sái vì chữ Sái gồm chữ Thuỷ bên chữ Tây .

Câu chuyện xôn xao triều đình. Ngự sử đàn hạch. Vua phải lên coi châu phân xử. Bởi cha con Nguyễn Xí - Nguyễn Sư Hôi có công lớn trong việc đưa Thánh Tông lên ngôi, nên Vua tha cho tội chết, nhưng quả trách rất nặng. Cùng dính với việc lan truyền thơ nói xấu công thân của Nguyễn Sư Hôi còn có Trịnh Lý. Lý bị đánh trượt rồi đẩy đi Viễn Châu. Vua ngại việc này làm cho các đại công thân bằng mặt không bằng lòng nhau nên ban dụ đến từng người. Nguyễn Lỗi, Trịnh Văn Sái, Lê Thọ Vực xem ra còn hậm hực. Riêng Lê Niệm là được Vua gọi vào ngự thư phòng, an ủi:

- Sư Hôi là đứa càn rỡ, nhưng Nguyễn Xí là đại công thân từng phò Thái Tổ, cũng như Khanh từng ném mật nằm gai... Khanh với Xí cùng đồng cam cộng khổ. Xí lại từng bị giặc bắt giam, trốn ra được, đúng là từ cõi chết trở về. Khanh nên độ lượng với cha con hắn!

Không ngờ Vua nói xong, Lê Niệm trả lời rất thản nhiên:

- Thần mà hai lòng thì Vua biết, triều đình biết. Thần mà hai lòng thì trời và thần chẳng trước thì sau cũng phạt. Làm người, theo

thiện ý của Niệm này, là tự chăm lo để thành người cho mình, còn điều nói xấu, mình không có, bận tâm làm gì!

Vua khen lắm, rất mừng nói:

- Các đại thần ai cũng như khanh thì Trẫm còn phải lo gì nữa...

Liên kéo tay Niệm ra ngự uyển, gọi quân hầu đem rượu đến. Buổi ấy, Vua đọc thơ cho Niệm nghe, khi về còn ban cả chiếc quạt ngự quý, Vua vẫn thường dùng.

Lê Niệm khiêm nhường nhận rồi lui ra.



# Lầu vọng tiên

Tháng 8 năm Kỷ Hợi, Hồng Đức thứ mười, Vua cất quân đi hỏi tội các phiên vương ở các xứ Bồn Man, Ai Lao, Lão Qua.

Vua đem theo mười tám vạn quân, chia năm đường tiến quân. Phò mã đô úy, Đông quan Đô đốc phủ chương phủ sự Đoàn Vũ hầu Trịnh Công Lộ làm Chinh Di Tướng quân. Đô đốc đồng tri Lê Vinh làm Chinh Di phó Tướng quân cùng bọn tổng binh đồng tri là bọn Nguyễn Lộng đem quân kiêu dũng các vệ Minh Nghị, Quảng Vũ, Ngọc Kiểm, Anh Đức, Phấn Vũ, thuộc Đông Quân phủ đem năm nghìn quân tinh nhuệ trước tiến đánh Lão Qua. Quân du kỵ của Lê Lộng, thổ binh của Đinh Thế Nghiêu được lệnh phối hợp.

Đường đánh Lão Qua hiểm trở, quan tuần tiễu rất vất vả để phát hiện ra các đám du binh phục trên núi đánh lén.

Trận đấu ra quân, nhất định phải thắng. Vua hạ lệnh cho bọn Trịnh Công Lộ rằng: "Nay Trẫm sai các người đem quân hùm gấu, quét bọn chó dê; phải dùng quyền uy sai khiến các tướng. Người mang ấn Tướng quân, nếu để lỡ cơ hội, thì cách chức cho chạy trạm, tâu báo ở hành tại; hàng tham tướng, phó tướng mà trái lệnh thì đóng cũi giải về ngự doanh; từ hàng vệ tổng trở xuống thì cứ chém đầu không phải ngân ngại".

Vua lại lệnh cho các quan ký lục trong quân doanh là Nguyễn Như Uyên, Nguyễn Cảnh rằng: từ trên xuống dưới, tướng suý đến binh lính, người nào chăm chỉ được việc, người nào lười biếng ngu dân, bọn nào hèn nhát khiếp nhược đều phải chép thật tường tận, để sau này thưởng công...

Đại binh của Chinh Tây Tướng quân Sùng Quận công Lê Thọ Vực cất hơn mười vạn quân còn lại, theo đường chính Trà Lân chỉ huy các doanh quân đánh vào Ai Lao và Bôn Man. Vua lại sai Trấn Lỗ Tướng quân Lê Đình Ngạn chỉ huy các doanh hoành dã từ đường Ngọc Ma tiến sang, để đón chặn đường giặc chạy. Du Kỳ phó Tướng quân Lê Lộng đem quân vượt núi chặn yết hầu giặc. Thảo tặc phó Tướng quân Lê Nhân Hiếu theo đường phủ Thanh Đô đánh tập hậu vào chỗ sơ hở của giặc. Trong mấy ngày nối nhau, chiến trận xảy ra khắp chỗ mà quân đi luôn giữ vững thế ý đốc.

Năm đạo quân đánh từ Lão Qua, rồi phá tan quân sĩ của Ai Lao, tịch thu hết của cải châu báu. Quốc vương Ai Lao chạy trốn, ta bắt sống địch rất nhiều. Chúa Bôn Man khiếp sợ bỏ thành trống lui binh. Ta chiếm lấy Mường Luông giáp tận biên giới Miến Điện. Quốc vương Miến Điện dâng thơ mừng và đem cống vật tới dâng.

Vua đại thắng đem quân trở về.

\*

Nguyễn Thiện nhân lúc Vua nhàn rãi vào hầu, chân chừ cứ gãi đầu, không chịu nói. Vua hỏi:

- Có việc gì vậy?

- Tâu Bệ hạ!

Thấy Nguyễn Thiện tùm tùm cười, Vua hiểu ý ngay là hấn chắc lại mới tìm được "của lạ". Vua dùng bút son hỏi:

- Thì người cứ tâu lên ta xem nào!

- Mâu Thích Ca thuở hữu tình!

Vua nói:

- Gân mực thì đen, gân đèn thì rạng, Nguyễn Thiện dạo này cũng thích nói chữ nhĩ! Có phải đó là câu thơ nói về giai thoại Huyền Quang - Điểm Bích đời Trần!

Rồi Vua khẽ đọc:

*Văng vặc trăng mai ánh nước,  
Hiu hiu gió trúc ngâm senh  
Người hoà tươi tốt, cảnh hoà lạ,  
Mâu Thích Ca nào thuở hữu tình!*

Nguyễn Thiện tâu ngay:

- Ở chùa Ngọc Hồ cảnh sắc u tĩnh, cây cối tốt tươi, mới có một sư nữ trụ trì, rất xinh đẹp.

Vua nghiêm sắc mặt nói:

- Người lại định đưa ta vào cõi Phật, rủ tỳ khưu của Thích Ca Mâu Ni đem về làm quý phi ư?

Nguyễn Thiện biết Vua đã có vẻ xiêu xiêu liền nói:

- Phải duyên thì tỳ khưu chứ Phật nữ cũng phá giới.

Vua cũng phải bật cười:

- Người đạo này cũng mồm mép đến điều nhỉ. Thôi được, ta vừa qua mấy tháng chiến trận, lúc nào cũng chỉ thấy ngựa hí tên bay, binh đao giáo mác, sông loang máu, xác vất bờ thành, nay cũng nên ngắm cảnh chùa, hỏi chuyện sư ni vậy.

Vua và Nguyễn Thiện đóng giả các giám sinh đi vãn cảnh.

Cửa chùa mở rộng. Hai thầy trò bước ngay vào nhà tổ. Bên ngoài có một đôi câu đối:

*Tặng tại thiền sàng, kinh tại án,*

*Lô tàn cốt lục, nhật tam can...*

*(Sư ở giòng thiền, kinh ở án*

*Lò tro tro nhật, nắng ngang đầu)*

Vua đọc, gật gù có vẻ đắc ý. Một lát sau, từ phía ngoài vườn thiền rẽ vào, có một bóng người.

Vua quay lại nhìn. Sư nữ đi chân đất, mặc áo già lam, bịt khăn vỏ đà, khuôn mặt thanh tú lạ thường. Má ửng hồng vì đã

nắng, mắt đen mà sáng, lông mày gọn mà đen, mi dài đượm một vẻ buồn. Sư chấp tay chào:

- Mô Phật, thí chủ văn cảnh chùa, xin mời lên phía trước!

Thánh Tông đứng lặng ngắm nhìn. Ni cô cũng ngược mắt nhìn lên thấy trước mặt mình là một thầy nho tuấn tú, lanh lợi dị thường, vai rộng tay dài, tiếng nói trong mà ấm. Nàng sững người ra một lúc rồi lại cúi mặt xuống.

Thánh Tông cười hỏi:

- Chùa này cạnh Quốc Tử Giám, hẳn là các giám sinh hay ra vào lắm nhỉ!

Ni cô cười nói:

- Các thầy cũng hay lui tới, có khi thác văn cảnh mà hái hoa, rồi cất lời hoa nguyệt, bản tăng nhiều lúc cũng bị mắng oan đấy!

Thánh Tông được thể nói đùa:

- Chẳng hay hoa đẹp hay người đẹp. Thôi hết xem hoa lại nhớ người!

Ni cô buột lời khen:

- Thí chủ thật mẫn tiệp. Xuất khẩu thành thơ.

Thánh Tông hỏi:

- Hôm nay được vào chùa Ngọc Hồ, như được thấy một câu thơ xưa nổi tiếng, ni cô có biết câu thơ ấy không?

Không chần chừ ni cô đọc luôn:

- *Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ!* Đó chẳng là bài thơ của Vương Xương Linh đời Đường sao!

Nguyễn Thiện cũng tỏ ra mình không phải tay xoàng, liền đọc luôn cả bài "Lâu Phù Dung tiền Tân Tiệm" của Vương Xương Linh:

*Hàn vũ liên giang dạ nhập Ngô*

*Bình minh tống khách Sở sơn cô.*

*Lục Dương thân hữu như tương vấn,*

*Nhất phiến băng tâm tại Ngọc Hồ.*

*(Đất Ngô đêm tới, muta sông lạnh,*

*Núi Sở buồn so, sớm tiến đũa.*

*Bạn thiết Lạc Dương như có hỏi,*

*Một tấm lòng băng ở ngọc hồ)*

Ni cô khen giọng Thiện ngâm hay, Thiện lại càng khoái.  
Thánh Tông liền đưa:

- Khách đến, chẳng lẽ chủ cứ để đứng giữa sân như thế này ư!

Ni cô cười:

- A di đà Phật, mời hai thí chủ vào trong nhà.

Thánh Tông và Nguyễn Thiện bước vào nhà trai, ni cô rót nước nụ với mời. Vua uống thấy ngon, khen:

- Nước nhà chùa vừa ấm lòng, lại giác ngộ.

Ni cô lại cười, trông càng xinh. Vua hỏi:

- Tín chủ muốn được cho nghe một vài lời về kinh kệ để sớm đến với Cửa Giác.

- Thí chủ muốn hỏi điều gì?

- Tu hành liệu cảnh ngộ khác nhau, có khác nhau không?

Ngày xưa Tống Văn Đế cũng muốn đi tu đó sao?

Ni cô nói:

- Bản tăng có biết tích ấy. Đó là hoà thượng Na Bạt Ma từ Tây Vực đến thăm đất Kim Lăng. Tống Văn Đế cho vào bệ kiến. Vua tỏ ra mộ đạo, liền hỏi: "Đệ tử thường muốn trì trai, không sát sinh, muốn tâm mình thương yêu tất cả muôn vật, mà không được như ý muốn, xin nhà sư dạy bảo cho!". Hoà thượng Na Bạt Ma thưa rằng: "Việc tu hành, vua chúa thường dân cũng có khác nhau. Thường dân thân danh nhỏ mọn, đạo đức không lan tới nơi xa, giáo hoá không ra khỏi gia đình, lời nói không dạy bảo được người hầu hạ, nếu không tự bản thân khắc khổ, làm điều lành, giữ

lòng thành thì còn biết dụng tâm vào việc gì? Còn như vua chúa coi bốn biển như một nhà, muôn dân như con cái, nói ra một điều thiện thì dân chúng đều vui mừng, ban ra một chính lệnh tốt thì thần và người được hoà hợp, hình phạt công minh thì mệnh người không chết yếu, công việc giản dị thì sức dân khỏi nhọc nhằn. Được như thế thì trì trai to lắm rồi, cần gì phải bớt thức ăn trong một lúc, giữ tính mệnh cho một con chim, mới là tế độ rộng rãi!". Tống Văn Đế nghe rồi khen lắm!

Vua rất ngạc nhiên vì sự thông tuệ của ni cô chùa Ngọc Hồ, và đoán hình như nàng biết mình là người tôn quý mới viện dẫn câu này. Lòng thần phục, Vua nói:

- Câu nói ấy phải chăng là khuyên vua cứ giữ lấy nho học, sao cho vua và triều đình lúc làm việc công, nếu giữ lòng từ bi thương xót, mở lòng cứu tế mọi người, làm tỏ rõ việc oan uổng, cứu vớt người bần cùng, khoan dung cho phạm tù, giảm bớt việc sai phái, ơn huệ thấm đến nhân dân, thì tự nhiên phúc trạch được dư dụ, đâu cứ phải ăn chay lễ Phật mới là làm điều lành.

Sư khen:

- Người được như thí chủ, ít lắm. Họ đến đây, nhất là các giám sinh, hay nghịch ngợm cợt đùa nhiều hơn là nghiêm túc. Bản tăng đã ra cho họ một đầu đề để đuổi họ về cho họ khỏi quấy rầy.

Nguyễn Thiện hỏi:

- Đầu đề gì vậy thưa sư thầy?

- À đó là đầu bài bảo các thầy ấy về làm mỗi người một bài thơ, ai được lọt, không mắc lỗi, ý thâm trầm thì được sư tiếp, bàn kinh kệ, còn ai làm dở thì thôi. Đầu đề ấy như thế này:

*Vào chùa mến cảnh, mến thầy*

*Tuy vui đạo Phật, chưa khuấy lòng trần.*

Có lẽ hai thầy cũng nên tuân theo cái lệ này.

Ni cô cười rồi xin phép lên tam bảo.

Hai thầy trò không biết làm thế nào, đành ra về.

Đêm ấy, Vua không ngủ nổi, chập chờn cứ nhớ đến ni sư chùa Ngọc Hồ. Sực nhớ, nằng còn ra đề làm thơ cho mình, liền trở dậy, thấp nển, mài mực, viết luôn một bài thơ:

*Trần thế gầy chi những khóc cười,  
Sắc không là thế, chuyện muôn đời  
Nát Bàn liệu có sấm le nhi?  
Trăng gió thôi đành dắm đuối chơi.  
Bể ái nghìn tâm khôn tát cạn,  
Nguồn ân muôn trượng chứa khơi vơi.  
Nào nào cực lạc là đâu tá,  
Cực lạc là đây chín rồ mười.*

Viết xong, Vua muốn cho trời mau sáng để đến chùa gặp và đọc cho sư thầy nghe. Đêm đã lạnh, Vua cầm theo bài thơ vào giường một mình đọc, ngâm ngợi mãi. Hôm sau, Vua không cải trang giám sinh nữa mà đi xe loan đến trước chùa Ngọc Hồ rồi vào thẳng nhà trai.

Nhà chùa ra đón tấp nập, Vua xua tay cho các sư khác không phải tiếp kiến, một mình ngồi lại với ni cô. Vua đưa bài thơ cho sư thầy đọc. Người đẹp đọc xong nhìn Vua, thưa rằng:

- Bài thơ thực lòng muốn xui người bỏ nơi thiền viện để trở lại với duyên phận. Câu nào cũng hay, song hai câu cuối đem cực lạc ra đùa, sợ không phải với chư Phật, chư tăng, xin được sửa lại đôi chút được chăng?

Vua vội nói giọng thân mật khác thường:

- Nàng cứ sửa! Ta sẵn sàng nghe câu nàng sửa đây.

Nàng nói:

- Tiện dân xin sửa như thế này:

*Gió sương đưa kệ tan niềm tục.*

*Hồn bướm mơ tiên đã vẹn mười!*

Vua buột miệng khen:

- Quả là hay hơn câu của ta nhiều!

Vua muốn đưa nàng về cung ngay. Nàng chân chừ bần khoản, e lệ bối rối. Vua đi gặp hoà thượng chủ trì tỏ rõ niềm mến mộ và cho đây là duyên phận đã định từ trời. Hoà thượng không biết làm thế nào, đành khuyên ni cô không nên trái ý chỉ!

Nàng đành lên xe loan cùng về cung. Vua rất hân hoan, nhưng về đến cửa Đại Hưng, xe người phía trước ùn tắc, Vua sốt ruột kéo rèm ra xem thế nào, để chóng vượt đường, đến lúc quay vào thì không thấy người đâu cả!

Vua tức bực hỏi Nguyễn Thiện xem nàng có nhân lúc này, tạt ngang xuống đường mua bán gì chăng. Tìm mãi cũng không thấy. Vua cho xe quay lại chùa Ngọc Hồ tìm cũng không thấy nàng đâu.

Vua hậm hực ra về! Mấy bữa sau vẫn chưa tin là chuyện nàng mất hút, còn quay lại tìm nữa. Nguyễn Thiện lại cho người tìm khắp nội ngoại thành, đâu cũng không thấy người đẹp.

Nguyễn Thiện quay về, Vua vẫn đi đi lại lại trong ngự phòng không yên. Thấy xích tiếng chân, Vua hỏi hợp bước ra mong thấy người đẹp trở về, thì vẫn chỉ là Nguyễn Thiện tóc tai phờ phạc, mặt mày xốn xác.

Nguyễn Thiện mệt mỏi nói:

- Ngọc ngách khắp phụng thành, thân đích thân đã đi bằng hết, nhưng vẫn không tìm thấy người. Bệ hạ có tin rằng đây là một chuyện khác thường không!

Vua cau mày lại hỏi:

- Người lại biện bác để khỏi phải đi tìm nàng nữa phải không! Ta chiêu chuộng người mấy chục năm, giờ chỉ nhờ cậy người có việc này, mà người không làm nổi. Vậy thì lòng trung của người với ta, người vớt đâu rồi!



Biết là Vua giận, Nguyễn Thiện đành sụp lạy, tạ tội, rồi quay ra tiếp tục công việc tìm kiếm.

Nhưng tìm làm sao nổi. Chim phượng đã bay đi mất hút rồi. Mấy tháng sau, với thân hình, tiểu tụy võ vàng, Nguyễn Thiện vẫn không làm sao tìm nổi hút bóng của ni cô, nói gì giáp mặt với nàng.

Nguyễn Thiện đành về lạy trước điện vua xin chịu tội. Bảy giờ hoàng thành ai cũng đã rõ chuyện. Một đồn trăm, trăm đồn nghìn, ai cũng chắc phen này Vua lại có thêm một quý phi tài sắc nghiêng nước, nghiêng thành. Nguyễn Cư Đạo được Vua vời vào hỏi việc nước thấy Nguyễn Thiện khổ ải, khó nhọc hết mình liền tâu đỡ:

- Thần nghĩ rằng nàng là tiên ở trên thượng đế sai xuống. Bệ hạ vốn là tiểu đồng giáng trần theo như giấc mơ của Thái hậu. Bây giờ ứng mộng làm Vua, văn vận hanh thông, nho phong chấn động, át cả Phật, Lão... Thần cho đây là trung sứ của thiên thần hoá thành sư thầy, được sai xuống xem thực hư nước Đại Việt ra sao vậy!

Vua ngẫm lời Cư Đạo nói có lý, liền cho xây lầu Vọng Tiên ở cửa Đại Hưng, lúc nào buồn lại ra chơi đó, để tưởng nhớ đến nàng.

## Đèn đom đóm

Làng Thanh Đàm đang buổi làm đồng. Ruộng trên ruộng dưới cây bừa tấp nập. Buổi đồng rất đông, bởi vì trận mưa lớn đêm qua đúng cỡ làng ngã ruộng.

Trên một thửa ruộng gần một quả gò, một chàng trai vừa bừa, mắt vẫn không rời quyển sách để úp lên tay bừa. Khi rong trâu, lúc nào quên, anh lại lấy tay lật khéo trang sách để nhớ mạch văn. Trạch chợt đọc được một câu trong sách *Luận Ngữ*: "Tử viết: Bất hoạn vô vị, hoạn sở dĩ lập. Bất hoạn mạc kỷ tri, cầu vi khả tri dã!", liền kêu lên, hay quá. Trâu kéo hơi sai đường, Trạch đập trạc cho trâu vào đúng đường bừa. Người bạn ruộng bên thấy thế, hỏi xược:

- Này anh đồ gàn kia. Bừa thì bừa đi thì mới có lúa tốt. Vừa bừa vừa đọc sách có khi lúa cũng hỏng mà chữ cũng chẳng làm ra lúa đâu.

Nhưng cụ già vác cuốc thăm đồng thì lại dừng ở đầu bờ bảo:

- Anh Trạch, anh Trạch, đọc được câu gì hay, bảo lão với!

Trạch vừa bừa vừa nói vọng lên:

- À, tôi vừa đọc được câu: Đức Thánh Khổng Tử nói: Đừng lo không có chức vị. Chỉ lo không đủ tài đức để nhận chức vị. Đừng lo không ai biết mình chỉ mong sao có tài đức để người ta biết đến...

Cụ già gật đầu đắc ý... Trạch rất hiếu học, nhà xa chợ có hôm thiếu dầu thắp, nhìn ra bờ tre thấy rất nhiều đom đóm. Trạch liền lấy vợt vợ lấy hàng trăm con rồi buộc túm lại, gỡ sách ra đọc, rất hào hứng... Kỳ thi ập đến. Năm ngoái thi Hương, năm nay thi Hội.

Nhà gân kinh thành, nên trong khi chờ yết bảg Trạch liền về nhà tranh thủ ngả ruộng. Nhà chỉ có một mẹ một con, đang vụ, ai chẳng bận, không làm thì lấy ai làm cho.

Chợt ở đầu làng xôn xao. Hình như có người trên phủ về làng... Cứ thấy lính lệ hoặc các thầy để lại trên phủ, huyện xuống thì dân lại xao xác lên, vì thế nào cũng có chuyện... Mọi người nhao nhao hỏi một người mới từ trong làng ra:

- Có chuyện gì thế!

Anh ta không trả lời, chỉ nói vóng xuống ruộng nơi Bùi Xương Trạch đang bừa:

- Mời quan Nghè lên bờ về nhà nhận tin lành. Quan trên báo về: ngài đã có tên yết bảg đề danh, sớm lên phủ, để dân làng lo đón ngài vinh qui bái tổ...

Cả cánh đồng xôn xao. Bùi Xương Trạch, vẫn ung dung bừa hết mấy đường bừa, rồi mới rửa chân tay, đánh trâu về làng.

Trạch được bổ vào làm việc ở Viện Hàn Lâm. Lúc này Vua Lê Thánh Tông đang trị vì, rất trọng nhân tài. Được mấy vị đứng đầu bộ Lễ tiến cử, Vua chọn Bùi Xương Trạch đem theo đi đánh Chiêm Thành giúp Nhà vua lo việc giấy tờ ban lệnh và coi sóc việc quân. Chuyện đèn đóm đóm của Trạch, đến tai Vua, Vua hỏi đùa:

- Học đèn đóm đóm có thông minh hơn không?

Bùi Xương Trạch tâm thành nói:

- Tàu đóm đóm không sáng bằng đèn dầu, nhưng là ánh sáng của Trời Đất. Và lại, đèn lúc sáng lúc tắt, nên phải căng mắt ra đọc, chữ nghĩa nhờ thế mà nhớ lâu.

Vua biết là người có chí, lại thực thà nên rất tin dùng, chuyển đi chinh phạt Chiêm Thành ấy. Trạch có công, được Thánh Tông ban thưởng rất hậu.

Trở về triều, một hôm Bùi Xương Trạch xuất ban tâu xin lập đình Quảng Văn.

Vua hỏi:

- Khanh hãy nói rõ ý cho Trẫm nghe!

- Tâu, đất nước muốn thịnh trị, thì mọi điều dân chúng phải được biết, do thế mà gọi là đình Quảng Văn. Thần xin Bệ hạ, chọn thợ giỏi vẽ kiểu đình dựng ngay bên cửa Đại Hưng để dân chúng có thể ghé vào xem chỗ công bố các công việc lớn của triều đình. Mỗi khi ban phát hiệu lệnh mới như trừ tính việc quân, ban hành thuế má, sửa đổi thi cử, tổ bày nghi văn về tế lễ, đón tiếp sứ thần..., nêu rõ chính lệnh của các quan, để dân chúng biết. Thế là nhằm để cho sự tai nghe mắt thấy của muôn phương thêm mới ra cũng là biểu hiện văn minh của một đời.

Vua gật đầu khen và sau đó bàn với Thượng thư bộ Công cho làm ngay. Lại sai chính Bùi Xương Trạch làm bài ký ghi lại việc này. Bài viết rất hay, Vua ban thưởng cho ông mười lạng bạc.

\*

Thánh Tông mất, Lê Hiến Tông lên nối ngôi, phong ông làm chức Đông các hiệu thư, rồi lại làm Thiêm Đô ngự sử. Ông khiêm nhường, không lấy thế làm hãnh diện, mà luôn học ngày học đêm, sách không rời tay, lại hay đi xuống tận các phủ huyện điều nghiên các việc để thấy điều gì ngang trái về tâu với triều đình lưu ý, giải bớt oan ức, điều tiết chính lệnh cho phù hợp.

Hiến Tông rất tin cậy. Tuy nhiên không vì thế mà ông hay ra vào hoàng cung, chỉ khi có việc thật cần kíp hoặc Vua cho gọi mới vào.

Vua muốn ban chức Thượng thư cho ông liền triệu vào cung.  
Vua hỏi:

- Từ ngày tiên đế băng hà, Trẫm lên ngôi bấu lo việc nước, khanh thấy công việc triều chính ra sao?

Ông nói:

- Bệ hạ được tiên đế yêu quý, rèn cặp ngay từ khi ở ngôi Tiềm đế (Thái tử). Từ ngày lên ngai vàng, khiêm cung, sáng suốt, tôn sùng đạo nho, nền nếp văn hiến tiên đế để lại ngày đêm lo phát huy. Bệ hạ tôn sùng đạo học, để ý đến mọi việc, chọn người đúng chức, thương dân trọng tài... Nước lũ chưa về đã lo chuyện đê điều, chớm nắng hạn đã thúc các phủ huyện không được xa xỉ, phải dự trữ thóc lúa phòng mất mùa... Trăm quan kính phục hết lòng phò tá không gán kể nịnh, biết nghe lời can gián trái tai... Đó chính là hồng phúc của muôn dân vậy.

Vua cho là thật lòng mà không nịnh, lại hỏi:

- Theo khanh, thì chính sự sắp tới, nên như thế nào?

Bùi Xương Trạch ngẫm nghĩ một lúc lâu rồi thưa:

- Tâu, Vua Lý Thánh Tông xưa thấy rét mà thương tù trong trại giam, bảo triều thần phải ban thêm áo; đi đánh Chiêm Thành chưa thành công, giữa đường thấy Vương phi Ý Lan coi triều chính cùng Thái sư Lý Đạo Thành rất tốt do đó mà lại đem quân đến chinh phạt để khỏi phụ tấm lòng người hậu phương. Vì thế mà được tôn như một bậc Vua hiền. Thần nghĩ, Bệ hạ có thừa uy đức để trị thiên hạ. Những việc chính lệnh lớn, tiên đế đã lo, giờ chỉ thừa hành và bổ sung thêm thôi. Việc trước mắt chính là nên sai sứ đi khắp nước tra xem nếu còn những người nghèo túng trong quân ngũ thì cấp bổng cho về để lo việc gia đình sinh kế; với những người chịu phu dịch nặng thì giảm nhẹ đi; các thứ thuế tô, dung, điệu, nơi nào quan sở tại muốn xà xẻo, bổ thêm vào nặng nề, thì nghiêm trị kẻ làm bậy, khoan hoãn bớt tô thuế; những kẻ lầm thì tha hoặc giảm tội, những án oan thì xét cho khỏi oan. Người bị gièm pha bậy mất chức thì cho phục chức; khen người tiết nghĩa, giúp đỡ kẻ nghèo, lang thang, cô quả, cất nhắc người liêm khiết, tiến dùng người hiền tài.

Vua mừng lắm, nhưng chưa vội khen, lại giục:

- Khanh xem còn việc gì cần, cứ nói hết. Trẫm vẫn nghe đây.

Bùi Xương Trạch, cúi đầu, thưa:

- Việc này thần biết đắc tội, nhưng cũng xin cứ được nói.

- Khanh cứ nói.

- Tâu, nội cung mỹ nữ nhiều, chỉ khiến Bệ hạ bận việc thêm.

Thần nghĩ, số người đẹp trong cung cũng nên giảm bớt!

Vua cười bảo:

- Tiên đế trước lắm cung tần, nên nội thị cũng triệu số người trong cung cho ta cùng gần ngang với tiên triều.

Liên phong cho Bùi Xương Trạch chức Thượng thư. Những lời tâu của Trạch, Vua đều nghe cả. Riêng cung nữ Vua cho thả về nguyên quán lấy chồng có đến vài trăm người. Vua cho xem sổ tiền thóc của văn phòng ngự tiền dâng lên và hỏi các quan tả hữu để biết được tình trạng tích trữ công tư. Từ đó đề ra được nhiều việc thiết yếu cho nghề nông. Vua tự tay viết sắc chỉ khiến các quan thừa hiến ở các phủ huyện luôn tuân hành đôn đốc, khuyên bảo đắp đê điều, đào ngòi rạch, lập bờ ruộng cõi đất để tránh lấn chiếm lẫn của nhau, có quỹ thóc để phòng hạn, lụt. Mỗi xã đặt một xã trưởng chuyên trông nom chuyện nông tang... Quan ra ngoài làm việc, trung sứ các nơi về, Vua đều cho gọi vào hỏi về mùa màng được mất, vui khổ ra sao. Quan và thợ ở triều đình thì cứ theo lệ tiên triều, thực thi nhiệm vụ, đến tháng 6, tháng 10 cho một nửa số quân, số thợ về nhà giúp công việc đồng áng cho quê hương làng xã...

Đó là Vua nghe lời bàn của Bùi Xương Trạch và các trọng thần khác.

Bùi Xương Trạch làm tới Binh bộ Thượng thư rồi được Vua cho coi việc sáu bộ, coi thêm việc ở Toà Kinh Diên, là Tế tửu Quốc tử giám ban cho tước Quảng Văn hầu, để nhớ đến việc tâu cùng tiên đế mở đình Quảng Văn.

Ông làm việc cẩn thận, chu đáo. Nết người khiêm cung, cần kiệm. Dinh phủ bình thường không dựng lầu son, gác tía... Nơi làm

việc có treo chiếc vọt ở ngay phía sau chỗ ngồi rất trân trọng. Có vị sứ thần đến thăm, thấy lạ liền hỏi. Ông liền lấy xuống cho xem. Chỉ thấy trong vọt hàng trăm côn trùng đã khô cong. Sứ thần hỏi:

- Chẳng hay thứ này là vật kỉ niệm gì của ngài vậy.

Bùi Xương Trạch trả lời:

- Đó là chiếc đèn đom đóm của bản quan thuở hàn vi đó.

Sứ thần nghe được chuyện vô cùng bái phục.

2002

# Chơi thuyền trên sông xuân

Thánh Tông Thuận Hoàng đế (Lê Thánh Tông) tan châu lưu lại, bảo Hàn lâm thừa chỉ Nguyễn Trực và Hàn lâm viện hiệu thảo Vũ Lãm rằng:

- Chiều xuân thư thả, Trẫm muốn dong thuyền đi chơi trên sông. Hai khanh nên đi cùng Trẫm...

Nguyễn Trực thưa:

- Bệ hạ lại thấy tứ thơ đồn nén, cần phải mượn gió trăng để ngâm vịnh một đêm?

Vũ Lãm nói:

- Hân hạnh cho thân được đón nhận những lời vàng, ý ngọc.

Vua nói:

- Ta muốn làm một cuộc nhàn du. Không đi thuyền ngự. Chỉ mang một tài tử và một ca nữ. Ta và các khanh sẽ sắm vai kẻ sĩ Thăng Long, quên hết những việc triều đình bộn bề trăm thứ, hưởng một đêm thật thanh thản, tự do...

Nguyễn Trực nói:

- Bệ hạ lại muốn như hồi còn ở tước vương, thường giả trang học trò, đi chơi phố.

Vua cười. Vũ Lãm lại nói:

- Dù là một cuộc vi hành. Thần nghĩ cũng cần phải có quân lính hộ vệ.

Vua xua tay nói:



- Chỉ cần vài người chèo thuyền và một người lái là đủ. Và lại, mấy nhà nho kiết xác bên cạnh một cặp đào, kếp thường thường bậc trung, thì ai để ý làm gì. Nhưng hai khanh sẽ có điều ngạc nhiên đó.

Vũ Lãm định hỏi, Vua chỉ tùm tùm cười.

Khi Vũ Lãm và Nguyễn Trục bước xuống thuyền đã thấy Vua ngồi bên cạnh một phu nhân, mi thanh, mắt sáng, gương mặt đẹp như hoa sen trong rừng lá xanh giữa hạ... Chiếu trái trong lòng khoang rộng. Rượu ngon, quả quý đặt sẵn trên án... Lại có cả một quyển thơ của Hoàng đế, kẹp chiếc bút ngự để mở trên án. Vua mặc áo nho sinh, chít khăn nhiễu tam giang, trong phong lưu và nho nhã, khác hẳn khi ngài ngồi trên ngai vàng, mặc áo hoàng bào, đội mũ Vua, cân đai rực rỡ, tư thế oai nghiêm.

Vũ Lãm và Nguyễn Trục nhận ngay ra nữ sĩ ở Kim Hoa Ngô Chi Lan.

Vua cười khi hai người bước xuống thuyền cúi mình chào Vua. Bởi đây là một cuộc vi hành nên không dùng lễ vua tôi. Vua vui vẻ nói:

- Cái điều ngạc nhiên ta muốn giành cho các ông là nữ sĩ đây đó.

Ngô Chi Lan đứng dậy chào. Nàng thật thon thả ý nhị. Nàng là vợ quan Giáo thụ Phù Thúc Hoàn, dạy Kinh Dịch ở Quốc Tử Giám. Nàng mới được tuyển vào cung dạy cung nữ.

Trà đã bung ra. Vua và mọi người dùng trà. Chiếu se se, bên ngoài vẫn còn đang mùa xuân. Cái hơi lạnh của trời, của sông khẽ nhắc rằng, phía bờ sông cây đại đang ra lộc, và cũng có những thứ đơm hoa... Một khu vườn của nhà ai, hoa đang nở tím phả xuống thứ hương hăng hắc. Một làn gió nhẹ, một vài cánh hoa tím bay cả vào trong khoang thuyền. Vua vui hẳn lên, đặt chén trà xuống đón lấy cánh hoa vào lòng tay và bảo:

- Không đi chơi như thế này, sao lại được hưởng cái thú hoa trời vào chào đón người!

Nguyễn Trục nhấp trà xong, cầm lấy quyển thơ thấy chép mười hai bài, chữ cuối xem chừng mới xong, còn đen nhánh.

Vua giơ tay bảo:

- Thơ này ta làm trong chuyến đi trên sông Đáy tuần du... Bữa nay đem để mọi người cùng thưởng thức, nào xin mời hai người đàn và ngâm cho ta...

Người kếp hát dạo đàn, vào khúc. Ca nữ ngâm:

*Ai biết do chơi với khách nhàn,  
Khác nào mây nổi vón lang thang  
Hang liền mấy độ triều dâng sóng  
Trăng sáng bao lần ánh vẽ sang.  
Khói lặng nước im, hồn sáng láng  
Vua hiền con thảo phận lo toan  
Lòng người hăm hở không mòn chí  
Sóng rộng, non cao, với nước duênh<sup>(1)</sup>...*

Mọi người lắng nghe. Vua chờ những lời bình. Nguyễn Trục nói:

- Thơ có núi, sông, trăng, sóng. Vũ trụ bao la, hồn người rong ruổi, nhưng vẫn không quên cái chí trùm đời!

Mọi người thấy lời bình làm sáng thêm cái tứ ẩn trong câu chữ. Nữ sĩ Kim Hoa nói:

- Quan Trạng bình hay lắm!

- Xin đa tạ.

Vua bảo:

---

<sup>(1)</sup> Những bài thơ trong truyện này nguyên văn chữ Hán. Người viết truyện chỉ để phân dịch thơ. Trừ bài cuối là thơ Nôm.

- Còn ông Vũ, thấy thế nào?

Vũ Lãm nói:

- Thơ thấy được mây bay, sóng vỗ, thấy hang nhỏ, trăng cao... khi nói về trời, đất. Thơ lại thổi vào vũ trụ ấy cái tâm thành, chí bền của hồn người!

Nguyễn Trục gật gù, cho rằng, Vũ Lãm quả cũng thấm thơ sành sỏi.

Vua nhìn sang nữ sĩ hỏi:

- Còn nữ sĩ Kim Hoa, nàng thấy thế nào?

Nàng mỉm cười, bàn tay ngà úp lên chén trà để lấy hơi ấm, chưa nói. Vua lại giục:

- Hay dớ cứ nói thẳng, đừng ngại!

Nàng ngồi thẳng, tay kia chống xuống chiếu cạp điều, mắt nhìn xuống, dịu dàng thưa:

- Thiếp hơi tiếc!

- Sao vậy? - Vua hỏi.

- Năm câu đầu thơ đang trải mạch phóng khoáng, thì ba câu cuối, dẫu là không khiên cưỡng, nhưng cũng là giảm mất vẻ thanh thoát của bài thơ.

Nguyễn Trục và Vũ Lãm đều ngồi ngáy ra. Nàng bạo quá. Thơ Vua có ai dám chê đâu. Đến cả Tao Đàn nhị thập bát tú, khi xướng họa với vị Nguyên súy này... cũng chỉ một mực tôn vinh thôi.

Vua rất bao dung. Người không giận, chỉ mỉm cười bảo:

- Nàng nghe thêm cho ta bài nữa nhé.

Vua bảo anh kếp đạo đàn, và người ca nữ lại ngâm:

### **Ra cửa biển Bạch Đằng**

*Mười hai cửa biển, nước mênh mông*

Xa tít chân mây những nẻo đường,  
Chi mạnh xông trời nên thắng lớn,  
Hơi xuân trải rộng khắp đồng nương,  
Núi sông nhả nhủ người muôn dặm,  
Kim cổ lừng vong mộng một trường  
Buồn đến, viết chơi câu phá luật  
Lòng riêng với vợ lúc thơ xong...  
Vua lại chờ những lời bình phẩm.

Kỳ này Vũ Lãm lại là người nhanh nhẩu. Lãm nói:

- Thơ nói đến nơi người xưa thường làm nên những chiến công lừng lẫy. Tâm hồn man mác với núi sông hùng vĩ, muốn đối thoại với người xưa. Nghiệp đế gọi những tú lớn, thấy mình phải có trách nhiệm với cha ông... Sức người có hạn, khát khao thì nhiều. Nỗi buồn vì thế không tránh khỏi.

Ai cũng thấy lời bình thật hay. Ngô Chi Lan không ngờ cái ông hay bốc đồng và theo đuôi lại có phút thăng hoa như thế.

Vua trao cho Vũ Lãm một chén rượu, khẽ nói:

- Cảm ơn Vũ tiên sinh...

Bây giờ đến lượt Trạng nguyên Nguyễn Trục bình...

Ông tự rót rượu nhấp một hớp, khà một tiếng mà nói:

- Nguyễn Trục này từng đến Bạch Đằng. Khi nước triều rút, bãi cọc nhô ra. Trên trời, dưới sông, cảnh sắc thật hùng tráng, lòng dạ nao nao... Thi tứ muốn bay lên mà không nghĩ nổi một câu bởi viết mà không xứng với cái nơi mình ngưỡng mộ thì thà đừng viết. Nay nghe thơ của Động chủ, dẫu hồn vía người khác trong thơ, nhưng cũng thấy nói hộ được cho mình. Đa tạ... Đa tạ...

Liền rót một chén dâng lên Vua. Thánh Tông rất cảm động, rất vui, uống cạn cùng Nguyễn Trục.

Đến lượt Ngô Chi Lan bình. Nữ sĩ nói:

- Khi Đỗ Mục, nhà thơ thời Văn Đường đến thăm Xích Bích, nơi Chu Du đại phá quân Tào có viết: "Cát vùi, kích gãy, sắt chưa tiêu. Mài rita tìm ra dấu cật triều. Ví thử Chu Lang không gió giúp. Nên xuân Đông Tước khoá hai kiêu". Thơ thần nhiên trước lịch sử, lại còn pha chút đùa vui, xem ra trong lòng không còn bợn chuyện núi sông day dứt. Còn thơ của Động chủ đây, thấy tổ tiên tráng chí ngút trời, anh hùng một thuở. Hậu sinh làm bao nhiêu cũng không kịp, không bằng. Không phải thấy người mà suy, nhưng cái tứ hay ngoài bài thơ này chính là: trong nỗi buồn có hùng tâm, trong cái khiêm nhường, nhún mình có cái chí trùm đời.

Ai nấy đều giật mình. Không ngờ một vị nữ sĩ mà sức nghĩ lại vượt ra những lẽ thói thông thường đến thế!

Vua cầm lấy bình rượu, tay run lên vì hạnh phúc. Mắt rung rung, giọng như nghẹn lại nói:

- Thế mới biết ngày xưa Tứ Kỳ mất thì Bá Nha đập đàn đi là phải. Người ta còn truyền tụng nữ sĩ Kim Hoa Ngô Chi Lan ngang với Liễu Hạ Huệ thuở xưa...

Vua rót rượu mời nữ sĩ, cả Nguyễn Trục và Vũ Lâm cũng rót mời. Nữ sĩ vội lấy chai rượu xuống, rót cả ba chén, mỗi chén rót một ít vào, rồi nói vui:

- Trong chén này có thịnh tình của ba người tài trong thiên hạ, thiếp xin uống để được lây tài.

Ai cũng chịu nằng ửng xử nhanh và thông tuệ...

Thuyền trôi nhẹ, trăng sáng lằng lằng... Nữ sĩ Kim Hoa rời khoang ra đứng trên mũi thuyền, cả ba đều lên theo. Họ cùng ngồi bên mũi. Trăng vỡ trên nền trời mùa xuân bằng bạc, sương khuya lạnh khiến ánh trăng càng huyền ảo... Gió dẫu lạnh nhưng hương xuân đã tràn về từ hoa cỏ ven sông, từ mặt nước ấm dần lên, sau những ngày đông lạnh giá. Chợt Vua Thánh Tông nảy ra một ý. Người nói:

- Trăng nước đẹp thế này sao chúng ta không liên ngâm nhỉ.

Vua đọc lên hai câu thơ mở đầu. Nguyễn Trục, Ngô Chi Lan, Vũ Lãm ai nghĩ ra nhanh hơn đọc nổi vần. Nguyễn Trục chữ đẹp, lấy nghiên bút ra ghi, cô ca nữ cầm đèn cho quan Trạng viết, cảnh chơi thơ trong đêm trăng thật có một không hai. Bài thơ được ra đề là: *Thưởng trăng trên sông*, nguyên văn như sau:

**Lê:** *Khuôn cả treo lên khéo hữu tình*

*Hoà cao, hoà sáng, vườn hoà thanh.*

**Nguyễn:** *Soi thế giới muôn bờ cõi*

*Dãi lâu dài mấy khác canh*

**Ngô:** *Dại dột việc gì say bắt sóng*

*Vằng vặc lòng càng tiết sạch thanh*

**Vũ:** *Lo thuở thủy triều dâng thủy thủy*

*Bõ khi điêu đẩu đếm canh canh...*

**Ngô:** *Vàng điểm thơ ai câu trướng vóc*

*Ngọc pha rượu khách một dòng xanh*

**Lê:** *Mấy người dạm được hình dong ấy*

*Mười phần chửa nhận một phần thanh*

**Nguyễn:** *Hây hây gió vàng thông ả nhận*

*Lầu lầu bóng ngọc suốt nhà giao*

**Ngô:** *Dãi dãi chén khách kể liễu cúc*

*Nhẹ chớ thuyền ai ngược động đào.*

**Vũ:** *Có kẻ lòng còn ư ái cũ*

*Ngồi nằm trông nhận phía lầu cao*

**Lê:** *Bốn mùa no đủ, không mùa thiếu*

*Trăng một xuân chấy vặc vặc cao*

**Vũ:** *Cá ngừ câu chìm xui bạn lánh*

*Chìm ngờ cung bản bảo nhau bay!*

**Ngô:** *Bến loan Chúc nữ cài vòng lược*

*Dấu cũ khai nguyên bấm móng tay*

**Nguyễn:** *Khi nao tuy hãỵ còn rằng bé*

*Có thuở vắng ra thiên hạ hay*

**Ngô:** *Ngọc đúc mười phân, dây vẫn chứa*

*Nửa vành dáng dáng mé trời tây...*

**Lê:** *Trừ khi mình nhẹ nên bay cánh*

*Chiếm được ngôi cao bốn bề hay...*

Kép đàn và ca nữ từ lúc này vẫn ngồi bên thưởng thức, đến bây giờ mới xin các nhà thơ để được phổ vào nhạc, vào ca...

Nguyễn Trục đưa bản chép cho ca nữ. Cô đào rất thông tuệ, đọc vài lần là thuộc. Bối cảnh tả trong thơ rất quen thuộc, rất tâm đắc. Và nhạc đã dạo, lời ca đã cất. Tiếng thơ ngâm lan ra mặt sóng, lan trong bầu trời. Ánh sáng như thu nhận, cuốn vào trong màn sáng trong trẻo, đậm ấm...

Và trên những cành xuân, những lộc non đã hé, không biết vì trăng xuân, gió xuân hay thơ xuân đêm ấy...

2001

## Trạng lương<sup>(1)</sup>

Bên đường mấy cậu bé tóc trái đào vẫn mãi mê chơi pháo đất. Chúng lấy bùn quánh đen dưới áo xuân, đập liên hồi, rồi vè, rồi nặn thành hình ống ngắn, cho vào bàn tay giơ lên cao đập xuống đất. Hơi đồn vào quả pháo đất, phá vỡ đáy pháo, bung ra một lỗ lớn. Những đứa nỏ bé, lỗ bung ra bé thì vè đất pháo vừa bằng lỗ vỡ của kẻ thắng cuộc, đèn cho, vì thế trò chơi này cũng gọi là pháo đèn.

Lương Thế Vinh tuy bé, nhưng luyện đất, nặn pháo khéo, nên đều thắng cuộc. Cậu chỉ cần lấy đất đủ nặn một cái pháo, nhưng khi vào cuộc chơi, cậu lấy đèn hết đất pháo của lũ trẻ chơi trong cuộc.

Vinh học rất giỏi, nổi tiếng thân đồng, sách qua mắt là thuộc. Mới ngoài mười tuổi, thầy dạy nào cũng hết chữ, cha mẹ phải gửi lên trường huyện để tập văn.

Bữa ấy đi học về, mấy đứa trẻ lại rập rình rủ nhau đến trước cửa nhà Lương Thế Vinh chơi pháo đèn. Đang chơi thấy một người, dáng vẻ lái buôn, vốn là chủ nợ của gia đình, đến đòi nợ.

Vinh vẫn đang mãi nặn pháo. Ông khách nhận ra Lương Thế Vinh, liền lấy tay xách tai lên, hỏi:

- Thằng này, bố mẹ mày đi đâu?

Đang mãi chơi, lại bị kéo tai, Lương Thế Vinh cúi, trả lời:

- Đi vắng tự khắc có việc, hỏi làm gì!

---

<sup>(1)</sup> Tên gọi thân mật của Lương Thế Vinh, vì ông họ Lương.



Chủ nợ ngờ rằng cha mẹ Vinh lánh mặt, trốn nợ, liền không buông tha Vinh, gặng hỏi nữa. Vinh ngại lão này làm rầy bố mẹ mình, nên gắt gỏng nói:

- Bố tôi đi giết người sống, mẹ tôi đi cứu người chết!

Người khách nghe hết hồn, lòng lại càng hoang mang. Chẳng lẽ vì mấy lạng bạc thôi mà nhà này phải liều thế ư? Liền gặng hỏi, miệng dụ dỗ:

- Mày nói thật đi, tao sẽ trừ nợ cũ cho bố mẹ mày!

Lương Thế Vinh gơ ngay đám đất nặn pháo và bảo:

- Ông hứa, thì xin in vân tay, điểm chỉ vào đám đất nặn pháo của tôi này để làm bằng.

Chủ nợ in ngay. Lương Thế Vinh vỗ tay reo lên trước đám trẻ con:

- Ô, có thế mà không biết, bố tôi đi giết người sống, tức là nhỏ mạ, mẹ tôi đi cứu những người chết, tức là cấy lúa!

Ông khách chịu, lạng lẽ bỏ đi.

Đến tối, Vinh thuật lại chuyện và đưa nắm đất có vân tay của chủ nợ cho bố. Ba hôm sau, ông này đến đòi, bố Lương Thế Vinh chìa nắm đất kia ra rồi cười bảo:

- Bác đã cho thằng Vinh nhà tôi rồi, còn đòi làm gì nữa...

Chủ nợ đành chịu, than rằng:

- Cậu bé này nhỏ tuổi, đã thông minh thế này, lại sẵn cơ mưu, sau này phò Vua giúp nước hẳn là hiển đạt.

Liền khen với bố Vinh rồi xoá nợ cho thật...

Sau đó, Lương Thế Vinh đỗ khoa thi Hương, tập văn trên tỉnh để cùng đi thi Hội. Vinh gặp Quách Đình Bảo, người xã Phúc Khê, huyện Thanh Lan<sup>(1)</sup>, Thái Bình. Hai bên đều phục tài nhau, trường văn trận bút, không ai chịu thua ai.

---

<sup>(1)</sup> Tức huyện Thanh Quan sau này.

Lương Thế Vinh vẫn nghe đồn về chuyện hai anh em Quách Đình Bảo và Quách Đình Nghiêm, gia đình được một ngôi mộ đất địa. Số là tổ phụ của họ ngày trước nghèo, thường chôn vẹt suốt ngày ngoài đồng. Một bận cuộc giun cho vẹt, cuộc chạm vào hũ đá, toé lửa, đào lên được một hũ vàng, lại lạng lẽ cất vào xó nhà, không cho ai biết. Ít lâu sau có một người khách trú từ Hoa Nam sang. Người chôn vẹt để ý thấy cứ quanh quẩn chỗ ông ta đào được vàng bữa nọ, cuộc, xăm tìm hoài không thấy. Trời tối, khách ngồi ôm mặt khóc. Người chôn vẹt hỏi:

- Ông làm sao mà khóc.

- Tiên tổ tôi trước làm quan ở đất này, được ít vàng, giúp cho con cháu. Giờ nhà sa sút, theo bản đồ tìm, thì lại bị mất cả!

- Tôi đã đào được, hãy theo về nhà, xin trả lại.

Người khách trú mừng lắm, sau đó, trả ơn cha của Bảo và Nghiêm bằng cách đặt đất cho một ngôi mộ. Hai anh em học hành cũng lừng danh ở Thiên Trường.

Chẳng mấy chốc, kỳ thi Hội đã đến. Lương Thế Vinh, kỳ này quyết chí giạt lấy Trạng nguyên không nhường cho ai. Đối thủ của Vinh chỉ có Quách Đình Bảo. Quách Đình Nghiêm, so với anh, còn kém một, vài phân, không lo. Gần đến kỳ thi, Vinh sang làng Quách Đình Bảo thăm dò xem Bảo học cách nào. Đến nơi thấy Bảo đang ngồi trong nhà, giở sách ra đọc. Bên phải là Kinh Dịch, bên trái là Kinh Thi. Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu cũng bày biện quanh cả đấy...

Lương Thế Vinh ngó qua cửa, thấy Bảo vẫn cầm cúi giở sách không chú ý gì đến xung quanh, liền ra về, không vào nữa, sợ làm phiền bạn, trong bụng nghĩ: "thì cử đến nơi mà còn hậm hùi hết kinh này, truyện nọ, sách vở quanh mình thế kia, sao gọi là bậc "Phơi chữ"<sup>(1)</sup> được. Bảo học thế, không gọi là uẩn xúc được!

---

<sup>(1)</sup> Xưa có người nằng ngồi phơi bụng, hỏi thì bảo, sợ chữ trong bụng ẩm, phải

Quách Đình Bảo kỳ thi này cũng chỉ kiêng có Lương Thế Vinh, sau lúc miệt mài, ra đường chơi, thì người láng giềng báo có Lương Thế Vinh vừa sang, hết sức kinh ngạc, hôm sau đeo tay nải sang bên làng Cao Hương, huyện Thiên Bản tìm Lương Thế Vinh. Vào nhà, người nhà nói: Vinh đi vắng. Ra đến cổng làng, trên mảnh ruộng thấy Lương Thế Vinh đang thả diều với bạn ngoài đồng.

Quách Đình Bảo ngửa mặt lên trời than rằng: "Tài học người này, ta không theo kịp".

Thi Hội, Quách Đình Bảo đỗ đầu, đứng trên Lương Thế Vinh, nhưng khi vào thi Đình thì Lương Thế Vinh đỗ Trạng nguyên, còn Đình Bảo chỉ đỗ Thám hoa... cả hai đều được ban mũ áo, dạo thăm kinh thành và dự tiệc Vua trong vườn thượng uyển...

Nghe tin, kỳ thi Đình này có quan Trạng nguyên rất giỏi, hình dung tuấn tú, Quang Thục Hoàng thái hậu chợt nhớ đến chuyện giấc mơ thuở xưa liền bảo với Vua Lê Thánh Tông:

- Ta nghe nói Trạng nguyên Lương Thế Vinh rất giỏi, thường tranh tài với Thám hoa Quách Đình Bảo, cả hai đều có phúc phận rất lớn, con đã định giao việc gì cho các quan tân khoa chưa?

- Thừa mẹ, vương triều mới dựng, luật pháp, điển lệ đều cần. Viện Hàn Lâm, đang thiếu người. Công việc bang giao, lo việc xây dựng các viện, sở từ triều đình đến các trấn, phủ, bộ Lễ, bộ Công đều thiếu người giỏi, chỉ có điều dùng người vào đích việc, để họ vẫy vùng, giương vây, sải cánh, tài năng ngày càng nảy nở, đó mới là điều khó.

- Bữa tiệc tiếp tân khoa của Hoàng đế ở vườn ngự uyển vào chiều nay phải không?

- Thừa mẹ vâng!

Thánh Tông rất có hiểu, bởi khi Vua Thái Tông băng hà, Quang Thục Hoàng thái hậu rất long đong, về sau, khi Đức vua lên ngôi, bà mới được ngài tôn phong làm Thái hậu. Thái hậu nói:

---

*dem phời.*

- Ta muốn dự tiệc xem mặt các quan tân khoa.

Thánh Tông biết mẫu hậu có ý, liền thưa:

- Con sẽ truyền cho họ đến yết kiến mẹ rồi sau đó sẽ dự tiệc.

- Thế cũng được.

Chiều đó, quan Trạng nguyên, quan Thám hoa trước khi uống rượu, xem hoa ở vườn Vua được vời đến ra mắt Thái hậu.

Hai quan tân khoa vận mũ áo vinh quy, rất đẹp, nhưng dáng vẻ mỗi người mỗi khác. Quách Đình Bảo nhanh nhẹn, nhạy bén, còn Lương Thế Vinh thì điềm tĩnh và thông dong. Hoàng thái hậu ngắm quan Trạng nguyên và Thám hoa, rồi cười khen:

- Ta được nghe Đức vua nói, các khanh đua tài văn trận bút từ trấn phủ. Vào thi Hội, họ Quách đứng trên họ Lương, thi Đình, thì họ Lương lại trên họ Quách. Học tài, thi phận, vốn lẽ thường, nhưng cả hai, tài trí đã đứng đầu các sĩ tử trong cả nước! Ta có lời khen và ban tặng mọi người một vò rượu. Nhưng trước khi nhận rượu, Nhà vua hãy ra thơ để quan Trạng hoạ xem nào.

Vua Lê Thánh Tông nói:

- Đêm qua trăng rất đẹp. Ta mới làm được một bài thơ, hai quan tân khoa hãy cùng đua tài một lần nữa để Hoàng thái hậu thưởng lãm...

Vua truyền quan thị ngự đem giấy bút và mài mực sẵn để hai người thi tài hơn kém. Rồi ngài cho tuyên đọc bài thơ của mình.

**Nguyệt**

(Trăng)

*Khuôn cả treo lên khéo hữu tình*

*Hoà cao, hoà sáng lại hoà thanh.*

*Gương giỡn vàng vặc soi muôn dặm*

*Bóng toả lầu lầu suốt mấy canh.*

*Ông nọ vì đâu xe chỉ đỏ,*

*Nàng nào chơi đó rẽ mây xanh  
Ngẩn xem khí tượng hình dung ấy,  
Chợt lộ ra thì nhạt chúng tình.*

Trạng Lương và Thám hoa Quách Đình Bảo đều vàng lệnh hoạ thơ. Chỉ ít phút sau, Quách Đình Bảo đã làm xong:

### Nguyệt

*Ngắm nguyệt càng lâu càng hữu tình,  
Mặt lâu lâu, vóc thỏ thanh thanh  
Soi thế giới muôn bờ cõi,  
Dãi lâu dài mấy khắc canh.  
Vàng điểm thơ ai câu trướng vóc,  
Ngọc pha rượu khách chén dòng xanh.  
Mấy người dạm được hình dong ấy  
Giúp sáng chẳng thì một cảnh tình!*

Quách đọc thơ xong, nhìn sang Trạng Lương vẫn chưa thấy viết một chữ. Hoàng thái hậu hỏi:

- Thơ quan Trạng đâu?

- Tâu, thần khẩu chiếm, đã thuộc lòng ngay từ lúc nghe xong bài ngự thi.

- Đọc ta nghe nào!

Lương Thế Vinh, cất giọng rất trong và ngâm:

### Nguyệt

*Tít cao mà vẫn thấu nhân tình  
Vì có lâu lâu tính sáng thanh  
Soi khắp đầu giếng liền cuối chạp,  
Suốt từ một khắc, nhẵn năm canh  
Tàn vàng xô lại chồi mai bạc.  
Bóng ngọc rây vào khóm trúc xanh.*

*Dám hỏi những gì trong cõi thuốc*

*Liệu ai còn thiếu mặt nam tình?*

Hoàng thái hậu nghe rồi có lời khen và hỏi:

- Hai khanh thử trao nhau, xem hai vò rượu có gì khác không?

Quách và Lương nhận rượu và cùng xem rồi đều thưa với Hoàng thái hậu rằng cả hai đều như nhau.

Hoàng thái hậu cười bảo:

- Đó là ta trọng tài cả hai quan tân khoa. Vua này, tôi này, ta mong đất nước ngày càng sáng danh cùng các bậc tối hiền của các triều đại trước!

Khi hai quan tân khoa lui ra, Hoàng thái hậu mới nói với Vua Lê Thánh Tông:

- Thuở ta còn đang mang thai Ngài ngự, ta có một giấc mơ rất lạ. Ta mơ được triệu lên gặp Ngọc Hoàng thượng đế. Người tiếp kiến rồi ban cho ta hai tiểu đồng, một làm con nối, một làm người giúp việc. Ta rất hy vọng, nhưng không dám nói với ai. Khi Đức Thái Tông băng hà, Nhân Tông nối ngôi, ta đâu dám nghĩ chuyện ứng mộng. Nhưng khi Nhân Tông gặp hoạ Nghi Dân tiếm ngôi, sau đó triều thần trị kẻ bạo nghịch, đưa con lên làm Vua, ta mới biết là mộng đã ứng. Vậy là tiên đồng làm con nối nghiệp chính là con còn tiên đồng giúp việc, hôm nay, nhìn Lương Thế Vinh, quả là giống in người trong mộng.

Lê Thánh Tông nghe Hoàng thái hậu thuật lại, rất lấy làm lạ... Từ đó càng chú ý đến Lương Thế Vinh.

\*

Lương Thế Vinh và Quách Đình Bảo đều được Vua vời vào làm Trục học sĩ ở Viện Hàn Lâm. Năm Canh Dần, đời Hồng Đức (1470), Bảo sang sứ nhà Minh, khi về được làm Hiệu thư Đông các, sau đó thăng phó Đô ngự sử, rồi làm Thượng thư bộ Lễ. Mùa thu

năm Giáp Thìn, ông vàng mệnh Vua Lê Thánh Tông xét tên tuổi những người đỗ Tiến sĩ từ khoa Nhâm Tuất (1442) niên hiệu Đại Bảo, đến khoa Giáp Thìn (1482), để khắc tên vào bia đá, dựng ở nhà Thái học (Văn Miếu).

Còn Lương Thế Vinh, thì được giữ luôn ở bên mình Vua. Ông được giữ chức Thị thư Hàn lâm viện, kiêm Tri sùng văn Quán và Tú Lâm Cục, nắm hết mọi giấy tờ, giao tiếp với nước ngoài. Số điệp ngoại giao, gửi sang Trung Hoa, việc nào rõ việc ấy, văn từ, ngôn ngữ chuẩn xác, khiến tiếng đồn đến tận đại thần và Vua nhà Minh. Ông lại soạn ra cuốn *Đại Thánh toán pháp*, lưu hành trong dân gian, áp dụng các phép đo lường, tính toán. Sĩ tử ai cũng khâm phục.

Khi Vua Lê Thánh Tông lập Hội Tao Đàn, ông được giữ chức Sái phu, nghĩa là "Người quét dọn", hiệu đính những sai sót, hoặc lời hoặc ý, chưa đạt đến độ chân, nhã... Vua coi ông như đại thần tin cậy và cũng là bạn thiết trong đời, ngang với Nguyễn Cư Đạo.

Khi Trạng Lường mất, Vua rất thương tiếc, thức suốt đêm làm một bài thơ khóc bậc bề tôi hiền và cũng là cánh tay phải của mình:

### Nhớ Trạng Lường

*Chiến thư Thượng đế xuống đêm qua,*

*Giống khách tiên dài kíp tới nhà.*

*Cắm tú mấy hàng vé động ngọc*

*Thánh hiền ba chén ươm hồn hoa.*

*Khí thiêng để lại thu sơn nhạc,*

*Danh lạ còn truyền để quốc gia.*

*Khuất ngón tay than tài cái thế,*

*Lấy ai làm Trạng nước Nam ta?*

"Lấy ai làm Trạng nước Nam ta?". Vua đọc lại bồi hồi mãi không thôi.

1998

## Bạn tri âm

Tin Lạng Sơn Vương Nghi Dân cùng bọn Phạm Đôn, Trần Lăng, Phan Ban giết vua cướp ngôi, giết Thái hậu, làm các đại thần nhà Lê đều xón xác.

Để thử lòng các quan, Nghi Dân đặt niên hiệu là Thiên Hưng, quàn xác của Nhân Tông và Thái hậu vào một nơi, rồi thiết triều, bảo với quần thần văn võ:

- Ta là con trưởng của Thái Tông, giành lấy ngai vàng là điều hợp lý. Nhân Tông và Thái hậu Nguyễn Thị Anh, chẳng qua là nhờ quyền thần mà được ở ngôi, nên đã bị giết. Người đã chết thì phải lo chôn cất, tế một tuần, làm lễ phục hồn. Ai dám đứng ra viết văn tế Nhân Tông đây?

Trong triều im phăng phắc. Nhưng bỗng có một vị quan văn, người nho nhã, tiến ra nói:

- Thần, Nguyễn Trục tuân chỉ!

- À, Trạng nguyên Nguyễn Trục hả - Nghi Dân sầm mặt - hay lắm, ông viết ngay rồi đưa cho ta xem.

Đêm ấy, Nguyễn Trục chong đèn viết văn tế Nhân Tông Hoàng đế. Nước mắt chan hoà, nhỏ cả xuống giấy, phải viết đi, viết lại mấy lần mới xong, rồi đem vào nộp cho vua mới. Nghi Dân mở ra đọc. Bài văn tế viết:

*"Nước lấy người làm gốc mà người thì nhân phẩm không giống nhau. Khí tượng đế vương, không phải ai cũng có.*



Nước Việt ta phong khí đã mở mang, tình hoa đều hợp lại. Vua hiền sáng kế tiếp nối lên. Thái Tổ nếm mật nằm gai, mười năm chống Minh, đem lại cơ đồ cho đất nước. Thái Tông nối nghiệp hai lần bãi Tể tướng, chọn người hiền. Mở khoa thi, khoan nhân, đại lượng.

Lại như Nhân Tông Hoàng đế ta, nối ngôi từ lúc hai tuổi. Thái hậu nhiếp chính, tuổi nhỏ ra sức trau dồi học vấn, khi cầm quyền thì đau đầu lo việc nước. Vua thân sắc anh tuấn, đáng diệu đường hoàng. Khi tan châu, tự đến Kinh Diên nghe giảng, đến tận mặt trời lặn mới thôi! Siêng năng tế lễ thần linh, truy thờ tông miếu. Thờ Thái hậu dốc lòng hiếu thảo. Với anh em trọn vẹn yêu thương. Hoà thuận với họ hàng, truy phong người tài đức. Tôn sùng nho học, kính lễ đại thần. Thăng triều nghe bàn kỹ lưỡng, dẹp bỏ những lời thiên cận, nhận những lời trung nghĩa can ngăn. Chăm nom chính sự, thận trọng thưởng phạt. Coi trọng nông tang, chú trọng văn hiến. Vua hết lòng thương dân, không thích xây dựng, không mê săn bắn, không gán thanh sắc, không ham tiền của, hậu với người, bạc với mình, trong ấm ngoài êm. Vua răn cấm tướng ngoài biên không được gây hiềm khích với nước láng giềng. Chiêm Thành láo xược, hai lần vào cướp Châu Hoá thì sai tướng đến đánh, bắt được Vua giặc Bí Cai. Nước lớn sợ uy, nước nhỏ mến đức. Chính sự đều theo điển chương, hình pháp đi vào nền nếp. Mọi việc lớn đều cho đình thần bàn bạc, luận xét thích đáng rồi mới cho thi hành. Cho nên chính trị hay, giáo hoá tốt ban khắp ra bốn biển. Sinh linh mến đức, năm tháng thanh bình. Ngài băng thình lình, trăm họ như mất cha, mất mẹ. Trời sâu đất thảm, trăm họ khóc vang kinh thành... Lòng thương tiếc không sao nói hết...

Hỡi ôi, thượng lương".

Nghi Dân xem xong tức lắm, cho triệu Nguyễn Trục vào mà nói:

- Người nêu công của Nhân Tông như vậy hoá ra định chuốc tội khi quân hay sao?

Nguyễn Trục ung dung trả lời:

- Tâu, những việc thần viết trong bài văn tế, đều là việc có thực, sao lại gọi là khi quân.

Nghi Dân muốn giết, hoặc thả cho về, nhưng Nguyễn Trục đỗ Trạng nguyên trong những khoa thi đầu tiên của nhà Lê, lại là người có tài, sợ giết sẽ mất lòng trăm quan, đành bấm bụng mà chịu, rồi huỷ bỏ bài văn tế không cho đọc.

\*

Khi triều đình giết Phạm Đôn, Phan Ban, phế Nghi Dân đưa Lê Thánh Tông lên ngôi, Vua trọng người tài, phong Nguyễn Trục làm Hàn lâm viện thừa chỉ, kiêm Quốc tử giám tế tửu.

Thời Vua Nhân Tông, Vua phong Nguyễn Trục làm Hàn lâm viện thị giảng. Trục thường giảng ở toà Kinh Diên cho Vua nghe. Bình Nguyên Vương Tư Thành cũng dự học. Do đấy, khi lên ngôi, Vua càng trọng thày.

Vua đem sách *Thiên Nam dư hạ* thường hỏi Nguyễn Trục những điều cần thì bàn, xem đã thấu lý đạt tình chưa.

Thường là cứ ngày sóc và ngày vọng (tức mồng một và ngày rằm) Vua vời quan Trạng nguyên vào đàm đạo kinh sử, văn chương.

Một hôm, Vua hỏi quan Trạng:

- Ta đang tìm hiểu thêm cái Chân của Vô Cực và cái Tinh của Âm dương ngũ hành! Khanh nghĩ thế nào?

Nguyễn Trục nói:

- Tiên nho như Trương Tải và Chu Liêm Khê đã bàn nhiều về vũ trụ luận khá đặc sắc. Họ cho rằng, nguyên lý của Thế giới là Thái Hoà. Thái Hoà có nội lực "chìm nổi, lên xuống, động tĩnh ngược nhau. Hai phần đối lập trong Thái Hoà là Hư và Khí. Hư không phải là Vô, cũng không phải là Vật, nó là Lý, nhưng chỉ vì nó là vô động, vô cảm, vô hình vô cùng, nên gọi nó là Hư!".

Vua lại hỏi:

- Quan hệ giữa Hư và Khí như thế nào?

Nguyễn Trục thưa:

- Trương Tải cho rằng Khí không phải do Hư (Lý) mà sinh ra, lại cho rằng Hư (Lý) mà không có khí thì không đứng được. Khí tụ lại thành vạn vật mà vạn vật tan đi thì trở về Hư, do vậy mà bàn là "bất đắc bất nhiên, tất nhiên" tức là "bất đắc dĩ" vậy. Hai anh em Trình Hiệu, Trình Di đời Tống lại cho Đạo là hình nhi thượng và Khí là hình nhi hạ. Họ nói "Rời khỏi âm và dương thì không còn gì là Đạo nữa. Cái làm cho có âm có dương chính là Đạo, mà bản thân cái âm, cái dương là Khí. Khí là cái thuộc hình nhi hạ. Đạo là cái thuộc hình nhi thượng. Đạo có hai, hoặc nhân hoặc bất nhân. Thế thôi. Cái lý tự nhiên là vậy. Đạo chẳng bao giờ vô đối, tức là có âm ắt phải có dương, có thiện thì có ác, có thị thì có phi, không phải là một mà cũng không phải là hai...".

Vua nói:

- Mênh mông quá! Bao la quá! Còn khanh, thì khanh nghĩ về Hư (Lý) và Khí ra sao?

- Tâu, thần nghĩ, không nên đối lập giữa Lý và Khí, vì trong khoảng trời đất đầy rẫy, chỗ nào cũng là Khí cả. Còn Lý chẳng qua để nói là Khí là thực hữu, chứ không phải là vô. Lý không có hình tích, nhờ Khí mới hiện ra được. Lý ở ngay trong Khí, âm và dương, chẵn và lẻ, tri và hành, thể và dụng, những thứ đó thì có thể cặp đôi. Nhưng Lý và Khí thì không thể cặp đôi được!

Vua lắng nghe Trạng nói, gạt đầu tâm đắc, rồi ân cần giục:

- Khanh cứ bàn tiếp đi!

- Tâu, thần xin mạo muội bàn thêm: "Trời vốn cao và cách đất không biết mấy vạn dặm. Cái học trác nghiệm thì ngang dọc, ngược xuôi, thêm bớt, nhân chia chẳng qua một mớ con số.

thể mà biết được đường đi của thất chính và nhị thập bát tú. Như thế chẳng phải là cái thể thì rất to lớn, cái dụng thì rất nhiệm màu mà đường đi thì có phép thường<sup>(1)</sup> hay sao? Không thường thì sao được yên, không yên thì sao được lâu dài? Xem ra, gió là cái khí của Trời Đất khi tan khi tụ mà phát ra thành tiếng. Đời xưa có truyền lại phép xem khí hậu, ấy là xem trên lục địa, còn như ở ngoài biển cả mênh mông, không còn biết đâu là đâu, mà các lái thuyền, các chân sào cũng biết được ngày nào, giờ nào nên tránh, nên đi. Được như thế là do phép thường luôn nhiệm vậy!

Vua khen:

- Khanh bàn như thế cũng thấu nhẽ.

Rồi bày cờ chơi với Trạng. Nguyễn Trạng đánh cờ hết lòng, không như người khác, ván được, ván thua. Vua biết Trạng là người trung thực, càng quý yêu.

Một bận Vua Thánh Tông lại bàn với Trạng nguyên Nguyễn Trục về văn nghệ.

Vua hỏi:

- Văn chương nên nghĩ thế nào cho phải?

Nguyễn Trục nói:

- Tô Đông Pha bàn về văn chương cho rằng: "ý hết mà lời dừng. Ấy là cái lời rất mực trong thiên hạ; song lời dừng mà ý còn ngón ngang thì lại càng hay tuyệt!". Lý Cao thì nói: "Nghĩ sâu thì ý xa, ý xa thì lý rành, lý rành thì khí mạnh, khí mạnh thì lời giàu, lời giàu thì văn hay". Đó đều là những điều đọc nghìn nhà để có.

Vua khen:

- Phải lắm! Bàn tiếp đi!

---

<sup>(1)</sup> *Tức là bất biến.*

- Đỗ Phủ có bài:

*Văn chương thiên cổ sự,  
Đắc thất thốn nhân tâm  
Tác giả giai thù biệt  
Thanh danh khởi lãng thù.*

Tức là:

*Văn chương, việc nghìn đời  
Tác lòng bàn đượ, mát,  
Văn nhân đều lạ khác,  
Tiếng nổi như sóng cồn.*

Vậy là Đỗ đã nói hết về văn chương và cái mong muốn của ông với văn chương rồi.

Vua hào hứng bàn thêm:

- Đỗ Phủ vốn nhân ái, quý người. Hai câu trên cho là văn chương có quyền bàn về chuyện đượ mát. Hai câu dưới mong cho người làm văn chương ai cũng có cái hay cái lạ. Ý tứ kín đáo thâm trầm lắm. Nay quan Trọng, về Thơ, nên thế nào cho phải?

Nguyễn Trục nói:

- Tâu thơ có hai mươi tư phẩm, đó là hùng hồn; diêm tĩnh; tinh tế mà nồng nàn; sâu sắc rõ ràng; thâm thúy; trang nhã; điêu luyện; rần rỏi; đẹp tươi; tự nhiên; hàm súc; hào phóng, tươi tắn; kín đáo; giản dị mà thanh nhã; lạ mà hay; gửi gắm nhiều điều; không rời cảnh đời thực; cảm khái thương yêu; như tô như vẽ; siêu hạng tuyệt vời; phóng khoáng; sinh động... Tiếng sáo trời động vào lòng người; con mắt nhìn suốt thế giới tiếp xúc với cảnh đời, lấy trải nghiệm của đời văn chương mà viết, đó là những điều không thể thiếu được của văn chương.

Lê Thánh Tông nghe đoạn, khen Trạng đọc nhiều. Những điều Vua đọc sách còn chưa thấu nhẽ, bàn với các đại thần học cao, nghĩ sâu, Vua đều ghi trong tập *Thiên Nam dư hạ*...

\*

Vua hỏi Trạng Nguyên:

- Ta muốn đem chức Thượng thư ban cho khanh, khanh nghĩ thế nào?

Nguyễn Trục vội sụp lạy mà nói:

- Trục này được Thánh thượng hết lòng yêu tin, như vậy là đặc ân rồi. Còn nguyện vọng của thần chỉ xin làm Thừa chỉ ở Viện Hàn Lâm và Tế tửu ở Quốc Tử Giám<sup>(1)</sup> như thế là hợp với sức lực và tinh thần.

Vua cười:

- Ông đang mắc bệnh đấy, quan Trạng ạ! Ông lại vương cái bệnh cố hữu của đám nhà nho lánh đời rồi! Đó là bệnh của Đào Tiềm đấy!

Rồi Vua ngâm:

*Đi về, sao chẳng về đi,*

*Ruộng hoang vườn rậm, làm chi không về!*

*Đem thân để hình kia sai khiến,*

*Còn ngâm ngợi than vãn với ai!*

Vua đứng dậy, đi đi lại lại:

- Ta đã đọc số của ông xin về Bối Khê an nhàn dưỡng lão rồi. Bài thơ này, chẳng phải ông vừa làm sao: "Thêm Vua, văn sách đã từng dâng. Giật thót, trôi vèo mấy chục năm. Đâu phải lòng không chăm việc nước. Bệnh nhiều, âu phải về điền viên".

---

<sup>(1)</sup> *Tức chức quan chuyên môn ở Viện Hàn Lâm và thầy dạy ở Quốc Tử Giám.*

Rồi Vua thở dài:

- Ai mà không mong nhàn. Ta cũng thế! Ta muốn ngao du sơn thủy, để thơ vịnh cảnh lắm chứ. Nhưng ai cũng thế, lấy ai chăm việc nước!

Rồi bùi ngùi, Lê Thánh Tông nói:

- Vua tôi là một nhẽ, được một người khi có tâm sự muốn đến cùng chia sẻ; có cuốn sách hay chưa hiểu hết muốn bàn bạc cùng nhau; thấy câu thơ hay nhật nhật về đọc cho nhau nghe, thấy nét xấu, tật hư, nhắc nhau để sửa! Lễ vua tôi giữ thì dễ, nhưng cái tình tri âm, tri kỷ nào đã mấy người.

Nói rồi lặng lẽ uống rượu một mình. Nguyễn Trục biết tình Vua thật thâm hậu, liền rút sớ xin cáo quan. Hôm sau, trời lạnh, liền mặc thêm áo, đem theo thuốc, lại lên Viện Hàn Lâm, quán xuyên công việc...

1999

## Nhà chép sử

Vua Lê Thánh Tông hỏi Nguyễn Cư Đạo:

- Khanh thấy Ngô Sĩ Liên là người như thế nào?

Nguyễn Cư Đạo hỏi lại:

- Tâu Bệ hạ, thần chưa rõ Người hỏi để cất nhắc hay để dùng vào việc chép sử.

- Ta muốn cả hai.

Nguyễn Cư Đạo ngâm nghĩ một lát rồi thưa:

- Sĩ Liên cũng đáng gọi là bậc có học trong đám thần tử của Bệ hạ. Song ông ấy không thích Tham chính, không muốn nịnh nọt người trên hoặc la cà đến những đại thần như người ta thường thấy. Cái đam mê duy nhất của Sĩ Liên là được chép sử. Thần có được tiếp xúc với ông ta vài lần, thấy nội lực có thể tin cậy, về khí chất thì có tín, có dũng, như thế, nếu Bệ hạ cất nhắc thì nên cứ dùng ở Toà Đô ngự sử mà giao cho công việc ở Quốc Sử Quán là đúng nhất.

Vua lại nói:

- Ta hỏi ông. Ta chính là người lấy tình bạn từ hồi ta còn là tước Vương chưa làm Vua để đãi ông. Do đó, mới có biệt nhãn này. Người chép quốc sử ăn cơm của ai?

- Tâu, thần dân nào không thuộc ân sủng của Bệ hạ.

- Ăn cơm Vua, hưởng bổng lộc của Vua mà lại nhạo báng đương triều thì có nên dùng để chép sử không?



Nguyễn Cư Đạo ngồi im không trả lời. Vua đưa một tờ giấy cho Nguyễn Cư Đạo xem rồi bảo: Người đọc đi rồi sẽ biết. Rồi mặt rỗng lăm lăm giận dữ. Nguyễn Cư Đạo cầm tờ giấy lên đọc: "Nhân Tông mới lên hai tuổi đã sớm nối ngôi, Thái hậu Nguyễn Thị<sup>(1)</sup> là gà mái gáy sớm, Đô đốc Lê Khuyển như thỏ khôn giữ mệnh. Vua đàn bà mắt quá buông rèm ngôi chón thâm khuê, bọn họ ngoại lòng tham, khoác lác hoành hành khắp cõi, bỏ thân yêu nắm quyền vị, nạn hồi lộ được công khai. Việc văn giáo lạng lẽ như băng tan, người hiền phải bó cánh. Bậc túc nho như Lý Tử Tấn, Trình Thuấn Du thì đẩy vào chỗ nạn, phường dốt đặc ôn ào như ong đàn nổi dậy, như chó chuột nhe răng. Tể thân như Lê Sát, Lê Sáng thì ngu si không phân biệt sáu loài súc vật, Chương bình Lê Diêu, Lê Luyện thì mù tịt chẳng sao hiểu được bốn mùa một năm. Bọn lương thần như Trịnh Khả, Khắc Phục thì kèn cựa mà giết đi, người tài sĩ như Nguyễn Mộng Tuân thì đẩy vào vòng tai họa. Oan uổng không thể kêu xin, mọi việc thấy đều đổ nát. Người trẻ không biết nghĩ làm bậy, nông cuồng. Người già chẳng chết đi trở thành mối họa. Bán quan mua kiện, ưa giàu ghét nghèo. Hiền tài vốn là rường cột của triều đình mà sạch không như quét đất. Văn chương vốn là khí vận ừn ằng tựa cỏ khô..."

Thấy Nguyễn Cư Đạo đọc xong vẫn ngồi im không nói gì cả, Vua vẫn chưa nguôi cơn tức, giọng như đang nguyền:

- Chẳng lẽ nhà chép sử lại lòi anh và mẹ vua ra mà chửi, nhạo báng tiên triều, khinh mạn không ra gì. Chử nghĩa thánh hiền ăn học để đâu, mà lại sàm sỡ, càn rỡ thế!

Nhà vua thở gấp, lòng giận vẫn chưa nguôi. Nguyễn Cư Đạo nhấp một ngụm trà rồi thông thả nói:

- Bệ hạ đang cơn bực bội, thần vẫn xin được nói điều thẳng, như từ xưa đến nay đã nói. Văn khí trong này như lời lẽ của Lạng Sơn

---

<sup>(1)</sup> Nguyễn Thị tức Nguyễn Thị Anh. Người viết truyện dịch theo nguyên văn chữ Hán.

Vương<sup>(1)</sup> sai viết, khi tiếm ngôi, Quốc Sử Quán sưu tầm để nghiên cứu, thẩm xét, người như Ngô Sĩ Liên đang làm quan đương triều, tất cũng đánh giá nổi đức độ của Tuyên Từ Hoàng thái hậu và công lao của tiên đế Nhân Tông. Chắc là có kẻ nào gièm pha Ngô Sĩ Liên, tâng công chép dâng lên Bệ hạ thôi. Xin Ngài ngự hây minh xét.

Lê Thánh Tông thấy lời tâu có lý, nhưng vẫn chưa chịu yên, lại hỏi:

- Trần Phong, Ngô Sĩ Liên chẳng đã được triều đình Thiên Hưng của Nghi Dân trọng dụng đó sao. Ta chưa bỏ được chúng vì còn tiếc chút tài mà dùng. Và lại ném chuột sợ vỡ đồ, ta mới lên ngôi, e điều chưa tiện.

Nguyễn Cư Đạo thở dài nói:

- Dụng nhân như dụng mộc. Bệ hạ ân đức đã được triều đình suy tôn. Trần Phong chẳng qua cũng thạo việc hành chính hơn bọn Phạm Đôn, Phan Ban, Trần Lăng, Ngô Trang, nên được Lạng Sơn Vương dùng thôi. Còn Ngô Sĩ Liên thì mới đỗ, được tiến cử và chép sử ở Quốc Sử Quán là do thực tài. Chức trách cũng chưa quyết định được gì. Đáng đâu Bệ hạ bận tâm.

Lê Thánh Tông lại hỏi:

- Ngô Sĩ Liên có họ hàng gì với Ngô Trang không?

Nguyễn Cư Đạo nói:

- Hai người nếu có liên quan thì sau vụ phế truất Lạng Sơn Vương, quan Tể tướng đâu để cho ngồi ở Quốc Sử Quán nữa.

Lê Thánh Tông báy giờ mới hỏi sang chuyện khác.

\*

Ngô Sĩ Liên hỏi Sử quan Lê Nghĩa:

- Hôm qua Ngài ngự đến đòi xem quốc sử phải không?

---

<sup>(1)</sup> *Tức Nghi Dân, con trưởng của Lê Thái Tông đã dựa vào Phạm Đôn, Phan Ban để cướp ngôi, giết chết Nhân Tông và Thái hậu Nguyễn Thị Anh.*

Lê Nghĩa ngồi im không nói gì!

Quả hôm qua Hoàng thượng có ngự giá đến Toà Đô ngự sử, rồi ghé đến Quốc Sử Quán. Người đi một mình không cho đại thần theo.

Lê Nghĩa rước Lê Thánh Tông vào rồi cung kính dâng trà.

Lê Thánh Tông hỏi:

- Trước kia, nhà Đường bên Trung Hoa, Phòng Huyền Linh là quan chép sử, Đường Thái Tông muốn xem "Thực lục"<sup>(1)</sup>. Huyền Linh nhất định không cho xem. Người so với Huyền Linh thì ai hơn?

- Thánh thượng vạn tuế!

Lê Thánh Tông cười:

- Ta hỏi người, người hãy trả lời đi, sao lại tung hô!

Nghĩa đỏ mặt, nghĩ một lúc rồi nói:

- Đạo thần tử, vua bảo chết còn phải chết, hướng hồ chỉ xem Thực lục.

Lê Thánh Tông lại cười:

- Xem ra người cũng muốn làm tôi trung đấy! Người có biết sự kiện ở cửa Huyền Vũ thế nào không?

- Tâu, đó là chuyện Đường Thái Tông giết hai đại thần là Kiến Thành và Nguyên Cát, quần thần cho là chưa thoả đáng, nên Phòng Huyền Linh không muốn cho Vua xem sử.

- Sau đó thì thế nào?

- Phòng Huyền Linh tuy có chép nhưng chỉ ghi ngày tháng xảy ra việc ở cửa Huyền Vũ, chứ không chép rõ. Sau Đường Thái Tông bắt phải cho xem, Huyền Linh cũng đành theo. Thái Tông thấy chép mập mờ nên bắt phải chép lại cho rõ ràng.

---

<sup>(1)</sup> Sách sử.

Lê Thánh Tông nói:

- Thế thì ta cũng muốn làm như Đường Thái Tông.

Lê Nghĩa thẳng thốt thưa:

- Từ xưa đến nay, thánh hiền đều cho Vua mà xem quốc sử, không phải là việc hay. Những việc làm của Đường Thái Tông và Phòng Huyền Linh, đã bị đời sau chê bai. Thần sợ vâng lệnh Bệ hạ...

Vua nói:

- Ta xem các người chép sử hàng ngày, xem ta có lỗi gì thì sau sẽ sửa!

Nghĩa vẫn cố can:

- Chỉ cần Bệ hạ gắng làm điều hay thôi, cần gì phải xem quốc sử!

Lê Thánh Tông thở dài:

- Chẳng lẽ người lại không chiều ta được hay sao?

Lê Nghĩa thấy Vua tâm thành liền đem những việc ghi chép hàng ngày của sử quan dâng lên Vua.

Nghĩa kể lại cho Ngô Sĩ Liên nghe. Liên cười khẽ mà nói:

- Tôi tưởng Đại Việt mình hơn Trung Hoa là sẽ không xảy ra chuyện như Đường Thái Tông và Phòng Huyền Linh ở Sử quán, nào ngờ lại giẫm vào vết xe đổ trước.

Lê Nghĩa nói:

- Ông nói quá lời chăng?

Ngô Sĩ Liên nói:

- Làm sử quan chỉ để chép cho đời sau những điều tốt, xấu để tránh, để theo. Nay chép tất cả những điều tốt, thì tất là người đời sau sẽ làm điều xấu của triều trước mất. Và lại khí tiết của người chép sử, nếu thấy đúng thì lệnh Vua cũng không theo. Không theo, không những Vua chịu mà đời sau cũng còn nể phục.

Lê Nghĩa thở dài. Ngô Sĩ Liên nói:

- Việc xảy ra rồi không chuộc lại được. Nhưng theo tôi, ông nên chép chuyện Vua đến Sử Quán để đời sau, tránh không làm thế nữa!

Lê Nghĩa buồn bã nói:

- Ông nói phải. Tôi đâu có bị Vua ghét cũng xin chép lại.

Vua biết chuyện Ngô Sĩ Liên trách cứ Lê Nghĩa, mấy bữa sau, Ngô Sĩ Liên được Hoàng thượng vời đến sau buổi chầu.

Ngô Sĩ Liên biết thế nào cũng bị quở, nhưng vẫn ung dung bước vào cung điện.

Mặt Ngài ngự lạnh như tiền. Vua chỉ ghế cho quan Chép sử ngồi. Một lúc sau Vua hỏi:

- Bữa nọ, sau lễ tế giao, ta nghe nói người cùng Lê Nghĩa, chép nhật ký trong thực lục rằng: lễ tế giao của ta cố làm vượt tổ tiên, như thế ý định ám chỉ gì?

Ngô Sĩ Liên nói:

- Tàu Bệ hạ, tế giao đã thành qui ước, tiên đế từ Thái Tổ, Thái Tông, Nhân Tông đều nhất nhất giữ nguyên như thế. Đó là, trước một ngày, quan đề lĩnh sửa đường sửa cầu từ nội điện đến điện Nam Giao. Đến ngày tế thì tám thị hiệu, một vệ, năm trung thuyền của binh phiên đứng dàn ở ngoài thành; bốn quân hiệu ngoại vào phù giá; các hiệu bộ binh ngoại, dàn đồ khí giới hai bên dọc đường từ nội điện đến đàn Nam Giao; thủy binh ngoại dàn đồ khí giới hai bên dọc đường, từ cửa Đại Hưng, cửa Càn Nguyên, cửa Đoan Môn đến đàn giao. Áo mũ quan quân nội thị và thị hậu đều bằng lụa gai, quân ngoại mũ lụa gai, áo thanh cát. Đến giờ thì đánh chuông vục roi dẹp đường. Vua ngồi kiệu long ỷ nghi trượng trước sau để hộ giá. Các quan mũ áo tề chỉnh đi trước!

Lê Thánh Tông cau mặt, ngắt lời:

- Vậy, tế giao vừa qua có lỗi gì?

Ngô Sĩ Liên chậm rãi nói:

- Tế giao vừa qua, hơn các lần tế giao trước đã ghi trong thực lục bởi các người dự tế đến người đẹp đường đều đông lên gấp đôi. Đồ lộ bộ binh khí cũng tăng lên gấp đôi.

Vua nói:

- Tăng như vậy chỉ để tỏ rõ với trời đất là đất nước thịnh vượng, văn trị võ công rờ rờ, chứ có gì đáng bàn!

Ngô Sĩ Liên nói:

- Với thần linh thì tâm thành là đủ. Nếu như cần giễu võ dương oai thì đối với bách tính, thiên hạ, mới phải làm thế.

Vua tức quá, nhưng không vạ nổi, liền mắng rằng:

- Người ngu lắm! Ta mới coi chính sự, sửa mới đức độ, tuân theo và làm sáng danh thêm điển lệ của tổ tông, cũng chính là để mong Trời Đất thấy được tấm lòng đối với thần linh, sông núi, sao lại dám bảo là để khoe uy vũ! Người chép sử, bảo nước ta là hàng phiên bang, thế là đã tự hạ phẩm quốc gia mình, sao không biết nhục. Nước nào cũng có văn hiến riêng, nhân tài, vật lực, chính sự riêng, đó là điều đáng tự hào. Quan chép sử phải tôn vinh điều đó lên chứ, sao lại hèn thế! Còn như cái thân người, khi Lê Đức Hầu (Nghị Dân) cướp ngôi, người ngồi ở ngôi Ngự sử cũng chẳng trở tài vì kẻ bất hiếu đó hay sao! Giờ đây ta lấy lại nước từ tay Lê Đức Hầu, chủ cũ của người, sao người vốn ăn lộc của hán, không chết theo hán, lại đi thờ ta. Ta không muốn nói ra điều này đâu, nhưng nếu người biết tự hổ thẹn thì cũng chết được đấy. Bọn người thật là một lũ gian thần bán nước.

Ngô Sĩ Liên không dám cãi, nhưng nghĩ đến nông nỗi riêng của mình, hai hàng nước mắt chảy xuống mặt. Ông vội lấy ống tay áo chùi đi. Lê Thánh Tông biết mình quá lời, cũng dịu giọng xuống bảo:

- Thôi cho lui!

Nguyễn Cư Đạo biết chuyện Ngô Sĩ Liên bị quở, liền đến nhà họ Ngô để an ủi.

Ngô Sĩ Liên thuật lại buổi hầu Vua cho Nguyễn Cư Đạo nghe, rồi tâm sự:

- Ngô Sĩ Liên này sinh ra, vốn theo đòi các người đi trước, xây dựng một bộ sử cho nước nhà, nên đành nhịn nhục để đạt nguyện vọng, còn như non xanh nước biếc, cáo quan về nơi quê nhà, vui với điền viên, rau trong nội, cá trong ao, thì có khó gì!

Nguyễn Cư Đạo phải an ủi mãi. Nhưng ngay hôm sau, Ngô Sĩ Liên đã được Nhà vua cử giữ chức Quốc Sử Quán tu soạn, vâng mệnh soạn bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*.

Bạn bè, các quan trong triều để đến chúc mừng ông.

\*

Ngô Sĩ Liên đến gặp Nguyễn Cư Đạo, sau khi Vua Lê Thánh Tông mất được vài tháng. Ông bảo với người bạn vốn tao nhã, điềm đạm rằng:

- Đây là quyển XII và quyển XIII trong bộ sử tôi viết, nói về Đức Thánh Tông Thuần Hoàng đế của chúng ta. Ông xem giúp và có điều gì phủ chính cho.

Nguyễn Cư Đạo nhận lấy, đêm ấy chong đèn đọc suốt đêm, lòng bồi hồi cảm động. Ngô Sĩ Liên chép văn trị, vũ công không sót việc nào. Lại chép kỹ cả các việc chưa được như Nhà vua có lúc lấn át đại thần, mắng mỏ các quan từ Tế tướng trở xuống, như mắng con hầu, đầy tớ. Những uy vũ như đánh Chiêm Thành, dẹp Bốn Man, xây dựng luật pháp, mở Tao Đàn, đều ghi rõ cả...

Đến những việc như Vua mắng mỏ đích thân Ngô Sĩ Liên, ông cũng chép rất tỉ mỉ, không hề lược bỏ. Nguyễn Cư Đạo ôm mấy chương sử vào ngực mình ngửa mặt lên trời mà nói:

- Thờ Vua, như Ngô Sĩ Liên, mới thật là bậc đại thần. Thờ tiên đế còn sống, quý trọng ta hơn, ban bổng lộc cho ta nhiều hơn nhưng ta nào đã làm được như Ngô Sĩ Liên tâm huyết với triều đình.

Hôm sau, Nguyễn Cư Đạo đem trả mấy chương sớ, lại tự trách mình với Ngô Sĩ Liên. Nhà chép sớ nói:

- Công tích và sự nghiệp, thân thế của Thuận Hoàng đế là tự người sáng nghiệp, nên tôi mới có được những chương sớ, viết với niềm vui rạng rỡ như thế, những như nhà chép sớ, thì có gì đâu, chỉ có ngọn bút mà thôi!

1999



## Đức sáng

Lúc bấy giờ, Vua Lê Thánh Tông mới trị vì được ít lâu, triều đình vẫn còn nhiều kẻ ham giàu tham lam.

Quan to như Nguyễn Sư Hồi, con trai Quỳ Quận công Nguyễn Xí, cũng còn nhận hối lộ tám mươi lạng bạc. Phần mình chưa vừa ý, lại nhận thêm phần dút lót của cha, may mà cả hai cha con đều có công phò dựng ngôi vua, nên Thánh Tông lấy công bỏ lỗi cho.

Đến như Binh bộ tả thị lang Nguyễn Đình Mỹ trong nhà, thứ gì mới đẹp ở kinh thành cũng có. Lại thường gọi bọn con buôn đến, nhân lúc Vua trang bị vũ khí cho các quân doanh, liền đặt chúng mua các khối lượng lớn ở các trấn phủ. Y lại buôn bán các đồ kim khí cổ, khéo sai gia nhân lùng tìm các vị công tử, Hoàng tử muốn tỏ mình là trang hảo hán, quý tộc có hạng, tán tỉnh bán cho để thu lời, Đình Mỹ nhiều lúc coi thường cả pháp luật...

Ở bên hình sự cũng vậy. Nhiều án nhỏ lại xét kỹ, phạt nặng, án lớn, nếu biết xoay sở, chạy cửa này, cửa nọ thì tội to cũng thành tội vừa, tội vừa cũng thành tội nhỏ. Chẳng thế mà Đức vua phải gọi Chương hình bộ Lê Cảnh Huy đến dụ rằng:

"Người nhiều lần đã giữ những chức then chốt của triều đình, công tích đáng ghi, đã hết lòng can ngăn, nói thẳng, đâu nửa được nửa hồng, thật cũng đáng khen. Song việc hình án mà người đảm nhiệm hiện nay ra sao? Người đã có phương lược gì chưa. Ta nghe dân chúng có rêu rao: "Nén bạc làm nên chuyện, nén vàng xoá tử tù" người đã biết chưa? Từ nay về sau, người hãy xét kỹ việc oan

uống, dẹp bớt những kẻ gian ngoan, bàn luận ở triều đình cho trắng đen sáng tỏ, phải đối chiếu với nghĩa lý, chớ có làm điều cho thiên hạ khôi hài... Trao cho chức lớn, ký thác việc nặng, Trẫm chỉ có trông đợi ở mình khanh thôi!"

Lê Cảnh Huy nhận được sắc dụ của Vua, sợ toát mồ hôi, bèn gọi các chức thị lang, viên ngoại lang đến tra xét hỏi kỹ, lại tự xem kỹ các bản án, xuống các trấn phủ bàn với các quan hình sự, bắt tội kẻ làm bậy. Từ đó tệ ăn đút lót mới giảm bớt đi được.

Lê Thánh Tông vẫn chưa bằng lòng. Vua bèn gọi người thân tín tìm những người giỏi nói, linh hoạt, đến dặn dò rồi ban lụa bạc, đến các quan văn võ ở triều đình nhờ cậy việc này việc khác, thử xem lòng liêm khiết của họ đến đâu. Cứ mười bận đi lo chuyện "đút lót" tiền bạc, gấm lụa chỉ có vài ba người là không nhận.

Vua buồn lắm.

Lúc bấy giờ Vũ Tụ mới được cất nhắc lên làm Tả thị lang bộ Hình. Một hôm đang ngồi ở sảnh đường có người vào báo:

- Bẩm quan, có người ở quê lên muốn xin gặp đại nhân.

Ông cũng là người xa nhà lâu, vội vàng lui về tư thất.

Khi gặp mặt, người mới đến xưng là người nhà quan huyện ở Đường Hào, nhân có việc tranh chấp ruộng đất với một điền chủ họ Trần, nhờ Vũ Tụ can thiệp hộ.

Vũ hỏi:

- Một người là quan huyện, một người là điền chủ bình thường, ai tranh của ai?

Người đến cậy việc thưa:

- Về lý thì Trần điền chủ mua ruộng trước, quan huyện mua ruộng sau. Nhưng người bán ruộng muốn lấy lòng quan huyện vì những việc khác, nên bán cho quan huyện.

Vũ cau mày bảo:

- Thế người cũ có giấy tờ gì không?

- Hai bên mới viết tạm một tờ đơn.

- Có giấy cam đoan tạm bán cho nhau rồi, quan huyện dính dáng gì vào chuyện ấy!

- Dạ bẩm. Đó là ruộng đất liền khoảnh với ruộng nhà ông ta, nên quan huyện ưng, muốn mua bằng được.

- Việc ở trấn phủ, sao lại đến ta làm gì?

- Dạ, ở trấn phủ không xong, điền chủ họ Trần đã theo kiện lên đến tận Hình bộ rồi. Biết quan lớn coi việc hình ở triều đình, quan huyện là người cùng họ nên mới nhờ tôi nói với đại nhân!

Người đó cười cười:

- Việc con con ấy đối với đại nhân có gì là khó!

Nói xong đem một tấm lụa Hàng Châu đặt trước sập Vũ Tụ ngồi, rồi nói:

- Quan tôi chẳng có gì, lại biết quan lớn liêm khiết nên chỉ có chút quà nhỏ gọi là kẻ học trò xa, mong quan nhận cho.

Vốn tính ưa sòng phẳng không chịu khuất tất. Vũ Tụ nhú lông mày. Song ông không để lộ sự khó chịu, vẫn dịu giọng hỏi:

- Các ông ở dưới huyện đường, trấn đường, định làm hỏng các quan ở trong triều hay sao?

Người kia thưa lại rất khiêm nhường:

- Bẩm quan, dù không có việc, việc quan huyện tôi mến mộ tài năng của đại nhân, lại vốn dĩ là người đồng hương, cảm tài mến đức, có tấm lụa đẹp biếu quan lớn, gọi là để quan mặc, đi lại ở chốn kinh thành, đó là lòng thành, đâu có phải là chuyện nhờ vả kia khác đâu!

Vũ Tụ lại hỏi:

- Ông hiểu câu sách nho nói: "Tại minh, minh đức" là thế nào?

Người kia cũng là tay hay chữ, trả lời ngay:

- Câu ấy nghĩa là làm sáng cái đức sáng?

Người thư sinh nghĩ thêm một lúc rồi nói:

- Thừa quan, như kẻ học trò này hiểu, thì, cái đức đã có trong thiên hạ đã sáng rồi, mình phải làm sáng cái đức ấy thôi.

- Đức sáng ấy là của ai vậy!

- Dạ... dạ... đức sáng ấy chắc là của bậc thánh hiền, của người quân tử. ..

- Đúng là như thế đấy, giải nghĩa thế cũng là được. Nhưng ta nghĩ có thêm một nghĩa nữa mà người trước muốn nói với ta. Câu "Tại mình, mình đức" cũng có thể giải nghĩa rằng: lúc nào cũng phải sáng trong lòng, đó là cái đức sáng vậy. Đức sáng là tự lòng ta toả sáng ra. Cái đức sáng ấy cũng toả sáng ở thánh hiền như thể từng sáng ở ta vậy... Thánh hiền lòng dạ lúc nào cũng sáng, do đó mà tạo thành cái đức sáng làm gương mãi mãi cho đời sau.

Nói rồi đem tấm lụa đặt vào tay người học trò nho nhã mà nói:

- Ta đã nói thế lẽ nào người lại buộc ta phải nhận lụa này. Và lại ta nghe, thì lý của quan huyện đuối rồi. Thường thì có hai trường hợp hay tìm đến cửa các quan coi việc hình sự, một là đuối lý muốn thành có lý, hai là có lý, đúng phép vua, nhưng bị hà hiếp, xử oan... Ta làm quan hình chỉ giúp loại thứ hai thôi, nhờ người về thưa giúp quan nhà người hộ, dù là đồng hương, hay ruột thịt của ta, ta cũng đành mang tiếng là vô tình thôi!

Viên thừa sai đem nguyên chuyện của quan Hình bộ Tả thị lang Vũ Tự kể lại cho Lê Thánh Tông nghe, Nhà vua cảm động lắm, thốt lên:

- Người ấy quả là người toả sáng được cho người khác. Ta quả đã không lầm khi cất nhắc ông làm Hình bộ Tả thị lang.

Hôm sau Vua thân đến nhà ông chơi. Ông lúng túng ra đón. Nhà ông chỉ thấy toàn sách là sách, thức ăn vật dụng thật đạm bạc, đơn sơ, Vua yêu quý lắm, ở suốt một ngày, đàm đạo chuyện triều

đình, chuyện thường, chuyện phiếm, vui vẻ như hồi người còn làm Hoàng tử theo học ở Kinh Diên.

Vua kín đáo nói:

- Câu chuyện ông không nhận lựa của quan huyện Đường Hào, đã được truyền khắp kinh thành và đi xa nữa. Ta được ông giúp Lê Cảnh Huy coi việc hình sự, có thể yên lòng ở một bộ.

Nói rồi ra về.

Hôm sau, thiết triều, Vua Lê Thánh Tông vừa ngồi vào ngai vàng, theo lệ các quan đầu bộ sẽ tâu việc, rồi mới đến các việc khác. Khi quan Lại bộ thượng thư vừa xuất ban, Vua giơ tay ra hiệu và nói:

- Khanh hãy đợi sau một chút. Hôm nay Trẫm có việc này cần nói trước với bá quan đã.

Rồi Vua giơ tám lựa Hàng Châu lên nói:

- Đây là tám lựa người ta biểu Hình bộ thị lang Vũ Tụ để nhờ một câu chuyện nhỏ ở quê. Nhưng Vũ Tụ từ chối để làm sáng cái đức. Chuyện ấy thật đáng quý, đáng trọng. Ta đã đến nhà Vũ Tụ. Gạo trong nhà chỉ đủ ăn, không lo trữ thêm, thức ăn vật dụng của vợ con, gia nhân chỉ bằng bạc trung lưu ở kinh thành. Trong nhà, vợ là nội tướng hết lòng, con cái yêu thương bố mẹ, kẻ ăn người ở hoan hỉ, vườn tược tươi xanh, phòng sách nhiều sách hay đang mở ngõ, đánh dấu để đọc kỹ. Làm quan như thế hiện nay thật hiếm. Nay Trẫm ban cho hai chữ vàng: "Liêm Tiết" thêu trên ngực áo. Các quan khi gặp hãy nhớ lấy cái đức sáng của Vũ Tụ. Mọi người hãy cùng noi theo!

Các quan im lặng. Có người sưng người ra. Có người hơi cúi mặt xuống. Khi Vũ Tụ xuất ban nhận chiếu, ông cảm động rung rung, rạp đầu tạ ơn tung hô vạn tuế, thì các quan mới nhất loạt tung hô theo...

Vua bấy giờ mới xét sang các việc quan trọng khác.

1997

## Quan Trạng Sơn Yi

Vũ Duệ khấn gói lên kinh đô đi thi. Làng Vũ Duệ ở cách sông Thao không xa, đi đường thủy rất tiện nhưng Duệ lại đi theo đường đò gò, lên bến Then, về Sơn Đông, thăm một ông bạn đỗ khoa thi Hương vì có tang mẹ không đi thi Hội được.

Đêm ấy, Vũ Duệ và bạn, bàn về *Tả Truyện* của Tả Khâu Minh. Người bạn bảo:

- Ông thích đoạn nào của Tả Khâu Minh nhất.

Vũ Duệ nói:

- Đó là đoạn Tả Khâu Minh nêu cách trị nước của Tử Sản.

Bạn hỏi:

- Đoạn ấy thế nào nhỉ.

Vũ Duệ đọc vanh vách cả đoạn của *Tả Truyện* cho bạn nghe:

"Tử Sản làm Tướng nước Trịnh đã lâu năm, có lòng thương dân, lấy khoan dân làm quyết sách. Tử Sản bị bệnh nặng, gọi Tử Thái Thúc đến bảo rằng: "Ta chết, người sẽ làm Tướng nước Trịnh. Người nên biết rằng, người có đức mới lấy "khoan" làm gốc, còn người thường thì lấy "nghiêm" mà trị dân. "Nghiêm" có thể ví như lửa nóng, dân trông thấy mà sợ, nên chết vì lửa ít. "Khoan" ví như nước mát, dân dễ nhờn rồi xem nhẹ. Thế mới biết dùng khoan là khó". Tử Thái Thúc lên thay khi Tử Sản mất, không dùng nghiêm mà dùng khoan. Ít lâu sau, trộm cướp rất nhiều, chúng thường núp sau đám lầy mà giết người cướp của, quấy nhiễu dân chúng. Tử Thái Thúc hối lại, than rằng: "Giá ta biết theo Tử Sản thì đâu đến

nổi thế này!". Rồi đem quân đến đâm lầy, bắt và giết hết bọn cướp. Nước Trịnh từ đấy yên dân!".

Người bạn nói:

- "Khoan" thì dân nhờn. Dân đã nhờn thì lại phải lấy "nghiêm" mà trị. Nghiêm tức là mãnh. Dữ dội thì dân lại sợ hãi. Khi đó lại phải dùng khoan. Khoan giúp cho mãnh, mãnh giúp cho khoan. Như thế mới hoà được.

Vũ Duệ cho là lời bình hết lẽ, lại cụng rượu.

Duệ lại nghe bạn vào lễ ở đền Thái úy Trần Nguyên Hãn, cầu xin phù hộ. Quả nhiên, khoa thi ấy, Vua Lê Thánh Tông, khi vào thi ở trước sân rồng, ra bài văn sách lại trúng vào việc hỏi về phép trị nước. Bài của Vũ Duệ được Đại học sĩ Thân Nhân Trung rất khen ngợi. Vũ Duệ đỗ Trạng nguyên, được ban mũ áo, tên ghi đầu bảng quế yết ở cửa Đông Hoa, được Vua cho đi xem phố rồi ban yến cùng với Bảng nhơn là Ngô Hoán và Thám hoa Lưu Ngạn Thư.

Vũ Duệ mừng được gặp thời thịnh trị. Nhưng chẳng bao lâu, Thánh Tông bị bạo bệnh, rồi băng, trăm quan, dân chúng thương khóc đầy kinh thành. Thân Nhân Trung họp đại thần về, thấy Vũ Duệ đứng châu dọi trước cửa Đoan Môn, liền đưa cho bài thơ tự thuật trước lúc mất của Thánh Tông. Vũ Duệ cầm lấy đọc:

*Ngũ thập niên hoa thất xích khu*

*Cương trường như thiết, khước thành như*

*Phong xuy song ngoại hoàng hoa tạ,*

*Lộ áp đình tiền lục liễu cỏ*

*Bích hám vọng cùng vân diểu diểu*

*Hoàng lương mộng tỉnh dạ du du*

*Bông lai sơn thượng âm dung đoạn,*

*Băng ngọc u hồn nhập mộng vô?*

Duệ òa khóc, nước mắt rơi cả vào trang thơ. Thân Nhân Trung cũng vội lau nước mắt để đến lúc ngồi bàn lễ tang, sợ mọi người cho là mình thương Vua quá mà quên bàn vào việc. Vũ Duệ đem bài thơ về, mặc áo trắng hướng về cửa khuyết, khóc và lễ bốn lạy, rồi dịch bài thơ vào một trang giấy xuyến chỉ cực tốt:

*Năm chục tuổi dư, thân bảy thước,  
Dạ đang như sắt, bông dưng mềm.  
Cửa ngoài gió thốc, hoa vàng héo,  
Sân trước sương nhòa, liễu biếc thêm.  
Thăm thẳm mây chiều, trời ngấm suốt,  
Mang mang đêm vắng, mộng chưa duên.  
Bông lai đỉnh núi, nhòa hình tích,  
Băng ngọc hồn đang phút đến dần.*

Từ đó, đến hết bốn chín ngày tang Vua Lê Thánh Tông, chiều nào Vũ Duệ cũng khấn xô áo tang lạy về cửa khuyết rồi mới ngồi vào ăn cơm...

\*

Từ ngày Vua Uy Mục lên ngôi, Vũ Duệ tuy bề ngoài vẫn giữ thân thái bình thường, nhưng trong lòng không vui. Vũ Duệ, đỗ Tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh (Trạng nguyên) thời Lê Thánh Tông, được trọng dụng vào thời Hiến Tông. Ông từng được làm Tán trị thừa tuyên Tham chính Hải Dương sau lấy về triều, thường chấm thi nhiều khoa thi Hương thi Hội. Sang thời Túc Tông, ông vẫn thường được gọi cho làm giám khảo thi Hương. Túc Tông ở ngôi một năm thì mất, Vua lập di chiếu lập anh là Tuấn làm vua kế nghiệp song Trường Lạc Thái hoàng thái hậu (vợ Lê Thánh Tông) lại muốn lập Lã Khôi Vương. Uy Mục Đế lên ngôi, ức về việc này, sai bọn cận thân bức giết bà. Bấy giờ triều đình, phe trung phe nịnh lẫn lộn, mà phe quyền thần, dựa vào Vua mới lấn át cả đám xuất thân đại khoa, kiến văn rộng hơn người.



Bọn quan nội thì là Khương Xung, Nguyễn Nhữ Vi, biết Uy Mục ham chơi, thích làm những việc khác các Vua trước, nên nhất nhất làm theo ý của Vua. Khương Xung, Nhữ Vi đã ngầm sai giết Đàm Văn Lễ và Nguyễn Quang Bật là hai bậc đại thần, vốn được nhận di chiếu lập Túc Tông mà không lập Uy Mục.

Tri phủ Phú Bình là Nguyễn Chí, vốn là người cương trực. Năm ấy Khương Xung cho người lên bắt nộp thú quý, chim quý ở núi Tam Đảo về cho Vua, Chí thác là thú quý trong rừng bị săn bắt nhiều, rất khó bắt, dây dưa không muốn nộp. Chí còn nói với thuộc lại rằng:

- Uy Mục Đế là người bị Vua cha (Hiến Tông) cho là đứa con không có đức, bây giờ làm Vua, thế nào cũng làm mất cơ nghiệp nhà Lê!

Có đứa ở nghe lỏm, báo cho Khương Xung. Xung cho thân nhân lên lột mũ, thu ấn, bắt về giam ở ngục đình úy, đánh chết rồi vứt xác ra đường. Cháu ruột của Khương Xung đi thi Hương, Xung sai người đem lễ đến cho Vũ Duệ. Duệ biết Vua ham chơi, quyền thần che mờ mắt Vua, nên thận trọng giữ mình. Đến mùa thi cử thường mượn cố xuống các thừa tuyên xem xét việc tuyển sinh ở các phủ huyện rồi cho nha thuộc đóng cửa nhà riêng lại, bên ngoài treo biển: "Quan đi vắng, không tiếp khách". Do thế Khương Xung muốn chạy chọt cho cháu mình đỗ cũng phải chịu.

Uy Mục là người cố chấp, thù lâu. Nghĩ đến chuyện không được kế nghiệp từ khi Hiến Tông băng, phải chờ đến lúc Túc Tông chết mới được làm Vua, liền đem lòng thù oán những người tôn thất, ai không chịu tôn phò mình, đều đem giết hại cả. Vua thù dòng đích, nhất là người thân của Trường Lạc Thái hoàng thái hậu, do đó mới giết hết mấy anh em nhà Cẩm Giang Vương Sùng. Con Cẩm Giang Vương Sùng là Giản Tu Công Oanh nhờ quan ngục chịu nghe, chạy thoát về Tây Đô, cùng với Nguyễn Văn Lang, là bà con của Trường Lạc Thái hoàng thái hậu, cầm quân từ Tây Đô tiến về kinh thành. Vua Uy Mục cho quân đánh lại. Rồi cho chém Cẩm

Giang Vương Sùng, và hai em của Giản Tu Công Oanh là Doanh và Quyên. Uy Mục bị quân của Oanh và Nguyễn Văn Lang bức chết.

Thành Đông Quan lại một phen náo loạn. Vũ Duệ thường thờ dài, ngày đêm cùng đám nho thần, có lòng yêu dân thương nước, mong sao nhà Lê có được một vị Vua sáng suốt như các tiên triều. Vua Tương Dực (tức Giản Tu Công Oanh) lên làm Vua cũng chẳng hơn gì Uy Mục. Vũ Duệ vẫn cố giấu mình, không nằng nổ như thời Hiến Tông, Túc Tông, mặc cho ai xu thời cứ giành hết các trọng chức, ông chỉ chuyên về việc thi cử. Năm ấy chánh sứ nhà Minh là Hàn lâm viện biên tu Trạm Nhược Thuỷ sang phong vương cho Vua Tương Dực. Vũ Duệ cũng được cử đến điện Tập Hiền để nghênh tiếp.

Khi vào tiếp kiến trở về, dọc đường Nhược Thuỷ nói với phó sứ là Phạm Hy Tăng rằng: "Quốc vương An Nam mặt thoáng nhìn thì đẹp nhưng dáng người đi thì vai xò, hơi lệch, mắt thoạt nhìn thì đen, nhưng khi liếc ngang, nhìn dọc, lòng trắng dâng đầy, trong rất ham muốn và hiểm ác! Người này là Vua lợn, thích đâm dục, loạn vong sẽ không lâu đâu!". Vốn là người cũng được giao cho tiếp đón các sứ thần, trải mấy đời Vua, Vũ Duệ nghe được, sùng sốt, cho là người Tàu quả có tài xem ấn tướng, liền giữ kín không nói với ai.

Nhưng, chuyện kín mấy, cũng không sao giữ nổi, chính đám tuỳ tùng của sứ nhà Minh lại tiết lộ ở quán Cao Lâu trong kinh thành nên câu nói này rò rỉ ra ngoài dân chúng. Dân gian không truyền tụng thơ của Vua Tương Dực đối đáp với sứ thần là Nhược Thuỷ và Hy Tăng mà chỉ truyền chuyện Vua lợn, dăng dăng khắp chốn.

Đã có mấy kẻ bị rút lưỡi mà tin tức lại vẫn đồn xa.

Vũ Duệ buồn đến nẫu ruột gan...

\*

Quyền thần Trịnh Duy Sản giết Vua Tương Dực lập Lê Chiêu Tông lên ngôi. Thế nước bây giờ chia nhiều bè phái. Vua nhu nhược. Các quyền thần thay nhau nắm quyền bính, uy hiếp Vua.

Vua không phân biệt được trung nịnh, giết Trần Chân, Lê Quảng Độ, đều là do nghe hão kẻ nắm quyền uy hiếp mình.

Mạc Đăng Dung lại theo dõi các người đi trước làm loạn, giết Đô ngự sử đài Đỗ Nhạc và phó Đô ngự sử là Nguyễn Dụ. Bởi Dung thấy Vua đóng quân ở nơi anh em, thuộc lại của Trần Chân, sợ đám này sẽ lôi kéo Vua về phe mình, nên xui Vua lui về Bảo Châu<sup>(1)</sup>. Đỗ Nhạc và Nguyễn Dụ đều can. Do đó Mạc Đăng Dung cho vây bắt rồi giết hai người. Vua phải dời đến Bảo Châu, theo ý Dung. Dọc đường quân lính đói cơm, xuống cả ruộng khoai lang, bới khoai mà ăn, dân chúng thì tranh nhau từng cọng rau, từng đấu sắn ở chợ, có người phải cầm ăn thay cơm. Duệ cảm khái làm bài thơ thế sự như sau:

*Ý nỉ tình kỳ quả tịch dương  
Lưỡng cung phiếm phiếm giá phi hoàng.  
Hàm tề chiến sĩ yêm giang thượng  
Phục trãi trung thân tử đạo băng.  
Vạn lý sử thanh tâm hữu đạo,  
Tam quân loát tuệ thác vô lương  
Thăng Long tự cổ hưng vương địa,  
Hà bất thư hùng quyết nhất trường  
dịch:*

*"Pháp phối tình kỳ trước tịch dương,  
Hai cung thu lại một thuyền rồng  
Áo tề quân lính ý trên sông,  
Mũ trãi tôi trung chết cạnh đường  
Muôn dặm đói cơm, rình có giặc,  
Ba quân thiếu mặc, túi khan lương.  
Thăng Long xưa đất hưng vương đó,*

---

<sup>(1)</sup> Tức huyện Từ Liêm ngày nay.

*Sống mãi sao không quyết một trường".*

Mạc Đăng Dung dẹp xong các đám quân của Trịnh Tuy, Lê Do và Nguyễn Sư rồi đưa Chiêu Tông về kinh.

Vũ Duệ được phong Thiếu bảo Lại bộ thượng thư. Dung ý cũng muốn lấy lòng văn thần. Vũ Duệ không lấy thế làm mừng. Trong lúc vắng, ghé tai bảo Lê bộ thượng thư là Đặng Minh Khiêm rằng: "Kẻ không yêu tôi tâu Vua cho tôi chức trọng, tức là ngày tận số của tôi sắp đến. Ông đang viết sử, liệu giữ mình để xong công việc...".

Đặng Minh Khiêm chỉ biết nắm chặt tay Vũ Duệ. Lê Chiêu Tông thấy Mạc Đăng Dung chuyên quyền, liền đem một đám đại thần theo trong đó có Đàm Thận Huy và Vũ Duệ ra khỏi kinh thành... Đăng Dung cho đuổi theo rồi lấy hoàng đệ Xuân lập làm Vua tức là Cung Hoàng đế.

Vũ Duệ theo Chiêu Tông, bị đuổi đánh lạc mất Vua, lòng đau như thắt, một mình đi về Lam Sơn. Ông chắc là Vua thế nào rồi cũng về đây. Không ngờ sau này Mạc Đăng Dung lại ngầm sai người giết Vua. Vũ Duệ cho là mình không được ngày đêm bên Vua, thế là có lỗi, lòng càng day dứt. Kịp đến nghe tin Mạc Đăng Dung tiếm ngôi, bắt quân thần làm chiếu nhường ngôi. Bữa ấy Thượng thư Trương Phu Duyệt không chịu viết, dám cả tiếng trợn mắt mắng rằng: "Thế này là đạo nghĩa gì vậy?".

Vũ Duệ đến Lam Kinh, thân hình tiêu tụy, nhìn lăng mộ nhà Lê, triều đại mới hưng thịnh ngày nào, giờ đã tan nhanh như mây khói, nước mắt chảy đầy mặt. Ông kêu to lên rằng: "Thần tử này mấy chục năm trải thờ sáu đời vua, không trọn được đạo như Trương Phu Duyệt, sống nhìn gian thần cướp ngôi làm sao được".

Rồi ông đập đầu vào thân bia mà tuân tiết.

1999

## Thầy của trượng

Mùa xuân đã đến. Giản Tu Công là Lê Oanh. Vua sinh năm Sửu, con của Kiến Vương Tân. Khi sinh Oanh, ông nội là Lê Thánh Tông có đến thăm mặt cháu rồi thở dài. Cha là Kiến Vương Tân chỉ ham vào văn chương, làm thơ phú, không chú ý gì đến công danh của các con. Các vương khác không nói gì nhưng Lê Oanh thường tỏ ra hậm hực, phàn nàn. Nhiều khi mẹ là Trịnh Vương phi phải bịt miệng không cho nói.

Năm ấy Vua Uy Mục nghe quyền thần, sợ người của phe Trường Lạc Thái hoàng thái hậu tôn phò người khác nên ngầm giết hại tôn thất. Lê Oanh bị giam vào ngục. Vốn sắc sảo, Oanh đem vàng dát cho quan coi ngục rồi lẻn về Tây Đô. Bấy giờ Nguyễn Văn Lang, em họ Trường Lạc Thái hoàng thái hậu cùng gia nhân cũng bị Uy Mục truy lùng, liền đem binh quyền lui về giữ Tây Đô chờ thời. Thấy Giản Tu Công Lê Oanh trốn ra liền đón lấy, tôn làm minh chủ, lúc ấy Công Lê Oanh mới mười sáu tuổi.

Lê Oanh thường được cha kể chuyện về ông nội là Lê Thánh Tông và bác ruột là Lê Hiến Tông. Một bận, Oanh còn bé, tụt làm lấy mũ Vua đội lên, rồi cho mấy đứa hầu gái, đứa làm Tể tướng, đứa làm Thái sư, đứa làm Đô đốc, bày trận hết âm ỉ ở sau vườn. Kiến Vương Tân đang đọc sách, cau mày bước ra, thấy con nghịch, đến tận nơi, thất sắc, liền đuổi đám con hầu ra khỏi vườn, lấy tay kéo tai Lê Oanh mà bảo:

- Là người tôn thất không phải dòng đích của ngôi Vua, con không được chơi trò này. Bọn gian thần biết, thì cha con ta không mất đầu cũng tù một gông đấy!

Lê Oanh lẩm bẩm trong miệng. Lúc ấy Trịnh phu nhân cũng đã ra, vội lui về phòng. Phu nhân hỏi con:

- Lúc nãy con lấu bầu gì thế! Với cha, như thế là hỗn.

Lê Oanh vốn được mẹ chiều liền cãi:

- Con lấu bầu gì đâu! Con định thừa với cha: Cơ nghiệp nhà Lê cứ gì thuộc về dòng đích. Ai giỏi thì làm Vua. Như thế thiên hạ mới được nhờ! Sau này, nếu thời thế đến, con cũng sẽ làm Vua cho mà xem.

Trịnh phu nhân phải giậm chân quát, Lê Oanh mới chịu im.

\*

Nguyễn Văn Lang đón Lê Oanh vào suý phủ ở Tây Đô, rồi đem bọn đại thần là bọn Nguyễn Diễm, Ngô Khế, Lê Trạm, Nguyễn Bá Tuấn, Nguyễn Thị Ung, rèn vũ khí, tuyển quân, kéo về kinh đô để đánh lại Uy Mục. Lê Oanh gọi Lương Đắc Bằng đến nói:

- Người liệu có văn tài như Trần Lâm kể tội Tào Tháo ở thời Tam Quốc không?

Lương Đắc Bằng khiêm nhường, chỉ cười không nói gì thêm. Lê Oanh có tật tuy hỏi nhưng cũng chẳng cần người mình hỏi trả lời, nói ngay luôn ý định của mình:

- Nhà Lê đang gặp phải một hôn quân. Uy Mục sau khi lên ngôi, đem vào cung cùng với cung nhân, uống rượu vô độ, ai say thì giết. Bọn ngoại thích của Uy Mục ở Phù Chẩn, Hoa Lăng, Nhân Mục, đều chuyên quyền, cậy thế, đim hãm người trung trực, lấy việc mưu lợi riêng mà hãm hại dân chúng, cho tay chân hãm dọa, yêu sách tiền bạc. Trang sách ai ở gần đều bị lấn chiếm, cướp đoạt hoa màu. Ai có đồ lạ, vật quý thì sai gia nhân đến tự đánh dấu tên nhà mình, rồi đem người khiêng về mà không trả một tiền kẽm. Các quan không lập mình thì ngấm giết đi. Giết đến cả thân vương, tôn thất, hai mươi sáu người. Ta cũng xuýt chết trong số đó. Người hãy làm hịch kể tội, để ta đọc trước hàng quân.

Lương Đắc Bằng ngắm nhìn Lê Oanh thấy tướng hiện thì đẹp, tướng ẩn thì xấu. Mặt thoát nhìn thì đáng hổ, nhưng quay lại nhìn thẳng thì lại giống mặt lợn. Song, mình đã trót theo quân Tây Đô, mà Uy Mục cũng là vua tối tăm, hưởng lạc, việc lấy lại kinh đô, hưng nghiệp nhà Lê là nên làm. Lương Đắc Bằng đem đó mài mực, đốt trầm, viết xong, liền đem nộp cho Giản Tu Công Oanh. Hịch rằng:

*"Bao chúa Lê Tuấn (tức Uy Mục Đế) phạt con thứ kém hèn, làm như bán nghiệp lớn. Làm Vua năm năm, tội ác nuôn về. Giết hại người xương thịt, dìm hãm các thần liêu. Bọn họ ngoại được tin dùng, tha hồ làm bậy. Người trung nghĩa bị ruồng bỏ, trốn tránh nơi xa. Tử Mô là phùng ngu hèn nơi phế chợ, mà rối loạn kỷ cương. Thằng Khoa là hạng trẻ làng, tác uy, tác phúc. Ngồi vua chuta nóng chỗ, đã giết bà nội, cung điện chuta kịp chính nghi, đã quáy màn vui thú cùng cung nữ... Lấy vui riêng để giết dân, ham muốn khôn lường, lấy rong chơi làm thú hứng, ném tiền qua cửa sổ! Yêu ai thì kẻ xấu cũng thưởng, ghét ai thì công lớn cũng chém đầu. Bao ngược ngang Tần Chính, kiêu ngạo quá Nguy Oanh. Cung thất làm to, vườn hoa như rừng lớn. Trồng cây, nuôi thú, xa xỉ kém gì Tống Huy Tôn. Lấp biển xây đài, tốn kém nào thua xây A Phòng Tần kỷ... Giặc giã nổi như ong, triều đình ngơ ngác. Bốn biển khôn cùng, muôn dân sầu oán. Nhân dân như ốc, cả nước đau lòng".*

Lê Oanh đọc xong cười ha hả, không khen câu nào, lại nói to trước các đại thần:

- Thế là ý của Giản Tu Công Lê Oanh mà văn là của Lương Đắc Bằng đấy!

Lương Đắc Bằng nhân nhục, chỉ cười.

Trận ấy ra quân, lời hịch như liều thuốc mạnh.

Ngày mồng 8 tháng mười một năm Kỷ Ty (1509). Lê Oanh từ Tây Đô đem quân bản bộ, đánh thẳng vào kinh đô. Uy Mục đem

các anh em ruột của Lê Oanh là Cẩm Giang Vương Sùng, Tinh Lương Công Lê Doanh và Vương Tử là Lê Quyên, giết hại, đem đầu phô bày trước trận.

Quân của Nguyễn Văn Lang đánh dữ, Vua Uy Mục thua, nhiều tướng chết trận. Lê Oanh đem quân vào kinh đô, mật ước với Lê Quảng Độ ở trong thành Uy Mục thua phải chạy sang Kinh Bắc, sau bị vệ sĩ bắt được nộp cho Lê Oanh.

Vua Uy Mục uống thuốc độc chết.

Lê Oanh con tức chưa nguôi muốn hành hình cả xác chết của Uy Mục.

Lương Đắc Bằng can:

- Đại vương mới thu phục được kinh đô, hãy lấy khoan nhân làm phương lược. Vua Uy Mục dẫu ác và ngu tối nhưng cũng là hoàng tộc rất gần. Xác đã chết, trả thù làm gì! Chôn xuống là được!

Lê Oanh mắng:

- Hủ nho, biết gì mà bàn!

Rồi sai lấy súng lớn đặt xác Vua Uy Mục ngay trước miệng súng, bắn cho tan hết hài cốt.

\*

Lê Oanh lên ngôi Vua, tức là Vua Tương Dục. Lương Đắc Bằng được phong Lại bộ tả thị lang. Các người giúp Vua hạ bệ, giết Uy Mục đều được ban chức lớn. Cha con Nguyễn Văn Lang đều được trọng dụng. Các văn thần giỏi đều được trao cho chức lớn. Đàm Thận Huy làm Thượng thư bộ Hình. Lê Tung làm Lại bộ thượng thư. Nguyễn Bá Tuấn làm Lễ bộ thượng thư. Nguyễn Thì Ung làm Ngự sử đài, Đô ngự sử.

Vừa phong chức xong, Vua ban tiệc, Vua Tương Dục uống rất say, các triều thần không làm sao uống kịp, bởi người thì đã có tuổi, người thì không uống được rượu.



Tương Dục cầm lấy chén bảo Tư nghiệp Quốc Tử Giám, Tổng tài Quốc Sử Quán là Vũ Quỳnh rằng:

- Ông là người chép sử, ta hỏi ông, khi chép đến những ai thì ngòi bút tung hoành nhất?

Vũ Quỳnh thưa:

- Tàu Thánh thượng, đó là lúc chép đến các vị vua sáng nghiệp, hoặc trị nước có tài, vũ công sáng chói; đó là khi nói về huân nghiệp những bề tôi có công phò tá, trung liệt, hoặc có văn nghiệp lẫy lừng... những thánh nhân tiếng tăm truyền đời, những liệt nữ nghìn năm tấm gương còn sáng chói!

- Là những ai vậy?

- Tàu đó là Thái Tổ Lý Công Uẩn, là Thái sư Lý Đạo Thành, Thái úy Lý Thường Kiệt. Triều Trần thì nhiều hơn: Thái Tông Trần Cảnh, Nhân Tông Trần Hoảng đều là những vị vua sử sách lưu truyền... là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật, Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải, Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư; vạch tay có chữ Sát thát cho Ô Mã Nhi xem là Đỗ Khắc Chung; "Thà làm ma nước Nam, hơn làm vua nước Bắc" là Trần Bình Trọng. Sau này Trần Khát Chân, dàn quân trên sông đánh tan hàng vạn quân Chiêm Thành, chém chết Chế Bồng Nga, đều là danh tướng, sử sách sẽ đời đời chép đi chép lại cả.

- Còn triều đại nhà Lê ta thì sao?

- Nhà Lê huân nghiệp càng rạng rỡ. Mấy thời đại của các triều trước đều rất lừng lẫy. Thái tổ mười năm nằm gai nếm mật, thu phục giang san từ tay nhà Minh. Thái Tông Nhân Tông làm vũng vàng thêm huân nghiệp tổ tiên, mở khoa thi kén người giỏi. Thánh Tông thì dẹp loạn Lê Đức Hầu, trọng dụng đại thần, tôn Nho, định pháp luật, đất nước cường thịnh, đánh Trà Toàn ra quân là đại thắng, dẹp Bồn Man, Ai Lao, trong triều ngoại nội vũng chãi thanh bình. Hiến Tông kế nghiệp theo đức xưa. Túc

Tông dầu mắt sớm nhưng tiếng thơm còn để, còn danh tướng, danh thần như Nguyễn Trãi, Lê Nhân Chú, Trịnh Khả, Lê Sát, Lê Ngân, Trần Nguyên Hãn, Sử quán chúng tôi đến nay vẫn chưa sưu tập hết được công tích...

Vua Tương Dực cười ha hả:

- Nhưng còn một vị vua sẽ làm những điều mà tất cả các triều đại trước không làm được, sẽ để lại đời sau những huân nghiệp rờ rở, người có biết là ai không?

Vũ Quỳnh chưa kịp trả lời thì Lê Oanh đã chỉ vào ngực mà nói:

- Đức vua vĩ đại ấy sẽ có một quân thần thao lược hơn đời, đánh đâu được đấy, chí lớn trùm đời, danh vang muôn thuở. Đức vua ấy chính là ta đây!

Triều đình ngạc nhiên, ngơ ngác nhìn nhau, không ngờ Lê Oanh dám ngang nhiên nói trước mọi người, hơn cả Thái Tổ, Thánh Tông, và còn là vị vua hùng vĩ nhất Đại Việt này.

Lương Đắc Bằng cúi mặt thờ dài. Đàm Thận Huy tuy mắt vẫn không dám nhìn ra chỗ khác, nhưng người thì cứng đờ ra như bị ai thọc dao đâm suốt vào lưng.

Lê Oanh bắt các đại thần rót rượu tràn bát, rồi lại uống. Vua cúi mặt xuống bàn, ăn uống rất phàm tục, gấp gáp, như một kẻ đói lâu ngày. Chiếc mũ miện lóng lánh những viên ngọc sáng, nhưng mỗi khi ngẩng lên, Vua nhìn thẳng vào mặt mọi người, thì đôi gò má phính nặng, cái mũi hếch, nhất là khi Vua nhắm tít mắt để thưởng thức những sơn hào hải vị vừa nhai thì quả mặt Vua chẳng khác gì cái thủ lợn vừa luộc.

Đêm nào Tương Dực cũng truy hoan, có đêm bắt hàng chục phi tần kê bên, thích ai thì ngủ ngay với người ấy ở trước mặt người khác. Bởi thế, Vua Tương Dực phải chiều bọn hoạn quan. Trong đám nội thân có Nguyễn Lĩnh là người không a dua,

thường khuyên Vua nên học gương các tiên đế, lo việc triều chính, chăn dân, mà bớt các đêm hành lạc, thì bị Tương Dực mắng ngay rằng:

- Người tướng các bậc đế vương là không hành lạc ư. Tần Thủy Hoàng, Hán vương Lưu Bang, Đường Minh Hoàng, những ông vua quyền trùm cả Trung Hoa thì cung A Phòng, hành cung Ly Sơn, đêm nào đèn chằng chong suốt sáng... Ta hành lạc đâu đã bằng họ.

Nguyễn Lĩnh thân với Lương Đắc Bằng, thờ dài, kể lại. Đắc Bằng lặng im không nói gì cả. Mấy đêm sau, hoạn quan Nguyễn Khắc Hải, biết thóp Vua hay chơi đêm, liền định làm loạn, cùng mấy đám hiệu úy Ngự lâm, bức Vua đến cung Trùng Hoa, rồi sang điện Vạn Thọ, điện Kính Thiên, nửa đêm Nguyễn Lĩnh biết được, liền đem một đạo quân, xông thẳng vào điện Kính Thiên đón Vua đến xã Liên Trì, hôm sau mới về kinh thành, triều đình ngỡ ngác không hiểu ra sao cả. Khắc Hải mưu loạn không thành, liền đón Hoa Khê Vương là Tông xưng làm ngụy vương, Tương Dực sai Thọ Quận công Trịnh Hựu dẹp được, từ đó mới tin Nguyễn Lĩnh.

Vua hỏi Nguyễn Lĩnh, ai biết việc để báo triều đình đem quân quyền đón Vua về kinh đô. Lĩnh nói: trước khi đón Vua đến Liên Trì đã sai người báo cho Lương Đắc Bằng...

Vua muốn thưởng công cho Bằng, liền ban thêm cho làm Đông các đại học sĩ nhập thị Kinh Diên. Nguyễn Lĩnh đem chỉ dụ đến. Đắc Bằng bảo Lĩnh:

- Uy Mục làm hồng triều đại nhà Lê. Giản Tu Công Oanh lúc hoạn nạn, được các trung thần phò tá lên ngôi, khí phách ban đầu rất đường hoàng, nào ngờ từ lúc lên ngôi, ham muốn càng lớn, kiêu căng tự phụ. Ta nhận chức lớn của ông ấy làm gì. Lo việc ở toà Kinh Diên, ông ấy bảo gì phải làm nấy. Thà rằng ta chối từ là hơn.

Lương Đắc Bằng bèn dâng sớ lên từ chối. Nhân đó lại nói thẳng những lời trung thực với Tương Dực, cũng mong Vua nghĩ lại được chăng. Lời sớ rất thống thiết:

*"Nay Bệ hạ lấy lại sự nghiệp của Cao Tổ, cứu giúp sinh mệnh cho muôn dân; người trong nước khỏi nạn treo ngược, ai cũng vượt cổ, kiễng chân, trong mong hiệu quả của triều chính mới. Thế mà từ khi lên ngôi đến giờ, trời đất khi chưa thuận hoà, việc binh đao chưa dẹp yên, triều cương chưa cất nhắc, quân chính chưa sửa sang. Tai dị thường hiện, núi đá sụp lở, trời đất không lúc nào yên! Thần là bề tôi cũ, vui buồn theo vui buồn của quốc gia, được Bệ hạ vời cho làm thị tụng, nhưng nếu thấy điều đáng nói mà không nói, tiến lui theo chiều có lợi cho mình, hèn kém dựa lấy lợi lộc, thì còn đâu dám vào lãng miếu bái yết các tiên đế nữa. Thần tài hèn, trí mọn, không xứng nổi chức lớn, chỉ xin dâng mười bốn điều cúi mong Bệ hạ soi xét: Đó là chăm răn ngựa để dẹp tai biến; đốc đạo hiếu để khích lệ lòng trung hậu; xa thanh sắc để lòng được chính đính; thanh lọc bọn xiểm nịnh; không lạm bổ quan tước; đặt đúng chỗ những người giỏi, thanh liêm; dè dặt của dùng để khuyên thói kiếm phác; nêu khen tiết nghĩa để trọng đạo cương thường; cấm hối lộ để bỏ thói tham ô; sửa vũ bị để quân phong thêm mạnh; chọn giám quan giỏi để có lời khuyên tốt; nói sức dân; hiệu lệnh ban hành thật tốt để dân tin; cẩn thận pháp độ để mở đời thịnh trị".*

Tương Dực khen, rồi cũng không ép Đắc Bằng nhận chức liền đem chức của Lương Đắc Bằng trao cho Đỗ Nhạc.

Mấy năm sau Lương Đắc Bằng dâng sớ lui về quê dạy học. Nguyễn Linh cố giữ cũng không nổi. Trước khi rời kinh đô, Lương Đắc Bằng bảo bạn:

- Ông ở lại, nhớ giữ cho toàn thân danh. Ta không dám nói gì thêm, nhưng tin rằng, những năm trị vì của Tương Dực

sắp tới việc hay thì ít, việc dở thì nhiều. Ông cứ thử nghiệm lời ta mà xem.

- Ông về nhà tản, như thế có thể gọi là chân nho chăng.

Đức Bằng nói:

- Ta có nghĩ đâu. Nghề dạy học chính là tạo nhân tài cho đời sau đấy chứ!

Quả nhiên, học trò giỏi của ông sau này rất nhiều, đứng đầu là Trịnh Trình Nguyễn Bình Khiêm.

# Ông trạng trốn đời

Nguyễn Bình Khiêm hỏi thầy học Lương Đắc Bằng:

- Thưa thầy, xin thầy giảng cho mối linh ứng giữa Trời và Người.

Thám hoa Lương Đắc Bằng giảng cho học trò:

- Con hãy đọc kỹ câu: "Động tĩnh hữu thường. Thiên hạ chi động trình phù nhất giả dã!". Sách dạy rằng: "Động hay tĩnh đều là lẽ thường. Thiên hạ rất động nhưng bởi hợp với lẽ thường nên dù động vẫn không thể rối loạn được."

Nguyễn Bình Khiêm nói:

- Thưa thầy con đã hiểu. Nhưng cái lẽ thường ấy là gì vậy ạ?

- Đó chẳng qua chỉ là sự tiến lui của âm dương. Sách cũng dạy: "Biến hoá giả, tiến thoái chi-tượng dã; cương nhu giả, trú dạ củ tượng dã", tức là Biến hoá là cái hình, cái dáng của sự tiến thoái; cương (thuộc dương) và nhu (thuộc âm) là hình và dáng của ngày và đêm tức là sáng và tối vậy.

Nguyễn Bình Khiêm lặng người đi, khi nhận thấy được những ý lớn của Dịch học thầy đã thấu tóm cho.

Thầy Bằng cáo quan về từ lâu, mở trường dạy học. Học trò đến rất đông. Chẳng cứ gì miền Thượng Hồng, Hạ Hồng đến theo học mà Xứ Đoài, Xứ Bắc ở kinh đô cũng có người gánh gạo, đóng sách đến xin học ở cửa thầy.

Một bạn cố người học trò ở Kim Hoa hỏi Nguyễn Bình Khiêm:

- Thầy ta đỗ Thám hoa, làm quan trải hai triều, lại có công phò Vua Tương Dực lên ngôi, các đại thần trong triều đều kính nể, sao thầy lại chối từ chức Tả thị lang Lại bộ kiêm Đông các đại học sĩ nhập thị Kinh Diên nhỉ!

Nguyễn Bình Khiêm chỉ cười không đáp. Người kia hỏi gặng, Khiêm chỉ nói:

- Thầy ta là người tinh thông lý số. Thời vận ra sao, người đã đoán biết được rồi.

Nguyễn Bình Khiêm một bận lại hỏi thầy:

- Con xin được giảng về đức lớn của Trời Đất!

Thầy Bằng, nhấp một chén chè sen mà nói:

- Trong chén trà này âm dương đều có. Búp xanh sinh từ đất, nhưng nếu không xao bảy lần qua lửa sao lại thành trà. Lại như sen kia từ bùn từ nước thành hoa, nếu để tự nhiên thì phải vào trời thành nắng thành gió thơm, âu cũng là nhờ có khí dương vậy. Con chẳng đọc ở Kinh Dịch, câu thốt lên như một lời tán tụng tôn kính nhất, chẳng là cái đức của Trời Đất ư! Con nghe này. Kinh Dịch dạy: "Đại tai cần nguyên, vận vật tư thủy, nãi thông thiên. Vận hành vũ thí phẩm vật lưu hình", nghĩa là Lớn thay đức đầu tiên của quẻ Cần, muôn vật nhờ đó mà bắt đầu, đức đầu tiên của Cần thống ngự cả bầu trời. Mây đi mưa tới, sắp đặt các vật, lưu chuyển các hình!". Còn đây là đức của quẻ Khôn: "Chí tai khôn nguyên, vận vật tư sinh, nãi thuận thừa thiên. Khôn hậu tải vật, đức hợp vô cương. Hàm hoàng quang đại, phẩm vật hàm hanh", nghĩa là "Rất mực thay, đức đầu tiên của khôn thuận theo Trời. Sức đầy của khôn chờ được mọi vật, đức của khôn không có giới hạn nào. Bao dung. Rộng rãi. Sáng láng. Lớn lao... Các phẩm vật nhờ nó mà hanh thông. Đức của Trời Đất lớn đến như thế đấy".

Nghe thầy giảng câu ấy, Nguyễn Bình Khiêm như nhìn thấu được chín tầng trời cao và nhìn xuyên thấu tận đáy cùng của ruột đất. Lòng vô cùng hào hứng, bất giác vái thầy mà nói:

- Học trò này đã thấy được vàng chói sáng của Trời và cái mệnh mông của lượng Đất.

Thầy Lương Đắc Bằng nhìn học trò rất hài lòng.

\*

Một hôm, Nguyễn Bình Khiêm lại hỏi thầy Bằng:

- Thưa thầy, con đọc: Càn... Nguyên, Hanh Lợi, Trinh, có đúng không ạ?

Thầy Bằng hỏi:

- Con đọc Càn, ngắt ra rồi mới đọc Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh, như vậy nghĩa là sao?

Nguyễn Bình Khiêm thưa:

- Bẩm thầy, con đọc thế, vì con hiểu rằng Càn có bốn đức là Nguyên, Hanh, Lợi và Trinh.

- Sao con lại hiểu thế?

- Dạ bởi con có đọc ở phần *Văn ngôn truyện* giải thích câu này như sau: Bậc thánh nhân đứng đầu muôn vật, theo đạo Trời thì thiên hạ bình yên vô sự. Người viết *Văn ngôn truyện* lại bàn thêm rằng: Càn tượng trưng cho người quân tử. Người quân tử có bốn đức: Nguyên ứng với đức Nhân, Hanh ứng với Lễ, Lợi ứng với Nghĩa, Trinh ứng với Trí... Con nghĩ, cách bàn như thế cũng là thấu nhẽ.

Lương Đắc Bằng hỏi lại:

- Vậy con hiểu rằng Kinh Dịch bàn về vũ trụ trước hay bàn về con người trước!

- Thưa thầy con xin được nghe lời giảng cao kiến của thầy.

Thầy Bằng giảng:

- Dịch mong giải thích Trời, Đất. Có Trời, Đất mới có người. Người sống trong cái khung Trời Đất thì không khỏi có các đức của Trời, Đất. Do đó, muốn hiểu Dịch, trước hết phải hiểu cái đạo Trời



Đất, cái đức của Trời Đất, rồi mới hiểu sang cái đạo của Người, cái Đức của Người. Muốn giảng Càn, Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh cho rành rẽ thì trước phải hiểu như Tiên hiền đã bàn: Càn là Trời, Nguyên thuộc về mùa sinh ra vạn vật tức là mùa xuân, Hanh là mùa vạn vật nảy nở tức là mùa hạ, Lợi thuộc về mùa thu tức là lúc muôn vật nhận hết, rồi lại cho bằng hết, tức là lúc thành thục vậy, còn Trinh thuộc về mùa đông, tức là lúc vạn vật đạt tới kết thúc tốt đẹp. Một vòng như vậy tức là Càn, Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh, rồi cứ tuần hoàn mãi thế.

Thầy ăn một miếng trâu, nhỏ quét trâu, rồi giảng tiếp:

- Tiên hiền bàn thế tức là bàn về đạo Trời Đất, đức của Trời Đất đấy! Suy ra thì hiểu được rằng, Càn là động lực vạn hành tạo nên sinh mệnh. Nguyên là đầu, trở cái khởi đoạn phát động của sinh mệnh, tức như trạng thái của tạo vật bắt đầu bước vào cuộc sống. Hanh là hanh thông, mọi sự liền một mạch tốt tươi, thông với cõi ngoài. Lợi là thuận lợi, nhận đủ cái lợi của ngoại cảnh thì cái lợi tự thân đã phát huy đầy đủ nhất, vì thế mới nói: "Lợi chi toại già", nghĩa là Lợi thật là đầy đủ. Còn Trinh thì muốn bàn, muốn nói đến sự thành tựu của tạo vật ứng với ngoại cảnh đầy đủ, để tự thành lên tốt đẹp... Con học câu này, phải hiểu như ta giảng trước đã, sau mới hiểu theo cách của *Văn ngôn truyện* bàn thêm.

Nguyễn Bình Khiêm và đám học trò, im phăng phắc, nuốt lấy từng lời của thầy Bằng.

\*

Học trò nhiều người đi thi và đã ra làm quan, riêng Nguyễn Bình Khiêm tuổi đã nhiều mà vẫn chẳng màng đến chuyện thi cử. Có người hỏi thầy Bằng, thầy nói:

- Bình Khiêm học giỏi nhất, ta đang cố truyền thụ cho Khiêm những điều khó nhất để có thể hiểu được lý số! Do đó, Bình Khiêm vẫn chưa muốn ra thi thố với đời chăng?

Một bận, chỉ có hai thầy trò, Nguyễn Bình Khiêm hỏi:

- Thưa thầy. vận số của nhà Lê ra sao? Thầy giỏi vậy mà Vua mời thầy làm quan, thầy lại từ chối.

Lương Đắc Bằng nói:

- Triều đình đã nhiều người giỏi rồi. Ta ở lại cũng chẳng làm gì!

Nói rồi thở dài. Nguyễn Bình Khiêm nói:

- Phải chăng thầy có điều gì không tiện nói ra!

- Con hỏi, thì ta nói thật. Làm người tài thiên hạ, mà được sống vào thời Thánh Tông, Hiến Tông, Túc Tông của tiên triều thật là hạnh phúc.

Rồi lại thở dài. Nguyễn Bình Khiêm biết thầy buồn, không tiện hỏi thêm thì Lương Đắc Bằng đã nói:

- Giản Tu Công Oanh là con của Kiến Vương Tân, là cháu nội đức Lê Thánh Tông cho mình là người tài giỏi. Bởi ông đã chống lại Vua Uy Mục khi Uy Mục Đế giết Cẩm Giang Vương là anh ruột của ông và hai em ông nữa! Khi đã bắt được, Uy Mục sợ uống thuốc độc chết, còn đem xác Vua đặt vào miệng súng lớn, bắn cho tan thây! Đành rằng Vua trước đã không nên hôn, nhưng cư xử thế thì quá lắm. Giành được ngôi vua Giản Tu Công Oanh phải dùng cánh ngoại thích là Nguyễn Văn Lang, Nguyễn Hoàng Dụ, dùng đám Trịnh Hựu, Trịnh Thận Huy, Lê Tung, Nguyễn Thị Ung, Ngô Hoán có giỏi cũng bị lấn át. Ta ở lại triều làm gì nữa!

Nguyễn Bình Khiêm hiểu được ý thầy, không hỏi gì thêm. Nguyễn Bình Khiêm nói:

- Con xem ở phía Đông hiện nay Thái Tuế sáng rực, lấn át cả sao Tử Vi, liệu có điều gì đáng ngại không?

- Vận trời nghiêm mật, làm sao tiết lộ được. Con hãy tự học lấy Lý, Số mà tự giải thích cho mình.

Năm ấy rộ lên chuyện ở phương Đông có ngôi sao đột nhiên sáng quắc, long lanh, có khí sắc Thiên tử. Vua Tương Dực sai Nghĩa Quốc công là Nguyễn Văn Lang đem thuật sĩ ra vùng Đồ Sơn để trấn áp.

Trong khi đó Vua Tương Dực lại tiến phong cho Mạc Đăng Dung làm Vũ Xuyên Bá.

Nguyễn Bình Khiêm lại vào hầu thầy Bằng và hỏi:

- Mạc Đăng Dung chẳng quê ở tỉnh Đông hay sao?

Thầy Bằng thản nhiên uống trà, không trả lời, rồi đứng dậy ra vườn cuốc đất.

Khiêm thần người tự hiểu!

\*

Một hôm Nguyễn Bình Khiêm được gọi đến. Lương Đắc Bằng cho người hầu kéo ghế mời Nguyễn Bình Khiêm ngồi, rồi sau gọi con trai là Lương Hữu Khánh ra, chấp tay đứng hầu.

Thầy Bằng bảo Khiêm:

- Thầy đã truyền đạo học cho con. Lý học của ta, con là người đã học được, thấu đạt được nghĩa Trời Đất. Ta già rồi, sống không được bao lâu nữa. Con đã tự xem được vận số, chắc hiểu được nghiệp của mình. Ta biết, sau này con sẽ theo ta, mở trường ngồi dạy học ở quê nhà thôi!

Thầy mệt, nghỉ một lúc rồi lại tiếp:

- Ta giao thằng Khánh cho con. Con hãy dạy nó giùm ta, cho nó thành người hữu dụng.

Rồi Lương Đắc Bằng bảo con trai:

- Lương Hữu Khánh hãy lạy thầy học của con đi!

Lương Hữu Khánh tiến đến cúi lạy Nguyễn Bình Khiêm. Khiêm vội nâng dậy nói:

- Ta miễn lễ! Em Khánh đừng làm thế.

Rồi cảm động ứa nước mắt nói:

- Thầy bỏ quan về lấy nghề dạy học để truyền cái đạo gốc cho đời. Con đã nhận được điều ấy. Nay thầy giao em Khánh cho con, lễ đầu con chẳng dám hết lòng.

Rồi chính mình lại sụp lạy thầy Bằng, rung rung nói:

- Dạy cho con nên người, chính là công thầy, Khiêm này xin đời đời ghi nhớ!

\*

Nguyễn Bình Khiêm đỗ Trạng nguyên ra làm quan được trọng dụng ngay. Nhà Mạc bởi cướp ngôi của nhà Lê nên lòng dân không phục. Vũ Văn Mật, Vũ Văn Uyên chống Mạc xung hùng ở Tây Bắc không chịu theo. Lê Xí khởi binh rất lớn ở Thanh Hoá. Thượng hoàng Mạc Đăng Dung cùng Vua là Mạc Đăng Doanh phải thân đi đánh mới bắt được Xí cho xe xé xác. Đẹp vừa yên Xí thì Nguyễn Kim lại từ Thanh Hoá dựng nghiệp Trung Hưng nhà Lê cùng con rể là Trịnh Kiểm, thanh thế rất hùng dũng. Làm quan ở bộ Công, Nguyễn Bình Khiêm rất giỏi tính toán, song thấy nhà Mạc xây thành đắp lũy hơi nhiều, một buổi chiều ông xuất ban tâu rằng:

- Thần là Nguyễn Bình Khiêm liều chết dâng lời can. Thành lũy là để trấn ngự ở những nơi hiểm yếu, thường là ở ngoài biên cương, ngày trước Tần Thủy Hoàng xây Vạn Lý trường thành để phòng người Khương đầu có phải nhờ thành mà giữ ngôi báu. Ngôi báu mất vì chính sự hà khắc nên Lưu Bang và Hạng Vũ mới lấy được Tam Tần vào thành Hàm Dương... Cho nên nếu chỗ nào cũng xây thành ở ngay trong nội địa có khác gì tự mình đã luôn nghĩ đến co lại để cho người đến đánh. Thành quách xây tốn kém, ở nơi hiểm trở, bắt dân phu phục dịch nhiều, dân dễ bề ta thán. Chi bằng chọn tướng giỏi, dùng người hiền

luyện quân cho kỹ, dùng thế mạnh tấn công mà đánh dẹp cho giang sơn thu về một mối. Đất nước có toàn vẹn, dân chúng vui vẻ làm ăn, thì mới lo được việc giáo hoá... Đây là bức thành lớn không ai có thể bị được...

Các quan nghe lời thẳng thắn của Nguyễn Bình Khiêm, có người nhất định tóc gáy, sợ ông bị hành tội. Song Thượng hoàng Mạc Đăng Dung lại ôn tồn nói:

- Nguyễn Bình Khiêm nói rất đúng đạo lý. Song ông là quan văn khó mà hiểu việc võ. Tình thế lúc này xây thành là có lợi nên ta mới xây... Mà thành của ta chỉ là nơi đóng quân không cho giặc lán sang các vùng hiểm yếu chứ làm sao to lớn như Vạn Lý trường thành được, ông không lo...

Nhà Mạc què ở mạn bể, do đó, có ý dùng đất Cổ Trai làm đất thang mộc. Hoàng đế sức cho dân chúng phải xây dựng Dương kinh<sup>(1)</sup> Dương kinh bao gồm rất nhiều cung điện, đình quán, dinh thự, dựng thành đắp lũy. Lại cho mở lò đúc vũ khí ngay trong nội thành, lập nơi may quân trang. Dân khắp tỉnh Đông, miền Tam Đái phục vụ hàng năm, liên miên không dứt... Dân bị bắt phu, anh về thì em thay, chồng ốm thì vợ thay, con nhỏ cha già phải đi thay. Nguyễn Bình Khiêm được tin cậy phải đi lo đốc thúc. Ông cố làm hết phận sự nhưng trong lòng lúc nào cũng u uất buồn phiền. Một bận Thượng hoàng Mạc Đăng Dung cho vời vào hỏi kế sách.

Khi vừa ngồi vào bàn tiệc, Đăng Dung cười hỏi:

- Hình như công việc ở bộ Công không thích hợp với ông!

Nguyễn Bình Khiêm nói:

- Thân ăn lộc của Nhà vua, Vua sai đến đâu phải làm hết chức phận, làm sao chọn việc được!

- Ta muốn được nghe ông về đại sự trong thiên hạ!

---

<sup>(1)</sup> Thuộc vùng Kiến An (ngoài thành Hải Phòng ngày nay).

- Tâu. Không ngoài ba chữ muôn đời đã bàn: Thiên thời. Địa lợi. Nhân hoà!

- Hiện nay ba thứ ấy ra sao?

- Thứ nào cũng có nhưng chưa hoàn mỹ!

Đặng Dung ngẫm nghĩ một lúc rồi không nói gì nữa! Sau đó lại hỏi:

- Ông thấy nhà Mạc lên ngôi, điều gì được, điều gì chưa được!

- Chúa thượng dám bỏ một triều đại lập ra một triều đại, đó là dũng, thiên hạ có mấy người làm được? Lòng dân còn nhớ triều đại cũ, thiên hạ phân tâm, cố thay đổi phép thuế, chia lại ruộng các nhà quyền quý cho binh lính và dân nghèo, đó là được, điều ấy khiến kẻ ghét nhà Mạc cũng phải nể. Nhà Mạc đánh dẹp Lê Xí, chặn được đám người nổi dậy ở Tây Bắc, kìm chân Nguyễn Kim - Trịnh Kiểm. Đó là uy. Thiên hạ phải sợ... Nhưng, Chúa thượng làm thượng hoàng từ đời con làm Vua<sup>(1)</sup>, đến đời cháu làm Vua<sup>(2)</sup>, tuy là nhường ngôi vẫn là quyết đoán. Triều đình tương một mối mà ba bề. Bề ông, bề con, bề cháu, chẳng bề nào nhường bề nào! Bề nọ lại liên kết với bề kia khi chúng đều có lợi. Do đó, xa hoa vượt cả đời vua cũ nhà Lê, tham nhũng từ xóm nghèo đến tận kho đụn lớn. Cường hào, điền chủ cậy thế cậy tiền lấy lại ruộng của dân nghèo vừa được chia... Mấy năm trước loạn ly ít sưu thuế còn chịu được. Gần đây sưu dịch tàn nhẫn, dân không chịu nổi, thần nghĩ nếu Chúa thượng không thay đổi chính sự, thì tình thế dễ bề rắc rối thêm!

Mạc Đặng Dung không nói gì, chỉ than thở:

- Điều ông nói ra rất đúng. Ta thích những người thẳng thắn như ông. Nhưng sao ông dăng sớ chém mười tám đại thần

---

<sup>(1)</sup> Tức Mạc Đăng Doanh.

<sup>(2)</sup> Tức Mạc Phúc Hải.

của ta. Ông định học Chu Văn An đòi Trần hay sao? Chu Văn An chỉ dám dâng Trâu trăm sớ, đòi chém có bảy người. Sao ông đòi chém nhiều thế. Chém hết những người ông hạch tội thì thừa cả các quan nhất, nhị, tam phẩm của triều đình ta còn gì!

Nói xong, Mạc Đăng Dung dềch miệng cười! Dung thờ dài nói:

- Bọn đáng chém ấy, ta biết chứ! Nhưng chúng đều là cận thần của ta, chúng nó cúc cung tận tụy với ta. Chúng vì ta, ta cũng phải cho chúng có miếng ăn, làm ngõ cho chúng nó. Biết làm sao được. Ta không chém được đâu!

Rồi ban yến cho Nguyễn Bình Khiêm không hỏi thêm gì nữa! Dung tính trầm mặc, kín đáo ít thấy khi cười. Lúc nào mặt khác đi, chính là lúc có điều bực dọc trong người, giết ai, dấy ai phong chức cho ai, chỉ khi nào chiếu chỉ đến mới biết. Nguyễn Bình Khiêm từ trong điện Kính Thiên trở về, chắc phen này khó bề yên ổn... Nhưng mấy hôm sau lại thấy quan nội thị đem chiếu đến phong Khiêm làm Lại bộ thượng thư...

Người dâng sớ chém mười tám đại thần giờ làm quan nhất phẩm triều đình ai cũng phải kính nể...

\*

Nhà Minh thấy sứ giả của Lê Trang Tông<sup>(1)</sup>, là Trịnh Duy Liêu sang tâu rằng Mạc Đăng Dung tiếm loạn, chiếm giữ kinh thành ngăn trở đường tuế cống, thông thương của hai nước. Vua Minh nổi giận sai Hàm Minh hầu là Cửu Loan làm Tổng đốc quân vụ. Binh bộ Thượng thư Mao Bá Ôn làm Tham tán quân vụ đem quân sang đánh. Quân thanh rất lớn! Mạc Đăng Dung nghe tin, cho người sang đất Lương Quảng vận động quan Tổng đốc bên đó tìm

---

<sup>(1)</sup> Vua do Nguyễn Kim dựng lên để chống nhà Mạc.

cách dùng để quân Minh cắt quân sang đánh, Nhà Mạc sẽ sai sứ sang tâu trình và giữ lại việc tiến cống.

Mùa đông năm Canh Tý(1540) Mạc Đăng Dung cùng cháu là Văn Minh, các bề tôi là bọn Nguyễn Như Quế, Đỗ Thế Khanh, Đặng Văn Trị, Lê Thuyên, Nguyễn Tông, Tô Văn Tốc, Bùi Trí Vĩnh... qua Trấn Nam Quan, mỗi người đều cầm thước, buộc dây vào cổ; đi chân không, đến bờ rập ở mạc phủ nhà Minh, dập đầu quỳ dâng tờ biểu xin hàng, ghi hết đất đai quân dân, quan chức trong nước để thượng quốc phân xử, nộp các động Tê Phù, Kim Lạc, Cổ Sâm, Liễu Cát, An Lương, La Phù, thuộc châu Vĩnh Yên đất Yên Quảng thuộc Khâm Châu của nước Tàu... Lại sai bọn Văn Minh, Nguyễn Văn Thái, Hứa Tam Tĩnh đem biểu đầu hàng đến Yên Kinh.

Kế này, do bọn đại thần ở Luỹng Quảng xui Mạc Đăng Dung học Tần Tử Anh đem số quân tịch đem nộp Hán Vương Lưu Bang thuở trước. Có điều là nước nhỏ, Vua ngụy tiếm ngôi, lễ đầu hàng thảm thiết hơn.

Giới nho sĩ và dân chúng khinh Mạc Đăng Dung làm nhục mệnh nước! Dung điềm nhiên không nói gì cả? Lâu ngày, một bữa buồn, không có ai nói chuyện, Đăng Dung lại cho gọi Nguyễn Bình Khiêm và nói:

- Ta rất chuộng người tài. Từ khi ta xưng đế mở liên tiếp ba bốn khoa thi. Khoa đầu tiên ông đỗ Trạng, ông là ông Trạng đầu tiên của nhà Mạc ta, nên ta quý ông. Đến năm Mậu Tuất, ta lại lấy được Trạng Giáp Hải, năm nay (1541) Trạng nguyên Nguyễn Kỳ vừa đỗ xong, xem như vậy, ta tuy xuất thân võ biên, nhưng cũng quý kẻ sĩ lắm chứ. Ông là người giỏi nhất thời nay, ta không phụ ông, nếu ta có mệnh hệ nào, ông đừng bỏ nhà Mạc nhé!

Nguyễn Bình Khiêm vội quỳ lạy tạ ơn, không nói gì. Mạc Đăng Dung hỏi:

- Sao ông không nói gì. Nguyễn Bình Khiêm thưa:



- Tình người ai chẳng có. Một hạt cơm lúc đói một chén nước lúc khát ai cũng phải ghi lòng tạc dạ. Nhưng số kiếp duyên phận của những kiếp người, hầu như trời đã định, thần biết nói làm sao.

Mạc Đăng Dung lại thở dài nói:

- Ông uyên thâm lý số, đáng lý ta phải hỏi ông về vận mệnh của nhà Mạc. Nhưng ta nghĩ, nhân định cũng sẽ thắng thiên. Ta tin như thế. Ta chỉ cần những người ta yêu, ta quý trọng, đừng nghĩ xấu về ta.

Rồi ban chúc Thái phó cho Nguyễn Bình Khiêm. Năm ấy Mạc Đăng Dung mất!

\*

Từ ngày Mạc Đăng Dung băng hà, Nguyễn Bình Khiêm tuy vẫn được quý trọng, song không còn được như trước nữa. Lúc này mọi quyền trong tay Mạc Kính Điển, em trai Mạc Đăng Doanh và là chú ruột của Vua Mạc Phúc Hải.

Nguyễn Bình Khiêm tuy làm Thái phó, được phong làm Quốc công, tột bậc trong hàng đại thần, nhưng công việc lại không bận rộn như khi làm Thượng thư bộ Lại. Quyền thần cậy công đánh dẹp, không coi ai ra gì. Dân chúng trong thành đua buôn đua bán. Cách xa đầu ô vài ba chục trượng đã thấy tiếng kêu cướp, tiếng trống ngũ liên. Hình sự đổi án trọng thành án khinh, đổi phải thành trái, nơi hành quyết, người ta nói hỗn oan lớn vờn hiện về.

Nguyễn Bình Khiêm cảm thấy, thời thế còn nhiều nhượng khó bề yên ổn, liền dâng sớ cáo quan về nhà. Vua Mạc cố lưu giữ nhưng không nổi đành cho ông về nhưng ông phải nhận danh vị quốc lão, lúc nào Vua vời thì phải ra giúp nước.

Nguyễn Bình Khiêm lạy tạ cửa khuyết rồi quay về làng...

Ông mở trường dạy học. Học trò đến có đến hàng ngàn. Ông chỉ chọn vài trăm, đặc biệt, chọn những cậu học trò nghèo hiếu học...

\*

Một vị cư sĩ từ phía Yên Tử đến thăm. Nguyễn Bình Khiêm ra tiếp. Cư sĩ nói:

- Tôi nghe quan Trạng yêu nước có thừa, sao lại về ở ẩn!

Nguyễn Bình Khiêm nói:

- Mưu sự tại nhân. Thành sự tại thiên!

Cư sĩ gật đầu, không nói gì nữa. Lại hỏi:

- Ngài hiệu thế nào là Phúc, Lộc.

Nguyễn Bình Khiêm dụ dằng nói:

- Tôi có bài thơ vừa làm chưa ráo mực, mời cư sĩ nghe và phủ chính cho.

Rồi ông đọc:

### **Ngẫu hứng**

*Công danh bất hệ nhất hư chư*

*Liên hống diễn viên mệnh thẳng du...*

*Tài cục đình tiên vô tục khách*

*Cán y khê ngoại hữu thanh lai!*

Cư sĩ vỗ tay cười lớn:

- Hay lắm! Thế là ngài đã thành tiên giữa đời rồi đấy. Để tôi dịch luôn cho ngài!

### **Bất chợt cảm hứng**

*Công danh chẳng buộc. Dáng thuyên trôi.*

*Vui với ruộng vườn, chọn thú chơi!*

*Trông cục trước sân không khách tục*

*Suối trong giắt áo gác sào phơi!*

Nguyễn Bình Khiêm buột miệng khen: - Ngài dịch hay hơn cả người viết.

Rồi rót rượu ngon mời cùng nhắm với khế chua và thịt nướng...

\*

Khách chờ đã bảy ngày đến để tiếp kiến. Nguyễn Bình Khiêm giờ danh thiệp ra xem mới biết đó là người nhà của Hạ Khê hầu Nguyễn Hoàng. Ông hỏi đùa người đến xin gặp:

- Ông từ Thanh ra kinh thành, thấy ngoài này thế nào!

Người kia lúng túng chưa biết trả lời ra sao? Nguyễn Bình Khiêm nói:

- Đất cũ người khôn của khó. Đất mới, người mới bảo nhau thì nên nghiệp, có phải không?

Sứ giả của Hạ Khê hầu vẫn chưa hiểu ý, liền hỏi thêm:

- Thưa Quốc công, đất mới thì thám sơn cùng cốc, hải giác thiên nhai vẫn là đất chưa ai đến. Vậy đó là chỗ nào vậy...

Nguyễn Bình Khiêm nói:

- Ông này đi làm sứ thần giỏi đấy.

Nói rồi viết cho mấy chữ, dán kín và bảo:

- Ta viết cho mấy chữ này, thầy người đọc sẽ hiểu...

Sứ giả về đưa ngay thư cho Nguyễn Hoàng. Hoàng bóc thư ra đọc thấy vền vẹn có tám chữ: "Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân!"

Hoàng hiểu ý, hôm sau nói với chị ruột là vợ Đô thống tiết chế Lạng Quốc công Trịnh Kiểm xin được vào Trấn thủ Thuận Hoá, phía bên kia dãy Hoành Sơn. Trịnh Kiểm tâu với Vua Lê Trang Tông rồi ban chỉ đi ngay...

Sau này Nguyễn Hoàng dựng nghiệp và trở thành chúa Nguyễn...

\*

Trịnh Kiểm giúp Trung Tông lo việc trung hưng nhà Lê, sau khi Vua mất lại phò Anh Tông, uy quyền rất lớn... Năm Ất Mão, Vua Mạc sai Kính Điển đem quân vào Thanh Hoá, thanh thế rất lớn. Hai bên bày trận ở sông Đại Lại. Trịnh Kiểm dùng kế mai phục nhử quân ở Kim Sơn vào bẫy, lừa voi vào trận phối hợp thủy bộ đánh bọn Kính Điển bất sống được Thọ Quận công của nhà Mạc, đánh tan quân giặc. Kính Điển rút chạy về Thăng Long.

Năm Đinh Tỵ (1557), tháng 9, Trịnh Kiểm mang quân thủy bộ tới năm vạn đánh nhau một trận lớn với quân Mạc rồi lại rút về Thanh Hoá... Tháng 9 năm Mậu Ngọ (1558) lại ra Bắc đánh một trận nữa, cũng không thắng nổi. Trịnh Kiểm mấy lần đánh ra Sơn Nam, Hải Dương uy thế rất lớn. Có người xui Trịnh Kiểm nên bỏ Vua Lê mà tự lên ngôi báu, quyết đoán mọi việc. Trịnh Kiểm do dự không nghe. Người ấy nói mãi. Trịnh Kiểm bảo:

- Ta nghe Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, tinh thông lý số, biết vận trời, vận người, người hãy đi hỏi giùm ta xem sao.

Sứ giả vội đi ngay... Người này, cậy người đưa lễ vật và danh thiệp vào. Một lúc sau, gia đồng đem ra và bảo:

- Từ lâu, thầy tôi không nhận xem phúc phận cho ai cả. Người chỉ ham ngao du sơn thủy thôi. Ông về đi.

Người ấy rất buồn, ra quán trọ ngồi chờ. Một hôm thấy Nguyễn Bình Khiêm đi du ngoạn ở bến Trung Tân, người ấy đi theo. Đến bến dò, người ấy quỳ lạy phía trước, dâng thơ của Chúa Trịnh. Nguyễn Bình Khiêm xem xong trả lại không nói gì cả. Rồi cùng các bạn xuống thuyền lên thăm chùa Phúc Minh. Sứ giả vẫn kiên trì lẻo đẻo theo vào chùa, đến chỗ nào thấp nhang, sứ giả của Trịnh Kiểm đều theo cả. Ông biết ý không nói gì, đến lúc xuống

Tam Quan xem bia, có một sư thầy đi theo hầu. Quan Trạng lễ vị đại đức có tiếng được vua ban thờ phối ở chùa, đọc bia xong, lấy một phẩm oản trao cho nhà sư mà đùa rằng:

"Giữ chùa, thờ Phật thì được ăn oản, phải không sư thầy!".

Sư giả hiểu ý, liền đến trước mặt Trạng vái tạ. Y về tâu với Chúa Trịnh.

Trịnh Kiểm từ đó bảo với bọn cận thần rằng:

- Ta thờ Vua Lê một lòng một dạ trung thành. Kẻ nào có ý kia khác, đừng có trách ta!

\*

Trịnh Tùng đem quân vào kinh thành.(Năm 1588). Nguyễn Bình Khiêm đã già lắm. Nhà Mạc đánh nhau với Trịnh Tùng luôn luôn thua trận, nhà Mạc sai sứ giả đến ban cho Trình Quốc công một mâm bạc, hai mươi lạng vàng, và hỏi kế sách. Nguyễn Bình Khiêm tiếp sứ lạy chiếu chỉ rồi mở tiệc khoản đãi sứ giả. Sứ giả gạn hỏi về thời vận Lê - Mạc, Nguyễn Bình Khiêm chỉ cười mà bảo:

- Vận trời ai dám tiết lộ.

Rồi lại uống rượu. Khi rượu say, Nguyễn gõ đũa vào bát mà hát:

*Đời một trị một loạn,*

*Thời lúc duỗi lúc co*

*Nương tựa là muôn thuở*

*Khiêm, kiêu là thực hư.*

*Nhà lán giếng phía Đông,*

*Trẻ tuổi đâu quật cường!*

*Sớm tối đi mò cá*

*Cắt cỏ dựng lều tranh.*

*Tướng đã là quá giỏi*

Mà co duỗi không yên  
May gặp hội phong vân.  
Lập công mà thắng trận.  
Bào tía động lương trời  
Cờ mao ráng tía phát.  
Quân sĩ hàng ngàn người  
Ngựa xe hàng trăm cỗ.  
Cờ xí thoả tung bay  
Đài tạ đếm không xuể.  
Tì thiếp mặc gấm là  
Bát chén toàn thứ quý.  
Cửa sổ sáng trời sao,  
Kho đụn đầy vô số.  
Vườn gà đông như mây  
Ao sâu cá sặc sụa  
Chuông khánh vĩa giữa đường  
Táo lê vĩa thừa mứa  
Một sớm hết sạch không  
Lâu đài thành túp cỏ  
Lại nghèo khó như xưa  
Lại mò cua kiếm cá  
Đã quay lại nghèo hèn  
Giàu sang còn than nhớ  
Há chẳng thấy:  
Trời đất đây là vơi  
Vào cách ra chẳng mấy  
Lại chẳng thấy:

*Qui thân ghét đủ đầy  
Được đấy, mất cũng đấy!  
Sắc sắc mà không không...  
Nhân nào thì quả ấy!*

Khách thảng thốt thưa:

- Như thế nhà Mạc ta chẳng nguy ư.

Nguyễn Bình Khiêm nói:

- Phên giậu biên trấn núi non hiểm trở cũng nung nấu được ba đời!

Khách buồn bã ra về. Vua Mạc hiểu ý, sau khi Trịnh Tùng đem quân đánh vào đất Thượng Hồng liền cho xây cung điện ở Cao Bằng theo lời của Trạng để lo việc sau này.

Khách về rồi Nguyễn Bình Khiêm ngửa mặt lên trời mà than rằng:

- Ta trốn đời ư? Đời có cho ta trốn đâu mà trốn!

Rồi đem vàng bạc Vua Mạc biếu, cung tiến cho dân làng để làm quán Trung Tân.

1997

# Cha con quan tướng

Chánh tổng làng Hàm Thượng<sup>(1)</sup> cưới vợ bé, ăn uống ê hề ba bốn ngày, chọn trung nam trong tổng, đến nhà để hầu hạ làm cỗ. Để tỏ vẻ oai dũng, hắt lại chút khăn hồng cưới ngựa, chọn các trai tráng khoẻ mạnh theo hầu để hộ tống đi đón dâu.

Đình Văn Tả cũng được chọn vào đoàn hộ tống ấy, mặt lạnh như tiền, chẳng vui vẻ gì. Hào lý đến giục đi tới nhà Chánh tổng để tập, Đình Văn Tả nói:

- Tôi việc gì phải đi hầu hần! Hần muốn ai thì muốn!

Bọn gia nhân xúm lại đánh. Văn Tả bực mình nhổ cọc rào, chống trả rất quyết liệt, bọn chúng đứm đầu, rách vai, chạy bằng hết.

Xong đám cưới, Chánh tổng cho bắt Đình Văn Tả giải lên huyện. Quan huyện quản thúc ở công sở, chờ ngày xét hỏi, bắt làm lao dịch.

Một bận Tả đi cắt cỏ ngựa, thấy quan quân đang tập bắn. Xem một lúc, đi ngang chỗ viên quan khảo thí, Tả thốt lên rằng:

- Cái lũ này mà chỉ huy binh lính ư? Bắn chẳng trúng nổi vành ngoài, nói chi hồng tâm. Nuôi lũ bất tài, chỉ hại quân lương của triều đình!

Viên khảo quan cau mặt hỏi:

- Người bắn giỏi thế ư?

- Cũng không đến nỗi!

---

<sup>(1)</sup> Nay thuộc Cẩm Giàng, Hải Dương.



- Có dám bắn không?

- Sao lại không dám!

- Bắn tôi, lại nói phách, ta xẻo lưỡi đấy nhé!

Đình Văn Tả không nói không rằng, chỉ cầm lấy súng. Khi bia hiện, Tả phản ứng rất nhanh nhẹn, bắn phát nào trúng phát ấy.

Khảo quan liền nói với quan huyện miễn tội và thu nạp dưới trướng, tâu với Chúa Trịnh trao cho chức quan võ coi việc binh, dưới quyền của Dương Quận công Đào Quang Nhiều. Năm Ất Sửu (1645). Nhân vào quán uống rượu, Tả thấy lính hầu của Phù Quận công Trịnh Lịch và Hoa Quận công Trịnh Sầm thì thảm bên vách kín liền áp tai nghe, mới biết chúng đang bàn nhau có nên theo chủ nổi loạn không? Trịnh Lịch và Trịnh Sầm bởi chức tước không được như ý, nên định nổi dậy chống Thái úy Tây Quốc công Trịnh Tạc, Đình Văn Tả về nói lại với chủ tướng là Đào Quang Nhiều. Nhiều vội bàn với quan tán lý là Phạm Công Trứ rồi khải lên Chúa. Chúa sai Trịnh Thượng cầm quân, cùng Trứ và Nhiều đánh Lịch và Sầm, đuổi đến Chúc Sơn thì bắt được, đem chém cả! Đình Văn Tả có công tố cáo, được thăng Tham đốc.

Năm ấy, Nguyễn Phúc Tần vượt Luỹ Thày đánh ra tận Nghệ An, đóng quân ở huyện Nam Đường (tức Nam Đàn), Đào Quang Nhiều đem quân chống giữ, giặc rất mạnh. Đình Văn Tả đứng trên mặt thành đốc quân, chọn những người bắn giỏi, chờ giặc đến gần mới bắn. Lại chia làm hai kíp, kíp này bắn xong, kíp kia lại lên thay, chống trả rất quyết liệt.

Nghe tin Hoàng Nghĩa Chấn chống giặc ở Đông Thành kéo qua, Đào Quang Nhiều cho người vượt thành xin tiếp viện trong đánh ra, ngoài đánh vào. Nhưng, Hoàng Nghĩa Chấn cho đó không phải là mệnh lệnh của Chúa, không chịu cứu.

Đào Quang Nhiều tức lắm, Đình Văn Tả bàn:

- Tôi chỉ cần năm trăm quân và mấy chục tay súng có thể giữ Nam Đường, tướng công nên đem quân, người ngậm tằm, ngựa bỏ

nhạc, lên về phía sau quân Nguyễn Phúc Tần, bất ngờ đánh và đốt lương thực của chúng, nếu thành công thì thế nào chúng cũng không dám vây ta nữa.

Đào Quang Nhiều nghe kể, đốt được lương, phá được trại, quân Chúa Nguyễn ba ngày sau phải rút đi cả. Thừa thắng, Chúa Trịnh Căn mang viện binh tới, cùng Đào Quang Nhiều, Lê Thì Hiến, Đặng Thế Công, Trịnh Đăng Đệ chia đường đánh giặc ở Tuần Lễ, Hương Sơn. Đinh Văn Tả làm tiên phong của cánh quân Đào Quang Nhiều đánh nhau rất quyết liệt, giặc phải thua chạy về phía bên kia Luỹ Thầy ở Nhật Lệ.

Khi xét công đánh trận Tuần Lễ, Đào Quang Nhiều được thăng Phó tướng, Thiếu úy được mở dinh riêng gọi là Tả Đinh Quân, Đinh Văn Tả được phong làm Đô đốc đồng tri.

Đinh Văn Tả về làng, viên Chánh tổng tự trời mình đến tạ tội. Tả tha cho, lại còn tặng bạc, bảo rằng:

- Nếu ta không có chuyện bị quản thúc ở công đường huyện thì làm sao gặp được viên khảo quan để thi tài, rồi lập công trạng như ngày nay.

Ai cũng khen Tả là người rộng lượng, hào phóng.

Năm Đinh Mùi (1667), tháng 9, Đinh Văn Tả đã được phong chức Lộc Quận công, cùng Chúa Trịnh Căn lên đánh Cao Bằng. Mạc Kính Vũ biết không chống lại được, đem quân vượt biên giới chạy sang Thập Vạn Đại Sơn nương náu ở đất của nhà Thanh. Quân triều đình đuổi theo bắt sống được tôn tộc họ Mạc và triều thần của Kính Vũ, thu được khí giới, lương thực, ngựa trâu rất nhiều. Trịnh Căn giết bọn đầu đảng còn tha cho bọn a tòng, a hoàn về làng làm ruộng.

Chúa Trịnh gọi Đinh Văn Tả đến bảo:

- Ta muốn lưu ông lại trấn thủ Cao Bằng, ông nghĩ sao?

- Được Chúa tin cậy, tôi xin trấn giữ bằng được Cao Bằng, không phụ lòng Chúa.

- Ông có cần ai ở lại cùng, cần xin thêm binh mã, thì cứ trình ta.

Tả nói:

- Tôi sẽ liệu kế. Mạc Kính Vũ cậy đường rừng hiểm trở. Và lại vùng Hoà An, Trùng Khánh là đất cũ của Kính Vũ, thế nào chúng cũng quay trở lại quấy rối. Muốn giữ được Cao Bằng thì phải lập dinh Trấn thủ ở Thất Tuyên (Thất Khê bây giờ), ngăn và chặn họ Mạc không toả xuống được các huyện phía nam. Từ đó, thi hành chính sự, khoan dân, giảm thuế, giáo hoá ân đức của triều đình, dân theo thì binh mã không cần phải từ kinh đô điều lên cũng đủ mạnh.

Chúa Trịnh khen là có phương lược rồi hỏi thêm:

- Chắc là khanh cần một văn thần giỏi giúp đỡ!

- Khải Chúa, quả như vậy!

Chúa để lại quan Hồng lô tự khanh Nguyễn Danh Thực làm Đốc đồng, cùng Đinh Văn Tả, toàn quyền quyết đoán việc ở Cao Bằng.

Đinh Văn Tả cùng Nguyễn Danh Thực đi đến từng châu, chọn người giỏi, đặt các trạm ngựa, huấn luyện quân sĩ, đánh kỳ tập, cưỡi ngựa, bắn cung; lại đến những nơi hiểm yếu xem xét kỹ, đắp lũy, chắn đèo, phòng thủ cẩn mật. Mật khác, trao đất, miễn thuế, gọi dân lưu tán trở về, khuyến khích mở các chợ phiên trong vùng giao lưu hàng hoá, chẳng thiếu một thứ gì. Chúa Trịnh tâu Vua, phong cho Tả chức Thiên bảo tả Đô đốc. Hết sức tin cậy, Chúa lại đem áo bào, hia, mũ tặng cho Đinh Văn Tả, áo gấm tặng cho Nguyễn Danh Thực.

Mạc Kính Vũ lại dựa thế nhà Thanh đánh Cao Bằng, đưa người về, chiếm đất, cướp phá rất dữ. Đinh Văn Tả trao cho Đốc đồng Nguyễn Danh Thực giữ dinh phủ, còn mình đem thêm quân bốn châu lên đánh Kính Vũ.

Mạc Kính Vũ thua chạy sang Long Châu. Đinh Văn Tả bình định được các châu, huyện cũng lại kéo quân về đóng ở Thất Tuyên.

Ông được Chúa Trịnh lưu giữ Trấn thủ Cao Bằng hàng chục năm. Dân chúng dựng được nhà sàn, làng xóm sầm uất, thường cầm đàn then hát rằng:

*Bốn châu trâu béo gạo ngon*

*Chợ đông hát lượn véo von cả ngày.*

*Từ ngày quan tướng về đây*

*Cử canh vui nhíp, cấy cày quanh năm.*

Mùa xuân hội hè rất vui, kéo dài hàng tháng trời, ban đêm không còn tiếng tù và sợ hãi, cảnh đước nhựa, ngựa chiến sừng sục đến nhà bắt lính, thu thuế của bọn Mạc Kính Vũ nữa.

Đình Văn Tả luyện quân mỗi năm ba tháng, quân sĩ rất tinh nhuệ. Con trai ông là Đình Văn Cẩn được ông truyền cho môn đao, mọc không ai địch nổi.

Từ khi ông lên, họ Mạc tàn lụi dần. Đúng như ông dự định, mười năm sau cả trấn Cao Bằng đã hoàn toàn thuộc về đất của triều đình cai quản.

Gặp lúc nhàn rỗi, Đình Văn Tả thường cùng con trai đi săn. Hai cha con thường trở tài bắn hạ thú rừng. Có bận, khi quân lính xô đến chỗ con nai bị gục ngã, thì thấy mất trái con thú trúng tên của Đình Văn Tả, còn mất phải nai trúng tên của Đình Văn Cẩn.

Đình Văn Tả cười âm lên nói:

- Vậy thì con nai phải xả làm hai. Ta một nửa và Văn Cẩn một nửa!

# Chiếc thủ lợn

Nguyễn Văn Giai quê ở làng Phù Lưu, nhà nghèo, có chí. Khi cha mất, còn mẹ, vẫn cố theo đuổi học hành. Nhà không có một tấc đất cắm dùi. Mẹ bảo con:

- Giai ơi, nhà mình nghèo, mẹ lại ốm đau, con làm thuê gánh mướn không nuôi đủ hai mẹ con, lại đi học nữa, thì lấy gì sêu tết thầy, lấy thì giờ đâu để kiếm bát gạo qua ngày.

Giai liền bỏ học, nuôi mẹ, chăm sóc rất chu đáo. Mình ăn cơm độn dưa muối qua loa, nhưng lưng cơm của mẹ, bao giờ cũng là cơm trắng, có chút ít cá đồng, cua đồng, ếch đồng kiếm được. Mẹ thương con, cầm bát cơm khóc bảo:

- Mẹ ốm nằm một chỗ, ăn cơm trắng, cá kho thế này, nhìn con lam lũ, không đành lòng. Sao con không dọn cơm ăn cùng mẹ.

Giai nói:

- Mẹ mệt, nuốt cơm độn làm sao được. Vả lại mẹ ăn lưng bát cơm còn ngấc ngứ, con làm sao nỡ để mẹ ăn cơm độn.

Mẹ biết lòng con, bưng bát cơm ăn, hai hàng nước mắt lại xối xả.

Ít lâu sau mẹ mất. Giai đau xót, lăn lóc kêu khóc mãi không thôi. Lúc ấy một điền chủ sang nhà Giai bảo:

- Giai này, mày sang chăn trâu cho nhà tao, nhà tao trâu bò cả thầy gần chục con. Chịu khó, tao sẽ trả mỗi năm ba thúng thóc và hai bộ quần áo.

Nguyễn Văn Giai nói:

- Cảm ơn ông, cháu nghĩ rồi. Chăn trâu cho ông cơm nuôi, có áo quần tươm tất, lại có ba thúng thóc làm của để dành, song cháu lại không có thì giờ học hành.

- Mày lại định đi học nữa cơ.

- Cháu cũng thử sức xem.

Diễn chủ mĩa mai:

- Hoá ra mày lại định làm ông nghề, ông cống kia đấy! Để rồi xem.

Nói rồi liền bỏ về. Nguyễn Văn Giai bấm chí ngày ngày ra đầu chợ, gặp người thuê gánh, cứ gồng thuê gánh mướn. Đến chiều lại đến nhà thầy đồ học chữ. Một bận, đi gánh thuê về, gặp lúc nóng nực, ve kêu chói chang bức bối, liền nhảy xuống ao tắm. Bộ quần áo để dưới gốc xoan, Giai vẫy vừng một hồi rất lâu, khi định lên bờ về thì hết hoảng, không thấy quần áo đâu nữa. Kê cấp đã lấy mất. Người đi đường, về chợ rất đông. Chẳng lẽ cứ tồng ngồng thế này mà về nhà, đành cứ ngâm mình dưới ao không dám lên. Cô con gái ở đầu bờ ao, thấy người con trai mấy lần ngó nghiêng định lên bờ, chạm người lại thụt lại. Cô nhìn ra, trên bờ không thấy quần áo của anh ta đâu cả, hiểu ý, liền đem quần áo ra ao giặt. Khi về, giả vờ bỏ quên một giải thắt lưng sợi bạc.

Nguyễn Văn Giai, chờ cô ta đi khỏi, hiểu ý, liền lấy giải thắt lưng, đóng khố về nhà, lòng thầm ơn người con gái nét na, tế nhị, hẹn sẽ có ngày báo đáp!

Anh chàng gồng thuê gánh mướn, bỗng chốc đất bằng vang sấm dậy: Nguyễn Văn Giai đậu Đình nguyên đệ nhị giáp Tiến sĩ, vinh quy về làng. Cả xã phải đem võng lọng ra đón quan Nghè. Khao làng xong, ông Nghè Giai nhờ bà mối sang nhà cô gái, xin được hỏi làm vợ. Bà mối đi về nói:

- Hồng mất rồi. Cũng có một ông nghề, nghe đâu gia đình hứa hôn từ trước cũng sang. Hai bên cùng đưa đồ sính lễ, hiện nay cha mẹ của cô gái, không biết nhận lời ai.

Nguyễn Văn Giai cười bảo:

- Bà cứ sang trình phong thư này lên ông bà nhạc tương lai của tôi thì chắc là hai cụ sẽ quyết gả con gái cho ai!

Bà mới vội đi ngay. Bố cô gái giờ phong thư ra đọc, thấy có một bài thơ:

*Đội ơn tri ngộ thuở hàn vi,  
Ao nước ngâm mình một xác ve,  
Thất lung buổi ấy, tình năm ấy  
Nữ nào để lỡ mối duyên se...*

Ông bố đọc thơ xong không hiểu gì cả, liền hỏi con gái, bấy giờ mới vỡ lẽ, liền gả con gái cho nghề Giai...

\*

Nguyễn Văn Giai phò giúp Chúa Trịnh Tùng có nhiều công, được thăng làm Ngự sử đài Đô ngự sử, cùng Hộ bộ Thượng thư, Đông các học sĩ, Thông Quân công Đỗ Uông, lên Trấn Nam Quan, để cùng các đại thần nhà Minh gặp gỡ, trao đổi về việc bang giao nối lại cùng nhà Lê, không thừa nhận nhà Mạc. Việc bang giao lần này tuy không thành nhưng các đại thần nhà Minh hiểu rõ tình hình Đại Việt, do đó khi Trịnh Bùng Phùng Khắc Khoan sang sứ dịp sau, Vua Minh đã chính thức đồng tình. Đến đời Chúa Trịnh Tráng Thanh Đô Vương, thì Nguyễn Văn Giai đã trở thành thuộc tướng của ông, rất được tin cậy!

Nguyễn Văn Giai được cử làm Hiến sát sứ tỉnh Thanh Hoá, đất khởi nghiệp của Vua Lê, Chúa Trịnh. Điều này chứng minh nhà Chúa rất tin dùng ông, sau đó ông lại được điều về làm ở Nội Mật Viện. Tuy làm đại thần, song Nguyễn Văn Giai rất thích ăn món ăn dân dã, nhất là món thịt thủ lợn chấm mắm tép ngấu...

Năm ấy, ở tỉnh Bắc Ninh, có một vụ trọng án. Vì tranh chấp đất đai, một điền chủ có con trai độc nhất, dính vào vụ ẩu đả. Con trai điền chủ, trong lúc nổi nóng đã đánh chết người láng giềng. Y bị bắt giải đưa lên tỉnh và lĩnh án tử hình. Vụ án này lại do Tể tướng Nguyễn Văn

Giai đích thân xét lần cuối để trình lên Chúa. Một hôm, phu nhân Tế tướng thấy người nhà dẫn một người đồng hương đến, đem một mâm vàng một trăm lạng, một chiếc thủ lợn và một lọ mắm tép ngấu. Phu nhân cho vào. Đó chính là mẹ người đã gây án đánh chết người!

Bà ta khóc lóc kể hết sự tình, lại nhắc đến tình đồng hương. Bà cũng từng biết quan Tế tướng và phu nhân từ hồi hàn vi. Phu nhân Tế tướng nói:

- Quan lớn nhà tôi thanh liêm có tiếng. Bởi từ nhà không tác đất mà làm nên, lại thấy người nghèo bị con bà đánh chết, ông ấy khó mà nghe theo. Bà mang về đi!

Người mẹ thương con khóc thảm thiết, cứ quỳ lạy ngoài hiên, nhất định không chịu về. Mùi lòng, bà Tế tướng đành bảo bà ta hãy ra ngoài nhà trọ tạm chờ, để bà nói với quan xem sao.

Bữa ấy, sau buổi tế giao của triều đình, quan Tế tướng túc trực ba ngày đêm, mệt mỏi, căng thẳng. Về đến nhà, quan tướng sau phút tắm rửa, thấy người hầu bưng thớt thủ lợn luộc, mắm ngấu, rau diếp đồng, rượu ngon. Quan xoa tay có vẻ ưng ý lắm, rồi ngồi vào đánh chén.

Quan đánh phóng cả mâm rượu, nửa cái thủ lợn và lưng xách bát mắm ngấu chung với thớt ba chỉ thái hạt lựu, sau đó làm một giấc ngủ dài. Lúc tỉnh dậy, phu nhân đã pha sẵn ấm trà ngon, lại thấy một chiếc mâm phủ nhiễu điều để ở giữa sập.

Thấy lạ, quan nhắc miếng nhiễu điều ra thì thấy một mâm vàng nén, đủ một trăm lạng.

Quan nghiêm sắc mặt hỏi phu nhân:

- Vàng ở đâu ra thế này?

Phu nhân liền đem chuyện người đồng hương dâng lễ xin chạy án cho con, nói hết đầu đuôi rồi lại bảo:

- Bà ta lại biết tướng công thích mắm ngấu, thủ lợn, rau diếp đồng nên đích thân mang đến... Nghĩ cảnh éo le, lại là người đồng hương chí tình, thiếp đành tạm nhận, để chờ ý tướng công...



Nguyễn Văn Giai cau mày, bực bội, nhưng nể phu nhân, không dám nói. Ông cứ đi đi lại lại trong phòng rồi cuối cùng bảo phu nhân:

- Mâm vàng này hãy trả lại! Còn thủ lợn, mắm ngấu, ăn mất rồi, trả làm sao đây? Phu nhân làm khó cho ta rồi! Trả ngay vàng cho ta!

Phu nhân biết mình sai không dám nói gì, liền không dám chậm trễ, gọi người mẹ có con trai gây tội, vào trả...

Nguyễn Văn Giai xét án, tâu lên Chúa, tìm được một vài việc, diên chủ có công đóng góp thóc lúa, tiền, thóc giống cho việc phát chẩn vụ hạn hán, nắng cháy đồng vừa qua, giảm án cho người giết người tử tử hình xuống khổ sai, đẩy ra An Quảng làm lao dịch... Ông lại đem cả chuyện mâm vàng trăm lạng và thủ lợn mắm ngấu thưa với Chúa. Chúa đùa bảo:

- Sao ngươi đại thế! Vàng không nhận, chỉ mắm ngấu thủ lợn mà cũng mang tiếng ăn hối lộ.

Liền y án. Nguyễn Văn Giai lạy tạ ơn. Chúa biết lòng ngay thẳng của ông càng tin cẩn hơn.

Quan Tế tướng trở về nhà. Phu nhân ra đón hỏi thăm. Nguyễn Văn Giai nói:

- May mà cha mẹ thủ phạm còn làm được vài việc công ích kỳ hạn hán vừa qua, nên mới có lý được xin Chúa giảm tội. Nếu không phép nước sẽ diên đảo chỉ vì tá tham ăn.

Rồi nói với phu nhân:

- Từ nay trở đi, bà không phải lo làm mắm ngấu, chọn thủ lợn ngon, rau diếp đồng cho ta nữa nhé! Ta sẽ không bao giờ ăn nữa... Nhìn đến món ăn này, lòng ta lại xấu hổ lắm!

Phu nhân thương chồng, lại càng ăn năn về việc nhẹ dạ của mình, tự nhiên hai hàng nước mắt cứ chảy xối ra. Bà lấp bắp nói:

- Tướng công thương cho! Tại thiếp, tại thiếp cả mà!

2002

HẾT

## MỤC LỤC

### THỜI TRẦN

Đêm Giáng sinh của những con chữ (Nguyễn Thuyên) .....	7
Vị tướng đất mai vàng (Trần Khát Chân) .....	17
Người học trò lạ của thầy Văn Trinh (Chu Văn An).....	27
Quan Trạng họ Đào (Đào Sư Tích).....	39
Dại khôn, khôn dại (Nguyễn Trung Ngạn) .....	47
Bạc đầu vì việc nước (Đặng Dung) .....	58
Vạn ngôn thư (Lê Cảnh Tuân).....	71
Bữa tiệc đầu người (Nguyễn Biểu).....	77
Nhà sư chùa Giao Thủy (Tuệ Tĩnh) .....	91
Trạng Hiền (Nguyễn Hiền) .....	102
Trở lại kinh thành (Trần Nhật Duật) .....	109
Người hay đùa (Nguyễn Sĩ Cố).....	116
Người viết sử đầu tiên (Lê Văn Hưu).....	124
Thơ trên vách núi (Phạm Sư Mạnh).....	130

### THỜI LÊ

Bóng người trong vườn thượng uyển (Lê Lợi).....	139
Trăng sáng Xương Giang (Trần Nguyên Hãn) .....	145

Gặp gỡ ở Đông Quan (Nguyễn Trãi).....	161
Người chủ giặt (Đình Lễ).....	183
Lời nói thẳng (Bùi Cầm Hổ).....	189
Tiếng chim và trang sách (Phan Thiên Tước).....	197
Con trai người buôn muối (Nguyễn Xí).....	204
Đạo chơi núi Dục Thúy (Nguyễn Cư Đạo).....	210
Vũ Mục Công (Lê Khôi).....	225
Trai cày làm tướng (Trịnh Khả).....	232
Người làm thơ đuổi hổ (Lê Văn Linh).....	238
Đời làm tướng (Lê Niệm).....	246
Lầu vọng tiên (Lê Thánh Tông).....	253
Đèn đom đóm (Bùi Xương Trạch).....	262
Chơi thuyền trên sông xuân (Ngô Chi Lan).....	268
Trạng Lương (Lương Thế Vinh).....	276
Bạn tri âm (Nguyễn Trục).....	284
Nhà chép sử (Ngô Sĩ Liên).....	292
Đức sáng (Vũ Tụ).....	301
Quan Trạng Sơn Vi (Vũ Duê).....	306
Thầy cửa trạn (Lương Đắc Bạng).....	313
Ông trạn trốn đời (Nguyễn Bình Khiêm).....	322
Cha con quan tướng (Đình Văn Tả).....	340
Chiếc thủ lợn (Nguyễn Văn Giai).....	345

# TRUYỀN Danh nhân Việt Nam

---

---

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

**TS. LÊ VĂN ĐỀ**

Biên tập: *Đỗ Thu Hương*

Trình bày: *Vũ Quang Anh*

Vẽ bìa: *Nguyễn Trọng Kiên*

Sửa bản in: *Hương Yến*

---

---

In 1000 cuốn khổ 14,5x20,5 cm tại Công ty in Giao thông. Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 12/2006/CXB/76-295/CAND. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2006.

# Truyện DANH NHÂN VIỆT NAM

Thời Trần - Lê

truyện danh nhân vn-thời



Giá : 44.500đ